

Tác Giả và Tác Phẩm

Thụy An (II)

Nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm



Mục Lục

Học giả Hoàng Văn Chí, người phát giác vụ Nhân Văn Giai Phẩm – Viên Linh - 2
Hoàng Văn Chí và Trăm hoa đua nở trên đất Bắc – Wikipedia - 5

Phụ đính I :

Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dự luận – Wikipedia – 12
Ý kiến của các văn nghệ sĩ phản đối
nhóm phá hoại “Nhân văn-Giai phẩm” - Talawas – 14
(Gồm: Tú Mỡ- Lương Xuân Nhị - Thế Lữ - Nguyễn Tuân
Nguyễn Huy Tưởng, Kim Lân, và v...v...)

Phụ đính II :

Những sai lầm về tư tưởng trong tập sách “Giai phẩm” - Nguyễn Đình Thi – 40
1956, Việt Nam, Giai phẩm, Nhân văn – Đặng Tiến - 52
Phong trào Nhân văn-Giai phẩm và Giải thưởng Nhà nước:
Nhìn dưới góc người đọc – Nhật Tiến – 59
Phụ họa một giả thuyết về vụ án Nhân Văn- Giai Phẩm – Nam Dao - 65
Câu chuyện Nhân Văn – Hoàng Khởi Phong - 76

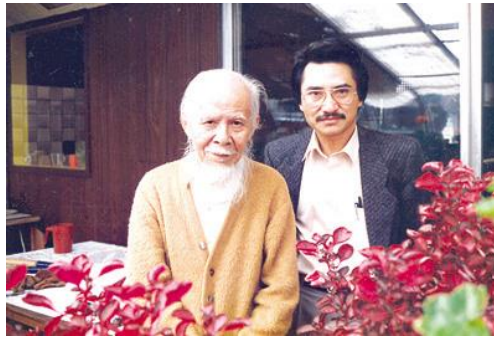
Phụ đính III :

Phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm – Wikipedia - 90

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Học giả Hoàng Văn Chí, người phát giác vụ 'Nhân Văn - Giai Phẩm' cuối thập niên '50 Viên Linh

Trong sinh hoạt văn học nghệ thuật Việt Nam hơn nửa thế kỷ nay, từ 1959 tới nay, 2010, bảy chữ Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc, nhan đề của cuốn sách, hay cụm từ Vụ Nhân Văn - Giai Phẩm, luôn luôn là đề tài nóng hổi của sách báo, của truyền thông các giới, vì nó không những bao hàm cuộc tranh đấu sinh tử - nhiều kẻ chết và nhiều kẻ tự tử - và hàng trăm gia đình văn nghệ sĩ trí thức bị tù đày, hành hạ; nó còn kéo dài tới các thế hệ sau bằng những cuốn hồi ký, tự phê, thật bẽ bàng cho nhân phẩm, đáng xấu hổ cho giới văn hóa liên hệ Những chữ ấy đều hiện ra lần đầu tiên và tồn tại, từ cuốn sách của học giả Hoàng Văn Chí xuất bản tại Sài Gòn cuối thập niên '50.



*Học giả “Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc” Hoàng Văn Chí (trái) và tác giả Viên Linh tại Hoàng Môn, Maryland, vài năm trước khi cụ Hoàng từ trần, 6 tháng 7. 1988.
Ảnh do Nguyễn Hữu Hiệu chụp.*

Tiểu truyện Hoàng Văn Chí

Cuối thập niên '70 tại vùng tam biên Washington, D.C. - Maryland - Virginia, nổi bật hình ảnh hai lão trượng râu bạc như cước, mảnh mai, điềm nhiên thanh thản, người lúc nào cũng cầm trong tay một cái tẩu thuốc màu gụ, kẻ tươi cười hỏi han các thanh niên, phụ nữ dù quen thuộc hay không; đó là học giả Hoàng Văn Chí còn đang làm việc tại bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, và nhà thơ họa sĩ Trương Cam Khải, cư ngụ trong ngôi nhà có vườn tược xanh um, thoải thoải từ sân trước xuống thấp dần vào thung lũng sân sau. Hội hè nào có hai bóng dáng ấy là hiện ra vẻ văn hiến và phong thái của một cộng đồng lễ nghi trật tự hiếm hoi trong những năm đầu của di tản, của tị nạn cộng sản. Đằm ấm hơn nữa, lễ nghi hơn nữa khi có thêm những nhân vật văn hóa khác, như các cụ Trần Công Kiên và nữ sĩ Song Khê, em ruột bà Tương Phó, ông Trần Văn Kiện, dòng dõi học giả dịch giả Trần Văn Giáp, tác giả “Lược Truyện Các Tác Gia Việt Nam.” Ấy là không kể tới những quan lại của các triều đình cũ từng phục vụ tại Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa ở thủ đô Hoa Kỳ, còn sinh sống trong vùng nhiệm sở.

Khi được gặp tác giả “Trăm Hoa,” cũng như của “Từ Thực Dân đến Cộng Sản” đã được dịch ra 12 thứ tiếng, kẻ hậu sinh nào không ngưỡng mộ? Không những thế, từ con người ấy toát ra một phong thái uyên áo, những nhận xét sắc bén kèm theo các thí dụ cụ thể. Được gặp cụ đôi lần, sau này đi định cư xa thì cụ nhắn “khi nào về thăm vùng D.C., ông nhớ ghé tôi.” Tôi có ghé thăm cụ trong ngôi nhà Hoàng Môn ở Maryland, dường như chỉ hai hay ba năm trước khi cụ qua đời, tháng 7, 1988. Ngôi nhà mơn mớn hoa đào hồng phấn, một thứ hoa

mà Nguyễn Hữu Hiệu nói rằng không ở đâu có: “Lá thì đỏ, hoa màu phấn hồng.” Hiệu từng được cụ ghi lời cảm ơn trên sách, cùng vài người khác, vì Hiệu đã giúp cụ dịch Phạm ngữ (Sankrit) trong cuốn “Duy Văn Sử Quan” xuất bản sau này; hay trên những văn bản khác. Hồng Phấn, tên đọc lên nghe tựa tựa khuê danh của cụ bà, Hằng Phấn. Cụ bà không bệnh tật gì, đã lẳng lẳng theo chồng nghe nói trong vòng năm bảy tháng. Tôi cũng được gặp hai cụ đôi ba lần trước khi dời qua California.

Nhắc đến học giả Hoàng Văn Chí, người ta có nhiều điều để chiêm nghiệm, nhiều điều để kể cho nhau nghe; ngay cả về cụ bà, [* một trong ba con gái của danh sĩ Sở Cuồng Lê Dư, chiến sĩ Đông Du qua Nhật năm 1905 và sau đó và qua Tàu, ông cùng hoạt động với Nguyễn Bá Trác, bình bút các báo Nam Phong, Hữu Thanh. Hai bà kia một người có làm thơ ký tên thật là Hằng Phấn, vợ của nhà phê bình Vũ Ngọc Phan, một lấy Tướng Nguyễn Sơn, do Hữu Loan mai mối.] Điều cụ Hoàng làm tôi phải lắng nghe chăm chú lần thứ nhất là khi cụ nói về “giới truyền thông Hoa Kỳ, tay sai của Do Thái.” Lúc ấy khoảng 1980.

Cụ Hoàng Văn Chí nói, tôi không thể nào nhớ hết và nhớ đúng từng chữ, đã 30 năm qua: “Tuyên thông Mỹ, các đài ABC, nằm trong tay Do Thái. Tài phiệt Do Thái chi phối dư luận theo quyền lợi của họ.” Lúc ấy nghe thế, người nào không ngạc nhiên. “Mấy tờ nhật báo lớn ở Mỹ nằm trong tay Do Thái. The New York Times của Do Thái. The Washington Post của Do Thái. Ba anh lính ở Do Thái bị Ả Rập bắn chết nó đăng 3 cột, hàng trăm người Việt vượt biên chết đuối ngoài biển họ không loan một dòng.” Điều này khiến tôi như bưng tỉnh. Quả thật khi nghe tin hải tặc Biển Đông chặn tàu vượt biển, cướp bóc hãm hiếp đồng bào phụ nữ ta, tôi đã cố tìm tin ấy trên tờ Washington Post; không thấy một dòng. đành chỉ căn cứ vào tin báo Việt, vào tin loan truyền trong đám dân tị nạn như mình.

“Nhân loại khổ vì Do Thái, cụ Hoàng Văn Chí nói. Không phải là không có những người Do Thái tốt, như ông Giê-Su là Do Thái, ông rao giảng thuyết bác ái cho loài người từ gần hai ngàn năm nay. Nhưng Karx Marc là Do Thái, thuyết Duy Vật của lão đã giết hại hàng trăm triệu người qua chủ nghĩa Mac-xít. Marx đã sinh ra Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Pol Pot Bọn này đã giết biết bao người vô tội?”

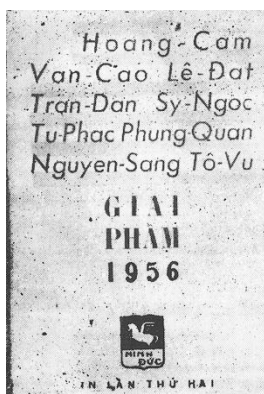
Lúc ở Sài Gòn, tôi đã có cuốn Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc của cụ, bản giấy láng, khổ lớn, do Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa (hình như do ông Lý Trung Dung đứng đầu?) tái bản. Bản in lần đầu nhỏ hơn, ký tên Mạc Đình. Nay trực tiếp gặp tác giả, nghe chuyện tác giả, tôi đã tìm hiểu về tác giả Hoàng Văn Chí nhiều hơn.

Ông Hoàng Văn Chí sinh ngày 1 tháng 10, 1913 tại Thanh Hóa; khi ra Hà Nội học trường Trung Học Albert Sarraut (1928-1935), và đậu Cử nhân Khoa Học tại Đại Học Đông Dương (1940). Bút hiệu Mạc Đình. Năm 1940 kết hôn với bà Lê Hằng Phấn, ái nữ Sở Cuồng Lê Dư, có ba người con: một trai hai gái.

Lúc còn niên thiếu đã tham gia bãi khóa (1926), vào phong trào “Le Travail” (1936); hoạt động trong đảng Xã Hội SF10 (1937-39). Tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp từ 1946, chính thức hoạt động với chính quyền Việt Minh (1949-53) với tư cách chuyên viên phụ trách đúc tiền, làm giấy in bạc, chế tạo hóa chất cho quốc phòng, thiết lập hệ thống thủy điện. Năm 1954 ông bỏ kháng chiến trở về thành.

Sau Hiệp Định Genève chia đôi đất nước, ông di cư vào Nam (1955); cộng tác với chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, làm phó lãnh sự tại Tân Đê Li Ấn Độ (1959-60). Tự ý dời khỏi Ấn Độ (tháng 2, 1960) qua Âu Châu lưu trú tại Pháp (1960-65) bắt đầu viết sách và hoạt động văn hóa. Sang Mỹ từ năm 1965, theo lời mời của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ. Tác giả các cuốn sách: “Phật Rơi Lệ,” 1956 - “Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc,” 1959 - “The New Class in North Vietnam” - “The Nhân Văn Affair” - “From Colonialism to Communism” (1964). Đóng góp tài liệu hoặc bài viết trong các cuốn sách: “North Vietnam Today”, “Vietnam Seen From East and West.”

Nghiên cứu và sưu khảo các tài liệu về chính trị, văn hóa, triết lý cổ kim, Đông Tây với tham vọng đưa ra trong một cuốn sách, tổng nhận định về bước tiến hóa của nhân loại, dẫn đến một học thuyết mới, khả dĩ hướng dẫn được chúng ta trong tiến trình kiến quốc và hưng quốc. Cuốn sách này được thực hiện mang tựa đề: “Duy Văn Sử Quan” với chương XXI đang viết dở dang 1988, thì tác giả từ trần. Công việc đã từng làm: Biên tập viên Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (VOA) chuyên bình luận về Bắc Việt (1965-69), Giảng viên về Văn hóa và Triết học cho cơ quan Phát Triển Quốc Tế (USAID), cho các lớp huấn luyện ngoại giao, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, và một số trường đại học Hoa Kỳ (1970-79). Thuyết trình với các giới thanh niên dưới hình thức thuyết giảng, hội đàm, mạn đàm về các đề tài văn hóa, giáo dục tại nhiều nơi ở Mỹ, Gia Nã Đại, Úc Đại Lợi trong nhiều năm liên tiếp. Thuyết trình trước “Hội nghị bàn về vấn đề hòa đàm Paris 1973 về Việt Nam” tại Paris, Pháp (1987). Từ trần ngày 6 tháng 7 năm 1988 tại Maryland Hoa Kỳ, thọ 75 tuổi.



Bìa một tờ Giai Phẩm.

“Trăm hoa đua nở trên đất Bắc”

Cuốn sách này được in đi in lại nhiều lần, song không lần nào được hoàn chỉnh bằng lần in thứ nhất tại Sài Gòn, khổ lớn, giấy mịn, dày gần 400 trang. Nội dung cuốn sách là lịch sử cuộc nổi dậy của trí thức văn nghệ sĩ Việt Nam ở miền Bắc vĩ tuyến 17 chống chính sách chỉ huy văn nghệ của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Khi đề cập tới một nhà văn, một nhà thơ hay một nghệ sĩ sáng tác ca khúc, hội họa, nhà biên khảo Hoàng Văn Chí đều cung cấp một tiểu sử tuy ngắn gọn nhưng chính xác. Kèm theo là hình ảnh, hoặc tờ báo, hoặc bìa sách, hoặc chân dung người được nói đến. Trang báo này không đủ để nói về cuốn sách, nhưng xin in lại những đoạn hay nhất trong Lời Tựa. Chỉ trong vài trăm chữ, chúng ta đã có thể biết phẩm chất của công việc mà học giả Hoàng Văn Chí thực hiện, ít ra là cho cuốn sách đang được nói đến:

“Trăm hoa đua nở, Trăm nhà (1) đua tiếng” là dịch nôm câu chữ Hán: “Bách hoa tề phóng, Bách gia tranh minh,” trong cổ văn. Đây là một câu mà học giả đời Hán đặt ra để vừa ca tụng vừa tỏ ý luyện tiếu nền văn học cổ điển Trung Quốc, sáng ngời trong mấy thế kỷ trước, về thời Đông Chu.

Văn học Trung Hoa về thời Đông Chu quả thật xứng đáng cho các thế hệ sau ca ngợi, vì trong vòng ba thế kỷ (từ thế kỷ thứ VI đến thế kỷ thứ III trước Tây lịch kỷ nguyên), các học giả thời Đông Chu đã đưa nền văn học Trung Quốc từ chỗ thấp nhất đến chỗ cao nhất mà hai nghìn năm sau, không tài nào vượt tới.

Gần như cùng một lúc, Lão học, Khổng học, Mặc học đua nhau ra đời, tiếp theo là những

học thuyết uyên thâm của Mạnh Tử, Tuân Tử và Dương Chu. Có thể nói được rằng hầu hết các lý thuyết hiện nay còn đương tranh giành ảnh hưởng trong nhân loại, như chủ nghĩa dân chủ, lãng mạn, vô chính phủ, duy vật, xã hội, quân chủ chuyên chế, quân chủ lập hiến, phát xít, v.v... đều đã có đại diện từ thời bấy giờ. Tính theo thời gian thì nền văn học Trung Quốc đã bỏ xa nền văn học Âu Châu vào khoảng 20 thế kỷ.

Vì vậy nên ngày nay, những học giả nghiên cứu lịch sử văn hóa Á Đông đều phải thắc mắc về một điểm: Tại sao một nền văn hóa đương phát triển một cách tốt đẹp như vậy lại bỗng nhiên đứng dừng lại, khiến trong suốt hai nghìn năm về sau, Trung Quốc chỉ có lùi mà không có tiến về phương diện tư tưởng?

Ông Tibor Mende, một nhà học giả Tây phương, chuyên nghiên cứu về các vấn đề Á Đông, đã ví nền văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ như hai con sông lớn, đã mang sinh lực tươi khắp miền Đông Nam Á, bỗng dưng bị cạn hết nước. Nguyên nhân gì đã làm tịt ngòi? Ông nêu ra câu hỏi mà không trả lời. (2)

Nói một cách rõ ràng hơn thì: Tại sao về thời Đông Chu lại có Khổng, Mạnh, Lão, Mặc mà hai nghìn năm sau không có vị thánh hiền nào cả? Hoặc dùng một hình ảnh tượng trưng thì: Tại sao trong một thời đại loạn ly như thời Xuân Thu, Chiến Quốc, Trăm Hoa lại Đua Nở, mà từ thời ấy về sau hoa lại không nở? Chúng tôi nghĩ rằng nếu ôn lại lịch sử chính trị Trung Quốc, chúng ta có thể tìm ra câu giải đáp.

Chú thích:

[*] Từ ngày ông Mao Trạch Đông lên kế nghiệp Tàn Thủy Hoàng, ông đã giết Hồ Phong, và nhiều học giả khác, nhưng gần đây ông lại tuyên bố cho phép “Trăm hoa đua nở, Trăm nhà đua tiếng.” Không ai biết rõ chủ định của ông Mao như thế nào, nhưng mọi người đều nhận thấy rằng trên toàn cõi Trung Cộng hiện nay, không có thứ hoa nào khác là hoa Mác-Xít. Tóm lại dù là chuyên chế kiểu quân chủ hay kiểu Cộng Sản, chế độ tập quyền vẫn tiêu diệt tự do tư tưởng. Ngày nay cũng như suốt hai nghìn năm về trước, trí thức Trung Hoa vẫn bị bịt mồm, bịt miệng.

Từ ngày Bắc Việt trở thành một “vệ tinh” của khối Cộng Sản, trí thức ở Bắc Việt cũng lâm vào tình trạng chung của đồng bạn ở khắp trong bức màn sắt.”

(1) Nhà hoặc gia nghĩa là một học phái.

(2) Trong cuốn *L'Asie Du Sud-East Entre Deux Mondes* của Tibor Mende, bản dịch tiếng Pháp của René Guyonnet, trang 17, Edition du Seuil Paris 1954.

Saigon, tháng 1, 1959

Hoàng Văn Chí

Trưởng ban biên tập của

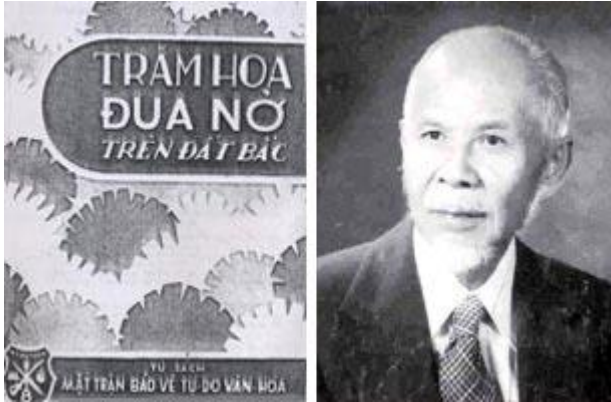
Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa

Hoàng Văn Chí và Trăm hoa đua nở trên đất Bắc

(Nguồn [Wikipedia](#))

Hoàng Văn Chí, tức Mạc Định, soạn giả *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* (THĐNTĐB), làm Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa xuất bản tại Sài Gòn, năm 1959, cho biết: “Ở Hà Nội ra đi đầu năm 1955, tôi đã hẹn với các bạn ở lại là ông có dịp sẽ nói lên tiếng nói của họ”, “Tôi làm việc một mình”, “Tôi liên lạc được với một ủy viên trong Ủy ban kiểm soát đình chiến Họ đi. Hà Nội như đi chợ Mỗi tuần. họ cấp về Sài Gòn cho tôi tất cả báo chí xuất bản ở Hà Nội”, “Tôi làm việc trong hai năm 56-58”. “Bộ Thông tin và nói chung, chính quyền Sài Gòn không

hề giúp Lý Trung. Dũng đến chào Bộ Thông tin, yêu cầu mua cho một số, nhưng chẳng mua một cuốn nào". "Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hoá ở Việt Nam là một chi nhánh của một tổ chức quốc tế, tên là Đại hội Văn hóa Tự do, trụ sở trung ương ở 104 đại lộ Haussmann, Paris Bác sĩ. Lý Trung Dũng làm chủ tịch. Tôi nghiệp, chỉ vì làm chủ tịch Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hoá mà phải đi cải tạo đến nay (1986) chưa được thả ". "Trước khi đưa in, Lý Trung Dũng nghe nói có người gần ông Diệm ngờ rằng tôi soạn cuốn Trăm hoa đua nở là có ý xui dục trí thức miền Nam bắt chước trí thức miền Bắc nổi lên chống lại chế độ. Vì vậy nên Lý Trung Dũng bàn với tôi nên để bút hiệu Mạc Định là soạn giả Chỉ ký. tên Hoàng Văn Chí vào bài Tựa " (Trích Phỏng vấn cụ Hoàng Văn Chí, Từ Nguyễn thực hiện, bán nguyệt san Tự Do số 50, ngày 16/11/1986, phát hành tại Bỉ).



Hình bìa tập biên khảo "Trăm hoa đua nở trên đất Bắc" và chân dung tác giả Hoàng Văn Chí (Nguồn: Wikipedia)

Hoàng Văn Chí đã nói rõ lý do và điều kiện ra đời của tập *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*. Nhưng tại sao ông lại đặc biệt lưu ý đến phong trào NVGP? Ai là những người "ở lại" mà ông đã hứa sẽ nói lên tiếng nói của họ? Nếu tìm sâu hơn về liên hệ gia đình giữa Hoàng Văn Chí và Phan Khôi, có thể chúng ta thấy câu trả lời:

Sở Cuồng Lê Dư có ba người con gái - vì bà Lê Dư là em ruột Phan Khôi, cho nên ba cô này là cháu Phan Khôi - cô đầu gả cho Vũ Ngọc Phan, *cô thứ nhì lấy Hoàng Văn Chí* và cô út là vợ Trương Nguyễn Sơn. Riêng nữ sĩ Hằng Phương, vợ nhà phê bình Vũ Ngọc Phan, sau này viết bài đã kích thậm tệ Nhân Văn Giai Phẩm. Rất có thể vì thế, mà người em ruột Hằng Phương, tức bà Hoàng Văn Chí, đã là một trong những động cơ thúc đẩy Hoàng Văn Chí thu thập tài liệu và viết về Nhân Văn Giai Phẩm.

Tác phẩm của Hoàng Văn Chí, cho đến nay vẫn là tác phẩm hoàn chỉnh nhất về phong trào NVGP. Trừ ba người: Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu và Lê Đạt bị loại ra (có thể Hoàng Văn Chí không thích hay vì họ không tin Nguyễn Hữu Đang đã từng là người tin cẩn của Hồ Chí Minh, Lê Đạt là bí thư của Trường Chính và Trương Tửu là nhà phê bình lý luận Mác-Xít). Phần lớn những thành viên khác đều có mặt, với *một tiểu sử khá đầy đủ, với những chi tiết đáng quý và những bài viết tiêu biểu của họ trong thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm*, Đặc biệt tiểu sử Phan Khôi và Văn Cao, với những chi tiết hiện nay mà không tìm thấy ở đâu. Một phần vì Hoàng Văn Chí có liên hệ gia đình với Phan Khôi, nên một số dữ kiện chỉ ông biết, mà không tìm thấy ở những tư liệu khác. Những chi tiết ấy có thể một số người biết ở trong nước ra nhưng không dám viết. Sau này, không thiếu những cuốn sách viết về Văn Cao, Phan Khôi, nhưng thường lại tô hồng, tiểu thuyết hoá, hoặc cắt xen vo tròn, khó tìm thấy sự thật. Nhưng tác phẩm của Hoàng Văn Chí cũng có một số Nhược điểm:

- Soạn giả không phải là người trong cuộc, và đã rời miền Bắc từ đầu năm 1955, cho nên khi thuật lại một số sự việc đôi khi có những chi tiết ông nhớ sai, những sai sót này, ngày nay, chúng ta có thể điều chỉnh lại được.

- Hoàng Văn Chí là người chống Cộng và ông để lộ lập trường khá rõ trong tác phẩm có tính cách biên khảo này. Vì vậy, ông chỉ nhắc sơ qua, hoặc không nhắc đến những bài quan trọng của Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu và Lê Đạt (vì những lý do đã nêu trên).

- Ngoài ra, ông cũng *cắt xen những đoạn* mà các tác giả trong NVGP lên án "tội ác Mỹ Diệm", hoặc ca tụng Đảng. Đặc biệt với bài *Nhất định thắng* của Trần Dân, ông đã lược bỏ những câu, những đoạn sát máu, có tính cách khẩu hiệu, tuyên truyền, khiến cho tác phẩm hay hơn, nhân bản hơn, được độc giả miền Nam chấp nhận, nhưng đã làm lệch ý của Trần Dân trong thời điểm 1955-1956. Bản in lại trong tập *Trần Dân thơ* (NXB Đà Nẵng, 2008) cũng là bản Hoàng Văn Chí.

Ngày nay, chúng ta có thể phân tích rõ ràng tư tưởng của mỗi thành viên, qua các văn bản mà họ để lại trên các báo và Nhân Văn Giai Phẩm. Một mặt khác, qua nhân chứng của các thành viên, chúng ta có thể tái tạo lại diễn biến của phong trào: ai làm gì, ai giữ trọng trách gì. Đối chiếu những nhân chứng này với lời buộc tội của những ngài bút chính thống được chỉ định đánh họ, ở lại trong cuốn *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước tòa án dư luận* (1959) và trong một số bài trên các báo chính thức trong thời kỳ này, mà Lại Nguyên Ân đã sưu tầm và công bố, chúng ta có thể nhìn ra nhiều khía cạnh của sự thật hơn.

Mục lục

Lời tựa

Phần I: Cuộc nổi dậy của trí thức ở miền Bắc

Chương I: Nguyên nhân cuộc nổi dậy của trí thức ở miền Bắc

Chương II: Lịch trình đấu tranh của trí thức ở miền Bắc

Chương III: Phương pháp đấu tranh của trí thức ở miền Bắc

Phần II: Tài liệu (Nhân vật và Tác phẩm)

I. Phái cựu học

Cụ Phan Khôi

- Giới thiệu cụ Phan Khôi
- Phê bình lãnh đạo văn nghệ
- Tìm ưu điểm (ngụ ngôn)
- Ông Bình Vôi
- Ông Năm Chuột (truyện ngắn)
- Nắng chiều

II. Phái thanh niên

Trần Dân

- Giới thiệu Trần Dân
- Nhất định thắng (thơ)
- Hãy đi mãi (thơ)

Phùng Quán

- Giới thiệu Phùng Quán
- Chống tham ô lãng phí (thơ)
- Lời mẹ dặn (thơ)

Tạ Hữu Thiện

- Giới thiệu Tạ Hữu Thiện
- Tôi tìm em (thơ)

Bùi Quang Đoài

- Giới thiệu Bùi Quang Đoài
- Lịch sử một câu chuyện tình (truyện ngắn)
- Chủ nghĩa nhân văn của ông Hoàng Xuân Nhị (bút chiến)

Minh Hoàng

- Giới thiệu Minh Hoàng
- Đổng máy (truyện ngắn)

Phùng Cung

- Giới thiệu Phùng Cung
- Con ngựa già của chúa Trịnh (truyện ngắn)

Trần Lê Văn

- Giới thiệu Trần Lê Văn
- Bức thư gửi một người bạn cũ

Hoàng Tích Linh

- Giới thiệu Hoàng Tích Linh
- Xem mặt vợ (kịch ngắn một hồi)
- Cơm mới (kịch một hồi)

III. Các nhà văn đứng tuổi

Tố Hữu

- Giới thiệu Tố Hữu
- Bài ca tháng Mười (thơ)
- Đòi đòi nhớ Ông (thơ)

Nguyễn Tuân

- Giới thiệu Nguyễn Tuân
- Phở (tuý bút)
- Phê bình nhất định là khó
- Nguyễn Tuân tự phê bình

Văn Cao

- Giới thiệu văn Cao
- Anh có nghe không (thơ)

- Những ngày báo hiệu mùa xuân (trích trong bài thơ dài “Những người trên cửa biển”)

Trần Duy

- Giới thiệu Trần Duy
- Những người khổng lồ
- Thành thật đấu tranh cho tự do dân chủ

Hoàng Cầm

- Giới thiệu Hoàng Cầm
- Em bé lên sáu tuổi (thơ)
- Tiếng hát (trích 2 đoạn trong hồi thứ nhất vở kịch thơ dài *Tiếng hát Trương Chi*)

Hữu Loan

- Giới thiệu Hữu Loan
- Cũng những thằng nịnh hót (thơ)
- Lộn sòng (truyện ngắn)

Sỹ Ngọc

- Giới thiệu Sỹ Ngọc
- Làm cho hoa nở bốn mùa
- Bất mãn

Chu Ngọc

- Giới thiệu Chu Ngọc
- Chúng ta gắng nuôi con (hoạt cảnh)

Như Mai

- Giới thiệu Như Mai
- Thi sĩ máy

IV. Các nhà học giả

Đào Duy Anh

- Giới thiệu Đào Duy Anh
- Muốn phát triển học thuật

Trần Đức Thảo

- Giới thiệu Trần Đức Thảo
- Nội dung xã hội và hình thức tự do
- Nỗ lực phát triển tự do dân chủ

Nguyễn Mạnh Tường

- Giới thiệu Nguyễn Mạnh Tường
- Qua những sai lầm trong Cải cách ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo
- Vừa khóc vừa cười.

Lời tựa

Trăm hoa đua nở, Trăm nhà đua tiếng là dịch nôm câu chữ Hán: Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh, trong cổ văn.

Đây là một câu mà các học giả đời Hán đặt ra để vừa ca tụng vừa tỏ ý luyện tiếu nền văn học cổ điển của Trung Quốc, sáng ngời trong mấy thế kỷ trước, về thời Đông Chu.

Văn học Trung Hoa về thời Đông Chu quả thật xứng đáng cho các thế hệ sau ca ngợi, vì trong vòng ba thế kỷ (từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch kỷ nguyên), các học giả thời Đông Chu đã đưa nền văn học Trung Quốc từ chỗ thấp nhất đến chỗ cao nhất mà hai nghìn năm sau, không tài nào vươn tới.

Gần như cùng một lúc, Lão học, Khổng học và Mặc học đua nhau ra đời, tiếp theo là những học thuyết uyên thâm của Mạnh Tử, Tuân Tử và Dương Chu. Có thể nói được rằng hầu hết các lý thuyết hiện nay còn đương tranh giành ảnh hưởng trong nhân loại, như chủ nghĩa dân chủ, lãng mạn, vô chính phủ, duy vật, xã hội, quân chủ chuyên chế, quân chủ lập hiến, phát xít, v.v... đều đã có đại diện từ thời bấy giờ. Tính theo thời gian thì nền văn học Trung Quốc đã bỏ xa nền văn học Âu châu vào khoảng 20 thế kỷ.

Vì vậy nên ngày nay, những học giả nghiên cứu về lịch sử văn hoá Á đông đều phải thắc mắc về một điểm: Tại sao một nền văn hoá đương phát triển một cách tốt đẹp như vậy lại bỗng nhiên đứng dừng lại, khiến trong suốt hai nghìn năm về sau, Trung Quốc chỉ có lùi mà không có tiến về phương diện tư tưởng?

Ông Tibor Mende, một nhà học giả Tây phương, chuyên nghiên cứu về các vấn đề Á đông, đã ví nền văn hoá Trung Quốc và Ấn Độ như hai con sông lớn, đã mang sinh lực tưới khắp miền Đông Nam Á, bỗng dưng bị cạn hết nước. Nguyên nhân gì đã làm tịt ngòi? Ông nêu ra câu hỏi mà không trả lời.

Nói một cách rõ ràng hơn thì: Tại sao về thời Đông Chu lại có Khổng, Mạnh, Lão, Mặc,... mà hai nghìn năm sau không có vị thánh hiền nào cả? Hoặc dùng một hình ảnh tượng trưng thì: tại sao trong một thời đại loạn ly như thời Xuân Thu, Chiến Quốc, trăm hoa lại đua nở mà từ thời ấy về sau hoa lại không nở?

Chúng tôi nghĩ rằng nếu ôn lại lịch sử chính trị Trung Quốc, chúng ta có thể tìm ra câu giải đáp. Về thời Đông Chu, Trung Quốc bị phân chia thành nhiều nước chư hầu, luôn luôn đánh nhau để tranh giành ngôi bá chủ, nên nước nào cũng lo thu phục nhân tài để mở mang thế lực. Vì vậy nên kẻ sĩ đương thời được trọng đãi. Một mặt khác vì nước nào cũng yếu, nên không ông vua nào có đủ quyền lực để thiết lập chế độ độc tài. Do đó ngôn luận không bị kiểm chế vì các nhà học giả, nếu chẳng may bị vua chúa trong nước khùng bố vì tội đã phát biểu một ý kiến trái ngược với đường lối của triều đình, thì cũng dễ dàng vượt biên giới chạy sang nước đối nghịch, có người sẵn sàng dung nạp ngay. Vì vậy nên mới có quang cảnh “Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng”. Nếu hoa không nở được ở khí hậu này, có thể nở được ở khí hậu khác. Nếu một học giả không phổ biến được tư tưởng của mình ở Tề, thì có thể di cư sang Sở chẳng hạn, để truyền bá học thuyết của mình.

Thời Đông Chu tuy là một thời loạn lạc, nhưng chính vì loạn lạc mà tư tưởng không bị kiểm soát. Trái lại, sau khi Thương Ưởng đưa ra thuyết quân chủ chuyên chế và Lý Tư, học trò của Thương Ưởng giúp Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc, thì từ ngày ấy về sau không một vị thánh hiền nào xuất hiện trên đất Trung Quốc nữa. Một lẽ rất dễ hiểu là không

có tự do tư tưởng thì không có nhà tư tưởng, cũng như hễ không có nước thì không thể nào có cá được. Lý Tư, môn đệ của phái Pháp gia, được Tần Thủy Hoàng bổ làm Thượng thư, làm sớ tâu đại khái như sau:

“Từ trước tới nay, thiên hạ sống trong cảnh phân chia, nên tư tưởng bị hỗn loạn... Ngày nay Bệ hạ đã thống nhất sơn hà mà vẫn còn nhiều người ngang nhiên mở trường dạy học, mang ý kiến riêng của mình ra chê bai luật pháp và chính sách của triều đình... Nếu Bệ hạ không mau ngăn cấm thì kỷ cương sẽ sụp đổ từ trên xuống dưới và đảng phái sẽ mọc từ dưới lên trên.”

Năm 213 trước Tây lịch, Tần Thủy Hoàng nghe theo Lý Tư đốt hết sách vở có phương hại đến đường lối của Tần triều và chôn sống 460 nhà trí thức đối lập. Họ bị chôn sống vì bờ cõi của đế quốc Tần rộng quá, không tài nào chạy thoát. Từ ngày ấy Trung Quốc có một chính phủ duy nhất, một luật pháp duy nhất, nhưng cũng có một lối nghĩ duy nhất. Trăm hoa hết đua nở và trăm nhà đều im tiếng.

Sau Tần đến Hán. Các vua triều Hán, khôn ngoan hơn vua Tần, không cấm đoán tư tưởng, nhưng hạn chế tư tưởng bằng cách đưa Khổng giáo lên địa vị quốc giáo, khiến các học thuyết khác phải lùi bước. Triều đình chỉ tuyển lựa những người thông hiểu Ngũ kinh, Tứ thư để bổ làm quan lại, nên Nho học trở thành bậc thang cho giới trí thức bước lên đàn sĩ hoạn. Nhưng cũng vì vậy mà triết lý của Khổng Tử bị xuyên tạc và Khổng học chỉ còn là một lợi khí của giới thống trị. Nói theo kiểu cụ Phan Khôi thì “Trăm hoa” đã trở thành hoa cúc vạn thọ hết thấy.

Suốt trong 20 thế kỷ về sau, trí thức Trung Hoa luôn luôn bị khủng bố. Tư Mã Thiên bị thiến, Ban Cố bị chết trong ngục, Phạm Việp vị xử tử... cho đến người cuối là Lương Khải Siêu, phải chạy sang Nhật Bản mới thoát thân. Từ ngày ông Mao Trạch Đông lên kế nghiệp Tần Thủy Hoàng, ông đã giết Hồ Phong, và nhiều học giả khác, nhưng gần đây ông lại tuyên bố cho phép “Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng”. Không ai biết rõ chủ định của ông Mao như thế nào, nhưng mọi người đều nhận thấy rằng trên toàn cõi Trung cộng hiện nay, không có thứ hoa nào khác hơn là hoa Mác-Xít.

Tóm lại dù là chuyên chế kiểu quân chủ hay kiểu cộng sản, chế độ tập quyền vẫn tiêu diệt tự do tư tưởng. Ngày nay cũng như suốt hai nghìn năm về trước, trí thức Trung Hoa vẫn bị bịt mồm, bịt miệng. Từ ngày Bắc Việt trở thành một “vệ tinh” của khối cộng sản, trí thức ở Bắc Việt cũng lâm vào tình trạng chung của đồng bạn ở khắp trong bức màn sắt.

Nhưng “40 năm một thuở”, trong dịp hạ bệ Stalin vừa qua, họ đều đứng dậy đấu tranh chống Đảng, đòi phục hồi quyền tự do tư tưởng. Trong phong trào quật khởi này, trí thức ở Bắc Việt cũng đã góp một phần quan trọng. Suốt trong thời gian hai năm, 1956 và 1957, trí thức ở miền Bắc đã sản xuất trên một trăm bản văn có giá trị. Cộng sản coi những bản văn ấy là những “cỏ độc”, nhưng chúng tôi coi những tác phẩm của họ như một “trăm hoa” thực sự. Vì vậy nên chúng tôi sưu tầm và kết lại thành một “bó hoa” để cống hiến độc giả, hòng góp sức vào công việc làm sáng tỏ thêm nền văn học hiện đại của dân tộc Việt Nam.

Đối với độc giả trong Thế giới Tự do chúng tôi cũng muốn nói một câu: Không nên nghĩ rằng cần phải chuyên chế mới có đủ phương tiện để thực hiện những công trình vĩ đại, vì xưa kia Tần Thủy Hoàng cũng đã thực hiện những công cuộc vĩ đại, xây đắp Vạn lý Trường thành, thiết lập xa lộ, thế mà nhà Tần vẫn bị mất nghiệp; một mặt khác, chính vì Tần Thủy Hoàng khởi đầu việc đàn áp tư tưởng mà văn hoá Trung Quốc đã bị đứng dừng trong hai ngàn năm nay. Lợi nhất thời không bằng hại muôn thuở.

Saigon, tháng Giêng 1959

Hoàng Văn Chí

Trưởng ban biên tập của Mặt trận Bảo vệ Tự do Văn hoá

Phụ đính I :

Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dư luận (Nguồn Wikipedia)

Tập tài liệu tựa đề *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dư luận* do Nxb Sự Thật (nay là Nxb Chính Trị Quốc Gia), trong tháng 6, năm 1959, tại Hà Nội, là tài liệu đầu tiên, tập hợp những bài viết trích dẫn hoặc diễn văn tố cáo, lên án, buộc tội NVGP . Trong phần cuối cuốn sách, có một chương nhỏ, trích "những lời thú tội" của các thành viên NVGP, còn hầu như toàn thể dành cho phía công tố "phát hiện tội", với những lời lẽ vô cùng khiếm nhã, khó thể MƯỜNG TƯỢNG ĐƯỢC, từ miệng, hoặc từ ngòi bút của giới được gọi là "trí thức văn nghệ sĩ" đối với các đồng nghiệp và bạn hữu của mình đã tham gia NVGP.

Tập tư liệu dày 370 trang này, chứng tích một thời mà chủ nghĩa đã đạt tới đỉnh cao của sự bồi bút-còn hữu ích về mặt lịch sử và văn học sử, nó mở ra nhiều khía cạnh của vấn đề NVGP: về tầm vóc của phong trào, về không khí đàn áp thời đó, về mức độ khốc liệt của lớp đấu tranh Thái Hà mà nhà thơ Lê Đạt đã mô tả tường tận trong các bài phỏng vấn trên RFI. Đồng thời nó cũng gián tiếp trả lời những lập luận gần đây, cố tình hạ thấp hoặc thu gọn tầm vóc của phong trào NVGP thành một cuộc "đánh đấm nội bộ", tranh giành thế lực cá nhân, không liên hệ gì đến vấn đề tự do tư tưởng.

Những bài luận tội có tính cách hạ nhục NVGP của 83 văn nghệ sĩ và các đoàn thể, báo chí, nhân dân cũng như các vị trong ban chấp hành trung ương Đảng, với những tên tuổi như: Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Phạm Huy Thông, Trần Hữu tuoc, Đặng Thai Mai, Nguyễn Huy Tưởng, Hồng Chương, Nguyễn Văn Bổng, Hoài Thanh, Hoàng Trung Thông, Hồ Đắc Di, Vũ Đức Phúc, Quang Đạm, Bằng Sĩ Nguyên, Ngụy Như Kon Tum, Thanh Hằng Phương, Lương Xuân Nhị vv .. phản ảnh rất rõ nhân cách của người tố. Cho nên, có thể nói, qua những "văn bản tố", các tác giả đã để lại nhân cách trí thức của mình trong ký ức dân tộc. Sau cùng nhờ cách sắp xếp thứ tự "những tên đầu sỏ" mà chúng ta biết được thứ tự "tội" nặng, "tội" nhẹ, cùng hoạt động của mỗi người.



*Trang bìa tập sách phê phán
phong trào Nhân Văn Giai Phẩm*

Cuốn *Bọn Nhân văn Giai phẩm trước toà án dự luận* tập hợp những bài viết của hơn 80 văn nghệ sĩ và trí thức "dân sự" tuyệt nhiên không có bài viết nào của quân đội, kể cả Nguyễn Chí Thanh, mặc dầu phong trào xuất phát từ quân đội.

Với mức tư liệu hiện có, chúng ta có thể hiểu rằng: Trong vụ Thanh Trung Nhân Văn Giai Phẩm, quân đội đứng ngoài. Quân đội tay sạch hơn dân sự.

Tướng Lê Liêm, một trong những người có công lớn trong trận Điện Biên Phủ, hết sức ủng hộ văn nghệ sĩ, Lê Liêm không viết một dòng nào chống lại những người đòi tự do sáng tạo, một sự im lặng đầy ý nghĩa này. Năm 1958, ông trở thành Thứ trưởng Văn hoá, tuy được thăng chức, nhưng không có quyền, bước đầu của sự thất sủng. Phản đối việc thân Tàu, chống Nga, năm 1965, ông nhận chức Thứ trưởng giáo dục, và trong một bài diễn văn về việc cải tạo giáo dục, năm 1968, ông trở lại quan điểm chính thống. Năm 1974, người ta đồn ông bị khai trừ khỏi đảng với cùng Ưng Văn Khiêm, tướng Nguyễn Văn Vĩnh và Bùi Công Trung, vì tội thân Nga. Lê Liêm là một khuôn mặt cởi mở, chấp nhận đối thoại mà ít người biết đến.

Tướng Lê Quang Đạo, với trách nhiệm trưởng phòng tuyên huấn, chắc chắn đã tác dụng vào những cuộc tranh luận văn học nội bộ trong thời kỳ này. Sau vụ Nhân Văn, ông vẫn tiếp tục con đường cởi mở đến thập niên 80. Năm 1982, ở đại hội V, khuyến khích bảo thủ thắng thế. Đến năm 1987, làm chủ tịch quốc hội, ông tiếp tục cổ động cho công cuộc đổi mới.

Trần Độ kiên trì trong quan điểm dân chủ hoá đất nước. Sau Nhân Văn, ông trở lại chiến trường. Dường như ông chỉ tạm thời lùi bước năm 1956 để tiến mạnh hơn, ba mươi năm sau. Năm 1982, trực diện với sự bảo thủ của Hà Xuân Trường trong đại hội V, Trần Độ thua cuộc, nhưng đến năm 1986, khi làm Trưởng ban văn hoá tư tưởng trung ương, dưới sự cởi mở của Nguyễn Văn Linh, Trần Độ trở lại vai trò chủ đạo cho công cuộc đổi mới văn học. Nói như Boudarel: *"tất cả những vấn đề cơ bản đều quy về những năm 1955 - 1956"*. Như vậy NVGP, mở đầu cho tinh thần đấu tranh tư tưởng tự do, cho công cuộc đổi mới văn học, tinh thần này không khi chấm DUT phong trào dập tắt bị, chỉ ngủ yên trong ba mươi năm rồi lại bùng lên những năm 1987-1988.

Vai trò của tướng Nguyễn Chí Thanh khá phức tạp. Cầm đầu chính trị quân đội, ông cũng là người đã "dẹp" vụ dự thảo còn ngay trong trứng nước. Nhưng khi Trần Dân bị bắt lần thứ nhì, dùng dao cạo Cửa có, được đưa vào bệnh viện, Trần Dân viết thư cho Nguyễn Chí Thanh, ông đã can thiệp để "cứu" Trần Dân. Nhưng cũng chính tướng Nguyễn Chí Thanh đã trao cho người bà con Vũ Tú Nam toàn bộ tư liệu về Trần Dân, kể cả 2 lá thư Trần Dân viết để xin ra khỏi đảng năm 55, để họ Vũ có đủ tư liệu viết bài đánh Trần Dân (THĐNTĐVN, Boudarel, trang 100 và 126).

Nhưng cũng không thể liệt Nguyễn Chí Thanh vào loại người xoay chiều, như Đỗ Nhuận, bạn thân của Trần Dân, cùng đi Điện Biên Phủ, cùng đi Trung Quốc, cùng ký bản dự thảo, nhưng sau này quay lại viết bài đánh Trần dân.

Ý kiến của các văn nghệ sĩ phản đối nhóm phá hoại “Nhân văn–Giai phẩm”

(Nguồn: **Talawas**)

Thư của 304 văn nghệ sĩ và cán bộ văn hoá ở lớp học văn nghệ lần thứ hai gửi Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.

Chúng tôi 304 văn nghệ sĩ và cán bộ văn hoá ở trung ương và địa phương được Tiểu ban văn nghệ của Đảng triệu tập về học từ ngày 3-3-1958 đến ngày 14-4-1958, vô cùng sung sướng báo cáo lên Trung ương Đảng lớp học của chúng tôi đã đạt được những kết quả rất tốt đẹp.

Từ trước tới nay dưới ánh sáng của Đảng, chúng tôi mỗi ngày càng thấy con đường đi của mình một sáng sửa thêm, càng vững lòng tin ở tương lai của đất nước và tiền đồ của văn học, nghệ thuật. Đến lớp này, sau khi nghiên cứu hai văn kiện lịch sử của các Đảng cộng sản và Đảng công nhân hợp ở Mát–scơ–va, chúng tôi nhận thấy rằng thời đại lịch sử của chúng ta ngày nay, mặc dù còn những đám mây u ám, chính là thời đại mà những người nghệ sĩ, những nhà văn hoá lớn của nhân loại từ bao thế kỷ nay hằng ao ước mơ tưởng: thời đại thắng lợi của hoà bình và của chủ nghĩa xã hội. Chúng tôi rất phấn khởi với những thành tựu to lớn của dân tộc ta trên con đường đấu tranh đầy chông gai để xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà. Do nhận thức được những sự chuyển biến mới mẻ của tình hình thế giới và cách mạng trong nước, chúng tôi càng thấy trách nhiệm nặng nề của mình, những chiến sĩ trên mặt trận văn hoá và văn nghệ.

Trong những thành tích lớn lao của nhân dân ta trong ba năm qua phong trào văn học, nghệ thuật đã có những cống hiến nhất định. Nhưng bên cạnh những thành tích đó, một bài học lớn cho chúng tôi là trong một thời gian dài, chúng tôi đã mơ hồ để cho những phần tử phá hoại len vào trong hàng ngũ, lôi kéo một số người, hoạt động gây nhiều thiệt hại cho phong trào văn học, nghệ thuật, đồng thời tiến hành những âm mưu đen tối chống lại chế độ và chủ nghĩa xã hội, chống Đảng và nhân dân. Bọn chúng là nhóm phá hoại *Nhân văn-Giai phẩm*, trước đây một năm đã hoạt động như một bọn “tác động tinh thần” ở miền Bắc. Trong Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai, Trung ương Đảng đã chỉ rõ tính chất phá hoại của nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* và vạch đường đi tới cho văn nghệ sĩ. Song số đông chúng tôi vẫn mất cảnh giác nghiêm trọng, vấn đề bọn chúng tiếp tục những hành vi ám muội, lũng đoạn các cơ quan văn học, nghệ thuật, gây ra những tác hại lớn.

Trong tình hình ấy, lớp học này, do Đảng mở ra đã thức tỉnh chúng tôi, giúp chúng tôi nhận rõ được bộ mặt thật của bọn phá hoại, và càng xác định tính chất đúng đắn đường lối văn nghệ của Đảng. Chúng tôi càng thấy cần phải luôn luôn đặt mình dưới sự lãnh đạo của Đảng đi theo đường lối văn nghệ của Đảng, càng phải nâng cao cảnh giác, xiết chặt hàng ngũ thành một đội văn nghệ lớn mạnh của Đảng và của nhân dân, tiếp tục đấu tranh quét sạch những tư tưởng chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội trong văn nghệ, bảo vệ và phát triển đường lối văn học, nghệ thuật của Đảng. Chúng tôi kiên quyết sẽ lột mặt nạ của bọn phá hoại trước nhân dân đồng đảo, bóc trần những âm mưu, luận điệu, hành động và thủ đoạn thù địch của chúng.

Chúng tôi sẽ tích cực theo lời khuyên nhủ của Đảng trong bức thư của Trung ương gửi Đại

hội văn nghệ lần thứ hai, trước hết: “*cần ra sức học tập chủ nghĩa Mác–Lê-nin, học tập đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ, nâng cao lập trường, trau dồi tư tưởng và nghệ thuật*”.

Chúng tôi nguyện, theo lời kêu gọi của Đảng, đi vào *đời sống* sản xuất và chiến đấu của công nông binh, tùy sức mỗi người mà tham gia lao động, để tiếp tục cải tạo mình và phản ánh được trung thực sự nghiệp vĩ đại của Đảng và nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dưới ánh sáng bức thư của Ban chấp hành trung ương Đảng gửi Đại hội văn nghệ lần thứ hai và nghị quyết của Bộ chính trị của Trung ương Đảng về việc chấn chỉnh công tác văn nghệ và quyết tâm của tất cả chúng tôi, chúng tôi hoàn toàn tin tưởng từ đây nền văn học, nghệ thuật chúng ta sẽ tiến lên theo đà mới, phục vụ đắc lực hơn nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng trong giai đoạn mới.

Hà Nội, ngày 14-4-1958

Tú Mỡ (nhà thơ)

Nếu không có lớp học, cái chỗ ngựa mà địch gãi vào tôi sẽ nhiệm trùng tư sản, thành ra ghê lở mụn nhọt

Một số chúng ta cũng không phải ít đâu, trải qua ba năm sống trong hoà bình, liệu thuốc phòng bệnh trước đây đã phai nhạt tiêu tán, và do tâm hồn yếu đuối chúng ta không đủ sức chống lại, nên các bệnh cũ của giai cấp tiểu tư sản lại có cơ ngóc dậy: bệnh tự kiêu, tự đại, bệnh địa vị, bệnh cầu an hưởng lạc, bệnh cá nhân chủ nghĩa với những biến chứng tai hại như quan liêu, tham ô, lãng phí, hủ hoá, tự do vô kỷ luật v.v...

Rồi những mầm mống độc của bọn gián điệp của địch còn cài lại reo rắc đã gặp được đất tốt để nảy nở, những sự việc phỉnh khích, mua chuộc bằng đủ hình thức của bọn tư sản đầu cơ đã lũng đoạn tinh thần chúng ta, khiến một số chúng ta đã vô tình hay hữu ý sa vào những cạm bẫy rất nguy hiểm.

Trong tình trạng ấy, Đảng đã sáng suốt nhìn thấy những nguy cơ mà mắt chúng ta đã mù quáng chưa trông thấy, và từ xưa đến nay vẫn thế, Đảng như một người mẹ hiền đã tận tình đối với chúng ta để kịp thời cứu vớt chúng ta lên, cho chúng ta khỏi sa ngã xuống hố sâu vực thẳm. Đảng đã kịp thời mở lớp chỉnh huấn này cũng như trước đây Đảng đã nhiều lần dạy bảo chúng ta. Bằng lý luận Mác–Lê-nin Đảng đã soi sáng cho chúng ta thấy rõ bộ mặt ghê tởm của kẻ thù bên ngoài, đã vạch cho chúng ta thấy rõ mòn một những tư tưởng thù địch trong người chúng ta, khiến chúng ta đã phát giác được ra, chưa hẳn là tất cả, nhưng khá nhiều sai lầm khuyết điểm và tội lỗi nữa, tội lỗi với Tổ quốc, đối với Đảng, với Chính phủ, đối với nhân dân, đối với gia đình và cả đối với bản thân chúng ta nữa.

Qua những sự việc phát hiện trong lớp học, tôi đã rợn người kinh hãi, không ngờ chúng ta, những người đã đi theo cách mạng đã được rèn luyện trong kháng chiến như thế, lại có thể sa ngã đến như thế!

Tôi không khỏi rùng mình rằng dưới chế độ ta, trong đời sống tập thể lại có những hiện tượng thủ đoạn lừa lọc, mách khoé đảo điên để kiếm chác tiền nông tranh giành địa vị, cuộc đời đầy cạm bẫy kiểu như người trong nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* sống như vậy thật là một quá. Vì riêng bản thân tôi, tôi cũng đau xót nhận thấy rằng, mặc dầu tôi không có điều gì bất

mãn đối với Đảng, xưa nay vẫn tự hào là đã học tập và tiếp thu được chút vốn đức tính cách mạng, được các bạn, các đồng chí cho là tương đối trong sạch, mặc dầu đã già nửa đời người, hai thứ tóc trên đầu rồi, mà vẫn bị lôi cuốn vào con đường xấu, vẫn còn những tư tưởng sai lầm, biểu hiện ra những ý nghĩ, những lời nói, một vài hành động trái với đường lối của Đảng mà tôi đã tự nguyện noi theo. Tư tưởng xấu của nhóm phản động *Nhân văn-Giai phẩm* đã chui vào đầu óc tôi lúc nào, tôi cũng không biết.

Lớp học đã cho tôi thấy nguyên nhân bên trong thì chưa rút hết được rễ sâu của giai cấp tính tiểu tư sản; bên ngoài thì bị bọn phản cách mạng phỉnh kích, bọn tư sản phản động cám dỗ mua chuộc, lợi dụng bằng những mảnh khoé rất nham hiểm, xảo quyệt, gài trúng vào chỗ ngứa để xỏ mũi^[1] lôi đi theo chúng mà tôi vẫn không biết, vì tôi chân thực, dễ tin, tưởng rằng bụng người như bụng ta. Các đồng chí trong tổ học tập đã chỉ rõ tôi biết bản tâm tôi là lương thiện, nhưng chỉ vì chưa có một cơ sở chính trị vững vàng, cho nên thiếu cảnh giác, nhìn lệch lạc một chiều lập trường mơ hồ, không phân rõ gianh giới giữa bạn và thù.

Nếu không có lớp học chỉnh huấn này, cái chỗ ngứa mà địch gài vào tôi sẽ nhiệm trùng tư sản, thành ra ghẻ lở, mụn nhọt, có thể nguy hại, cản bước tiến của tôi cũng như bước tiến của các bạn văn nghệ sĩ đến dự lớp học này, trên con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Lớp học này không những là một lớp huấn luyện chính trị mà là còn một lớp học luân lý thực hành luân lý cách mạng. Những bài giảng của các giảng viên cộng với những lời thảo luận, phê phán của các bạn học trong tổ và trên hội trường đã soi sáng vào những góc cạnh thẳm kín nhất trong tâm hồn chúng ta để vạch rõ cho ta nhìn thấy ta, và như lời đồng chí Lê Duẩn nói, có nhìn thấy ta mới nhìn rõ địch, như vậy mới xây dựng cho ta được một lập trường đúng đắn, quyết tâm đi đúng con đường của Đảng, làm đầy tớ cho nhân dân lao động chứ không chịu làm thầy – nói chi làm tay sai cho tư bản.

Lớp học đã thành công rực rỡ. Điều làm tôi sung sướng nhất là: 304 anh em, không ai rơi rụng cả. Đối với những người có mụn nhọt, Đảng đã chích nặn máu mủ độc ta thấy đau rất nhưng đã được nhịt thuốc và băng bó khỏi; đối với những người mụn nhọt chưa phát ra Đảng đã cho ta uống những chén thuốc đắng, có người xưa nay chỉ quen mùi đường mật đã có ý phun thuốc ra, nhưng Đảng đã kiên trì giỗ cho uống hết, thuốc đắng đã tiêu độc và chữa khỏi bệnh.

Trước những kết quả ấy, chúng ta phấn khởi, nhưng không chủ quan và thấy cần còn phải đấu tranh lâu dài và gian khổ nữa sau lớp học, để cải tạo tư tưởng, có thể ta mới tránh khỏi bệnh cũ tái phát, mới có đủ nghị lực để đấu tranh với địch, dưới ngọn cờ bách chiến bách thắng của Đảng để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta nguyện đoàn kết nhất trí đi với Đảng tới cùng vì con đường của Đảng là con đường vinh quang, con đường duy nhất, không có con đường nào khác, để làm Tổ quốc thân yêu của chúng ta độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh.

14-4-1958

Hằng Phương (nhà thơ)

Tác hại của tư tưởng “Nhân văn” đối với phụ nữ

Chúng ta đều biết tác hại của tư tưởng phản động của nhóm “Nhân văn”: Nguyễn Hữu Đang,

Trương Tửu, Phan Khôi, Trần Duy, v.v...

Chúng là một bọn cơ hội, có đầu óc cường hào, chỉ muốn ăn trên ngồi trốc, muốn được tự do cá nhân vô kỷ luật để thỏa mãn thú tính bản thân. Trần Đức Thảo đã nêu lên một triết lý: *nhiệm vụ của vô sản chuyên chính là phát triển tự do cá nhân* để chống đối lại chuyên chính vô sản. Chúng là những kẻ chẳng kể gì Tổ quốc, đồng bào, sống chết mặc bay, dù có làm tội tởm cho đế quốc, miễn là riêng bản thân chúng được sung sướng.

Thừa lúc trong nước Đảng ta có sai lầm về cải cách ruộng đất, ngoài nước có vụ Hung-ga-ri và Pô-dơ-nan, bọn đầu cơ chính trị ấy đã nổi lên câu kết với tư sản phản động đòi “mở rộng dân chủ”, theo lối của chúng nghĩa là mở rộng những hoạt động phá hoại chế độ. Dã tâm, của chúng là muốn đi tới vận động biểu tình chống Đảng, chống chế độ.

Chúng nói người cộng sản không có tim có óc, nhưng trong khi người cộng sản Việt nam đã đem xương máu của mình giành lại tự do cho dân tộc, rồi lại đem sức lao động kiến thiết xã hội xã hội chủ nghĩa, một xã hội có tổ chức, có kỷ luật, và nhất là không có người bóc lột người, thì chính bản thân chúng toàn là những kẻ ăn chơi, truy lạc, bệ rạc. Thậm chí đối với vợ con, chúng cũng là kẻ có tội. Bọn đó đa số có vợ rồi lại bỏ vợ. Phụ nữ là nạn nhân của chúng. Lại có những kẻ mà khi đến chơi nhà bạn, bạn phải dặn vợ mình khi chồng đi vắng thấy đến là phải đóng cửa kêu lên! Bọn đó lại bắt vợ con những người trong trắng ra ngồi góc đường bán báo *Nhân văn*, chúng dùng vợ con làm công cụ để bêu rếu chế độ ta! Đáng thương nhất là những phụ nữ nhi đồng đó có biết đâu tờ báo mình bán là bản thủ có biết đâu tư tưởng của tờ báo ấy là phá hoại hạnh phúc của chính mình. Vợ con cực nhục như vậy còn họ thì làm gì? Hút thuốc phiện, chơi gái, ăn uống bữa bãi ở các tiệm. Chính những văn nghệ sĩ truy lạc ấy đã tự thú nhận như vậy trong lớp học vừa rồi.

Tư tưởng cá nhân chủ nghĩa sa đoạ đó thể hiện trong thơ Lê Đạt như thế nào. Các bạn hãy nghe trong bài “Gia đình”:

*Hai vợ chồng xô xát
Bát đĩa quăng khắp nơi
Tìm người giá moi được
Cũng ném đi cho rồi
Biết thế này thà không lấy nhau...*

trước kia họ yêu thương nhau như thế nào:

... Không lấy được nhau thì chỉ còn có chết...

mà bây giờ căm tức nhau muốn moi tìm nhau ra chỉ vì:

*Nhiều dự định sa lầy trong đồng tử
Cuộc sống gieo neo vất vả*

.....

Hàng Tiệp về không có tiền mua...

vì thế mà:

... Không đủ sức yêu nhau cho trọn vẹn đến cùng...

rồi đến nỗi:

Chân chết đứng giữa nửa chừng cuộc sống...

Chị em phụ nữ chúng ta ngày nay đều thấy rằng hạnh phúc gia đình không phải ở chỗ nhà cao cửa rộng, mặc đẹp ăn ngon, mà ở chỗ đôi vợ chồng ý đầu tâm hợp, cùng tìm thấy lẽ sống, cùng đi một con đường là phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân, cùng góp phần vào xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa. Càng vất vả, tình yêu càng khăng khít. Trong kháng chiến nhiều gia đình đã trải qua nhiều gian khổ. Ngày nay trong hoà bình, mức sống tuy chưa đầy đủ, nhưng nhất định là có dễ chịu hơn. Như vậy gian khổ đã có nhau, sung sướng ít hay nhiều cũng phải có nhau. Làm gì có những đôi vợ chồng đối xử với nhau tàn nhẫn đến như vậy. Đây là một cách phát động tư tưởng tinh vi của Lê Đạt đối với những người nội trợ, để cho họ thúc đẩy chồng phản đối chế độ, mà bọn *Nhân văn* vu khống là đã bàn cùng hoá nhân dân.

Rồi đây bài “Gặp lại”:

Lê Đạt tả một chị chỉ huy du kích, trong thời kỳ kháng chiến đã anh dũng thân nhiên trong gió mưa đại bác. Thế mà năm năm sau gặp lại thì:

*Không nhận ra được nữa
chị đã lấy chồng...*

.....
*Bao nhiêu chịu đựng nhục nhằn
Leo lét cúi nhìn xuống đất
và.....*

*Chồng đánh chửi như cơm bữa
Sợ chồng lâu dần chị không công tác nữa...*

Nếu muốn đưa ra một con người điển hình thì phải là con người có thể tiêu biểu cho thế hệ. Nếu lên một con người điển hình là biểu hiện lập trường tác giả đứng về phe nào. Ngày nay đâu có người phụ nữ Việt nam đã tham gia đấu tranh như vậy mà còn “chịu đựng nhục nhằn” để cho chồng đánh mình như cơm bữa.

Lê Đạt bịa ra cảnh gia đình địa ngục giả tạo này để bôi nhọ chế độ ta, cho là xã hội ta vẫn khổ sở tối tăm, nhân dân vẫn u mê như thời thực dân phong kiến.

Cuối cùng bài thơ này Lê Đạt thêm một câu nước mắt cá sấu:

*Hàng nghìn năm
nặng trên lưng người phụ nữ.*

Thật ra hàng mấy nghìn năm rồi, không cứ phụ nữ Việt nam, phụ nữ toàn thế giới đều khổ cực. Ngày nay đã có Đảng dìu dắt chị em phụ nữ chúng tôi, chúng tôi đang phấn khởi cố gắng làm tròn nhiệm vụ để được xứng đáng với những quyền lợi Đảng đã đem lại cho chúng tôi. Chúng tôi cương quyết vạch mặt những kẻ phản động phỉn phờ, gieo rắc những tư tưởng phá hoại hạnh phúc gia đình vào hàng ngũ chị em phụ nữ.

4-1958

*

Đoàn Văn Cừ (nhà thơ)

Chúng ta không công nhận những tác phẩm sa đọa của nhóm đó.

Tôi nghĩ rằng trước kia, trong hồi Pháp, Nhật thuộc, người văn nghệ sĩ dù không muốn cũng đã ít nhiều cầm bút đi ngược lại quyền lợi của dân tộc. Chỉ từ sau Cách mạng tháng Tám, họ mới tìm thấy được con đường sống chính đáng. Cách mạng đã giải phóng ngài bút họ, đã giành lại cương vị xứng đáng trong xã hội, nhân dân yêu quý họ, tặng họ danh hiệu vẻ vang “kỹ sư tâm hồn”. Họ đã thật sự được tự do nói lên tiếng nói tự hào của Tổ quốc, của tình quốc tế vô sản cao cả, tiếng nói của chính nghĩa, của hoà bình. Nhiều tác phẩm ưu tú bắt nguồn trong sự vươn mình vĩ đại của dân tộc đã thật sự hình thành và đương đả phát triển. Đó là một sự thật hiển nhiên mà chỉ có kẻ cố tình quên ơn cách mạng mới không nhìn thấy.

Với một số tác phẩm sa đọa của nhóm *Nhân văn - Giai phẩm* núp dưới chiêu bài bịp bợm phấn đấu cho “Trăm hoa đua nở” để đả kích vào sự lãnh đạo của Đảng, bóp méo sự thật, gieo rắc bất mãn, hoài nghi đối với chế độ, có thể nói đây là một sự phản phúc hết sức trắng trợn, một sự len lỏi, lũng đoạn văn học cách mạng bằng lối đánh lộn song chữ nghĩa một cách nham hiểm gian hùng “Hãy đi mãi” của Trần Dần, “Ông Năm chuột” của Phan Khôi đầu hàng trước sự tấn công điên cuồng của giai cấp thù địch trên lĩnh vực nghệ thuật tư tưởng.

Tất cả những người cầm bút tiến bộ có mặt hiện nay trên miền Bắc không công nhận những tác phẩm đồi trụy của nhóm đó trong hàng ngũ mình, kiên quyết đi theo sự lãnh đạo của Đảng phấn đấu không ngừng cho một nền văn nghệ dân tộc phong phú dưới ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội.

Trần Văn Cấn (Hoạ sĩ)

Chân tướng của bọn phá hoại đã phơi bày rất xấu xa

Trong kháng chiến tôi đã dự hai lần chỉnh huấn. Sau hai lần ấy tôi đều được đi tham gia thực tế. Qua lần ấy, tôi đã thấy sự chí tình của Đảng đối với chúng tôi như thế nào? Qua công tác thực tế, vấn đề sản xuất và cải cách ruộng đất chúng tôi đã được rèn luyện về nhận thức và tình cảm.

Lớp này, kết quả đạt được lại cao hơn nhiều. Trong công tác, tôi chuyên về chuyên môn, nên cứ nghĩ cố gắng tích cực công tác cũng có thể đóng góp được, do đó tôi, phiến diện nhìn không hết tình hình. Thời gian qua tôi cũng cảm thấy ghét bọn phá hoại *Nhân văn - Giai phẩm* vì có một sự phản ứng tự nhiên, (chúng tôi là những người xây dựng; ghét nhưng không hiểu ra làm sao cả. Qua lớp này, chân tướng của bọn ấy phơi bày rất xấu xa, chúng tôi nhận được rất rõ đâu là địch đâu là ta. Trước cũng biết bọn ấy là lếu láo nhưng bản chất của chúng thì thấy không hết.

Cũng ở lớp này, tôi thấy rõ phương pháp giáo dục, phê bình tự phê bình của Đảng. Sự ân cần của Đảng làm cho tất cả chúng ta, nhiều ít đều có sai lầm, đều đã thấy hết khuyết điểm của mình; ngay cả những anh em có nhiều tội lỗi nặng cũng vậy.

Kết quả đó là một thắng lợi lớn. Nhưng đó chỉ là bước đầu, cần phải kinh qua một cuộc đấu tranh tiếp tục nữa. Như bản thân tôi, cũng còn cần phải kinh qua công tác, thực tế nữa mới phát triển kết quả lớp học lên được. Trong lớp học anh em chúng tôi đã gắn bó với nhau hơn; sau lớp này chúng tôi còn cần phải gắn bó với nhau hơn nữa, xếp thành hàng ngũ chặt

chế để tiếp tục đấu tranh, để xây dựng ngành nghệ thuật chúng tôi.

Trong công tác thực tế, có nhiều việc rất nhỏ, nhưng chứa đựng một nội dung rất phong phú, có kinh qua công tác thực tế, mới bồi dưỡng được tình cảm.

Khi nghe qua báo cáo về tình hình thế giới, tôi có liên hệ đến một bức tranh của tôi, bức tranh là một tổ phụ nữ đan áo, nhưng nghĩ lại thì quả là tôi chưa có một nhận định gì khác ngoài những hình sắc bề ngoài, do đó mà tình cảm ở bức vẽ cũng không có gì sâu sắc ngoài sắc thái trang trí của nó. Bây giờ qua học tập tôi mới thấm thấy được qua cuộn len đan, cả một tấm hình cao đẹp, thẩm thiết của các đồng chí bạn đối với ta, nhất là các đồng chí Liên xô, Trung quốc đã giúp đỡ chúng ta chí tình, trong những việc lớn lao cũng như đã lo lắng giúp ta giải quyết cả đến công ăn việc làm hàng ngày. Anh em ruột thịt chưa dễ đã lo lắng cho nhau đến thế. Con mắt của tôi nhìn một chiếc áo, một cuộn len, một thùng bột bây giờ mới có được chiều sâu tình cảm. Chỉ nói đến những việc thông thường thôi mà cái nội dung chứa đựng bên trong đã súc tích như vậy thì mỗi tình thương yêu giai cấp, mỗi tình quốc tế cao cả càng nồng đậm biết bao!

Nhìn toàn bộ hay nhìn bộ phận, con đường Cách mạng xã hội chủ nghĩa đã rất rõ. Bước đường Cách mạng ở nước ta là nằm trong con đường cách mạng chung của thế giới. Trước đây tôi mơ hồ và thiếu cảnh giác. Bây giờ tôi mới nhận thấy do lập trường mình bấp bênh, đầu óc nặng chuyên môn, và con mắt nhìn của mình mà như thế. Đến lớp này, tôi mới thấy ra được, sau lớp học, tôi mong được đi vào thực tế như trước; nhưng chắc chắn lần này đi vào thực tế, tôi sẽ nhìn được sâu sắc hơn. Tôi tin tưởng như thế.

Chúng tôi thường nói đến chữ “sensibilité” nhưng cái đó cũng mơ hồ lắm, vì không biết sensibilité của công nông binh như thế nào? Ở Hội hoạ cũng như các ngành khác, sáng tác cần có tình cảm. Nhưng tình cảm đó phải là tình cảm của công nông binh mới được.

Tôi hứa với tất cả các đồng chí tôi sẽ cố gắng, và tôi tin là sẽ cố gắng được. Chúng ta đấu tranh giúp đỡ lẫn nhau, Đảng lại tiếp sức cho, chúng ta sẽ được thúc đẩy nhau cùng tiến bộ.

Lương Xuân Nhị (Hoạ sĩ)

Chúng ta nhất định đi theo con đường xã hội chủ nghĩa

Cuộc cách mạng lớn về tư tưởng đang được tiến hành trong giới văn nghệ, đánh dấu một giai đoạn mới trong lịch sử văn học nghệ thuật nước nhà.

Lớp học tổ chức cho anh chị em văn nghệ sĩ lần này đã giúp tôi rất nhiều trong việc phân biệt tư tưởng thù địch và tác hại của nó trong giai đoạn cách mạng tiến lên xã hội chủ nghĩa

Văn nghệ là một thứ vũ khí sắc bén có một tác dụng nhất định trong cuộc đấu tranh tư tưởng và chính trị. Người văn nghệ sĩ, nếu trong tư tưởng chưa xác định cho mình một lập trường vững chắc, dễ sa vào^[2] âm mưu của bọn thù địch và bị lợi dụng lúc đó họ trở nên công cụ để phản lại Tổ quốc. Chúng ta đã vạch rõ được những mảnh khoé xảo quyệt của phần tử *Nhân văn-Giai phẩm* định núp dưới chiêu bài của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, dùng văn nghệ để phục vụ cho mục đích chính trị phản động, ăn khớp với luận điệu xuyên tạc của bọn Mỹ Diệm ở miền Nam, lũng đoạn trong mọi ngành văn học nghệ thuật, gây hoang mang và tác hại trong tư tưởng của tầng lớp trí thức thanh niên, học sinh, tư sản và tiểu tư sản.

Nhưng chúng ta đã đả phá đến tận gốc rễ của nguồn tư tưởng tư sản thù địch ấy. Tuy nhiên chưa hẳn chúng ta đã quét sạch được tư tưởng ấy trong chốc lát, nó luôn luôn đợi thời cơ để trở lại trong nếp suy nghĩ, trong sinh hoạt, trong hành động. Bởi vậy ở mỗi người văn nghệ sĩ cần có sự cảnh giác từng giờ từng phút và kiến định một lập trường xã hội chủ nghĩa vững chắc.

Trước mắt người văn nghệ sĩ, hai con đường đã được vạch rõ để họ tự nguyện lựa chọn. Một là đi theo con đường vinh quang của nhân dân, hai là trở lại con đường nô lệ đế quốc, phản lại nhân dân, con đường phản quốc. Nhất định là giới văn nghệ Việt nam kiên quyết đi theo con đường trên, và vạch trần bộ mặt gian hiểm của bọn phá hoại *Nhân văn-Giai phẩm*, bọn chống Đảng, chống Tổ quốc, chống nhân dân, chống xã hội chủ nghĩa.

Tạ Phước (nhạc sĩ)

Đảng đã cho tôi thấy đâu là ánh sáng đâu là bóng tối đâu là bạn đâu là thù

Ở lớp học này, một lần nữa tôi thấy Đảng đã mở mắt cho tôi nhìn rõ trong bước ngoặt mới của cách mạng: đâu là ánh sáng đâu là bóng tối, đâu là bạn đâu là thù...

Đảng đã tiếp sức cho tôi một nguồn sinh lực mới để mà phấn đấu. Tôi đã thấy trong cuộc đấu tranh giai cấp gay go hiện nay, tôi phải dứt khoát đứng hẳn vào hàng ngũ giai cấp vô sản để mà nhìn nhận các vấn đề để mà hoạt động. Tôi đã giải quyết cho tôi được nhiều sự thắc mắc, sự hoang mang trong thời gian mấy năm qua. Những thắc mắc và đời sống gia đình, trong công tác, những hoang mang về thời cuộc trong nước và quốc tế.

Nhưng đến nay tôi đã vững vàng hơn: tinh thần quốc tế vô sản nhất là đối với Liên xô và Trung quốc được thêm củng cố và thắm thiết. Tôi thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Trong giai đoạn cách mạng mới, và càng thấy rõ trách nhiệm của mình phải tham gia phục vụ cách mạng tích cực hơn nữa.

Điểm nữa tôi muốn nói là lòng thương yêu và sự rộng lượng vô bờ bến của Đảng, đối với chúng ta và nhất là đối với các anh em *Nhân văn-Giai phẩm*. Nếu các anh em *Nhân văn-Giai phẩm* biết nhìn nhận một cách khách quan sẽ thấy rõ lòng thương yêu và sự rộng lượng đó. Sở dĩ các anh em có phạm sai lầm tai hại như trong giai đoạn qua một phần là vì các anh em đã ích kỷ chỉ biết nghĩ đến mình, chỉ phục vụ mình.

Không đặt mình ở địa vị chủ mà đặt vấn đề, lại cho mình là khách, luôn luôn đòi hỏi được đãi ngộ. Vì sự đãi ngộ không bao giờ được vừa ý, vì cho sự cống hiến của mình rất là nhiều. Nhưng các anh em đó đã không khiêm tốn mà nhận rằng một số ít cống hiến của mình là do nhờ Đảng, nhờ nhân dân mà có, chính Đảng và nhân dân đã bồi dưỡng cho các anh, mà các anh không biết mà lại còn phụ ơn và phản bội.

Nhưng hy vọng rằng, các anh đó sẽ nhận rõ sự thương yêu và rộng lượng của Đảng, và rồi đây lại chịu sự giáo dục của Đảng, Chính phủ mới có tiền đồ được.

Ở lớp học này, tôi đã thu được nhiều kết quả, nhưng để duy trì và phát triển những kết quả đó, tôi thấy luôn luôn phải cảnh giác và đấu tranh với bản thân. Và tôi cũng biết rằng trong lớp không khí học tập đấu tranh, luôn luôn giúp đỡ tôi, nhưng bước ra khỏi lớp, sự sinh hoạt ở ngoài, nhất là ở thành phố, luôn luôn những ảnh hưởng phi vô sản tấn công; sự cảnh giác

cho tôi càng cần phải đề cao hơn nữa, để phát triển số kết quả tốt của lớp học, ra về tôi thấy có nhiệm vụ:

1. Phải cương quyết đấu tranh chống tư tưởng và hành động phản động ở chung quanh tôi.
2. Phải luôn luôn học tập chính trị, cải tạo tư tưởng.
3. Phải thấy rõ trách nhiệm của công tác, phục vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Trọng Loan, Văn An, Tô Hải, Cao Sơn, Xuân Thịnh, Trần Dư (Đoàn văn công quân đội)

Phải đập cho tan nát những nọc độc Nhân văn-Giai phẩm ảnh hưởng vào văn công quân đội

Nọc độc của nhóm Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi, Trương Tửu, Trần Dần, Lê Đạt v.v... qua các báo *Nhân văn-Giai phẩm* năm 1956 cũng đã ảnh hưởng rất xấu tới một số đơn vị văn công quân đội chúng tôi, cũng đã reo rắc những tai hại đáng kể tới một số anh chị em diễn viên hoặc mới nhập ngũ, hoặc vì trình độ chính trị thấp kém, nông cạn, vì tư tưởng lệch lạc: bất mãn, hờn hặc, vô kỷ luật, chịu ảnh hưởng xấu của tư tưởng tư sản một cách ngấm ngầm từ khi Hoà bình lập lại, nhất là ở các vùng thành thị. Những luận điệu phản động của *Nhân văn-Giai phẩm* như đòi “tự do dân chủ”, “Chống công thức” v.v... đã kích thích số diễn viên non nớt đó về lập trường giai cấp, có những lần đã chống đối lại tổ chức, chống đối lại lãnh đạo trong đơn vị ngay những tháng đầu tiên khi các loại báo phản động đó ra đời. Không nhận rõ thực chất “Tự do của Nhân văn - Giai phẩm” là tự do vô tổ chức, vô chính phủ, có những diễn viên đã coi thường điều lệnh nội vụ của quân đội, đi về không báo cáo, ra, vào trạm gác bất chấp cả kỷ luật cảnh giới, gây nên một nếp sống mất trật tự trong doanh trại, đã kích cán bộ khi chấp hành nội quy đối với mình. Đối với sự giáo dục một tư tưởng lành mạnh trong việc quan hệ nam nữ trong đoàn, số anh chị em đó cũng cho là “ngột ngạt, khó thở”, “thiếu dân chủ”; họ cứ quan hệ bừa bãi với nhau, toàn mượn những lời thơ văn của nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* để mớm cho nhau những tư tưởng bỉ ổi, gây nên những hiện tượng gái đa dâm, trai đa tình, phá hoại tình cảm lành mạnh của những diễn viên hãy còn rất ít tuổi. Vì trách nhiệm xây dựng cuộc đời cho diễn viên về tài năng cũng như về đời sống, vì trách nhiệm đối với xã hội, nhất là đối với các bậc cha mẹ, họ hàng có con em ở trong đoàn, chúng tôi kiên quyết ngăn cản những vấn đề “tự do yêu đương, tự do luyến ái xằng bậy” thì số diễn viên đó lại mượn lời Lê Đạt cho là “đem bực công an đặt giữa trái tim của họ”. Họ cũng đòi hỏi “học kỹ thuật trên hết” theo luận điệu phi chính trị của Đặng Đình Hưng, Văn Cao là những phần tử Nhân văn trong giới nhạc, lợi dụng danh nghĩa đảng viên để cấu kết chống Đảng, không thích học tập chính trị, lười sinh hoạt nội quy, chê lao động, ngại công tác; thậm chí có anh em còn mơ tưởng một cách mù quáng rằng có thể sau này sẽ lại mở lại những “tiệm trà”, “tiệm khiêu vũ” đòi xin giải ngũ ra ngoài quân đội để đem “tài nghệ” của mình lẫn vào đó kiếm chác, làm ăn hoặc giậy đàn hát tư để “sống cho nó ra con người tự do thoải mái” v.v... Những anh chị em đó đã ngoặc chặt tư tưởng của mình vào tư tưởng phản cách mạng của bọn *Nhân văn-Giai phẩm*.

Nhưng quân đội ta là quân đội của nhân dân, của Đảng Lao động Việt nam, đã được rèn luyện sắc bén trong bao năm chiến đấu anh dũng, đã được Đảng ta giáo dục cho một đạo đức Cách mạng vững chắc, cho nên, những anh chị em nói trên chỉ là một số người hãy còn rơi rớt lại những cái xấu xa mà thôi. Nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* kia đã không thể nào đánh lừa được tất cả. Cán bộ và toàn đơn vị đã cảnh giác kịp thời, nỗ lực đề cao trách nhiệm hơn trong việc xây dựng tổ chức, cho nên những hiện tượng xấu kể trên cũng không thể tồn tại được lâu dài và đã bị đập tắt.

Nhưng gần đây, những luận điệu bỉ ổi, độc ác của nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* lại thấy ngóc

đầu dậy, lại thấy xuất hiện lại trên tuần báo *Văn*, lại vẫn: tranh đả kích của Trần Duy, “Ông Năm chuột” của Phan Khôi, “Lời mẹ dặn” của Phùng Quán, “Bài thơ trên ghế đá” của Lê Đạt, v.v... Chúng tôi nhận thấy những nọc độc đó lại rất sẽ có thể gây lại những ảnh hưởng tai hại vào trong các đơn vị chúng tôi. Chúng tôi kiên quyết cùng các anh chị em văn nghệ sĩ đấu tranh mạnh mẽ và triệt để, lên án một cách nghiêm khắc tất cả cái bọn đã đội lốt văn nghệ sĩ, đã lạm dụng chữ nghĩa, văn chương (là bọn *Nhân văn-Giai phẩm*) để reo rắc những nọc độc phản cách mạng vào tư tưởng trong trắng của thanh thiếu niên nghệ thuật đang vươn lên một sức sống xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta và nhất định giữ vững đường lối văn nghệ xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo.

Phạm Văn Chường, Dzoãn Mẫn, Phạm Ngũ, Hoàng Dương, Vũ Tuấn Đức, Vũ Thuận, Đào Trọng Từ (Trường âm nhạc Việt Nam)

Chúng tôi lên án những âm mưu đen tối của nhóm Nhân văn

Bộ mặt thật chống đối về chính trị và phản động về văn nghệ của nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* thật là rõ ràng. Riêng trong lĩnh vực âm nhạc, lợi dụng và xuyên tạc phương châm “trăm hoa đua nở” “tự do sáng tác”, họ đã có những âm mưu nhằm phủ nhận giá trị các tác phẩm Cách mạng và Kháng chiến, gieo rắc nọc độc chống đối, hoài nghi trong anh em giới nhạc. Dùng thủ đoạn bẻ phái, ly gián “vừa đánh vừa kéo” như chính lời họ đã thú nhận để lũng đoạn Hội Nhạc sĩ, chúng đã dựng đứng lên những “nhóm” này, “phái” kia một cách giả tạo, thực chất là đi đến chỗ phục hồi những khuynh hướng sáng tác lai căng, uỷ mị, xa lìa thực tế. Tung ra khẩu hiệu “chiến tranh kỹ thuật” trong khi chính bản thân họ lại là những người ít nắm được kỹ thuật hơn ai hết - những phần tử như Văn Cao, Đặng Đình Hưng, Từ Phác, Nguyễn Văn Tý... đã một mặt tác động tinh thần những người có trách nhiệm lãnh đạo, gây cho những người này tâm lý “đóng cửa traу dôi bản lĩnh” lỏng tay cho bọn thừa cơ len lỏi vào những cương vị có tính chất chi phối đường lối phát triển âm nhạc (trong Ban chấp hành Hội Nhạc và Tập san âm nhạc); một mặt gây hoang mang trong anh em trẻ, kích động họ để biến những yêu sách bồi dưỡng chuyên môn đi đến chỗ “kỹ thuật trên hết” “chỉ cần nhân tài”, tách rời chính trị và xa lìa quần chúng.

Là những người công tác âm nhạc trong phạm vi giáo dục, chúng tôi nghiêm khắc lên án những tư tưởng chống đối nguy hại, những hành động bất chính và âm mưu đen tối của nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* kiên quyết kiểm tra để tẩy trừ những di hại của nọc độc đó, đoàn kết chặt chẽ với nhau hơn nữa để đẩy mạnh công tác giáo dục âm nhạc trên đường lối văn nghệ của Đảng.

Thế Lữ (Chủ tịch Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam)
Bọn phản cách mạng đã phải hiện nguyên hình

Hội nghị học tập của chúng ta đã đạt được kết quả thắng lợi quan trọng.

Sự thực đã rõ ràng, sáng, tối, trắng, đen đã được phân biệt rành mạch.

Nhóm phá hoại *Nhân văn*, trong một thời gian, đã làm cho hai tiếng “Nhân văn” bị nhuộm những ý nghĩa xấu xa hèn hạ nhất: - lừa bịp, nham hiểm, bội bạc, bất nghĩa, bất nhân...

Bọn phản cách mạng, cầm đầu *Nhân văn* đã phải hiện nguyên hình. Từ trong bóng tối lộ ra những tên “học giả” giả hiệu, đồ đệ bọn tò - rôt – skít; những tên “nhà báo” phản quốc đã có thành tích; những con buôn đầu cơ chính trị và văn nghệ; những tên mặt thám cha truyền con nối và những tên gián điệp chuyên nghề.

Thủ đoạn của chúng cũng đã bị bóc trần.

Chúng dùng tà thuyết và nguy hiểm mê hoặc nhân dân và quyến rũ những phần tử hư hỏng đi theo chúng, bán rẻ tim óc cho chúng. Hạng sau này, trước hết là những người văn nghệ đi trong cách mạng nhưng mang nặng tâm tư đời sống cũ, luyện tiếc nếp sống ích kỷ buông tuồng, suy nghĩ và làm việc theo nếp dễ dàng tùy thích cá nhân, chui vào hồ văn nghệ đời truy khói mù, và lấy đó làm vũ trụ cho tâm hồn sáng tạo. Theo gót họ là những “tài năng” non dại, ngây ngất trong những lời tăng bốc, bắt mùi cảm dỗ, và lao mình vào những dục vọng thấp kém, tìm hưởng những cuộc lạc thú nguy hiểm - những thứ độc hại ấy vẫn chưa nhỏ hết gốc rễ trên đất sống xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang đặt móng, xây nền.

Hạng người trên đây, hoặc bản thân đã muốn chống cách mạng, hoặc chỉ muốn cách mạng khoan chuyển bước để họ có thì giờ lượm nốt những lạc thú tàn rơi trên đường. Ẩn sau chiêu bài đấu tranh cho văn nghệ dưới hiệu cờ *Nhân văn*, họ trở thành những phần tử kiên quyết phá hoại cách mạng.

Tất cả nhóm người đó lòng lộn điên cuồng, hò hét trợ uy cho nhau. Và tiếng om sòm của họ vang âm lên làm cho họ tưởng đó là thanh thế của lực lượng.

Kiên hãnh với thứ lực lượng đó, họ tự cho mình thêm dũng cảm. Họ tự nhận lấy cái *sứ mệnh* thảm hại là hô nhau cản bước cách mạng đang chuyển sang xã hội chủ nghĩa với cái đà tiến lịch sử không gì cưỡng nổi.

Mưu đồ của bọn phản cách mạng đã bị phơi bày.

Chúng ta đã vạch rõ ranh giới giữa ta và bọn chúng.

Trong hội nghị học tập này dưới ánh sáng chính nghĩa của Đảng cuộc đấu tranh đương diện về tư tưởng đã chỉ cho số anh em văn nghệ bỏ hàng ngũ nhận ra lầm lỗi nghiêm trọng; cuộc đấu tranh cải tạo tư tưởng đó đã đưa những người ấy trở về với chúng ta. Cuộc đấu tranh còn là một phen rèn luyện tư tưởng cách mạng văn nghệ sĩ chúng ta.

Chúng ta nhận thấy ở dịp này sự sáng suốt là lòng nhân đạo lớn lao của Đảng. Đảng đã giúp chúng ta đạt được cái kết quả rất phấn khởi, là hôm nay, sau một tháng mười ba ngày học tập, chúng ta nhìn thấy đông đủ mặt nhau đây, không một người nào rơi rụng.

Đảng đến với chúng ta chí tình.

Đề nghị anh chị em văn nghệ chúng ta cũng đem hết nhiệt tình đáp lại ơn Đảng: Chúng ta nguyện tiếp tục rèn luyện trong đấu tranh cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa và làm tròn nhiệm vụ của người chiến sĩ văn nghệ dưới lá cờ vinh quang của Đảng.

Bừu Tiên (nhà viết kịch)

Nhóm Nhân văn-Giai phẩm, những con người bội bạc

Hôm qua tại đây, trên lá cờ bản thủ, rách nát của nhóm *Nhân văn-Giai phẩm*, bạn Nguyễn Khải đã đề năm chữ: đốt, dát, điều, hèn và bịp – Tôi muốn thêm chữ thứ sáu: bạc - Những người làm *Nhân văn-Giai phẩm* là những con người bội bạc, xấu xa.

Họ là những người như thế nào trước đây. Phan Khôi đã phản Cách mạng ba lần, trước

Cách mạng – Và ngày Cách mạng mới thành công, quân Pháp – Anh khởi hấn ở Nam bộ, còn dứng tay vào âm mưu lật đổ chuyển xe chở Giải phóng quân đi Nam tiến tại Quảng nam. Trương Tửu đã là cánh hẩu của tay mật thám Pháp Cousseau, trong khi hoạt động ở nhóm Hàn Thuyên – Và gần ngày khởi nghĩa, khi thấy phát xít Nhật khủng bố tự vệ, trước cảnh máu chảy đầu rơi của thanh niên Việt nam, đã cười khoái trá như một kẻ địch: “Làm non thì cho chết!”

Nguyễn Hữu Đang là một tay hung hăng, chống lại chủ trương của Đảng trong việc lật đổ cụ Nguyễn Văn Tố trong hoạt động Truyền bá Quốc ngữ - Và luôn luôn muốn lập giang sơn riêng đối lập với Đảng. Trở lên là những tên lưu manh chính trị, còn những người khác thì sao? Văn Cao đang đắm chìm trong khói thuốc phiện của tiệm nhầy - Trần Dần đang tràn ngập trong khói thuốc phiện của nhóm Dạ Đài - Hoàng Cầm đang lang thang trên vỉa hè – Đặng Đình Hưng đang là một anh giáo chết đói, chạy việc lằng nhằng - Lê Đạt còn là một sinh viên mới rời ghế nhà trường - Phùng Quán còn là một chú bé con nhà nghèo và thất học. Đối với những con người hoặc tội lỗi, hoặc truy lạc, hoặc lang thang, hoặc non dại ấy, Đảng đã làm gì? Đảng đã giữ lại những cái đầu, đáng lẽ phải rơi ngày khởi nghĩa như Phan Khôi. Đảng đã kéo những cái xác ra khỏi hố truy lạc. Đảng đã chỉ đường cho những kẻ lang thang. Đảng đã nuôi cơm và dạy học cho những người non dại. Đảng đã đưa họ đi vào con đường tự cải tạo, của cuộc kháng chiến thần thánh của toàn dân. Và rất mong trong lò lửa rèn luyện đó, họ sẽ gột rửa được những nhơ nhớp trong tâm hồn họ.

Trong lúc nhân dân kháng chiến gian khổ, quân dân đã có những lúc thiếu cơm ăn, thiếu súng đạn trong lúc những quân dân hi sinh anh dũng dưới làn súng đạn của giặc, họ đã làm gì? Phan Khôi ở tít trong rừng sâu Việt Bắc, cơm trắng có, cơm đen có, áo lụa mùa hè có, chăn bông mùa đông có, làm khó khăn cho cơ quan mỗi khi di chuyển, và than vãn: “Kháng chiến mãi thêm già!”

Trương Tửu tản cư ở một làng, vùng tự do, ăn uống phê phỡn, sống trên lưng vợ ngược xuôi buôn bán dưới làn đạn máy bay của giặc, tẻ hơn nữa, trên lưng ông bố già, ngày ngày rập mình trên bàn máy may, và trên lưng nhân dân đang thiếu thốn, Nguyễn Hữu Đang trốn công tác, chửi cách mạng ngay từ khi còn ở vùng tự do, làm quân sư cho tên Minh Đức. Số khác trong lúc làm công tác, ít nhiều đã làm trở ngại cho quân đội, cho cơ quan.

Trở về hoà bình, Đảng vẫn kiên trì giáo dục họ, đối xử với họ rất rộng rãi:

Phan Khôi “toạ hường” đầy đủ tiêu chuẩn vật chất. Trương Tửu trở thành một giáo sư trường Đại học - Nguyễn Hữu Đang, làm báo *Văn nghệ*.

Trong kháng chiến, dưới làn mưa đạn của giặc, họ “khiêm tốn” nằm im bao nhiêu, thì ngày nay, trong hoà bình, trong khoan hồng của Đảng và của nhân dân họ “yêng hùng” hò hét bấy nhiêu. Trong những phút nguy hiểm đến tính mạng, họ vui lòng “nhường” cho Đảng và công nông binh hi sinh. Nhưng bao giờ, bờ lặng sóng im rồi, họ muốn nhẩy ra toạ hường như những tên địa chủ cướp ruộng nông dân ngày trước. Họ cảm thấy cuộc cách mạng còn tiến lên xã hội chủ nghĩa, còn gian khổ, gay go. Họ muốn tìm hãm cuộc cách mạng ngừng lại ngang đây, cướp công của toàn dân của Đảng.

Rắp tâm đó, họ đã nuôi sẵn! Gặp dịp khó khăn của Đảng, của nhân dân, họ nhẩy ra, đấm đá túi bụi, hò hét huyền thuyên, phát cao lá cờ, kết bằng những mụn giẻ rách^[1] của phong kiến suy tàn, của tư sản phản động, và họ cũng không quên cả tàn dư đế quốc, kết hợp với tàn dư tở-rốt-skit còn lại trên miền Bắc này.

Những tên già kéo những tên trẻ, làm thành một bầy *Nhân văn - Giai phẩm* la sủa om sòm, cắn vào Đảng, cắn vào nhân dân. Bè lũ Mỹ Diệm trong Nam, đọi chờ sẵn, cũng chõ mõm sủa ra tiếp sức cho họ. Họ gieo hoang mang ở miền Bắc, phủ nhận bao nhiêu mồ hôi nhân dân miền Bắc đã đổ ra hàn gắn chiến tranh, xây dựng đất nước. Họ nhắm mắt trước những thành tích quá rõ ràng đó. Họ gây nợ xương máu ở miền Nam, nói giáo cho giặc đàn áp đồng bào ở miền Nam? phần uất chống lại luận điệu xuyên tạc của họ. Họ bưng tai trước những tiếng thét căm phẫn vang dội đó.

Họ là những người phản bội đê hèn nhất!
Họ đã phản lại vợ con họ trong những ngày gian khổ.
Họ đã phản lại bạn bè đã cùng chia miếng cơm, tấm áo với họ.
Họ đã phản lại Đảng đã cứu vớt họ.
Họ đã phản lại nhân dân đã khoan hồng và nuôi sống họ.
Họ đã phản lại Tổ quốc, đã rướm máu đầy mình mới giành lại được Độc lập một nửa nước.
Họ phải hiểu rằng: Nhân dân đã đem xương máu để bảo vệ Tổ quốc trong 9 năm kháng chiến. Nhân dân sẵn sàng đem xương máu bảo vệ cho thắng lợi của kháng chiến. Hò hét của họ chỉ là tiếng sủa càn của một bầy chó dại không thể cắn được. Nhân dân ta và giới văn nghệ chúng ta cứ đi lên xã hội chủ nghĩa theo lá cờ của Đảng.

Thanh Hương (nữ diễn viên Đoàn Văn công nhân dân Nam bộ)
Tôi nguyện đi theo con đường xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo

Hôm nay tôi xin phát biểu một số ý kiến và tỏ bày với Hội nghị vài nét về tâm sự của tôi.

Trước hết, tôi xin tỏ lòng trung thành biết ơn Trung ương Đảng, biết ơn Hồ Chủ Tịch đã cho tôi được dự khoá học này. Khoá học này đã mở cho tôi một chân trời mới, chân trời Cách mạng xã hội chủ nghĩa chói rạng khắp tâm hồn của toàn thể nhân dân lao động trong xã hội đều được danh dự cống hiến sức lao động của mình để kiến thiết và xây dựng xã hội chủ nghĩa thắng lợi, đem lại cơm no, áo ấm và hạnh phúc cho giai cấp vô sản và nhân dân lao động.

Được dự khoá học này, nhờ Đảng chỉ cho tôi cách nhìn và đứng trên lập trường Cách mạng của giai cấp vô sản, dựa theo hai văn kiện của Đảng cộng sản và các Đảng công nhân họp ở Mát-sco-va mà soi rọi thì tôi thấy rằng: trước kia tôi đã đi vào kháng chiến với ý thức Cách mạng giải phóng dân tộc. Cái mơ ước chính của tôi là góp công sức vào công cuộc kháng chiến vĩ đại để đánh đuổi đế quốc ra khỏi nước, giành độc lập Tổ quốc, giải phóng ách áp bức bóc lột ngàn đời cho toàn dân, trong đó nghệ thuật được giải phóng. Mục đích chính của tôi lúc bấy giờ là sau khi kháng chiến thành công, sân khấu cải lương sẽ được diễn những vở nội dung lành mạnh, tôi cũng sẽ được biểu diễn phục vụ đại đa số nhân dân, sẽ thoát khỏi cảnh trước kia bọn đế quốc phong kiến dùng nghệ thuật làm công cụ tuyên truyền cho chính sách áp bức bóc lột dã man của chúng người nghệ sĩ phải chịu cảnh chà đạp, rẻ rúng, tủi nhục từ vật chất lẫn tinh thần, nhất là nữ giới chúng tôi. Vì thế nên khi Hoà bình lập lại là tôi đã tự thoả mãn, đã tự coi như chỉ còn lo biểu diễn nghệ thuật mà thôi. Thời gian qua tôi đã nghiêng hẳn về công tác chuyên môn, nhẹ học tập lý luận, không áp dụng lý luận chính trị vào công tác thực tế của mình.

Hôm nay, tuy nhận thức chưa đầy đủ, nhưng tôi thấy rằng: nhờ khoá học này đã làm cho tôi thức tỉnh, đã mở mắt cho tôi bước đầu thấy được con đường đi tới Cách mạng xã hội chủ nghĩa là con đường đấu tranh giai cấp, nghĩa là giữa chúng ta và giai cấp tư sản, đấu tranh cải tạo dần từ cá nhân đi vào tập thể, từ tư hữu thành công hữu, xoá bỏ giai cấp bóc lột là một vấn đề gay go phức tạp, mà vấn đề cải tạo tư tưởng lại càng gay go phức tạp. Nhưng

chỉ có con đường Cách mạng xã hội chủ nghĩa thì con người mới được ấm no hạnh phúc và nghệ thuật mới được phát triển lành mạnh để phục vụ nhân dân lao động được kết quả và vinh quang hơn hết.

Trong khoá học này có dịp tôi ôn lại, từ khi tham gia kháng chiến đến 3 năm hoà bình, văn nghệ nói chung đều nhờ có đường lối lãnh đạo sáng suốt của Đảng mà công tác văn nghệ phục vụ được tốt và lập được nhiều thành tích vẻ vang, đẹp đẽ. Riêng tôi, luôn luôn từng bước đi đều có Đảng chỉ bảo dắt dúi.

Bọn phá hoại *Nhân văn - Giai phẩm* xuyên tạc rằng Đảng ta giáo dục con người rập khuôn. Tinh thần của chúng chẳng qua chỉ là muốn phá hoại mọi tổ chức, mọi kỷ luật để được tự do phát triển cá nhân chủ nghĩa đòi truy của chúng mà thôi. Nhưng theo tôi, nếu rập khuôn để được rèn luyện, cải tạo cho mình có một tinh thần vì nhân dân phấn đấu, một đời phụng sự Cách mạng, đem sức lao động của mình cống hiến cho sự nghiệp Cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi, thì tôi xin tự nguyện rập theo khuôn mẫu của Đảng ta giáo dục ấy để phụng sự Cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi.

Một số nhà văn tự phê bình

Nguyễn Tuân Nhìn rõ sai lầm

Trước Cách mạng tháng Tám và trước ngày Kháng chiến, tôi sống tuyệt đối bằng cảm tính, chỉ dựa hoàn toàn vào những xúc cảm bản năng và phản ứng tình cảm để đánh giá cái tốt cái xấu cái thiện cái ác. Tôi nghĩ rằng thời kỳ ấy, tôi đã là người của thuyết hư vô và nhiều lúc đã quan niệm một cách nguy hiểm rằng người trí thức chân chính là phải hoài nghi tất cả. Đối với vấn đề đảng phái và hoạt động đảng phái, kể cả Đảng ta, lúc ấy, tôi hết sức né tránh, nghĩ sai rằng nghệ thuật là ở ngoài chính trị và còn ở trên cả mọi chính trị, mọi hoạt động chính trị. Về những vấn đề lớn thuộc về vận mệnh dân tộc, tôi nghĩ rằng cái biểu hiện yêu nước của tôi ở tôi, tôi chỉ xin khụng nó gọn vào vấn đề xây dựng tiếng nói dân tộc mà bản thân mình sẽ cố công đóng góp vào ít nhiều, qua những tìm tòi sáng tác văn học của bản thân mình. Trước mọi biểu hiện và mọi tương quan với cuộc sống chung quanh, tôi tự cho tôi là một đơn vị. Đối với chủ nghĩa Cộng sản, con người duy tâm và tự do vô chính phủ của tôi đã là người tán thành cái thuyết viên vông được làm người cộng sản mà không ở trong tổ chức Đảng.

Về quan niệm nghệ thuật, trước đây, tôi là người của phái nghệ thuật vị nghệ thuật, tức là tôi chủ trương nghệ thuật không phục vụ chính trị. Một số sách và tiểu thuyết của những tác giả tờ-rốt-skít hoặc có quan điểm tờ-rốt-skít về tư tưởng nghệ thuật, đã ảnh hưởng phần nào đến cái nhìn của tôi đối với Xít-ta-lin, đối với những hoạt động chính trị, và cụ thể là rất có định kiến nghi ngại đối với tổ chức Đảng nói chung trên thế giới cũng như ở ta. Tôi cho rằng làm chính trị thì không tránh được thủ đoạn này thủ đoạn khác và trên cái nhận thức sai lệch ấy, tôi càng tách con người văn nghệ ra khỏi bất cứ hoạt động chính trị gì.

Có thể nói rằng tôi vẫn còn kéo dài cái sống phiêu lưu ngay cả sau thời kỳ Cách mạng tháng Tám đã thành công rồi, và sự cải tạo tư tưởng của tôi chỉ mới bắt đầu có từ ngày Kháng chiến. Cuộc đấu tranh võ trang khắp nước đã cho tôi những điều kiện khách quan và chủ quan để dần dần nắn uốn lại một các nhân sinh quan đòi bại ở trong tôi, cụ thể là giải quyết bước đầu cho tôi về các mặt tư tưởng hoài nghi. Trong những năm Kháng chiến, công tác và sáng tác của tôi, tuy chưa có là bao nhiêu, nhưng đều chứng minh cái kết quả bước đầu của cuộc cải tạo đó. Và tôi thấy cần phải nói thêm rằng có được cái kết quả ấy, cũng là nhờ ở

phần khách quan nhiều hơn là phần chủ quan, và nhất là nhờ có cái phần Đảng diu dặt cho. Cuộc sống kháng chiến có gian khổ về mặt vật chất và thể xác, nhưng có những thuận lợi khác về mặt trau dồi^[2] tinh thần cầu tiến và nhiệt tình cách mạng. Tuy chưa được toàn tâm toàn ý, nhưng tôi cũng đã gắn bó rất nhiều với Đảng với nhân dân và tìm cái lẽ sống còn của bản thân mình trên cái cơ sở tập thể lớn lao ấy. Và mọi băn khoăn cá nhân chủ nghĩa, về căn bản, đã được dẹp xuống. Hoà bình trở lại đây, điều kiện khách quan đổi khác cả. Cách mạng chuyển giai đoạn đã mấy năm nay, tư tưởng tôi không những đã không chuyển theo kịp mà lại còn có những điểm ngoặt trở lại với những nếp cũ của thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám.

Cũng như nhiều anh chị em cán bộ khác về làm việc ở thành thị ngay từ ngày đầu tiếp quản, tôi cũng vẫn nói với tôi là đấu tranh hoà bình gian khổ phức tạp; phần để phần phong trong kháng chiến, thế mà còn dễ hơn cái giai đoạn cách mạng này nó đánh thẳng vào con người trí thức tiểu tư sản mình còn nặng những cái căn của tư tưởng tư sản. Nhưng đồng thời tôi lại vẫn bảo cả tôi và cả nhiều người khác cùng một thành phần giai cấp: “Tư tưởng tư sản và lực lượng tư sản ở ta, có gì mà làm ghê đến thế?”. (Tôi nhớ lại rằng trong hồi phát động quần chúng để cải cách ruộng đất, hình như tôi cũng đã kêu rằng giai cấp địa chủ và tư tưởng địa chủ ở ta thực ra có gì mà ghê gớm đến thế?”

Từ sau hoà bình, con người cầu an hưởng lạc ở tôi dần dần hồi sinh lại với cái nếp trước của người thị dân cũ trong tôi, vào những ngày đầu của Cách mạng tháng Tám. Tôi kêu cái này cái khác, đòi hỏi Cách mạng phải thế này thế kia, tiếng kêu phù hợp với cái tiếng nói của chủ nghĩa hoà bình của cái số người cho rằng “miền Bắc ta làm mạnh quá, tốc độ chính sách đi gấp đi dữ như vậy, e khó mà tranh thủ được miền Nam”. Lập trường của tôi bấp bênh, nên tôi mâu thuẫn với tôi: vừa lo mình dồn đẩy nhanh quá, lại vừa sốt ruột cho tình hình ị ạch đủ các mặt. Đối với hiện tượng này hiện tượng khác về hộ khẩu, về thị trường của phần kinh tế quốc doanh, về đời sống anh bộ đội phục viên, về mức sống công trường xí nghiệp, về đợt năm của cải cách ruộng đất, về đê vỡ, những tình cảm tiểu tư sản trong con người động dao của tôi lại vẫn lên rất nhiều oán tiếc hờn dỗi nó kết lại thành một cái cách nhìn phiến diện để dẫn tới một cách nhìn khác bất công và u uất, bất mãn và nghi kỵ. Chuyện trong nước đã thế, nhìn ra cả trong phe trong khối ta, thì thấy toàn là những sự việc và hiện tượng nó vượt quá cái trình độ nhận thức vốn lệch lạc của mình, và vượt quá cái khả năng đánh giá vốn một chiều và cục đoan của mình. Đứng trước những khó khăn mới của Cách mạng chuyển mạnh giai đoạn, cái chất hoài nghi cố hữu ở trong tôi đã ngóc dậy rất mạnh nhất là từ sau Đại hội XX Đảng Cộng sản Liên xô.

Lần lại cái mạch tư tưởng của tôi ngược lên hồi Cách mạng tháng Tám, tôi thấy trong hệ thống tư tưởng của tôi đã có những luồng sóng ngầm nó quật lại nó dội lên, sau một giáp mười hai năm có bị chìm xuống. Trong cơn khủng hoảng này, vì lạc phương hướng mà có lúc tôi đã nói đã nghĩ đã viết ra như là một người không phải là đảng viên. Một đôi khi, còn bắt được mình đang thoát ly Đảng trong tư tưởng. Nay giật mình nhìn lại, thấy mình đã có trôi trên cái dốc của quan điểm chủ nghĩa xét lại. Lòng tin bị nứt vỡ, cho nên đối với sự việc này sự việc khác, đối với tài liệu này tài liệu khác, hay đòi lật ngược lại. Học tập tình hình thế giới còn dễ thông hơn tình hình trong nước. Nguồn tin chính thì tiếp thu có điều kiện, các nguồn tin khác thì nhận và phát đi một cách đi một cách dễ dàng. Lập trường tư tưởng đã có sự lẫn lộn, cho nên nghiệt ngã với ý kiến của đồng chí, của bạn, cho nên dễ hoà theo với lời xúc siểm dèm pha tán tỉnh của bọn ác bọn xấu. Cái phần vẫn đục trong con người hoài nghi của tôi đã là một miếng đất thuận tiện cho sự nảy nở của những tư tưởng do các nguồn đối địch gieo vào. Và muốn hay không muốn, trong một số công việc nhất định, tôi đã trở nên một cái bình phong cho bọn xấu dùng được.

Về phần sáng tác, gần đây tôi đã gặp những khó khăn tổng tư tưởng sáng tác. Cũng là do bị quan hoang mang tác động và hạn chế cái nhiệt tình của người nghệ sĩ cách mạng. Cũng là do cái phương pháp tư tưởng nặng về hiện tượng vụn vặt mà không nhìn thấy cái đại thể của Cách mạng và cái hướng của sự vật trong quá trình phát triển cách mạng. Cũng là do lẽ này lẽ khác, nhưng cái chính là cái nguyên do ngờ vực. Chính vì sa sút đi cái lạc quan cách mạng đó, mà trên một số bài tôi viết ra ít lâu nay, tôi đã đi vào chỗ lệch, chỗ sai, đã lạc hướng về tư tưởng và làm lẩn về chỗ đứng của người đảng viên văn nghệ. Tôi đã có xu hướng tách văn nghệ ra khỏi chính trị và đối lập văn nghệ với chính trị. Ví dụ ở tuần báo *Văn* dưới đầu đề “Phê bình nhất định là khó” tôi đã viết “*Nếu đã có những tác giả còn not not, nếu đã có những tác phẩm yếu xoàng, thì cũng đã có một số cán bộ thực hiện chính trị một cách cũng không cao tay gì lắm ...*”

Đối với tác phẩm in lại, tôi tự tiện gạt đi cái phần chính trị của vấn đề để chỉ còn thấy có phần nghệ thuật. Đề tựa cho tập sách *Thạch Lam* và vở kịch *Kim tiền* của Vi Huyền Đắc, tôi chỉ có đề cao tác phẩm và tác giả mà không đứng trên cái quan điểm văn học vô sản của người phê bình cách mạng mà vạch ra những nhược điểm khuyết điểm và sai lầm của tác phẩm. In lại tập *Vang bóng một thời* của tôi, tôi cũng thiếu mất cái trách nhiệm của người tác giả đối với độc giả mà xác định thái độ của mình về nội dung tư tưởng của tác phẩm cũ. Thậm chí, còn đưa vào sáng tác tất cả cái bức bối, cái hờn dỗi với thực tế, chì chiết cạnh khoe điều này điều nọ, như ở trong bài “*Cây Hà nội*”: “...*con người ở đây ít chú trọng đến cây... ở đây, con người đối với con người vẫn chưa đủ mức chú trọng, nói chi đến chuyện chà đạp... đôi lúc có nhớ đến người này người nọ thì ta chỉ quen nhớ những cái lúc họ đánh đổ hoặc đánh vỡ một cái gì...*” Thực ra chủ nghĩa nhân đạo cộng sản chúng ta không bao giờ dạy con người tự mình tách khỏi tạo vật chung quanh và chà đạp hoa cỏ cây cối, thực ra Đảng ta quan tâm đến trình độ văn hoá cần nâng cao dần cho quần chúng nhân dân, trong ấy mặc nhiên là có cái phần giáo dục thẩm mỹ, dạy con người yêu quý hoa cỏ quả cây và hướng nó vào cuộc sống cần lao của tập thể. Những câu đại để như ở bài “*Cây Hà nội*”, với cái lối nói ồm ờ đó, đã phần nào biến mùa xuân miền Bắc thành ra những cái ngậm ngùi kích động đến những tâm sự sửa sai, tạo thành những cái đơn chiếc và mất công trong cách nhìn ra thực tế sinh động trên đất nước. Cách nhìn không lành mạnh ấy thật là không xứng đáng với bất cứ nhà văn nào muốn đóng góp giấy mực của mình vào cái quyết tâm cùng chung sức xây dựng miền Bắc của mọi người. Cách nhìn và cách viết ấy không giải quyết gì cho sự sống nặng nề đang cần phải bốc lên đẩy lên. Nó có phần nào đã làm đầu têu cho một số mồm và bút sẵn sàng mượn khéo văn chương để nói cạnh và chửi đổng, móc máy việc này việc khác.

Nhưng trong cả một mớ lệch, lạc, lẩn, sai của tôi ít lâu nay, cái sai lầm tôi cho nghiêm trọng hơn hết, tức là cái sai lầm của tôi đối với nghị quyết của Bộ Chính trị của Đảng nhận định về tình hình văn nghệ.

Nghị quyết phân tích sâu sắc, tổng kết đầy đủ rõ ràng về sự lũng đoạn của phần tử đối địch trong văn nghệ. Tôi được phổ biến nhiều lần về nghị quyết này, tôi vẫn cứ khăng khăng cho rằng văn học nghệ thuật ta ít lâu nay có vấn đề và đang có những vấn đề cần phải giải quyết sớm, tức là có nghiêm trọng về tình hình, nhưng không đến nỗi nghiêm trọng đúng như tinh thần và con chữ đã vạch ra trong từng chương mục của nghị quyết. Tại sao phải trải qua hơn ba tháng rông hạp tập liên hệ, phải trải qua rất nhiều khó khăn của diễn biến tư tưởng và qua bao nhiêu công sức của đồng chí và đồng nghiệp giúp đỡ cho mà nay tôi mới nhất trí được với toàn bộ nghị quyết của Đảng về tình hình văn học nghệ thuật?

Chính là vì tôi đã mơ hồ về lập trường, không phân rõ địch ta, nên không nhìn thấy vấn đề đấu tranh giai cấp trong lĩnh vực văn học nghệ thuật giữa lúc Cách mạng tiến lên đang đánh vào tất cả những cái gì dám chống đối và phản lại nó. Chính vì tôi non yếu và mơ hồ về

chính trị, nên không thấy cái mặt chính trị của vấn đề văn nghệ đây. Bản chất cầu an hưởng lạc nghỉ ngơi ở tôi đã làm tôi mờ nhạt về sự tất yếu của cuộc đấu tranh này và quên cả cái tính chất của tổ chức Đảng ta là một tổ chức chiến đấu và đang cần chiến đấu quyết liệt trên mặt trận tư tưởng (Cuối 1956, đóng cửa *Nhân văn*. Tôi là một chữ ký trong bản kiến nghị của nhiều anh em văn nghệ sĩ ký ngày 13-12-56; nhưng trong tôi vẫn còn phân vân về biện pháp hành chính dùng với *Nhân văn*. Nay tôi đã thấy rõ là không thể thuyết phục cải tạo tờ báo đó và biện pháp ấy là biện pháp duy nhất). Chính vì tôi có xu hướng tách văn nghệ khỏi chính trị nên tôi không nhận ra khía ^[3] chính trị của vấn đề. Tôi thường còn hay kêu là ít lâu nay ta làm chính trị quá nhiều trong văn nghệ và nên dành thời giờ để bàn về chuyên môn thì đúng hơn. Tôi không thấy rằng tình hình địch ta nghiêm trọng đã như thế, thì cái yêu cầu cấp bách của văn nghệ hiện nay là giải quyết về chính trị đã, rồi trên cái cơ sở trắng đen đã phân rõ ấy, trong nội bộ nhân dân của văn nghệ, mới thanh thoát được cho sự thảo luận chuyên môn văn nghệ. Không nhìn nhận ra được chỗ sáng suốt của nghị quyết của Đảng về tình hình văn nghệ bị lũng đoạn, tôi cho cái nguyên nhân chính còn nằm ở cái chỗ lòng tin của tôi đối với Đảng. Từ sau hoà bình và nhất là sau Đại hội XX Đảng Cộng sản Liên xô, lòng tin của tôi đối với Đảng đã có thêm những mảng đen của sự nghi ngờ. Thời kỳ mở phong trào chống chủ nghĩa sùng bái cá nhân cũng là thời kỳ tôi đi sâu vào một bệnh sùng bái khác. Tức là tôi đã tự phụ, tự túc, tự ái, tự đại mà sùng bái cái cá nhân tri thức tiểu tư sản của tôi. Tôi cho là phải phát triển tới cái độ cao nhất về việc suy nghĩ độc lập, lấy tư duy độc lập ra mà làm cái thừa trừ cho cái kiêu mà tôi vẫn gọi là: “cách nghĩ một chiều của nhiều đồng chí chúng ta”. Ngông nghênh với sự phát triển bừa bãi đó, tôi đã tự huỷ hoại mình về cái kiến thức bản thân thối phồng bơm to lên, tự phỉnh nịnh mình đến cái mức bọn ác bọn xấu dùng được mình mà không nhận ra, đến cái mức chỉ thấy có mình mà không thấy phương hướng trong tư tưởng. Qua một lần kinh nghiệm tôi tự phát trên một cái cơ sở cá nhân bấp bênh, nay tôi nghĩ rằng Đảng ta, trên con đường từ nay kiện toàn chuyên chính vô sản song song với mở rộng dân chủ, Đảng ta không những không hạn chế sự suy nghĩ độc lập của đảng viên và anh chị em trí thức, mà lại còn khuyến khích mọi người đóng góp cái phần trí tuệ chân cảm của mình vào cái khối trí tuệ vĩ đại của Đảng. Riêng tôi, sau một trận thử thách vừa rồi, qua cái bài học choáng váng vừa rồi để phân rõ thiện ác trong giới văn nghệ phức tạp tôi thấy sáng lên cái chân lý này:

- Muốn suy nghĩ độc lập, cần phải có cái vốn phong phú về thực tế đấu tranh, cộng với một căn bản lý luận cách mạng chắc chắn;
- Khi mình đã ngờ vực Đảng, thì dễ nghĩ sai và làm sai.

Những cái tôi nói đó, thực ra không có gì là mới cả nhưng riêng với tôi, nó có cái giá trị của một lần “suy nghĩ” vừa đau xót, vừa yên tâm, vừa lành mạnh. Viết ra đây cái điều trên, tôi thấy tôi thoải mái trong sự khiêm tốn thành khẩn và càng tới gần Đảng hơn bao giờ.

8-4-58

Nguyễn Huy Tường **Thấy lại phương hướng của Đảng**

Sau khi Đảng phát hiện những sai lầm trong cải cách ruộng đất, do lập trường không kiên định, tôi có phần e ngại những cuộc đấu tranh có tính chất giai cấp, sợ tổn hại đến khối đoàn kết toàn dân. Cái khuynh hướng thủ tiêu đấu tranh ấy đã dẫn tôi đến những nhận định chủ quan về tình hình văn nghệ. Tôi thấy ở đây không có vấn đề gì. Anh em có một số thắc mắc đối với lãnh đạo văn nghệ, nhưng chỉ ở trong phạm vi tìm tòi nghệ thuật. Cho nên khi có nghị quyết của Bộ chính trị về công tác văn nghệ tôi hoang mang cho là một số đồng chí trực tiếp phụ trách văn nghệ vẫn còn hẹp hòi và quan liêu không sát phong trào, thậm chí còn cho là ta lại rập theo cuộc đấu tranh chống phái hữu ở Trung Quốc.

Đến hội nghị văn nghệ hồi trong năm mở cho đảng viên, tôi thu hoạch được một điểm quan trọng là sự chuyển giai đoạn của cách mạng Việt nam, miền Bắc đã ở vào thời đại xây dựng chủ nghĩa xã hội và để thực hiện sự nghiệp cách mạng ấy, Đảng và nhân dân ta phải tiến hành một cuộc đấu tranh quyết liệt đối với tư tưởng chống lại công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Nhưng tôi vẫn chưa được thông về điểm nhóm phản động *Nhân văn* lũng đoạn văn nghệ. Tôi cho nói như thế là đánh giá chúng quá cao, cho nên đến hội nghị văn nghệ mở lần thứ hai cho văn nghệ sĩ trong Đảng và ngoài Đảng, tôi không được thoải mái lắm. Tôi nghĩ nếu lãnh đạo đúng thì văn nghệ sĩ tiến bộ lớn, mà sai thì giới chúng ta sẽ mang một vết thương khó mà hàn gắn được. Nhưng trong quá trình hội nghị, ánh sáng của Đảng dần dần chiếu sáng. Một số phần tử *Nhân văn* sau một thời gian được học tập, bắt đầu thú nhận những sai lầm tội lỗi, những tư tưởng mà họ thường rêu rao mấy năm nay, Đảng không lãnh đạo được văn nghệ, Đảng đàn áp trí thức, vùi dập^[1] nghệ sĩ, Đảng sợ phát hiện sự thật, càng không phải là chuyện trả thù báo oán, nhóm lãnh đạo không sản xuất đấu với lực lượng sáng tác, v.v... mà hiển nhiên chỉ có một chuyện là trong ba năm nay, những kẻ thù địch của Đảng của chủ nghĩa xã hội, của Tổ quốc chúng ta đã lũng đoạn chúng ta về tư tưởng, về tổ chức một cách nghiêm trọng, đúng như nghị quyết tháng mười một 1957 của Bộ chính trị đã sáng suốt nhận định, và hội nghị này đã vạch trần cái chân tướng của họ ra. Vì họ, mà các cơ quan, các đoàn thể văn nghệ không còn là nơi để bàn những vấn đề của văn nghệ, để người văn nghệ nói với nhau những lời chân thành xây dựng đẩy cho văn học nghệ thuật Việt Nam lớn mạnh lên, mà gần như chỉ là nơi để họ nói xấu, chửi rủa, phá phách, chia rẽ, và bỉ ổi hơn nữa, mưu tính những việc hại dân, hại nước. Họ đã phun những nọc rắn, nọc rết vào vườn hoa văn nghệ đáng lẽ tốt tươi hơn của chúng ta. Tư tưởng của tôi đã bị chúng lũng đoạn đến độ tôi không nhìn thấy cái sự thật nguy hiểm mà Đảng và quần đại quần chúng đã nhận rõ từ lâu.

Dưới ánh sáng nghệ thuật của Trung ương, nhìn lại những việc đã làm, tôi có cảm giác là một sự giật mình. Tôi đã mắc những sai lầm không xứng đáng với một đảng viên. Tôi đã làm những gì? Trước hết, trong khi kiểm điểm, tôi cũng phải gạt ra những cái mỹ tự nó phỉnh nịnh cái chất tiểu tư sản của mình, nào là tìm tòi nghệ thuật, nào là nhân đạo, nào là con người. Nói theo nhà nữ cách mạng Pháp, biết bao nhiêu tội lỗi người ta đã mắc phải, núp mình dưới những danh từ đẹp ấy. Trong những ngày 1956 đầy những biến cố ở trong nước cũng như ở ngoài nước, không ai có thể thờ ơ với thời cuộc, không ai có thể không suy nghĩ. Đại hội 20 Đảng cộng sản Liên xô, đề cao cái tính tích cực của mỗi đảng viên, mỗi một con người. Đảng và nhân dân ta càng hoan nghênh mọi sáng kiến của mọi cá nhân góp phần giải quyết những khó khăn, đẩy cho cách mạng vượt qua ghềnh, thác. Vấn đề không phải là ở chỗ suy nghĩ, ở chỗ băn khoăn tìm tòi, mà là ở chỗ suy nghĩ có phương hướng hay không có phương hướng. Một phương hướng, đúng đắn của Đảng người ta chỉ có thể làm những việc xa với cái lẽ phải thông thường. Tôi là một đảng viên đã được giao cho công tác ở văn nghệ trong nhiều năm. Tôi được Đảng tin cậy. Nhưng khi Đảng gặp khó khăn, cụ thể trong văn nghệ là khi bọn phản động *Nhân văn* lộng hành, đã kích vào lãnh đạo, xâm phạm đến chế độ, gây hoài nghi trong giới văn nghệ, làm rối loạn tình hình miền Bắc, trong khi ấy đáng lẽ tôi phải cùng với các đồng chí phụ trách, cùng tất cả các đồng chí và các bạn trung thành với Đảng, cố kết lại, đấu tranh với những kẻ phá hoại, lột cái bộ mặt xấu xa của họ ra, thì tôi đã bỏ chạy. Đáng lẽ tôi phải chịu trách nhiệm về những sai lầm mà tôi đã gây ra trong một thời gian dài tôi tham gia công việc lãnh đạo văn nghệ, thì tôi đã làm một việc chẳng đẹp đẽ gì là rũ trách nhiệm. Tôi đã mượn một số phần tử *Nhân văn* để khỏi bị đã kích, để được yên cái cá nhân ích kỷ của mình. Khi ấy, luôn luôn tôi nói phải rộng rãi trong văn nghệ, luôn luôn tôi nói đoàn kết, nhưng là một thứ đoàn kết một chiều. Không những tôi không đấu tranh để làm sáng tỏ đường lối văn nghệ quang minh chính đại của Đảng, mà dưới chiêu bài chống công thức, chống hẹp hòi, tôi đã đồng lõa với những quan niệm văn nghệ lỗi thời, thói nát của nhóm *Nhân văn*. Mất cảnh giác nghiêm trọng vì đã bị mua chuộc, bị lợi dụng, tôi đã

chỉ coi việc họ làm là những việc thuần túy văn nghệ, không thấy được rằng những kẻ đầy ác ý đó đang dùng văn nghệ làm một thứ chính trị đối lập với Đảng, chống lại chế độ. Tôi đã tạo nên một sơ hở để cho kẻ địch đả kích Đảng, tập trung mũi nhọn vào những đồng chí trung kiên, gây thêm hoang mang trong hàng ngũ văn nghệ. Tiến sâu một bước nữa vào con đường sai lầm, vì nhận thức không kịp với bước tiến lên của giai đoạn mới, tôi cũng phụ hoạ với những luận điệu phản tuyên truyền của địch, mà kêu la cải cách ruộng đất, phản nản mặt địch, công kích nhiều anh em văn nghệ, xa lìa lãnh đạo, thiếu tin tưởng vào một số đồng chí lãnh tụ, động dao như một người lạc hậu, thái độ tư tưởng như một phần tử chống Đảng. Chính trong thời gian này, tôi đã viết bài bút ký “Một ngày chủ nhật” mà trước đây tôi đã không kiểm điểm, cho là một sáng tác không đáng kể. Có phải thế đâu. Vô luận một sáng tác nào của mình, dù là một bài viết nhỏ nhất, một nhà văn cũng phải chịu trách nhiệm trước nhân dân. Trong bài ấy, tôi muốn nói lên những ý nghĩ và thái độ của tôi trước tình hình rối ren trong nước, trước những biến cố xảy ra ở Hung-ga-ri. Tôi muốn gây một niềm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào tiền đồ Tổ quốc Việt nam. Không những tôi không đạt được cái yêu cầu ấy, mà còn làm ngược lại. Tư tưởng của tôi khi ấy đã bị những tư tưởng thù địch lũng đoạn sâu sắc, đã có khuynh hướng bôi đen, hằn học làm sao mà có được một cái nhìn đúng đắn, mà phân biệt được hiện tượng và bản chất, còn nói gì đến việc có cái lạc quan cách mạng để truyền một niềm tin cho người đọc. Bây giờ nhìn lại, rõ ràng là tôi đã có những luận điệu đả kích như một kẻ trong nhóm *Nhân văn*. Nói về cải cách ruộng đất, tôi cũng kêu là chúng ta tiến nhanh quá nên mắc sai lầm. Tôi đã làm một việc không công cho địa chủ và trong giai đoạn mới của cách mạng ta bây giờ, có thể nói là tôi đã kêu hô cho giai cấp tư sản, cho những phần tử phá hoại vin vào một số khuyết điểm sai lầm của ta mà phản lại đường lối tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tôi không thấy rằng có sai thì có sửa, không thể vì một vài sai lầm trong công tác mà kéo lùi bước tiến của cách mạng, của nhân dân, mà thoả hiệp với địa chủ, với tư sản. Tôi đã nói đến nhân đạo, đến con người chung chung. Tôi đã dựng hình ảnh người cán bộ cải cách ruộng đất như những người không có nhân đạo, không có tình cảm, mất gốc và nặng về phá phách. Sự thật có phải như thế không, hay đây vẫn là những lời vu khống của những kẻ thù địch với chế độ bồi nhọ người cộng sản là những người không tim, không óc! Tôi đã đứng trên lập trường không phải của một đảng viên để mà nhìn nhận vấn đề. Người cán bộ cải cách ruộng đất, cũng như tất cả những người cán bộ trên mọi ngành hoạt động cách mạng khác, có thể mắc sai lầm, nhưng ai không ai có thể phủ nhận một sự thật: đây là những người đấu tranh cho lý tưởng nhân đạo chủ nghĩa cao quý nhất là xoá bỏ cái nhục nhã của mọi sự người bóc lột người. Không xuất phát từ cái nhìn căn bản ấy, tôi đã bắt công với những đồng chí đang lao mình vào công tác để phục vụ nhân dân, và trong tình thế khó khăn, quần chúng còn xông xáo, kẻ thù xuyên tạc, chia rẽ cán bộ với nhân dân, họ đang cần được bảo vệ hơn lúc nào hết. Núp dưới những danh từ nhân đạo, tôn trọng con người, tôi đã muốn xoá nhoà đấu tranh giai cấp, trong khi đế quốc Mỹ đang cướp nửa phần đất nước của chúng ta, bọn tay sai của chúng đang âm mưu phá hoại miền Bắc, những phần tử xấu của giai cấp tư sản đang lũng đoạn nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của chúng ta, làm cho nhân dân thêm cùng cực. Chúng không mong gì hơn một thứ nhân đạo ru ngủ nhân dân để cho chúng làm cái việc vô nhân đạo nhất là thống trị, đàn áp, bóc lột. Thủ tiêu đấu tranh giai cấp, bất cứ vì một lý do gì, chỉ là luận điệu của những kẻ cơ hội, đầu hàng. Nguy hiểm hơn nữa, trong bài bút ký của tôi, là trong khi Đảng và toàn dân đang tiến hành sửa sai, trong khi ở miền Bắc nhân dân ta đang ra sức lao động để hàn gắn những vết thương chiến tranh do thực dân Pháp gây ra, và trong thực tế, ở nông thôn cũng như ở thành thị, đã bắt đầu hưởng một cuộc đời xứng đáng với phẩm giá con người, thì tôi dựng lên cả một cảnh tượng bi đát, xám xịt, đầy những sai lầm, buồn như không còn lối thoát. Tôi chỉ thấy Hà nội chưa được đẹp ở vài điểm áo quần, trang trí bề ngoài, mà không thấy những thay đổi lớn của thủ đô không còn những ổ chuột, những lưu manh, gái đĩ, ăn mày, không thấy những người dân Hà nội đang đem sức lao động và trí tuệ được giải phóng của mình ra để xây dựng cái thành phố mến yêu. Không phải ở Hà nội và nói chung ở miền

Bắc, mọi việc đều đã như ý muốn. Cái khát vọng mỗi ngày một lớn, một đẹp của chúng ta không bao giờ cho phép chúng ta thoả mãn. Nhiệm vụ của mỗi một người là phải tham gia ý kiến xây dựng đất nước. Cái sai lầm của tôi là ở chỗ không đứng trên lập trường của Đảng, của nhân dân mà suy nghĩ, mà phát ngôn, mà nhìn việc, nhìn người. Tôi là một chủ nhân đất nước, bất cứ một việc gì xảy ra trên đất nước này đều có liên quan đến tôi và tôi không thể bàng quan, lãnh đạm, tự tách mình ra ngoài để rêu rao, trách móc. Là một người làm công tác tư tưởng, tôi phải gây một niềm tin sắt đá vào lãnh đạo, vào tiền đề cách mạng, vào khả năng tất thắng của mỗi một người. Tôi không có quyền bi quan, chán nản, không có quyền reo rắc bi quan chán nản, cũng không có quyền để cho ngòi bút của mình gây tác hại nhất là để cho kẻ địch lấy cớ để quật lại cách mạng, đả kích chế độ của chúng ta.

Trong hai cuộc hội nghị văn nghệ vừa qua, Đảng đã chỉ cho tôi đâu là đúng, đâu là sai, đâu là tư tưởng của chủ nghĩa Mác Lê-nin, đâu là tư tưởng địch. Đảng là chân lý, ai không tin thì chỉ đi đến thất bại. Một điều rất rõ ràng và cũng rất giản dị. Thiếu tin tưởng vào Đảng, thì phẩm chất con người giảm sút, và sự giảm sút ấy không đảm bảo cho một sự thành công vô luận trong một công tác nào. Trái lại, nó dẫn đến con đường đen tối, nhục nhã như bọn cầm đầu nhóm *Nhân văn* đã đi vào. Đây là một bài học thấm thía nhất cho tôi từ khi vào Đảng, và từ khi cầm bút viết văn.

4-58

Kim Lân

Tôi đã viết “Ông lão hàng xóm” trong một tình trạng tư tưởng như thế nào?

Tôi viết “Ông lão hàng xóm” trong một tâm trạng thật hoang mang, bối rối.

Khi ấy Đảng vừa phát hiện ra những sai lầm trong cái cách ruộng đất, và bọn *Nhân văn - Giai phẩm* đang đả kích ráo riết vào đường lối lãnh đạo văn nghệ của Đảng. Trong trại sáng tác cải cách ruộng đất bấy giờ lúc nào cũng tối, làm lên những thác mắc.

Sau lớp học 18 ngày, trại sáng tác cải cách ruộng đất là nơi tập trung khá đông đủ phần tử trong *Nhân văn - Giai phẩm*. Mỗi lần về họp báo *Nhân văn* lên, họ lại mang theo những tin tức của đài địch về tình hình rối loạn ở Hung-ga-ri, Ba lan. Và những chuyện lượm lặt được ở các nơi về tình hình sai lầm trong cải cách ruộng đất. Những buổi trao đổi sáng tác trong trại thì biến thành những buổi thi nhau kể lại những chuyện sai lầm, khoét sâu vào phía đen tối, rồi từ những chuyện đen tối ấy họ đặt ra trước anh em những vấn đề, tự do sáng tác, tô hồng, bôi đen, trách nhiệm của nhà văn, v.v... Những danh từ phỉn nịnh, khích động mọi người và reo rắc sự hoang mang, nghi ngờ. Đả kích vào đường lối văn nghệ của Đảng. Đả kích khẩu hiệu phục vụ kịp thời. Phủ nhận thành tích văn nghệ do Đảng lãnh đạo trong kháng chiến. Nó giống hệt luận điệu của bọn Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi tung ra lớp học 18 ngày.

Trước tình hình ấy tôi hết sức hoang mang lúng túng.

Ngày ấy, tôi chưa thấy được hết cái ý thức chống đối lại cách mạng, chống lại Đảng của bọn họ. Tôi cho họ chỉ vì thác mắc về tình hình lúc bấy giờ, ăn nói còn vô trách nhiệm, thái độ không đứng đắn. Vì vậy một mặt tôi rất khó chịu về những thái độ hục hặc du côn của họ, (doạ đánh người này dọa đánh người kia). Tôi cũng thấy trong bọn họ, có những kẻ bất tài, kèn cựa, họ cứ phải kêu la điên cuồng lên như vậy. Cứ phải làm như chỉ vì lãnh đạo hẹp hòi, họ bị chèn ép mà không phát triển được tài năng, để che lấp cái trống rỗng trong đời sống, cũng như trong tâm hồn họ. Có khi họ kêu la chỉ vì đã không được in một cuốn sách, không được đăng một bài báo. Vốn sống nghèo nàn, hì hục viết mãi không ra, họ kêu la lên như

vậy để được thấy mình còn là văn nghệ sĩ. Nhưng mặt khác có nhiều điểm tôi lại đồng tình với họ. Tôi cũng thấy lãnh đạo giáo điều hẹp hòi. Thiên về mặt ca ngợi, minh hoạ chính sách. Lúc ấy tôi nghĩ: nếu nhà văn được “tự do sáng tác”, “tự do phát hiện vấn đề” thì cải cách ruộng đất không đến nỗi kéo dài sự sai lầm đến như thế. Tôi cũng đã bắt đầu tự huyền hoặc, phỉnh nịnh mình bằng những danh từ loè loẹt của họ. Nào là trách nhiệm của nhà văn trước thời đại, nào là suy nghĩ, dũng cảm, phát hiện vấn đề v.v...

Tôi đã đi nhiều đợt giảm tô, cải cách ruộng đất. Tôi nghĩ lại những việc tôi đã làm, những truyện tôi đã viết. Tôi nghĩ lại những điều tôi và chung quanh tôi đã nhiệt tình ca ngợi. Những cái ấy đã sai cả rồi, đảo lộn hết cả rồi. Từ trước tôi vẫn nghĩ vì sai lầm trong cải cách ruộng đất mà tôi bất mãn, a dua với bọn *Nhân văn - Giai phẩm* đã kích lại lãnh đạo, đã kích vào Đảng. Nhưng nay kiểm điểm lại tôi thấy không phải chỉ có thế. Thực chất tư tưởng của tôi lúc ấy là sự bấp bênh, dao động^[2], tiểu tư sản. Cơ hội tránh né, lập lờ hai mặt. Sợ họ đã kích vào mình. Rồi từ tránh né đi đến chỗ phụ họa, đầu hàng.

Lòng tin cứ thế mỗi ngày một giảm sút. Tôi nhìn ra xung quanh cũng thấy bực tức, tối đen, nặng trĩu trên tâm tư mình.

Tôi viết “Ông lão hàng xóm” trong cái tình trạng u ám, lẫn lộn của tư tưởng ấy.

Tôi viết “Ông lão hàng xóm” tôi cũng có những ý muốn tốt. Tôi thấy từng bài, từng truyện của bọn *Nhân văn - Giai phẩm* đều mang những ác ý, xuyên tạc, lập lờ bóng gió, reo rắc sự hoài nghi, đã kích vào Đảng. Ngày ấy tuy chưa nhìn thấy hết âm mưu hiểm độc của bọn chúng, nhưng tôi cũng không tán thành lối viết ấy.

Viết “Ông lão hàng xóm”, tôi nghĩ tôi sẽ phản ánh trung thực mọi sự việc. Tôi muốn rằng đọc tôi, quần chúng sẽ thấy được những sai lầm trong cải cách ruộng đất mà vẫn không hoang mang nghi ngờ. Truyện tôi nêu lên một người đảng viên lấy tinh thần Đảng đấu tranh với mình, với những sai lầm, giữ vững lòng tin trong những ngày tối tăm, gian khổ nhất.

Nhưng sự thật đã ngược hẳn với những điều tôi muốn. Thông qua cái nhìn lệch lạc, đen tối, nghi ngờ của tôi, đọc truyện *Ông lão hàng xóm* người ta chỉ thấy cải cách ruộng đất là một mảng đen tối, làm nên những sự bất công, oan trái, chà đạp lên nhân phẩm và hạnh phúc của những con người cần cù làm ăn lương thiện. Những con người có công lao với cách mạng, với kháng chiến. Mỗi ý, mỗi cảnh, mỗi một con người tôi dựng lên trong truyện đều chứa đựng một sự hằn học, khoét sâu vào những khía cạnh bi đát, tối đen mà đã kích sâu cay vào cải cách ruộng đất.

Anh cán bộ thì là một hình ảnh hung tợn, quan liêu, hống hách. Cái mặt vuông bạnh ra, hai con mắt đỏ dôi dỏi như mắt cá chày. Lúc nào cũng hầm hầm giận dữ, lúc nào cũng nghi ngờ. Anh cán bộ đứng giữa đình làng, giơ một cánh tay lên thì cả dân làng khiếp nhược.

Chị cán bộ là một cốt cán mới được đề bạt, béo tròn như cái hạt mít, ngày nào cũng lúi cái xe đạp trưng mua ra tập. Hai cái móng cứ soán lấy cái yên xe, lố lảng hãnh diện. Anh cốt cán lại là nguy binh, mũ vải rộng vành bề ngược một bên. Mỗi lần toét miệng cười, trong cặp môi thâm mỏng lại lấp lnh mấy cái răng vàng. Xun xoe^[3], nịnh nọt.

Đó là hình ảnh người cán bộ và cốt cán. Hình ảnh những con người đem đường lối của Đảng thực hiện trong quần chúng. Thật là tôi đã bôi đen, vu khống cho người cán bộ, và cốt cán trong cải cách ruộng đất.

Còn những người bị oan thì tôi đi sâu vào những tâm trạng bi đát, chán chường. Cái tâm trạng của tôi lúc ấy đã toát ra trên mọi cạnh khía của nhân vật. Một ông bố già suốt ngày cặm cụi đan lát, vun sới không còn thể làm gì được nữa. Ông lão ôm đứa cháu đích tôn ngồi len lét trong một xó nhà tối. Ông lão cười với nó, khóc với nó, thủ thỉ chuyện chò gi gì với nó cũng ở đấy. Một người vợ gầy, gan góc lạnh lùng. Suốt chín mươi năm giờ kháng chiến, chồng đi bộ đội vắng, một mình chị lặn lội đầu hôm sớm mai nuôi bố chồng, nuôi con, chưa bao giờ chị thấy khó khăn như bây giờ... Bây giờ chị lại thất vọng, buồn, nhin nhục nuôi chồng, nuôi con trong những ngày bị oan.

Và, một ông lão hàng xóm. Nhân vật mà tôi lấy tên cho cái truyện. Nhân vật tôi muốn nêu lên đó là điển hình quần chúng tốt, đã đào hầm nuôi cán bộ hồi giặc đóng. Trong sai lầm vẫn một lòng tin yêu, bảo vệ những người cán bộ tốt của Đảng. Những cái người quần chúng tốt của Đảng tôi nêu lên ấy là những người như thế nào? Đó là một ông kếp tuồng về già, đã cạn hết lòng tin. Ông lão sống một thân một mình trong cái nhà thờ họ đổ nát với một con mèo. Đêm đến ông lão uống rượu, hát tuồng và nói chuyện với con mèo. “Mèo ơi i ! Ở đây chỉ còn một mình tao mới lì mà thôi. Mà mà cũng làm phẫn nột nữa thì tao còn biết ở máy ai i...”

Trước đây đã có nhiều ý kiến phê bình trên các báo, trong các buổi tranh luận ở câu lạc bộ HHội nhà văn. Có những ý kiến cho tôi là bôi đen, không nắm được thực tế, xuyên tạc sự thật, đã kích vào cải cách ruộng đất v.v... Ngày ấy tôi không tiếp thu nổi, nhiều ý kiến tôi phản ứng ngảm. Ngày ấy tôi vẫn còn mơ hồ cho truyện của tôi là tốt. Tôi có nắm được thực tế, tôi có về nông thôn nhiều lần trước khi viết. Những chuyện tôi viết ra đều có thật sao lại bảo là tôi xuyên tạc bôi đen? Tôi cho chẳng qua là các bạn ấy giáo điều máy móc, sợ anh em động chạm đến những vấn đề sai lầm cứ phải giữ cái khuôn cứng của một số lý luận bất sự sống phức tạp phải chui cả vào trong ấy.

Nhưng qua lớp học tập mới rồi, trong bầu không khí đấu tranh vạch mặt bọn phản cách mạng và những phần tử chống Đảng trong *Nhân văn - Giai phẩm*. Được nghe Hoàng Cầm, Lê Đạt, Trần Dần báo cáo những âm mưu, hành động chống đối của họ trong những năm gần đây. Và qua đó, tôi mới nhìn rõ được tôi hơn. Tôi đã ăn phải cái bả chống đối *Nhân văn*. Tôi đã thối mác với lãnh đạo. Tôi cũng đòi “tự do sáng tác” theo kiểu *Nhân văn*. Tôi cũng nhìn chế độ ta bằng con mắt đen tối, nghi ngờ.

Đối với cải cách ruộng đất, tôi chỉ nhìn thấy phần sai lầm. Cán bộ trong con mắt tôi lúc ấy chỉ là những người quan liêu hống hách đàn áp quần chúng. Cốt cán thì tham lam, tổ điều. Người có công thì oan uổng.

Sự thật trong cải cách ruộng đất cũng có ít nhiều những sai lầm như vậy. Nhưng sự thật cải cách ruộng đất không phải chỉ có sai lầm. Sự thật cải cách không bắt công, tàn phá lòng tin và hạnh phúc của con người như tôi đã xuyên tạc. Sự thật cải cách ruộng đất là một sự thắng lợi to lớn của cách mạng. Cải cách ruộng đất đánh đổ bọn địa chủ ngồi không ăn bám, đem lại ruộng đất, đem lại hạnh phúc và quyền lợi sống cho hàng triệu nông dân. Cái ý nghĩa nhân đạo, cái thắng lợi to lớn ấy tôi không nhìn thấy.

Sự thật trong cải cách ruộng đất cũng có cán bộ quan liêu hống hách. Có những cốt cán tự tư tự lợi. Nhưng sự thật trong cải cách ruộng đất số cán bộ ấy rất ít. Họ sai lầm không phải chỉ vì động cơ muốn có thành tích, được đề bạt. Họ không phải là những người hống hách, làm khiếp nhược cả một dân làng.

Tôi là người đã được đi nhiều đợt giảm tô, cải cách ruộng đất. Tôi đã sống nhiều với những

đồng chí cán bộ ấy. Tôi chưa từng thấy một người cán bộ nào có ác ý muốn làm hại nhân dân, làm hại cách mạng. Phần đông họ là những người cán bộ cần cù, tận tụy, một lòng phục vụ cho nông dân. Có thể nói, trong một đợt công tác ba bốn tháng giời, họ không có được một giấc ngủ ngon.

Tôi cũng đã từng sống ngày đêm bên những anh chị em cốt cán. Tôi đã được nghe những anh chị em ấy kể lại cuộc đời làm than, cay cực của mình. Tôi đã cùng những anh chị em ấy đi từng bước trong công tác, được thấy anh em giải quyết các vấn đề ở nông thôn một cách sáng suốt thiết thực. Tôi đã thấy những chị ẵm con đi cấm cái thè nhận được ruộng chia, sung sướng đến rơi nước mắt. Những bà mẹ lọng khọng dắt trâu về. Những đám dọn nhà mới tung bừng phấn khởi. Những con người lao khổ, cần cù chất phác ấy không phải chỉ là người tố điêu, muốn làm hại bà con xóm giềng của mình.

Những hình ảnh tươi thắm ấy, khi viết “Ông lão hàng xóm” tôi đều không thấy. Hoặc có thấy nhưng tình cảm của tôi đối với những hình ảnh ấy đã trở nên xa lạ nhạt nhẽo lắm rồi.

Tôi chỉ còn thấy ở cái cách ruộng đất những phần sai lầm, đen tối. Và chỉ những phần sai lầm, đen tối, mới rung động tôi một cách sâu sắc. Tôi đã say sưa đi vào những phía cạnh ấy mà viết “Ông lão hàng xóm”. Do đấy tôi đã phản ánh sai lệch sự thật. Xuyên tạc, bôi đen cái cách ruộng đất. Trong tình hình Đảng vừa mới phát hiện sai lầm, công tác sửa sai ở nông thôn còn nhiều khó khăn. Truyện “Ông lão hàng xóm” của tôi chỉ có tác dụng khoét sâu thêm những phần chua xót, oán trách trong quần chúng. Kích động lòng căm phẫn đối với cán bộ, cốt cán, hoài nghi chính sách của Đảng và Chính phủ, gây tác hại thêm cho tình hình chung lúc bấy giờ.

Viết “Ông lão hàng xóm” tôi còn có khuynh hướng chỉ viết những cái gì sẵn có. Cái sai, cái xấu, cái chua xót oán hận chính là cái vốn có trong người nên tôi đã cảm thông mau lẹ và sâu sắc. Những nhân vật trong truyện “Ông lão hàng xóm”, tôi vẫn nghĩ nó có phần sắc sảo, sinh động. Đến bây giờ tôi vẫn nghĩ như thế. Nhưng tôi còn thấy thêm, sở dĩ nó sắc sảo, sinh động chính vì nó đã đi về cái phía đen tối, chua xót, buồn nản. Đi về cái phía của những tình cảm cũ mà tôi sẵn có. Còn cái mới! Cái vui tươi, phấn khởi, ở những con người đang tích cực lao động, sản xuất trong các công trường, xí nghiệp, trong các hàng xóm, các tổ đổi công, v.v... hàng ngày đấu tranh với những cái cũ để cái mới của xã hội chủ nghĩa được vươn lên. Những cái ấy thì tôi rất nghèo nàn, mờ mịt, viết ra rất khó khăn. Có thể nói là không viết nổi.

Muốn biểu hiện những cái mới của con người thời đại ấy bắt buộc tôi phải học tập chính sách, phải có một tư tưởng đúng, lập trường vững, phải đi sâu vào đời sống thực tế của công nông binh. Đó là một quá trình cải tạo lâu dài và gian khổ. Điều đó, từ hoà bình lập lại tôi rất ngại. Miệng nói chống công thức, chống sơ lược nhưng lại ngại khó, có thêm hướng quay lại với cái vốn sẵn có của mình. Như thế là tôi đã lẩn tránh đi vào thực tế, lẩn tránh biểu hiện con người mới, lẩn tránh đi vào đường lối văn học của Đảng. Truyện *Ông lão hàng xóm* của tôi chính vì như vậy mà đã rơi vào chủ nghĩa xét lại một cách tinh vi.

Lớp học vừa rồi Đảng đã mở mắt cho tôi. Vạch ra cho tôi thấy đâu là tư tưởng đúng của Đảng đâu là tư tưởng thù địch. Bước đầu nâng cao ý thức giai cấp, ý thức cách mạng và tinh thần cảnh giác bấy lâu đã tê liệt trong tôi. Kéo tôi ra khỏi nanh vuốt của tư tưởng thù địch, phản cách mạng của bọn *Nhân văn - Giai phẩm*.

Tôi biết rằng trong quá trình đấu tranh giai cấp, tiến lên xã hội chủ nghĩa, tôi còn phải tiếp tục đấu tranh với những tư tưởng thù địch còn ẩn nấp ở trong tôi. Phải đi theo con đường của

Đảng, học tập chính sách, đi sâu vào thực tế, lấy cái học thực tế phần khởi cách mạng của quần chúng mà rèn rũa, cải tạo.

Đoàn Giỏi

Một cách nhìn và phản ánh thực tế đen tối

Tác phẩm là cái mức để đo lường lập trường tư tưởng, tình cảm giai cấp và quan điểm nghệ thuật của một người công tác văn học, hay nói một cách cụ thể hơn: sự phản ánh thực tế có tính chất đúng đắn và sâu sắc hay không, qua tác phẩm ta có thể thấy được rõ ràng tư tưởng, trình độ giác ngộ chính trị của con người tác giả. Văn tức là người. Bây giờ, tôi mới nhận thức điều đó một cách thâm thúy, qua bài bút ký “Thao thức” của tôi.

Trong tâm trạng nào tôi đã viết ra bài bút ký ấy, và quan niệm về biểu hiện thực tế của tôi lúc bấy giờ ra sao? Qua một thời gian thử thách trong quần chúng độc giả, qua những cuộc tranh luận ở câu lạc bộ hội Nhà văn, nhất là sau hội nghị văn nghệ Đảng cuối tháng ba vừa rồi, tôi đã có một cơ sở mới tương đối có thể nhìn rõ được những tư tưởng sai lầm lệch lạc của tôi trong sáng tác ấy.

Nhân vật trong bút ký “Thao thức” không phải là những nhân vật điển hình của cán bộ và đồng bào miền Nam tập kết. Điển hình của những con người toàn diện với tính tích cực đấu tranh cách mạng, mà nó là cái phần chính yếu quan trọng chiếm ưu thế trong mỗi người cán bộ đã được Đảng rèn luyện trong mười năm kháng chiến, đồng thời cũng có những khía cạnh tiêu cực, lạc hậu của chế độ cũ còn rơi rớt, ẩn náu trong mỗi người chúng ta chưa gột sạch hết. Tôi đã nhìn con người ở phía tiêu cực, bi quan, đen tối vẽ nên một bức tranh màu xám trong một tâm trạng hoài nghi chua xót, bằng một quan niệm nghệ thuật sai lầm.

Bấy giờ, tôi nghĩ rằng người nghệ sĩ nhìn cuộc sống không phải chỉ bằng một kết luận giản đơn. Tôi đã lập luận thế này: Nói nhân dân Việt nam là một dân tộc anh hùng thì rất đúng. Không có ai có thể phủ nhận được. Nhưng trong quá trình chiến đấu để đi tới chiến thắng Điện Biên, đi đến thắng lợi của hiệp định Genève, những bước lên xuống, giằng co trong từng con người của xã hội Việt Nam, của từng giai đoạn đấu tranh cách mạng không phải giản đơn. Và từ đây trên bước đường đấu tranh đi tới thống nhất nước nhà cũng còn nhiều vướng mắc, khó khăn. Người nghệ sĩ nhìn con người trong quá trình tiến lên, chứ không phải nhìn bằng kết quả hay con số thống kê, có thể nhìn một khía cạnh, một quãng nào đó mà phản ánh. Sự phát hiện một vấn đề trong xã hội cũng có thể giúp cho công tác kiểm điểm, sửa chữa một đôi chủ trương, chính sách nào đó, mà có khi tác giả không cần giải quyết, hay có thể giải quyết được phần nào thì giải quyết phần ấy, còn lại là công việc của người có trách nhiệm trực tiếp. Tôi cũng đồng tình cùng một số ý kiến nhận rằng: có những vấn đề trong thực tế mà bây giờ người viết chưa biết thế nào kết luận được; hăng ghi chép lại đấy thôi.(!)

Xuất phát từ một lập trường dao động, hoài nghi sự lãnh đạo của Đảng, và một quan niệm nghệ thuật sai lầm vô trách nhiệm, tôi đi tìm cái hướng xây dựng nhân vật ở khía cạnh u uất, đen tối mà tôi cho là nó đang chế ngự tâm hồn trí não của những người cán bộ miền Nam tập kết, là viết như vậy “*đề tươi*” hơn những cái phần khởi chung chung rất “*đề khô*” để rơi vào những nếp công thức mà mọi người đang cố gắng vượt ra.

Một chị Tám Thành bi quan, tiêu cực đi xem thầy bói: “*Nói chú có phê tôi thì phê, chứ tôi gần hết tin cái chính trị của mình rồi. Cũng biết coi thầy bói, xin xâm là chuyện dị đoan, nhưng nó có an ủi được mình. Bây giờ, chú biểu tôi có thể làm gì khác hơn*” Và khi Hoài - một nhân vật khác – đem những lý lẽ ra giải thích, động viên chị thì, câu cắt ngang của chị nói rõ thái độ

chị quả quyết hơn: *“Thôi đi chú! Chính trị tôi nghe hoài, nhàm rồi. Mình nên nói chuyện tình cảm đi. Tôi tin chú, tôi mới tâm sự với chú đó chú!”* Một anh Năm Tấn công thần, bất mãn đến cao độ, tự cho mình một cái quyền đả kích bất cứ cán bộ cấp nào. Và thốt ra những lời oán than, chua chát: *“Công lao như thằng Mẫn mà ”mình” còn bỏ nó. Bởi vậy, tôi có thềm báo công đâu, già Hoài. Với lại mình nghèo, quần áo không có, ”rủi” có được huân chương thì quần áo đâu mà bạn cho tươm tất để đeo huân chương...”* Một Bảy Ninh thắc mắc về vấn đề vợ con: *“Tôi không thể tới, mà lui cũng không thể lui. Rước vợ ra à? Hay cưới vợ mới? Có thể ở vậy chịu hoài không? Tất cả đều nan giải...”* Năm nay mình cũng bốn tuổi rồi, ngày một già. Cuộc đời thiên hạ có thể tiến lên, có thể sống. Mình thì khựng lại, cần đi, chờ lùi vào cõi chết!” Một số hình ảnh nhân vật phụ hiện ra, biến đi rất nhanh để nói thêm cho đầy đủ mọi khía cạnh bức dọc; thắc mắc; như những bóng ma vây quanh chân giường người ốm nặng. Và bao trùm lên tất cả không khí câu chuyện, là Hoài. *“Lúc thì lao vào công tác say sưa, làm việc bất kể ngày đêm. Khi thì nói chuyện bất mãn Đảng, bất mãn Chính phủ, tấn công bất cứ ai hé ra một lời bóng gió gần xa lại hay chinh những người tư tưởng hoang mang giao động. Có khi trong giờ làm việc, lấy xe đạp dạo phố chơi, lên tận Hồ Tây ngồi một mình lặng lẽ như một gốc cây.”* Tâm trạng vui buồn biến đổi theo từng tin tức xảy ra ở miền Nam theo từng chủ trương chính trị của ta từng lúc, và càng ngày như người bị lún sâu xuống một bãi lầy. *“Chỉ trừ những lúc anh bình tâm nhất thì anh mới tuyệt đối tin tưởng nơi lời Đảng và chủ trương của Chính phủ. Như vậy anh cũng nhận rằng lý và tình chưa thống nhất. Lý trí anh nhận là đúng, nhưng tình cảm anh vẫn chưa thông. Giằng co ấy đã gặm nhấm tâm hồn anh như tiếng mọt nghiêng gỗ đêm dài”* Ân náu trong câu chuyện một tiếng thở dài, một ý phiến trách đồng bào và cán bộ miền Bắc đã được độc lập tự do rồi, lơ là với cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà: *“Thành phố giờ này đã yên trong giấc ngủ. Chỉ có những kẻ mang cái tâm sự xa nhà mới còn thao thức, tìm trong dĩ vãng đôi chút hình bóng xa xôi làm an ủi...”* *“Vết thương cắt nửa thân mình, ngày đêm nhức nhối cơ thể cả hai miền nhưng nghĩ cho cùng thì cũng vẫn là muối xát lòng ai, nấy xót”*.

Đó là những nét chính về tư tưởng của các nhân vật mà tôi đã tô lên rất đậm bằng tất cả sự xúc động (!) của mình. Về mặt tích cực của câu chuyện, tôi cũng cố gắng nêu lên một số sự kiện và ý nghĩ để giải quyết những phần nào mà tôi cho là tôi có thể giải quyết được. Quang cảnh một buổi sáng chủ nhật ở bờ sông Hồng đề cao tinh thần lao động cần cù của đồng bào miền Bắc nỗ lực vượt khó khăn, giải thích tại sao ta chủ trương tập kết ra miền Bắc, tiếng đàn Văn Thiên Tường trong thắm khuya nhắc tích vợ Bá Lý hề để giáo dục lòng chung thủy; chống lối phát ngôn vô trách nhiệm bừa bãi ở những nơi công cộng, hàng quán, sự tiến bộ của sư đoàn X. trên đường tiến lên hiện đại chính quy, và cuối cùng củng cố lòng tin cho tất cả những nhân vật bị quan chán nản ấy bằng câu chuyện vượt gian khổ của Đường Tam Tạng sang Tây Trúc thỉnh kinh.

Kết quả của một quan niệm nghệ thuật của một sự khai thác loại đề tài mà tôi cho là “dễ tươi” ấy đã đến với tôi như thế nào? Mấy bài phê bình trên báo *Cứu quốc* và *Tạp chí Văn nghệ* tuy cũng có làm cho tôi giật mình nao núng. Nhưng tôi chưa chịu, bởi chung quanh hãy còn có các cuộc tranh luận “chưa biết ra ngô ra khoai” thế nào. Thêm những lời khuyến khích của các phần tử xấu và một vài người bất mãn về tiền đồ, về đái ngộ ra sức tán dương. Tôi yên chí là tôi có phần nào làm tròn trách nhiệm của người cầm bút, dám nói một sự thật phát hiện một thực tế của tình hình tư tưởng đang có trong cán bộ hiện nay và đối với bản thân, những lo âu vương mắc cũng đã cất ra được rồi. Một hôm chị H. ở cơ quan phụ nữ trung ương nói với tôi: *“Bài anh viết đúng lắm. Chị X. miền Nam ở cơ quan tôi thức đọc đi đọc lại đến hai, ba giờ khuya.”* Một lát sau chị H. nói tiếp: *“Nhưng mà chị ấy khóc ghê lắm. Và sau đó mấy hôm cứ buồn rũ ra”*. Trời đang độ nóng giữa hè, tôi bỗng thấy chân tay mình gần như lạnh giá.

Một thời gian khá lâu tôi chỉ công tác quanh quẩn ở những cơ quan trong thủ đô. Sự lười biếng học tập chính trị, khiến cho tư tưởng tiểu tư sản cũ trong tôi trở lại, tự do buông thả mông lung. Trong hoàn cảnh kháng chiến, cái cá nhân tôi không có điều kiện phát triển sự đấu tranh nội bộ chặt chẽ vì hoàn cảnh chiến đấu hùng hực xung quanh đã kìm hãm những đòi hỏi về vật chất và dục vọng cá nhân trước kia xuống được. Hoà bình lập lại, đời sống xa hoa của những thành phố tạm chiếm vừa tiếp quản đã bắt đầu lôi cuốn tôi khá mạnh. Cái cũ trong người choàng dậy. Yêu cầu vật chất đã làm cho tôi nhìn sự đái ngộ hết sức cố gắng của nhà nước bằng đôi mắt bi quan. Sau đại hội 20, phát hiện một số vấn đề sai lầm của đồng chí Staline, không thấy đó là một sức mạnh thắng lợi của Đảng, tôi đâm ra hoài nghi sự lãnh đạo của Đảng. Sự biến Ba lan, Hung-ga-ri càng làm tôi thêm dao động, thêm vào đó những sai lầm về cải cách ruộng đất về một số chính sách thuế khoá, quản lý hộ khẩu, v.v... khiến cho tôi nhìn cái gì cũng thấy ra có lệch lạc. Tinh thần tích cực cách mạng và phẩm chất của người đảng viên bị sa sút trầm trọng. Thế giới nhân vật đang tìm tòi của tôi và đã thể hiện trong bài bút ký "Thao thức" không phải là những con người mới. Không phải là giai cấp công nông binh đang ngày đêm nỗ lực khắc phục khó khăn, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, đưa miền Bắc tiến lên xã hội chủ nghĩa làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Mà là những con người lung lay, dao động trước những khó khăn của cách mạng, có thái độ bàng quan trước thời cuộc và tự cho mình cái quyền đã kích phê phán vô trách nhiệm, lấy sự bằng lòng hay không bằng lòng của mình về một vấn đề này hay một vấn đề khác làm cơ sở phê phán xã hội.

Thêm vào đó, sự xa rời thực tế cũng là một nguyên nhân gây tác hại cho sáng tác của tôi. Đôi khi tôi cũng có đi ra, tiếp xúc với bên ngoài. Cuộc sống ồn ào linh động của cái thực tế to lớn đang tiến lên xây dựng xã hội chủ nghĩa của miền Bắc chúng ta cũng có đôi lúc hiện ra mênh mông đồ sộ trước mắt tôi, nhưng chỉ trong khoảnh khắc tất cả những hình ảnh choáng ngợp ấy tan biến sau lớp bụi đường trường. Quanh quẩn trong gian phòng chật chội, dăm ba chỗ đi lại giữa bạn hữu thân tình (cùng có quan niệm về cuộc sống như nhau) mấy phòng trà mấy hiệu cà phê, hàng ngày diễn đi diễn lại chung quanh từng ấy tiếng cười giọng nói và cái thang gác cố định cứ mòn dần mãi dưới đôi chân dép cao su. Từng bóng dáng con người sinh động, và hình khối và màu sắc âm thanh tôi đã có dịp thu lượm ngày lại ngày cứ nhạt dần như một thứ hư hình ảo ảnh, phẳng phất mờ hồ ngoài khung cửa kính. Tôi tự mình cũng cảm thấy tầm mắt của mình cứ bị thu hẹp dần. Đôi khi cần lọc lại những nét sống tượng bưng, rộn rịp ấy thì nó chỉ còn là một thứ kính ảnh rửa non càng đưa trông lên nơi sáng sủa nó lại càng mờ. Hoàn cảnh sống mới trong hoà bình đã làm giảm sút rất nhanh trong tôi những đức tính của một cán bộ mà Đảng đã mất nhiều công giáo dục uốn nắn. Đứng trước sự chuyển biến lớn từ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhân dân miền Bắc đang tận tâm tận lực làm cải cách ruộng đất xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa, tiến hành cách mạng văn hoá - nhận thức của tôi về tất cả những vấn đề đó hãy còn nhiều chỗ mơ hồ, lệch lạc. Làm sao tôi thấy được tính chất to lớn và tốt đẹp ấy một cách đầy đủ, trong khi tư tưởng đang bắt đầu đi vào thiên hướng không lành mạnh, thậm chí còn có khi đứng trên quan điểm của giai cấp thù địch mà nhìn vấn đề mà phan phui moi móc những khuyết điểm, sai lầm nhỏ trong nội bộ chúng ta. Tôi tự mình cứ tách dần ra ngoài cuộc sống tiến bộ. Trong sáng tác, tôi nghiêng về phía xây dựng những con người miền Nam - cụ thể là Nam bộ - những đề tài có tính cách địa phương, trong kháng chiến và hiện nay. Với những con người quen thuộc, tình cảm quen thuộc, mà tôi tin rằng mình có thể thông tường chắc chắn, thì viết "chắc ăn" hơn. Khốn thay, những con người mà tôi tưởng rất gần gũi ấy lại rất cách xa. Trên thao trường họ đang tích cực học tập, rèn luyện tiến lên hiện đại chính qui, họ đang cầm chắc tay súng bảo vệ bờ biển, canh phòng biên giới; họ đang đục núi xây đường; họ đang lái những con tàu trọng tải 9.000 tấn vượt sương mù và đá ngầm tiến vào hải cảng; họ đang ngày đêm cần cù lao động góp sức tim óc và chân tay với đồng bào miền Bắc trong các nhà máy, các nông trường, xí nghiệp; họ đang đi vào cuộc đấu

tranh từng giờ từng phút gay gắt với giai cấp tư sản trong mặt trận kinh tế xã hội chủ nghĩa. Trên rừng, dưới biển, ngoài đồng ruộng, trong các tập đoàn sản xuất, các nông trang tập thể... họ đang nỗ lực góp phần xây dựng miền Bắc, phục vụ đấu tranh thống nhất nước nhà, họ đang trưởng thành trong giai đoạn mới này ra sao? Tôi đều không rõ, tôi biết thì cũng chỉ đại khái, lơ mơ. Tôi đã không thấy rằng họ đang càng ngày càng tiến bộ, phẩm chất tinh thần ưu tú và đặc tính tốt đẹp của đồng bào và cán bộ miền Nam qua thời gian tập kết hơn ba năm – đã góp sức vào sự nghiệp xây dựng miền Bắc, thành tích và kết quả không phải nhỏ, đều đang nâng dần lên trình độ rất cao.

Đọc xong “Thao thức” đồng bào miền Bắc sẽ hiểu không đúng, không tốt về những con người miền Nam đang có mặt ở đây. Và những con người miền Nam đang đem hết lòng và trí, và sức ra lao động kiến thiết miền Bắc, soi lại trong gương không phải bóng hình mặc dù nhiều lúc con người họ cũng từng có những giờ phút băn khoăn thắc mắc và thao thức riêng tây. Tôi đã làm một anh phù thủy đem tàn hương nước lã và ê a giọng hát cúng ma rắp ranh chữa bệnh tư tưởng cho người khác, trong khi tôi đang mắc bệnh tư tưởng đen tối, bi quan, loạn lộn, mà không biết. Và quan niệm nghệ thuật sai lầm, trái với đường lối hiện thực đã mang lại kết quả xấu, tác hại, ảnh hưởng đến tinh thần người khác không phải nhỏ. Chẳng những không thể hiện được con người mới, tiến bộ của thời đại, mà còn cho các thứ tư tưởng tự do vô chính phủ thêm đồng minh, phát triển.

Càng đọc lại bút ký “Thao thức” tôi càng thấy giọng nói, tiếng cười của chị Tám Thành, anh Năm Tấn, Bảy Ninh, của Hoài, tất cả hiện lên mỗi lúc một buồn rầu, chán nản phiền muộn và héo hắt mãi thêm. Sức cố gắng đưa mặt tích cực của vấn đề lên để giải quyết yếu quá, không đủ vớt vát và hàn gắn lòng tin đã bị phá vỡ từng mảng lớn thâm thẳm trong lòng độc giả. Bài bút ký “Thao thức” của tôi đã đặt cho tôi một vấn đề suy nghĩ lâu dài về thái độ sáng tác, và nó sẽ còn làm cho tôi thao thức nhiều để nghiên ngẫm cho sáng thêm thể nào là tư tưởng chính trị của người cán bộ công tác văn học của Đảng.

Phụ đính II :

Những sai lầm về tư tưởng trong tập sách “Giai phẩm” Nguyễn Đình Thi

Từ trước đến nay, việc phê bình và đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ ta còn quá yếu ớt. Nhiều vấn đề căn bản chưa được soi sáng về lý luận, do đó những tư tưởng sai lầm có đất sống trong văn nghệ ta, cũng như những cây nấm độc mọc ở những khoảng thiếu ánh mặt trời.

Những tư tưởng sai lầm đó, trong một vài sáng tác ở tập *Giai phẩm*^[1] xuất bản gần đây, đã có những biểu hiện nghiêm trọng, nhưng lại khéo núp sau những khẩu hiệu mới nghe dễ xuôi tai như là “chống công thức, đi tìm cái mới, đề cao sự thành thực của nghệ sĩ”. Chúng ta cần phân tích kỹ những lời tuyên bố đó, xem thực ra nó chứa đựng cái gì?

Chống công thức hay là quay về chủ nghĩa cá nhân?

Chúng ta đều nhận rằng văn nghệ phải diễn tả sự thực của đời sống. Sự thực là cái nguồn duy nhất và cũng là vũ khí mạnh nhất của nghệ thuật. Khi sáng tác, chúng ta không thể đặt ra một cái khuôn nào đã đóng đinh sẵn, mà bắt sự thực phải gò vào đó. Bệnh công thức

chính là cái bệnh của nghệ thuật khi gò ép sự sáng tác vào một cái khuôn định trước, không đúng với sự thực trong đời. Khi ấy nghệ thuật có xác mà không có hồn, có vỏ mà rỗng ruột. Thường thường đó là cái bệnh già của những nền nghệ thuật sợ sự thực, không còn đủ sức bắt rễ vào đời sống thực của xã hội và con người.

Văn nghệ ta hiện thời có mắc công thức hay không? Phải nhận rằng còn có những tác phẩm cứng nhắc, nghèo thực tế, nghèo tình cảm và dùng những hình thức giả tạo hoặc âm ỉ, để che lấp sự nghèo nàn đó. Nguyên nhân là do các tác giả còn thiếu lòng yêu cuộc sống, thiếu hiểu biết thực tế, thiếu tôn trọng nghề nghiệp và công chúng của mình. Chúng ta cần phê bình những tác phẩm đó và giúp đỡ các tác giả đi sâu vào đời sống và nhận rõ trách nhiệm của mình hơn.

Nhưng nếu nhìn chung nền văn học nghệ thuật từ cách mạng thì chúng ta thấy chưa bao giờ văn nghệ ta sát gần cuộc sống như ngày nay. Văn nghệ ta đã bắt nguồn vào đời sống thực của nhân dân, của quần chúng lao động. Chúng ta đã có một số tác phẩm xuất sắc đầu tiên, và chúng ta có rất nhiều tác phẩm tuy chưa nổi bật lên nhưng có nội dung lành mạnh, nói đúng những nét lớn trong đời sống nhân dân.

Những khuyết điểm còn tồn tại trong văn nghệ ta không phải cái bệnh công thức già nua của những nghệ thuật đã hết hơi thở, mà trái lại đó là cái bệnh ấu trĩ, sơ lược của một nền văn nghệ còn rất trẻ. Chúng ta đang cố gắng vượt qua bước ấu trĩ đó và chúng ta phải vượt được.

Nhưng chúng ta chống công thức, chống sơ lược, nhất định không phải là để quay về thứ văn nghệ buồn thảm, ồm ồm và cá nhân chủ nghĩa ngày trước. Chúng ta vượt khỏi những bệnh ấu trĩ hiện nay là để tiến lên, để sát với cuộc sống của nhân dân hơn nữa, để nâng cao hơn nữa lòng yêu nước, ý chí phấn đấu của nhân dân, để xây dựng con người mới lành mạnh của xã hội ta cho sâu sắc, rõ nét hơn nữa.

Mấy tác giả trong tập sách *Giai phẩm* đã không làm như thế. Trong bài thơ "Mới", Lê Đạt đã phóng đại bệnh công thức lên như một tai nạn đang tràn ngập trong xã hội và trong nghệ thuật. Lê Đạt công kích những "công thức xô dây vào mũi". Và để tỏ ra mình không "công thức", Lê Đạt đã rên rỉ về những ngày sống "thảm hại" của mình, với quả tim đang đau ồm ồm trong "*Những đêm trắng tấy lên dữ dội, Không muốn nhìn mặt mình*", v.v...

Còn nhiều câu tương tự mà tôi không muốn trích dẫn dài. Đọc những câu ấy, chúng ta như thấy những bóng ma của thơ ca đời trụy bao năm trước, nay lại từ dưới mồ hiện lên. Đó là cách nhìn khinh người và đồng thời hoảng hốt trước những khó khăn của cuộc sống. Đó vừa là tiếng thách thức vênh váo vừa là tiếng khóc òa lên thảm thiết. Dưới những lời cay chua đòi "chống công thức" ta thấy tác giả đã lén đưa ra những tình cảm ồm ồm cũ kỹ của chủ nghĩa cá nhân. Nhưng cái chủ nghĩa cá nhân ấy lại đòi quyền làm vua trong đời và đập đầu ăn vạ, "cả vú lấp miệng em", vu khống chung quanh là không cho nó "làm người".

Chúng ta rất quý con người, chúng ta tôn trọng những đau thương, buồn khổ chân thành. Nhưng chúng ta không công nhận những tình cảm hèn yếu, hoài nghi, bi quan.

Không, Lê Đạt, không phải anh đã sống những "ngày thảm hại" mà anh đang sống những ngày vĩ đại và quý báu nhất trong đời. Tổ quốc ta, nhân dân ta, Đảng ta đã làm cho hàng

triệu người nô lệ từ đói khổ dốt nát đứng lên, tuy còn thiếu thốn vất vả nhưng từ nay đã có thể đứng thẳng lưng, và mình làm cho mình hưởng. Chỉ có cái chủ nghĩa cá nhân mù quáng nó xòe ra trước mắt Lê Đạt những tấm đen và "xô dây vào mũi" nghệ thuật của anh, dắt về con đường bế tắc và tối sầm.

Cái mới thực và cái mới giả

Tình cảm cá nhân đau ốm và hèn yếu cũng hiện rõ trong bài hát "Mưa xuân" của Tử Phác. Mượn đề tài lời miền Nam nhắn ra miền Bắc, Tử Phác đã khóc từ đầu đến cuối bài hát. Nước mắt ngắn nước mắt dài, Tử Phác rên rỉ với cảnh "*Mưa sao mưa mãi, như nước mắt người yêu tôi nhớ tôi*", trong lúc tất cả các làng xóm của ta đang "vắt đất ra nước, thay trời làm mưa", trong lúc trên báo *Nhân dân* còn kêu gọi đồng bào chớ vội vì được ít mưa đầu xuân mà ngừng tay chống hạn.

Mấy tác giả trong *Giai phẩm* gọi như vậy là "chống công thức". là "mới". Họ kêu gào "*Mới! Mới! Luôn luôn mới! Bay cho cao! Bay cho xa!*". Hơn thế Trần Dần, Lê Đạt còn bắt chước giọng nói của Mai-a-cốp-ski, thậm chí đã lấy nguyên những hình ảnh trong thơ Mai-a-cốp-ski vào thơ của họ, để đưa ra làm cái giấy thông hành rằng đây là "mới". Nhưng thơ Mai-a-cốp-ski khác với mấy bài thơ Trần Dần, Lê Đạt trong tập *Giai phẩm*, như là trắng khác với đen, ngày khác với đêm vậy.

Mỗi lời thơ của Mai-a-cốp-ski là một tiếng mõ báo động, một viên đạn, một ngọn cờ chiến đấu cho chủ nghĩa cộng sản. Mai-a-cốp-ski nói: "*Tôi muốn câu thơ của tôi như cái lưỡi lê*", và Mai-a-cốp-ski đã làm đúng như lời nói. Từng hơi thở, từng ý nghĩ của Mai-a-cốp-ski là của Đảng, của nhân dân Liên Xô, Mai-a-cốp-ski khinh bỉ quân thù đến tột độ, và có lòng tự hào không bờ bến về Tổ quốc, về sự nghiệp của nhân dân mình. Thơ Mai-a-cốp-ski là lửa cháy và ánh mặt trời, là sấm sét và ca hát, là tiếng nói gan ruột của quần chúng cách mạng.

Cái mới của chúng ta là ở đây, ở sự vùng dậy vĩ đại của hàng triệu người lao động đang được Đảng soi đường dẫn lối, làm thay đổi cả xã hội. Nhân dân đòi hỏi chúng ta phải luôn luôn đứng ở mũi nhọn cuộc đấu tranh của quần chúng, phải vắt óc suy nghĩ, tìm tòi, xây dựng được tâm hồn mới cho con người. Tất cả ý nghĩa công việc sáng tác của chúng ta là ở đây. Vì vậy chúng ta hết sức quý trọng, nâng niu tất cả mọi tìm tòi chân thành của người nghệ sĩ.

Và cũng chính vì vậy chúng ta không thể để cho bất cứ ai kéo lùi cuộc sống của chúng ta quay trở về cái cũ xấu xa, lạc hậu. Máy tác giả trong *Giai phẩm* khua chuông gõ mõ là họ *mới*, nhưng tiếng nói của họ bé nhỏ loanh quanh, họ nhìn cuộc sống bằng con mắt đen ngòm và hoài nghi của chủ nghĩa cá nhân sắp chết. Dưới những hình thức lòe loẹt, thực chất *tác phẩm* của họ là hơi thở tàn của xã hội và con người cũ. Không ai có thể tùy ý mà bịa ra được cái mới trong đời. Chỉ có quyết tâm lặn vào đời sống quần chúng, làm học trò quần chúng, thì mới tìm thấy cái mới vĩ đại trong đời sống ngày nay. Còn nếu chỉ ngồi dưới đáy giếng của chủ nghĩa cá nhân, cố thổi phồng cái *tôi* của mình, thì có muốn nói "mới, tự do, bay cao, bay xa", hay gì gì nữa, cũng chỉ là nô lệ của chính mình và bỏ quanh bờ quần trong vũng bùn của những tình cảm cá nhân nhỏ nhen hoặc đồi trụy.

Sự thành thực của nghệ sĩ

Mấy tác giả trong *Giai phẩm* vĩ ngược kêu to rằng họ "thành thực". Họ bắc loa gọi: "Các anh đến mà xem chúng tôi đang tự phơi trần con người chúng tôi. Họ nói thế và khoe với chúng

ta những bệnh tật tâm hồn đầy chất độc. Nhưng họ lại hợm hĩnh bảo: "Các anh mù lòa, có thể này mới là có can đảm 'làm người' chứ!" Thấy quần chúng không tin, mấy tác giả "thành thực" đó trợn mắt quát to: "Các anh không tin Đảng à. Đảng vẫn bảo là phải quý trọng con người kia mà. Đảng vẫn dạy phải đem hết sức chiến đấu cho cái mới thắng cái cũ kia mà". Đó, sự "thành thực" của mấy tác giả *Giai phẩm*. Nó chỉ là trắng trợn và lừa dối. Vô trách nhiệm với quần chúng khi đưa mình ra trong tác phẩm, và cho cá nhân mình có quyền không cần gì đến ai.

Chúng ta có một sự thành thực khác. Chúng ta viết mỗi câu đều lo lắng sao cho đúng sự thực khách quan của đời sống, sao cho có ích lợi cho cuộc đấu tranh của quần chúng. Có phải như vậy là giảm mất sự "thành thực" của chúng ta đi không? Có phải như vậy là chúng ta viết theo chỉ thị như kẻ thù vẫn tuyên truyền hay không?

Không! Như lời một nhà văn Liên Xô đã nói, chúng ta chỉ viết theo chỉ thị của trái tim chúng ta, nhưng trái tim chúng ta là của Tổ quốc, của nhân dân chúng ta. Mỗi dòng chữ chúng ta viết ra là máu thịt của chúng ta, nhưng chúng ta thấy đó chưa phải cái cao quý nhất của nghệ thuật. Chúng ta muốn mỗi dòng chữ của chúng ta là sự thực của mồ hôi nước mắt quần chúng, là tia sáng, nụ cười, sức mạnh cho những người lao động. Chỉ có đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, chúng ta mới có thể thật là can đảm và thành thực. Nhân dân bao giờ cũng đòi hỏi chúng ta nói đúng sự thực. Nhân dân đòi hỏi mỗi người cầm bút phải tự mình đi vào cuộc sống, nhận xét những cái tốt xấu hay dở trong đời, bảo vệ cái tốt cho kỳ được và đánh đuổi cái xấu đến cùng, tự mình nói lên tiếng nói từ đáy lòng để góp phần chiến đấu với quần chúng. Nhân dân hoan nghênh bất cứ lời nói nào thành thực và can đảm, với ý tốt là phục vụ cuộc đấu tranh cách mạng.

Nhưng mấy tác giả trong *Giai phẩm* vì đặt cá nhân mình to hơn cả lợi ích của quần chúng, vì tôn thờ đến cả những bệnh tật trong tâm hồn mình, muốn tự đặt mình lên bàn thờ bất mọi người phải quỳ lạy, nên họ không nhìn thấy sự thực, và cũng không nói thực.

Họ đã tự thổi phồng lên với nhiều điệu bộ, và đi tới hẳn học với chung quanh. Dưới cơ chống lại một số khuyết điểm trong đời sống chúng ta, họ đã phóng đại những khuyết điểm đó, và bóp méo sự thực sao cho thổi phồng được họ lên. Hai chữ "thành thực" lúc đó chỉ che đậy cho lòng kiêu ngạo, sự buông thả vô trách nhiệm và tới một chừng mực nào đó, nó chỉ còn là một chiêu bài để ngấm mực phun vào đời sống chung quanh, vu khống người khác và phản lại lợi ích của quần chúng.

Chúng ta thường thấy văn nghệ tư sản đưa "sự thành thực" ra để che lấp cho tư tưởng "nghệ thuật vị nghệ thuật" và chủ trương "nghệ sĩ không cần gì khác ngoài cái tháp ngà của mình". Chỉ riêng sự "thành thực" chủ quan của nghệ sĩ có đủ làm cho tác phẩm có sự sống hay không, và có phải đó là yếu tố quyết định tất cả sự sáng tác hay không? Tám chín năm kháng chiến đã làm chúng ta hiểu không có bài thơ nào có thể so sánh với giọt mồ hôi, nước mắt, với giọt máu thực của con người. Đời sống vô cùng vất vả và anh dũng của quần chúng vượt xa tất cả mọi điều chúng ta vẫn tưởng tượng. Phải học từ đầu, phải thực sự hiểu biết cuộc sống, chúng ta mới viết được. Không biết anh bộ đội hay chị nông dân làm ăn, suy nghĩ, vui buồn, chiến đấu thế nào, mà viết về họ theo lối "suy bụng ta ra bụng người", thì chúng ta rất dễ làm to. Không bắt nguồn từ sự thực của đời sống, thí dụ chúng ta có đưa ra "điều tâm hồn" nào, tác phẩm của chúng ta vẫn nghèo nàn, giả tạo, công thức.

Chúng ta phải đem hết nhiệt tình cách mạng, không sợ gian khổ, chân thành đi vào đời sống quần chúng, phục vụ quần chúng. Đó là sự thành thực và lòng can đảm chân chính của người văn nghệ ngày nay. Có lẫn vào đời sống quần chúng, mắt chúng ta mới biết nhìn, tim chúng ta mới biết đập, và dòng chữ chúng ta viết ra mới sống lên được.

Dưới chiêu bài "thành thực", mấy tác giả *Giai phẩm* chỉ mượn những đề trong cuộc sống của chúng ta để đề cao những tình cảm cá nhân ốm đau, lệch lạc, thậm chí đầy hàn học, nên "tác phẩm" của họ không nói đúng sự thực của đời sống mặc dù tự xưng là "thành thực". Và tiếng nói của họ không chân thành, giản dị, thẳng thắn, nó loanh quanh, úp mở, điệu bộ, nó không vươn rộng ra ánh sáng mà co mình vào bóng tối.

Từ hàn học cá nhân đi tới xuyên tạc sự thật

Trong nghệ thuật cũng như trong cuộc sống ngày nay, chủ nghĩa cá nhân không những làm cho tâm hồn đời trụy và bé tấc mà còn có thể đưa tới những bước đường nguy hiểm hơn nữa. Đó là khi nghệ sĩ tự coi mình như thần thánh, vượt ra khỏi mọi người. Khi ấy người nghệ sĩ nhìn vào đời sống không thể hiểu được rằng đời sống ngày nay là do quần chúng nhân dân đứng lên làm chủ mà trái lại con mắt mờ tối của anh ta sẽ chỉ thấy hình như một đám đông vô danh và tầm thường đang tràn lan, làm chết ngạt những cá tính phi thường. Nhìn quần chúng như vậy thì từ trên bờ vực rất dễ rơi xuống vực, từ chỗ hàn học với chung quanh, chỉ quá một bước sẽ rơi vào cạm bẫy của những tư tưởng thù địch. Ta thấy rõ điều đó trong bài thơ "Nhất định thắng" và truyện ngắn "Lão Ròng" của Trần Dần.

Trong bài thơ và truyện ngắn ấy Trần Dần nói giọng đàn anh, vừa chửi đổng mai mỉa, vừa quát tháo kêu gào, khác nào một siêu nhân từ trên đỉnh núi nói xuống cho người đời nghe. Trần Dần tự xưng:

*Cả nước đã bầu tôi toàn phiếu
Tôi là người vô địch của lòng tin*

Con người "vô địch" ấy cho là chưa ai theo nổi cái hay, cái đúng, cái quý trọng tâm hồn siêu việt của mình. Vì vậy Trần Dần vỗ ngực gầm gào rồi lại nức nở khóc tự thương thân. Trần Dần nhìn những người chung quanh như một bọn mù ngốc, đáng chửi đáng ghét, thậm chí nhìn chung quanh như thù địch. Và Trần Dần như muốn ném ra một lời thách thức: "Đây này, tất cả hãy vênh tai mở mắt, bao nhiêu cái chưa ai dám nói, nay ta nói toạc ra cho mà nghe, chứ ta có sợ gì đâu." Chúng ta hãy bình tĩnh nghe xem Trần Dần nói gì về đời sống chúng ta mà giã dạy như vậy.

Bài thơ "Nhất định thắng" xoáy vào những khó khăn trong đời sống Hà Nội ngày mới giải phóng: nạn thất nghiệp do địch để lại, và nạn nhân dân bị địch cưỡng ép di cư. Trước những khó khăn ấy, Trần Dần nói tới bọn Mỹ Diệm một cách phồng mồm trợn mắt làm ra vẻ khinh địch, nhưng Trần Dần lại kêu to: "Trời ơi, sao mà đâu cũng có chúng nó thế này!" Và Trần Dần trình bày kẻ địch như cái bóng ma vây bủa ghê gớm, đè rập đời sống của mỗi con người xuống. Trần Dần ôm mặt sụp xuống "*rã rời cân não*" nhìn ra đời sống chỉ thấy "*những cơn mưa rơi mãi tối sầm*". Trần Dần làm ra vẻ vỗ ngực hào hán, nhưng hoảng hốt run sợ và gieo rắc cái run sợ hoang mang ấy ra chung quanh.

*Em ơi thế ra
Người tin tưởng nhất như anh
Vẫn có những phút giây ngờ vực.*

Trần Dần nhìn kẻ địch như vậy, còn nhìn quần chúng thì như thế nào? Những người bị nạn thất nghiệp và những người bị địch cưỡng ép di cư trong con mắt Trần Dần, là những người thảm hại đáng thương và đồng thời đáng giận đáng khinh. Theo Trần Dần, những người thất nghiệp thì "*mưa nắng đi về lủi thủi*" mong chờ chính phủ tìm việc cho, ngoài ra chỉ "*sống bằng tương lai*", còn những người di cư thì chỉ biết kêu những thiếu trời thiếu đất thiếu vôn vôn, chẳng qua là họ "*thiếu quả tim, bộ óc*" đến nỗi tưởng miền Nam là "*non bồng của Mỹ*". Về miền Nam, Trần Dần cũng vẽ ra một bức tranh khủng khiếp và bi đát "*những mảng thịt, những đọt máu đào*", đi biểu tình, kêu lên trời, và những bóng ma nghèo ngoào đến quấy rối bữa ăn giấc ngủ của Diệm.

Rồi đến cuối bài thơ, Trần Dần nói: Chính phủ đã tìm được việc làm cho người thất nghiệp và những người di cư đã trở về. Nhưng chúng ta thấy cách giải quyết đó như "trên trời rơi xuống", vì không hiểu do đâu tình hình đen tối mà Trần Dần vẽ ra trên kia lại đưa tới cách giải quyết đó cho được.

Bức ảnh đen kịt mà Trần Dần vẽ nên có phải hình ảnh thực của đời sống nhân dân ta không? Trần Dần tự cho chỉ mình có "quả tim, bộ óc" và chửi mắng, khinh bỉ hoặc làm ra vẻ thương hại quần chúng. Nhưng thực ra Trần Dần đã đem "quả tim" khiếp sợ và hần học cùng với "bộ óc" hoảng loạn của mình mà bóp méo hẳn sự thực. Trần Dần tưởng mình ở rất cao, nhìn xuống quần chúng như một đàn cừu, nhưng thực ra Trần Dần đã rơi xuống vũng bùn, mắc vào cả những luận điệu của địch, thọc gậy bánh xe vào cuộc đấu tranh của quần chúng. Sự thực là chúng ta có những khó khăn to lớn, nhưng sự thực là quần chúng được Đảng lãnh đạo luôn luôn phấn đấu vượt những khó khăn ấy, và qua mỗi bước lại càng lớn lên, không sức gì cản lại nổi. Sự thực là kẻ địch điên cuồng, hung ác, nham hiểm, nhưng sự thực là chúng thất bại, đang thất bại, và còn thất bại mãi, càng thất bại chúng càng lỏng lẻo và càng lỏng lẻo chúng càng thất bại. Không những ở miền Bắc, mà cả ở miền Nam nước ta, sức mạnh của nhân dân ta đang quật bọn đế quốc và phong kiến xuống, và chính bọn chúng đang khiếp sợ, hoảng loạn vì chúng ta.

Những người công nhân bị địch đẩy ra vỉa hè hàng vạn, trước khi chúng rút khỏi miền Bắc, đâu phải những người "*khổ thân*" cúi đầu lủi thủi, buồn nản, chỉ "*sống bằng tương lai*" như Trần Dần đã "*suy bụng ta ra bụng người*" mà nói. Đó là những người lao động bị cực khổ nhất và cũng phải đấu tranh nhiều nhất, dưới chế độ bóc lột áp bức của địch. Đi sâu vào đời sống bình thường hàng ngày của quần chúng lao động, chúng ta thấy từ bao nhiêu năm, mỗi ngày sống của những người ấy là bao nhiêu vật lộn gan góc. Ngày nay, một nửa đất nước sạch bóng quân xâm lược, trước hết, họ thấy được đứng thẳng lên, thở một cái như chưa bao giờ được thở. Và họ vẫn tiếp tục cùng nhau phấn đấu xây dựng đời sống mới, vượt qua muôn nghìn khó khăn. Chính phủ ta giải quyết nạn thất nghiệp như thế nào? – Từ việc thống kê, xếp loại những người thất nghiệp xem ai cần giúp nhiều, ai cần giúp ít, ai cần giải quyết trước, ai cần giải quyết sau, cho tới việc tổ chức đưa những người đó đi công trường, về nông thôn, hoặc nhận những việc tạm thời ở thành phố, rồi tiến lên phát triển sản xuất, biến nền kinh tế phụ thuộc vào đế quốc thành kinh tế độc lập, tự chủ của ta, đường lối chính sách của ta trong vấn đề này cũng như trong mọi vấn đề là dựa vào sức lao động phấn đấu của quần chúng, hướng dẫn, tổ chức, phân phối, phát triển, để đem lại lợi ích cho quần chúng.

Những người bị địch cưỡng ép di cư cũng vậy, đâu phải họ cúi đầu nhắm mắt tin theo sự lừa bịp của bọn Mỹ Diệm. Đó chỉ là luận điệu tuyên truyền của địch. Trước khi bị bắt đi, trên

đường bị di cư, và sau đi vào tới miền Nam, cuộc đời mỗi gia đình, mỗi con người ấy có bao nhiêu đắng xé quyết liệt, bao nhiêu nỗi đắng cay uất ức với địch, bao nhiêu vật lộn hàng ngày để đùm bọc nhau mà bảo vệ lấy đời sống, và bao nhiêu đấu tranh để về quê hương. Ánh sáng của chân lý, của chính nghĩa vẫn luôn luôn có trong "quả tim, bộ óc" những người ấy. Dù có lúc bị che lấp, ánh sáng ấy vẫn tìm cách tỏa ra. Đường lối chính sách của chúng ta chính là làm sao cho ánh sáng ấy bật lên được, làm cho quần chúng nhận rõ chính nghĩa và lực lượng to lớn của mình.

Vì tự coi mình như siêu nhân và coi khinh chung quanh, Trần Dần đã "thấy cây mà không thấy rừng", như một người bị mù mắt trước những sự thực to lớn của đời sống quần chúng. Vì chìm ngập giầy dụa trong cách nhìn cô độc, hoảng sợ và hằn học, Trần Dần đã đi tới những bước đường nguy hiểm. Bài thơ "Nhất định thắng" đã xuyên tạc sự thật, vẽ nên một bức tranh đen tối và đầy hoang mang về đời sống và cuộc đấu tranh của nhân dân ta. Khách quan mà nhìn, bài thơ ấy đã làm hại cho ta. Không những nó đã phạm sai lầm nghiêm trọng về tư tưởng mà đã phạm sai lầm nghiêm trọng về chính trị.

Nhìn quần chúng bằng con mắt ăn trên ngồi trốc

Trong bài thơ "Nhất định thắng", Trần Dần làm như mình là bậc cha mẹ của quần chúng, vừa roi vọt đánh mắng, vừa khóc thương đấm đông u mê và khổ sở ấy. Trong truyện ngắn "Lão Ròng", trái lại, Trần Dần nói giọng nịnh quần chúng, tâng bốc cả những cái thô tục xô xiên của một ông lão cố nông có tài đặt vè. Hai thái độ của Trần Dần có vẻ trái ngược với nhau nhưng thật ra đó vẫn chỉ là cùng một thái độ trịch thượng, khinh bỉ quần chúng.

Lão Ròng, theo Trần Dần kể, là một ông lão nghèo đói, nghiện rượu bết nhè, và vì uống rượu nhiều quá nên "*làm bao nhiêu cho đủ được*" (chứ không phải nông dân nghèo đói vì không có ruộng). Ông lão ấy hay làm những bài về đấm ba chẻ củ, thô tục, xô xiên ("*Nằm mê thấy Phật cõi quán em ra*", v.v...), khi thì chửi người chữa hoang với sư, khi thì chửi người nghiện rượu. Một lần ông lão làm vè chửi bọn cường hào, cũng lối chửi xô tục tằn ấy, và bị chúng đánh chết. Ngày xưa ông lão bị mọi người sợ hãi khinh bỉ, nay đến Cải cách Ruộng đất người ta mới biết nhớ và yêu. Trần Dần nói: Vì sao lão Ròng làm vè được như vậy? Vì thù riêng chăng? Hay vì ai thuê? Chắc không phải. "*Hay là thù giai cấp? Lão Ròng thì biết gì giai cấp?*". Chỉ biết lão Ròng giỏi và hay như vậy đó.

Trần Dần làm ra vè "quần chúng" lắm, và đó chính là chỗ nguy hiểm và lừa dối của lối nhìn Trần Dần. Nhưng nhìn kỹ, ta thấy Trần Dần làm ra vè nịnh đến cả cái thô tục, xô xiên của quần chúng, mà thực ra đã coi bản chất quần chúng là thô tục, xô xiên, ngớ ngẩn, vô ý thức. Đó chẳng khác gì cái luận điệu "dân ngu khù đen" của bọn địa chủ khi chúng nói về nông dân. Trần Dần hiểu đời sống và tâm hồn quần chúng còn rất nông cạn. Cũng như những tên "văn sĩ" thực dân nói về người nhà quê "an nam" "ma bùn", Trần Dần tóm vội lấy một đôi nét xấu bề ngoài của quần chúng, làm ra vè đã khám phá ra cái gì quan trọng lắm. Trần Dần đem bôi đậm những nét xấu ấy lên, và dọa chúng ta rằng: "Quần chúng đấy!"

Chúng ta không hề đòi hỏi nhà văn đánh phấn bôi son cho những nhân vật quần chúng, biến quần chúng thành những hình nhân bằng giấy hồng. Người đọc không ưa những tác phẩm thi vị hóa, tô điểm đời sống nông thôn một cách giả tạo. Những hình ảnh cứng nhắc và sáo về quần chúng không đi được vào lòng người, nên tác dụng giáo dục cũng kém, hoặc chỉ có ít, hoặc lại làm cho người ta quên mất những đấu tranh gay go còn đang đặt ra. Nhưng, dưới cơ là không đánh phấn cho quần chúng, Trần Dần lại đem trát bùn lên hình ảnh quần chúng,

trình bày quần chúng như những con ngoáo xấu xí, cục cằn.

Đó là cách nhìn trịch thượng và phản động của giai cấp bóc lột.

Trong xã hội thực dân phong kiến cũ, những người nông dân không những bị thất cổ trong nạn nghèo đói khốn cùng mà còn bị đè vào bóng tối đen đặc của nạn đốt nát, mê tín, phong tục hủ lậu. Nhưng sự u tối, có khi đến cực súc ấy đâu phải là bản chất quần chúng, đâu phải đó là điều đáng ca ngợi, như Trần Dần đã định lừa dối chúng ta? Đó chỉ là những tai nạn do bọn thống trị gây ra, những cái xấu xa do sự mục nát của giai cấp thống trị đẻ ra. Như một cái xác chết thối làm ngạt thở cả không khí, giai cấp thống trị trong bước đường tan rã, đòi bại của nó làm thối nát lây cả đời sống xã hội, và gieo rắc những bệnh tật độc địa của nó vào trong đời sống những giai cấp bị trị, và những giai cấp trung gian. Đâu phải tính nghiện rượu bét nhè, thích chửi xỏ thô tục của Lão Ròng là những tính nét điển hình, đáng ca ngợi của người bản cổ nông. Cái bệnh nghiện rượu và tính xỏ xiên đâm ba chẻ củ lung tung ấy chỉ là cái tai nạn của chế độ địa chủ cường hào và lề lối xôi thịt của bọn đàn anh ở nơi đình trung trong nông thôn ta ngày trước. Nhà văn có thể mô tả những sự thực đó, nhưng phải chỉ rõ cho ta thấy bản chất quần chúng không phải ở đấy, mà trái lại ta phải căm thù cái chế độ đã đẻ ra những tật xấu ấy, căm thù cái giai cấp phong kiến mục nát nó làm thối nát lây cả xã hội. Và đi sâu hơn vào đời sống và tâm hồn quần chúng thì bất cứ người nào tôn trọng sự thực đều phải nhận thấy dưới những bề ngoài thô tục, hoặc u tối, bên trong quần chúng có một cái gì khác. Ông Lão Ròng có phải chỉ biết đâm ba chẻ củ như thế không? Nhất định không! Ông lão ấy cũng như mọi con người, chắc chắn có bao nhiêu tình thương yêu, có bao nhiêu nỗi khao khát được sống một cuộc đời khác, sung sướng tử tế. Bản chất của ông là bản chất lành mạnh, lương thiện, thông minh và can đảm của một người lao động.

Chống lại ý thức và phủ nhận sự lãnh đạo chính trị

Dưới vẻ ca ngợi cái bản năng tự nhiên của quần chúng (mà cái bản năng ấy đã bị bôi đen đi), cách nhìn của Trần Dần có một khía cạnh cần đặc biệt chú ý là nó chống lại với ý thức và phủ nhận vai trò của ý thức cách mạng. Trần Dần nói rằng chẳng cần "*biết gì giai cấp*", lão Ròng vẫn biết phải trái, vẫn đấu tranh đúng như thường, đến nỗi bây giờ bà con nghe như tổ khổ vậy. Chẳng qua đến Cải cách Ruộng đất mới bày ra chữ *thù giai cấp*. Cách nhìn ấy của Trần Dần cũng rõ rệt trong bài thơ "Nhất định thắng". Trần Dần mỉa mai chính trị, cho là đời sống quần chúng và tình cảm con người có cần gì phải đúng chính trị ("*Em biết đâu Mỹ miếc, Ngô nghe gì*"). Cách nhìn đó làm ra vẻ "tả" lắm, vì nó đề cao "tự nhiên của quần chúng trên hết". Nhưng cái bề ngoài "tả" ấy đối với chúng ta cũng không lạ gì, đó chỉ là cái tư tưởng vô chính phủ đã rất cũ và đã lộ mặt, nó đi đối với cái tâm lý siêu nhân như là bóng với hình vậy. Trần Dần muốn nói rằng quần chúng không cần lãnh đạo, và sự lãnh đạo chính trị của Đảng không phải là sinh mạng của quần chúng, mà thậm chí chỉ là những "công thức" giả tạo ràng buộc đời sống thực của quần chúng. Cách nhìn ấy cũng rơi vào luận điệu của kẻ thù, nếu không kịp thời tỉnh ngộ thì nó chỉ có thể đưa tới những cách nhìn chống lại cách mạng. Thực chất tư tưởng vô chính phủ theo lối "ăn trên ngồi trốc" ấy vẫn là khinh bỉ quần chúng, cho rằng quần chúng là đàn cừu vô ý thức cần phải để cho những bậc hảo hán siêu việt chăn dắt, cừu vót.

Những người cách mạng yêu quý và hiểu biết quần chúng thì trái lại hẳn, họ đặt tất cả tin tưởng vào khả năng vô cùng tận của quần chúng, nhưng không hề theo đuôi bản năng quần chúng. Lê-nin đã gọi bọn ca tụng "phong trào tự nhiên của quần chúng" là một bọn đi dòm cái mộng của quần chúng. Lực lượng quần chúng quyết định tất cả, trong việc to cũng như

việc nhỏ, cách mạng chỉ có thể thắng lợi khi quần chúng nổi dậy, tự mình nắm lấy vận mệnh của mình. Nhưng nếu chỉ có bản năng tự nhiên, thì quần chúng không tìm ra đường lối cách mạng được, mà trái lại, thường đi vào đường lối của giai cấp thống trị. Sự nổi loạn tự nhiên của quần chúng, nếu không có Đảng lãnh đạo, tổ chức, chỉ huy, thì không thể làm ra cách mạng. Lịch sử nước ta đã chứng tỏ nếu nông dân chỉ tự mình nổi lên chống bọn phong kiến, thì đến cuối cùng những lãnh tụ nông dân lại lên làm những vua chúa mới mà thôi. Và lịch sử phong trào công nhân quốc tế cũng chứng tỏ nếu công nhân chỉ đấu tranh theo bản năng tự nhiên để giành quyền lợi hàng ngày thì cũng chỉ đi tới chủ nghĩa công đoàn là một cái mà giai cấp tư bản rất thích. Phải có chủ nghĩa xã hội khoa học, phải có chủ nghĩa Mác – Lê-nin là kết tinh cao nhất của khoa học, phải có Đảng của giai cấp công nhân giáo dục ý thức chính trị, ý thức giai cấp cho quần chúng, thì sức mạnh vô cùng của quần chúng mới được cởi mở, và quần chúng mới thực nắm được vận mệnh của mình. Ý thức chính trị là sinh mạng của quần chúng, và sự lãnh đạo chính trị của Đảng là lẽ sống còn của quần chúng. Đường lối, chính sách không phải là cái khuôn giả tạo ở ngoài lồng vào cuộc đời, mà chính là máu thịt, đường mối của đời sống chúng ta ngày nay.

Những người dân Hà Nội, sao lại "*biết đâu Mỹ miếc Ngô nghê gì*" như Trần Dần đã nói! Một em bé cũng biết phân biệt tên lính đế quốc, tên mật thám của Ngô Đình Diệm với anh bộ đội, anh cán bộ của ta. Nhân dân ta đã khởi nghĩa, đã kháng chiến thắng lợi, đã vượt qua những gian khổ to lớn nhất chính vì nhân dân ta đã hiểu rất rõ ta là ai, địch là ai, ta chính nghĩa, địch phi nghĩa, ta tiến lên, địch suy tàn. Mười năm từ cách mạng đã giáo dục mỗi người bằng hàng mấy chục năm, hàng trăm năm ngày trước.

Và những người nông dân ngày nay, chính nhờ tư tưởng Mác – Lê-nin soi sáng, mới nhận rõ được thấy giai cấp địa chủ là thế nào. Không có sự giáo dục chính sách, không có phát động tư tưởng thì không thể làm cho nông dân vùng lên được.

Trần Dần đề cao những bài về thô tục, xô xiên, đâm ba chẻ củ của Lão Ròng, nhưng đã không nhận thấy những câu về ấy có lúc đã kích bừa cả nông dân và còn lấp lại cả đạo lý phong kiến. Khi chạm đến bọn cường hào, những câu về của Trần Dần cũng mới bới móc mấy câu chuyện vật thô tục. Như vậy sao có thể so sánh với những lời tố khổ của nông dân ngày nay được. Tố khổ đâu phải là bới xấu, trả thù vật bọn địa chủ. Người nông dân tố khổ chính là đem ánh sáng của chính sách, tức là tư tưởng Mác – Lê-nin, mà phân tích cụ thể đời sống của mình và sự bóc lột, áp bức của bọn địa chủ, lột mặt nạ, vạch ra tội ác của chúng, đánh ngã cả một hệ thống tư tưởng mà giai cấp địa chủ đã choàng lên xã hội từ hàng nghìn năm.

Tư tưởng vô chính phủ đối với phong trào quần chúng và sự lãnh đạo của Đảng thì tìm cách phá hoại, còn đối với địch thì làm lạc hướng đấu tranh của quần chúng. Tới khi không thể đứng nổi trong hàng ngũ quần chúng được nữa thì thường bọn vô chính phủ trắng trợn chạy sang với kẻ thù của cách mạng. Trong văn nghệ các nước tư bản, chúng ta cũng đã thấy rõ những bọn ca ngợi thứ chủ nghĩa cá nhân hảo hán, phiêu lưu như Malraux, hoặc Koestler đến cuối cùng chỉ là cái loa của bọn đế quốc hoặc phát xít. Trần Dần cần phải tỉnh ngộ mà nhìn rõ cái dốc thẳm đang ở sát bên tư tưởng sai lầm của anh.

Nhắc đến một vài sáng tác và mấy tác giả trong tập sách *Giai phẩm*, tôi cần nói rõ là tôi không nhận xét chung tất cả các bài trong tập sách đó, và không nhận xét toàn bộ tác phẩm hoặc tư tưởng của mấy tác giả kể trên. Tôi chỉ nói đến ba bốn bài cụ thể và một số những

điều mà tôi nghĩ là sai lầm trong những bài ấy.

Sau hai bài báo đã đăng, tôi nhận được một số ý kiến của các bạn đọc và các bạn văn nghệ. Có bạn phê bình tôi còn quá nhân nhượng với những sai lầm và còn gượng nhẹ, để cho những sai lầm đó còn đất nương náu. Có bạn, trái lại, trách tôi đã phũ phàng và suy diễn, không hiểu những khó khăn mà người nghệ sĩ nhất định gặp phải, khi đi tìm một cái gì mới lạ. Những ý kiến phê bình đó đã giúp cho tôi thấy rõ những khuyết điểm trong bài báo đã quá dài này. Hôm nay, viết đoạn kết luận, tôi muốn nhân dịp mà tỏ bày một điều: những ý kiến của tôi nhất định còn bị giới hạn trong tầm mắt và tầm suy nghĩ của tôi, nên chắc chắn còn nhiều chỗ chưa tới nơi tới chốn, hoặc lệch lạc. Tôi không hề cho rằng những ý kiến của tôi có thể định đoạt tác phẩm của bất cứ tác giả nào. Tôi chỉ làm công việc của một người phê bình giữa tất cả những người phê bình. Trong một cuộc thảo luận đang còn một số ý kiến phân tranh, tôi góp những ý kiến riêng của tôi. Nếu tôi có những nhận xét không đúng, mà được tác giả hoặc các bạn chỉ cho thấy rõ, thì tôi chỉ có thể cảm tạ.

Trở về với mấy sáng tác trong tập sách *Giai phẩm*, tôi vẫn nghĩ rằng trong mấy sáng tác đó đã có những sai lầm nghiêm trọng, có hại cho bước đường tìm tòi của các tác giả mấy bài đó và có hại cho bước đường tiến lên của văn nghệ ta hiện nay. Chúng ta đang muốn nâng văn nghệ ta lên một bước mới, vượt khỏi những cái công thức, sơ lược nó làm cho một số tác phẩm còn cứng nhắc, khô khản, chưa phản ánh được đúng cuộc sống nhiều vẻ của nhân dân ta. Mấy sáng tác trong tập *Giai phẩm* đã cùng với chúng ta nêu lên vấn đề chống công thức. Nhưng ta hãy nhìn xem mấy sáng tác đó "chống công thức" như thế nào?

Từ trước đến nay, chúng ta thường nêu lên những phía tốt đẹp và tích cực trong đời sống, nhưng chúng ta thường coi như cái tốt đẹp ấy thắng lợi một cách quá dễ dàng, mà chưa nêu rõ được những đấu tranh gay go giữa cái tốt và cái xấu, giữa cái mới và cái cũ trong xã hội và con người. Nay, mấy sáng tác trong tập *Giai phẩm* nêu lên những khó khăn, những khuyết điểm, những phía tiêu cực trong cuộc sống chúng ta. Nhưng mấy sáng tác đó lại vẽ ra một hình ảnh tối sẫm, hình như cả cuộc sống chúng ta đang bị chìm nặng vào những cái xấu xa, hủ bại.

Từ trước đến nay, chúng ta thường mô tả quần chúng có ý thức và có tổ chức, có lãnh đạo, chúng ta nêu lên những con người tích cực, những người anh hùng mới của công nông binh. Nhưng những hình ảnh quần chúng mà chúng ta xây dựng thường còn cứng nhắc một chiều, và nhiều khi bị lý tưởng hóa một cách gò ép theo con mắt chủ quan của chúng ta. Nay mấy sáng tác trong tập *Giai phẩm* như có ý đi ngược lại mà thiên về ^[2] mô tả những người lạc hậu, còn vướng mắc nhiều tật xấu của xã hội cũ, cho rằng như thế mới là tả đúng con người thực. Nhưng mấy sáng tác đó đã trình bày những con người và quần chúng thành ra xấu xa, nghiêng ngả, thậm chí vô ý thức, cục cằn, vô chính phủ.

Từ trước đến nay, chúng ta cố gắng nêu lên những tình cảm lành mạnh, khỏe khoắn, anh dũng của cuộc sống mới và con người mới. Những tình cảm ấy là những tình cảm mạnh mẽ và sáng suốt, có ý thức rõ rệt. Nhưng vì bản thân chúng ta còn yếu đuối và non tay, nên khi nói lên những tình cảm mới và đúng hướng ấy, nhiều khi chúng ta còn phải "lên gân", dùng nhiều lời sáo, có một số tác giả lại nói toàn khẩu hiệu chính trị khô khan mà không đi vào tình cảm. Và nói chung, chúng ta còn chưa mô tả được sâu sắc tình yêu, và những tình cảm trong đời sống riêng của con người. Nay mấy sáng tác trong tập *Giai phẩm* đưa ra những tình cảm riêng của tác giả, nhưng đó lại là những tình cảm yếu ớt, sưng mướt, hoặc quần

quại, u uất, thậm chí đi tới vô chính trị, hoang mang, bi quan, khinh miệt chung quanh, nhìn quần chúng bằng con mắt đàn anh, trích thượng.

Cho nên nhìn chung lại, mấy sáng tác trong tập *Giai phẩm* nêu lên là chống "công thức" mà thực ra, theo ý tôi, trong khi muốn đi ngược lại một số khuyết điểm trong văn nghệ hiện thời, đã làm lẫn về lập trường, mà coi hình như cả đường lối của cuộc sống mới và nền văn nghệ mới của chúng ta là "công thức". Mấy sáng tác đó không phải chỉ đi ngược lại một số "công thức", mà đã đi ngược lại cả phương hướng tiến lên của đời sống và của nghệ thuật chúng ta ngày nay. Mấy sáng tác đó nêu lên là "tìm cái mới" mà thực ra đã rơi trở lại vào những cách nhìn cô độc, khinh quần chúng và những tình cảm bi quan hoặc phá phách của nghệ thuật cũ mang nặng một chủ nghĩa cá nhân giầy dụa.

Tôi không kết luận về chủ ý của từng tác giả trong từng bài đó. Rất có thể mấy tác giả đã có ý tìm tòi cái mới về nghệ thuật. Nhưng vì vướng mắc những sai lầm trong tư tưởng, nên mấy sáng tác đó đã lệch lạc rơi vào những bước đường nguy hiểm. Tôi cũng chưa nhận xét về công phu gọt rũa của nghệ thuật trong mấy sáng tác đó. Có thể có một số câu hoặc đoạn, về nghệ thuật thì sắc bén, nhiều màu sắc, nhưng khi nghệ thuật tinh vi ấy chứa đựng một nội dung tư tưởng sai lầm thì theo tôi chỉ càng làm hại cho người đọc. Tôi cũng phải nói là tôi nhận thấy trong mấy sáng tác sai lầm nói trên, đây đó lác đác vẫn có một vài câu hoặc đoạn muốn cố níu lại những ý tốt, trong những câu ấy có câu hay, nhưng tiếc thay đôi ánh sáng le lói ấy vẫn bị kéo chìm vào một bóng tối nặng nề.

Vi sao mấy sáng tác trong tập *Giai phẩm* đã rơi vào những sai lầm như vậy?

Theo tôi nghĩ, nguyên nhân thứ nhất là cuộc đấu tranh của nhân dân ta đã chuyển sang một giai đoạn mới, trải qua nhiều gian khổ mới. Từ kháng chiến chuyển sang hòa bình, từ nông thôn trở về thành thị, có nhiều vấn đề phức tạp khác ngày trước nay đang đặt ra trong xã hội và trong mỗi con người. Mấy tác giả nói trên, vì lâu ngày sống xa thực tế đấu tranh mới của quần chúng cơ bản vì làm lẫn về lập trường vì nhận thức chính trị còn thiếu sót nặng nề, nên không nhận ra được phương hướng giải quyết những khó khăn hiện thời. Họ đã nao núng hoang mang trước những vấn đề chính trị, những vấn đề xã hội, những vấn đề tư tưởng và nghệ thuật đang đặt ra. Họ nhìn những khó khăn, những khuyết điểm trong đời sống chúng ta như một trái núi, mà không thấy rằng sức mạnh của quần chúng đang dũng cảm lao động và đấu tranh mới là trái núi đè lên kẻ thù, và đang đập vỡ những xiềng xích của xã hội thực dân phong kiến cũ.

Nguyên nhân thứ hai là trong văn nghệ ta còn nhiều khuyết điểm và nhiều vấn đề thắc mắc chưa được giải quyết, nhất là về mặt lý luận. Những bệnh công thức sơ lược làm cho anh em văn nghệ thấy cần phải vượt lên mới sáng tác cho kết quả hơn được. Nhưng trong sinh hoạt văn nghệ của chúng ta còn quá ít những cuộc thảo luận trao đổi ý kiến về những thắc mắc ấy. Cái đúng sai thật giả không được vạch rõ ràng. Do đó những tư tưởng sai lầm đã nảy nở trong bóng tối của những thắc mắc bực dọc và đương nấp vào những chỗ còn lẫn lộn về đường lối sáng tác.

Và nguyên nhân thứ ba, theo tôi nghĩ, là mấy tác giả trong tập sách *Giai phẩm* còn vướng mắc vào nhiều tư tưởng sai lầm của nghệ thuật tư sản cũ. Những tư tưởng này do những sản phẩm văn chương nghệ thuật của đế quốc Pháp gieo rắc khá sâu vào văn nghệ ta trước ngày cách mạng. Đó là những thứ chủ nghĩa vô trách nhiệm, phiêu lưu, vô chính phủ hoặc đầu hàng của những "văn sĩ" tư sản như Gide, Malraux, v.v... Đó là cái chủ nghĩa cá nhân

đã hết sức sống và đang tàn tạ. Một thời nó đã đề ra trong văn học ta một số thơ, tiểu thuyết, thi vị hóa cái bàn đèn thuốc phiện và sự trụy lạc tâm hồn, hoặc đề cao một con "người hùng" hảo hán và lưu manh mà ta chưa quên^[3]. Đối với một số văn nghệ sĩ bất mãn với xã hội cũ, thì nó đưa đến một thứ nổi loạn phá phách lung tung, khinh đời và trả thù đời bằng cách chửi đổng bất lực, chán ghét cả cuộc sống, không tin ở cái gì tốt đẹp nữa, cuối cùng đi tới tuyệt vọng, muốn tự tử, hoặc là đầu hàng xã hội cũ, quay về mơ ước vàng son của thời trung cổ.

Ngày nay, sau hơn mười năm cách mạng, tất nhiên cái chủ nghĩa cá nhân tàn tạ ấy không còn thể nào hiện lên đúng hết như xưa. Nhưng trong mấy sáng tác sai lầm ở tập *Giai phẩm*, nó đã ngoái đầu quật lại, thành những tình cảm quằn quại, yếu ớt, thi vị hóa những bệnh tật tâm hồn và những giọt nước mắt nhỏ bé và u uất. Nguy hiểm hơn nữa, nó đã đem cái tâm lý khinh đời, xô xiên và phá phách của người nghệ sĩ cô độc và bất lực ngày trước, mà nhìn vào quần chúng và đời sống ngày nay. Cái tâm lý nguy hiểm ấy làm cho bóp méo hẳn sự thực, nhìn những cái xấu, những khó khăn và những khuyết điểm không phải bằng con mắt của những con người đang vững chắc tiến lên, mà bằng con mắt bé tắc và rầy rụa, thậm chí rơi vào cả cách nhìn hần học, bị một số khuyết điểm trong đời sống làm cho mờ quáng mà coi cả cuộc sống như đáng thù ghét.

Không, nhất định văn nghệ ta không bao giờ quay lại bước đường đen tối ấy. Con đường của chúng ta chỉ có một hướng tiến lên, đó là cái hướng rất đúng mà chúng ta vẫn đi theo từ ngày cách mạng. Cái mới của chúng ta chính là đi vào đời sống quần chúng, diễn tả cho được những con người tích cực của quần chúng đang đứng lên làm chủ xã hội. Cái mới của chúng ta là nêu rõ được cái tốt đẹp đang lớn lên giữa những đấu tranh quyết liệt và phức tạp. Cái mới của chúng ta là soi rõ được vào ý thức con người cái phương hướng chính trị của cách mạng. Cái mới ấy là những tình cảm anh dũng, trong sạch, sáng suốt, ngay thẳng, trong đời sống chung cũng như đời sống riêng của con người lao động mới.

Nếu một số tác phẩm của chúng ta còn sáo, khô khan, cứng nhắc khi diễn tả những cái mới ấy, thì đó là vì chúng ta hiểu biết cuộc sống của quần chúng còn nông cạn, vì ý thức và tình cảm chúng ta còn chệch trễ, hoặc lạnh nhạt so với đời sống thực, và cũng vì một số chúng ta còn chưa thật can đảm nhận lấy trách nhiệm chiến đấu của người văn nghệ để diễn tả sự thực trong đời sống và tâm hồn quần chúng, do đó mà góp phần cải tạo xã hội và con người.

Nhưng chúng ta khắc phục bệnh công thức nhất định không phải bằng cách quay lưng lại những cái tốt đẹp, tích cực của quần chúng mà chỉ có thể bằng cách lặn vào cuộc sống anh dũng của quần chúng hơn nữa. Không phải bằng cách đưa bừa ra những ý nghĩ tình cảm lệch lạc, lẻ loi, đau ốm của riêng ta mà chỉ có thể bằng cách đổi mới từ con mắt, từ trái tim của chúng ta, để mỗi tiếng nói từ đáy lòng chúng ta là tiếng nói của tổ quốc, của nhân dân ta. Văn nghệ chúng ta biểu hiện những cái mới ấy trước hết là biểu hiện lao động và đấu tranh của quần chúng, biểu hiện những con người tích cực đang đứng lên hàng vạn hàng triệu trong nhân dân ta. Những con người ấy chính là những người đã lao động, "bé nhỏ, tầm thường", bao đời bị chà đạp khinh rẻ. Tới nay họ đang vươn mình trở thành những con người mới, có ý thức và dũng cảm, có tổ chức và có Đảng lãnh đạo. Những con người ấy đã khởi nghĩa, kháng chiến, tạo ra Điện Biên Phủ, làm cải cách ruộng đất thay đổi hẳn xã hội ta đến tận gốc rễ và đánh cho bọn đế quốc phong kiến toi bờ tan rã.

Những con người ấy không phải những ông thánh lý tưởng. Họ lớn lên giữa trăm nghìn khó

khăn, mỗi bước tiến lên của họ phải mất bao nhiêu cực khổ hy sinh, bao nhiêu mồ hôi nước mắt. Họ phải đấu tranh với những sự rầy rụa của bọn thống trị, họ phải đập vỡ những xiềng xích từ hàng nghìn năm đau khổ còn đè nặng trong phong tục xã hội và tâm hồn con người. Nhưng họ lớn lên như cậu bé làng Phù Đổng trong câu chuyện cũ. Văn nghệ, biểu hiện những con người ấy, phải biểu hiện đúng thực những khó khăn những đấu tranh gay go, và phải biểu hiện cái sức lớn lên vĩ đại ấy.

Văn nghệ có thể và cần mạnh dạn vạch ra những cái xấu, những cái lạc hậu còn gông cùm người ta lại, và phải quật mạnh vào những cái xấu ấy để giúp cho cái tốt nảy nở. Muốn thế, phải nhìn được rõ cái xấu ấy ở đâu sinh ra và sẽ đi tới đâu. Và ngay khi tập trung vào diễn tả một cái xấu nào của xã hội, một cái lạc hậu nào của con người, tác phẩm vẫn phải tỏ ra được ánh sáng mạnh mẽ của cái mới, cái tốt đang tiến lên, mà không sức gì cản lại được.

Đó là một vài vấn đề mà tôi nghĩ rằng mấy bài thơ và truyện trong tập *Giai phẩm* đã làm cho chúng ta phải nêu lại với nhau. Chúng ta còn phải thảo luận nhiều với nhau về những vấn đề này. Nhưng con đường tiến lên của chúng ta chỉ có một hướng đúng. Mấy tác giả mắc sai lầm trong tập *Giai phẩm* trước đây đã cùng tất cả những người sáng tác cố gắng bước theo đường lối ấy. Tôi nghĩ và mong rằng một số sai lầm trong tập *Giai phẩm* là những sai lầm một lúc của một vài sáng tác nhất định. Mong rằng mấy tác giả đó không đi ngược lại con đường chính mình đã chọn vì xã hội ta và nghệ thuật ta không thể quay ngược lại và cũng không đứng lại. Bên ngoài con đường ấy, nấp trong bóng tối của quá khứ, chỉ có kẻ thù đang rình mò, chằng ra những chạm bẫy và tuyệt vọng định kéo giật lùi những làn sóng khổng lồ của quần chúng.

^[1]Tức *Giai phẩm mùa Xuân*, xuất bản tại Hà Nội cuối tháng 1.1956 và bị tịch thu, tái bản đầu tháng 10.1956. Bài viết này của Nguyễn Đình Thi đăng trên *Văn nghệ* trong thời gian ông là thư kí toà soạn của báo này (talawas).

^[2]Ở báo gốc, chỗ này là "mà thiếu về mô tả...", ngờ là có lỗi in, LNA tạm sửa là "mà thiên về mô tả"...

^[3]Con người "cao bồi" Mỹ ngày nay, xét kỹ, chỉ là một bước đòi trụy hơn nữa của thứ tư tưởng hảo hán, phiêu lưu đó (nguyên chú của Nguyễn Đình Thi).

Nguồn: Báo *Văn nghệ*, Hà Nội, s. 117 (19.4.1956), tr. 1, 3; s. 118 (26.4.1956), tr. 3, 9; s. 119 (3.5.1956), tr. 2. Lại Nguyên Ân biên soạn.

1956, Việt Nam, *Giai phẩm*, Nhân văn Đặng Tiển

Giai phẩm và *Nhân văn* là tên hai ấn phẩm khác nhau. *Giai phẩm* là một tuyển tập thơ văn, phát hành đầu năm 1956 tại Hà Nội, ra được năm kỳ; *Nhân văn* là một tờ báo không định kỳ, xuất bản cuối 1956, ra được 5 số. Nhiều người có tên trong tuyển tập trước hợp tác với tờ báo sau. Nhưng cụm từ "Nhân văn *Giai phẩm*" ta thường nghe, tự thân nó là một thành ngữ vô nghĩa.

Đảng quyền Hà Nội, cuối năm 1956 đã gom hai tên lại với nhau thành một bản án văn học và chính trị. Thời đó "*bọn*", "*phần tử*" *Nhân văn-Giai phẩm* là một lời buộc tội nặng nề. Nhưng đồng thời ở miền Nam - khoảng 1960 - và ở toàn quốc cùng với hải ngoại sau

này, *Nhân văn-Giai phẩm*, ngược lại, là một danh xưng cao đẹp, tượng trưng cho tầng lớp trí thức tài năng, sáng suốt, dũng cảm và bất khuất trước cường quyền và bạo lực.

Câu chuyện đã già nửa thế kỷ, cái gút văn học đã từ từ được tháo gỡ: các tác giả được khôi phục, được xuất bản tác phẩm, được giải thưởng. Trần Đức Thảo được giải thưởng Hồ Chí Minh từ 2000; đầu năm nay, Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt, Hoàng Cầm được Giải thưởng Nhà nước. Phải chăng là "vụ án" văn học đã được xếp lại? Thế sao trong tang lễ Nguyễn Hữu Đang mới đây, 10/2/2007, đại diện chính quyền, trong diếu văn còn nhắc lại "*sai lầm Nhân văn Giai phẩm*"? Phải chăng là thành ngữ Nhân văn Giai phẩm có nhiều nội hàm khác nhau? Tôi khởi thảo bài này, đúng lúc báo mạng talawas ngày 20-3 đăng bài của nhà văn Nhật Tiến cùng một đề tài. Anh cũng mờ mờ nhân ảnh như tôi, nhưng dũng cảm hơn, và kết luận về việc Hoàng Cầm và Lê Đạt nhận giải thưởng: "*Phải chi các ông tuyên bố được rằng: sẵn sàng nhận giải với điều kiện Đảng Cộng sản Việt Nam minh bạch công nhận đã sai lầm trong công cuộc đàn áp phong trào Nhân văn Giai phẩm*". Tôi cùng một suy nghĩ với anh, nhưng không dám ngay thẳng đòi hỏi như thế. Vì giá dụ lỡ như hai ông ấy, trong thâm tâm, không cho rằng Đảng sai lầm, thì sao?

Vì không hiểu rõ nội vụ, tôi thử đưa ra một "giả thuyết thao tác", bắt đầu bằng một hình ảnh: các nhà văn trong hai đợt *Giai phẩm* và *Nhân văn* là nạn nhân của một hiện tượng đồng đá (glaciation), từ nước hay tuyết đông đặc thành băng giá. Nôm na là: *Giai phẩm* và *Nhân văn* là một phong trào văn học tự phát năm 1956 nhưng gặp phải lúc Đảng Lao động đang chuyển từ chính sách mềm dẻo sang một chế độ chuyên chế cứng rắn, từ 1957, để chuẩn bị thống nhất đất nước bằng vũ lực. Nghĩa là, vừa phải trực diện với Mỹ và khối tư bản, vừa phải đối phó với đàn anh Liên Xô sau diễn văn Khrushchev, chủ trương Sửa sai, Xét lại và Chung sống hoà bình; và đàn anh Trung Quốc chống hữu khuynh, chống xét lại và phát động chính sách Đại Nhảy vọt.

1956, năm bản lề cho Liên bang Xô Viết và các Đảng Cộng sản toàn thế giới^[1], sử gia Pierre Brocheux đã viết như thế để mở đầu cho chương, rất uyên bác, ông dành cho *Nhân văn-Giai phẩm*. Toàn thế giới căng thẳng như vậy, Việt Nam còn có nghịch cảnh riêng, nhức nhối hơn: dự án thống nhất đất nước dự tính vào tháng 7-1956 theo Hiệp định Genève đã không thành. Chính quyền Hà Nội quản lý miền Bắc cầm chừng trong hai năm 1955-1956 về mặt chính trị, xã hội, văn hoá lẫn kinh tế, đến thời điểm nào đó, phải dứt khoát. Thậm chí Lưu Thiểu Kỳ, trước Đại hội Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, ngày 25-3-1963, còn cho rằng "*Hồ Chí Minh xưa nay vẫn là tay hữu khuynh (...) Sau chiến cuộc (1954) hẳn vẫn còn chần chừ, không chọn chế độ tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa. Chính chúng ta (Trung Quốc) phải quyết định cho hẳn*"^[2]. Ngày 12-11-1954, Phạm Văn Đồng hỏi Jean Sainteny: "*Ai bảo các anh chúng tôi là chế độ cộng sản?*"^[3]

Brocheux còn viết: "*Cùng một giai đoạn này, Trung Quốc và Bắc Việt Nam thiết lập chế độ Sta-li-niêng, độc tài đảng trị, tập thể hoá nông thôn, áp dụng phương pháp toàn trị để tiêu diệt đối kháng, đàn áp mọi lệch lạc trí thức và văn nghệ, phát triển kinh tế theo kế hoạch nhà nước. Sự trùng hợp về niên biểu giữa các biến cố xảy ra cùng năm 1956 hiển nhiên đến độ chúng ta khó bề phủ nhận quan hệ nhân quả, hiệu ứng ảnh hưởng, dây chuyền và phản động lực, dù Hồ Chí Minh hay Võ Nguyên Giáp có giảm bớt hay phủ nhận. Trả lời ký giả Tibor Mende hỏi tự nhiên: khi sửa sai việc cải cách ruộng đất, 'Việt Nam có tham dự vào cuộc xáo trộn trong thế giới cộng sản không?' Hồ và Giáp trả lời lấp lửng: chỉ có những yếu tố địa phương quyết định đường lối".^[4] Như vậy, trong "các yếu tố địa phương", đặc biệt của*

Việt Nam, phải nói quyết tâm thống nhất đất nước là quan trọng hàng đầu.

Brocheux là sử gia ngoại quốc, lại không phải là dân văn nghệ, có thể khách quan hơn chúng ta, người chìm trong cuộc, dễ chủ quan.

Thời gian này có giáo sư Pháp Gérard Tongas, sinh sống tại Hà Nội (1953-1959) và viết sách dày cộm tựa đề dài dòng *Tôi đã sống trong Địa ngục Cộng sản Bắc Việt Nam và đã chọn Tự do*. Ông nhận định: "*Chế độ cộng sản chỉ mới được thiết lập tại miền Bắc Việt Nam từ tháng chạp 1956*"^[5]. Ông nói thì chúng ta phải tin, vì một người ngoại quốc, trong một tác phẩm chống cộng thẳng thừng như vậy không có lý do gì biện hộ cho Việt Minh và cộng sản. Ông dành khoảng 15 trang cho phong trào *Nhân văn-Giai phẩm* (tr. 329-343). Theo ông, thì từ tháng 2-1957, báo cáo của Đại hội Văn nghệ Toàn quốc lần thứ 2 tại Hà Nội đã vạch đường lối để *cộng sản hoá miền Bắc và chuẩn bị thống nhất với miền Nam, rồi xích hoá luôn phía bên kia vĩ tuyến* (tr. 334).

Ông còn mách, trong năm 1956, khoảng tháng 10-11 (thời điểm báo *Nhân văn*) có một luồng gió thông thoáng thổi qua Hà Nội: Đức cha Trịnh Như Khuê, Tổng Giám mục, được tự do đi lại và đã thừa cơ hội thăm các họ đạo. Đến cuối năm 1958, các tu sĩ người nước ngoài mới dần dần bị trục xuất vì "hoạt động chính trị phản động chống chế độ".^[6]

Về 1956, "*năm bản lề*", sử gia Brocheux tường trình rất căn cơ, lý luận khúc chiết. Ông nhắc lại báo cáo mật ngày 24-2-1956 của Khrushchev, cuộc nổi dậy tại Poznan, Ba Lan tháng 6-1956, phát biểu của Chu Ân Lai bên vực Ba Lan – xâm phạm độc quyền quốc tế của Liên Xô – cuộc nổi dậy của Budapest ngày 23-10-1956 bị Hồng quân đàn áp, và Mao Trạch Đông, có lẽ e sợ truyền nhiễm, đã ủng hộ Liên Xô. Sau đó là chính sách *Trăm hoa đua nở*, 1956 ở Trung Quốc, có lẽ để giải quyết những khó khăn nội bộ. Và ông dè dặt: "*Tiếc rằng chúng ta không biết rõ rệt ảnh hưởng tại Việt Nam của báo cáo Khrushchev mà phái đoàn đại biểu đã mang về*".^[7]

Thì nay ta có lời giải đáp của Tố Hữu, do Đặng Phong trích dẫn^[8] :

"Bản báo cáo của Khrushchev ở Đại hội XX đã gây thêm khó khăn cho Đảng ta và giúp cho bọn phản động ở miền Bắc thừa cơ gây rối loạn trong xã hội. Chúng đã kích chế độ xã hội chủ nghĩa, đòi xét lại vai trò lãnh đạo của Đảng, thậm chí đòi lật đổ chính quyền cách mạng!

Lợi dụng sự bất lực của cơ quan quản lý, chúng xuất bản báo Nhân văn, các tập Giai phẩm, tập hợp một số bất mãn và bọn thù địch giấu mặt. Nguy hiểm nhất là bọn gián điệp đội lốt 'học giả' nước ngoài đứng đằng sau bày mưu kế... Một số ít anh em văn nghệ trí thức vốn có những quan điểm lệch lạc, dao động trước tình hình khó khăn trong nước và trên thế giới, cũng ngây thơ chạy theo chúng... Báo Nhân văn và các tập Giai phẩm được lưu hành nhiều nơi, kể cả đưa vào Nam và ra nước ngoài."^[9]

Lời lẽ Tố Hữu cần được giải thích:

Báo cáo Khrushchev lúc đó không nhiều người biết. Trong nhóm *Giai phẩm* và *Nhân văn*, Lê Đạt không biết, Nguyễn Hữu Đang có biết^[10]. Nhưng đối với đảng quyền, rõ ràng là trầm trọng. Những rối loạn trong xã hội nói trên đã xảy ra tại các vùng Công giáo Nghệ An, Nam Định, vài nơi đồng bào miền núi, tại nông thôn có nơi phản ứng lại việc Cải cách ruộng đất. Trường Chinh thừa nhận những điều này trong báo cáo 13-3-1958, và cho rằng do cơ hội

diễn văn Khrushchev ^[11] .

Còn "*gián điệp đội lót học giả*", ám chỉ Maurice Durand, giám đốc trường Viễn đông Bác cổ, bị trục xuất thời đó. Phải chăng vì ông đã "cho mượn" báo *France Observateur* và *Les Temps Modernes* trình bày tình hình thế giới. Trong những người được đọc các báo này, có Trần Đức Thảo. Nhưng rõ ràng là đảng quyền đã dao động trước các cuộc nổi dậy ở Ba Lan, Hungary và nhất là trước chính sách Xét lại, Chung sống hoà bình mà Khrushchev mới đưa ra.

Trong báo cáo 13-3-1958 nói trên, Trường Chinh đã lên án báo *Nhân văn* "*đề xướng những tư tưởng của chủ nghĩa xét lại*" là phá hoại chế độ trên bốn diện: chính trị, kinh tế, văn hoá và ngoại giao: "*Về chính sách ngoại giao và quốc tế (nhóm Nhân văn) đề nghị đứng trung lập và nhận viện trợ của hai phe; đòi xét lại vai trò lãnh đạo của Liên Xô trong phe ta và cho rằng giai cấp công nhân không lãnh đạo thì cách mạng thuộc địa vẫn có thể thắng lợi được*" ^[12] .

Lời buộc tội nghiêm trọng như vậy, nhắm vào ai? Không lẽ chỉ quy chụp một nhóm lèo tèo dăm ba nhà văn nhà thơ ló ngó quy tụ chung quanh báo *Nhân văn*? Muốn "đề xướng" một chính sách nội trị và ngoại giao lớn lao như vậy, phải là một chính đảng lớn, hoặc có thẩm quyền phát ngôn, hoặc đang cầm quyền, muốn đề xuất chính sách mới.

Ngày nay, chúng ta tiếp xúc dễ dàng với Hoàng Cầm, Lê Đạt, và biết rằng các ông ấy có hiểu biết "chính sách ngoại giao và quốc tế" là cái mô tê ắt giáp gì đâu!

Lê Đạt tâm sự: "*Lúc đó phải nói thật là chúng tôi chưa suy nghĩ gì sâu xa lắm đâu. Lúc đó tôi còn quá trẻ, mới 26, 27 tuổi, tôi chỉ nghĩ rằng anh em bây giờ trong điều kiện hoà bình thì phải chống lại vấn đề kiểm duyệt, nó khắt khe quá, và hai là chống thứ văn nghệ độc tôn, thực hiện tự do sáng tác... Nếu nói đến một cái ảnh hưởng gì đó của Nga, thì không phải là ảnh hưởng của phong trào nào của Nga, mà là ảnh hưởng một nhà thơ Nga mà tôi rất yêu mến, đó là Mayakovski. Như thế không thể gọi là ảnh hưởng phong trào này kia được. Hoàng Cầm, nhất là Văn Cao cũng chẳng ảnh hưởng gì của Maya cả, lại có cả anh Nguyễn Sáng và Sỹ Ngọc là những người của hội họa. Cho nên anh em là vui với nhau để chứng tỏ rằng những người nghệ sĩ, những người sáng tác có quyền sáng tác một cách tự do*". ^[13] Không có bằng cứ gì chứng tỏ các ông ấy muốn thành lập những câu lạc bộ Pê-tô-phi như ở Hungary 1956.

Khi xảy ra vụ án *Nhân văn-Giai phẩm*, nghe đâu Hồ Chí Minh có nói: không nên dùng dao mổ trâu để mổ gà. Sử gia Georges Boudarel, một chuyên gia đáng tin cậy về *Nhân văn-Giai phẩm*, đã sống tại Hà Nội thời gian này, mách Brocheux: trên báo *Nhân dân* ngày 16-9-1958, dưới bút danh Trần Lực, Hồ Chí Minh có lên án nhà văn nữ Trung Quốc Đinh Linh theo đã vụ án *Trăm hoa đua nở* chống hữu khuynh của Bắc Kinh giữa năm 1957.

Sử gia Brocheux đâm ra băn khoăn: "*Hồ Chí Minh trích dẫn một tiểu thuyết gia nữ Trung Quốc mà không nhắc tên một tác giả Việt Nam nào, thậm chí cả tên Nhân văn, đưa chúng tôi đến thắc mắc: liệu ông có thật sự tán thành đợt đàn áp trí thức phản kháng?*" ^[14] .

Quan điểm chúng tôi: hai tờ báo *Giai phẩm* và *Nhân văn*, những truyện, thơ, chính luận, chính kiến xuất hiện trên đó, trong năm 1956 chỉ là cái cớ, cơ hội cho những phe phái cầm quyền tranh chấp và răn đe nhau. Báo cáo của Trường Chinh, 13-3-1958, đưa ra những lời

lên án nặng nề và trầm trọng không thể chỉ nhắm vào đám nhà thơ cỡ Trần Dần, Phùng Quán. Còn Thụy An thì nghĩa lý gì? Trường Chinh và phe cánh ông, mà Tố Hữu là cái loa ồn ào nhất, nhắm vào cái gì khác, và ai đó khác. Cái gì khác thì ta có thể suy đoán ra. Còn ai khác là ai với ai? Quyền lực cao cấp nhất là cấp bực nào trong guồng máy?

Mười năm sau, sự kiện tiếp theo là vụ án “Xét lại chống Đảng” 1967, sẽ hé thêm một ít tia sáng, nhưng cũng không nhiều. Nói như vậy là phần nào đó giải mã cho vụ án *Nhân văn-Giai phẩm*, giải oan cho những anh em làm văn nghệ có bài đăng trên hai tờ báo đó: họ là những con dê tế thần trên bàn thờ quyền lực. Bi thảm hơn, có khi, có người chỉ là con giun, cái kiến dưới gót sắt của một vài quan chức cơ hội – những thợ câu luôn luôn có mặt ở những khúc quanh nước đục.

Vụ án *Nhân văn-Giai phẩm* là phong cảnh cho một cuộc tranh chấp quyền lực trong nội bộ Đảng Lao động Việt Nam vào khoảng 1957, giai đoạn quá độ từ nền hành chính tạm thời hoà hoãn, đến một chế độ chuyên chính toàn trị: đây là một tiền đề có cơ sở lịch sử và duy lý. Nhưng hệ luận của nó, mà chúng tôi muốn đề xuất, là quá trình chuyên chế hoá này gắn liền với quyết định võ trang thống nhất đất nước, đánh vào miền Nam, thì khó chứng minh hơn. Trên giấy trắng mực đen, chế độ chuyên chính miền Bắc được xác định trên cơ sở Đại hội Đảng lần thứ 3, tháng 9-1960. Đại hội được dự trù vào năm 1958, so với dự kiến cuối năm 1956. Vụ việc *Nhân văn-Giai phẩm* rơi đúng boong vào thời điểm này: đối với Lê Đạt, Hoàng Cầm, và các bạn, là một tình cờ (contingence) nhưng với người cầm quyền là một quy luật (nécessité). Người biết và sử dụng được quy luật – tạm gọi là biện chứng – thì thăng quyền tiến chức, như Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi; người biết, nhưng chỉ né tránh thì tồn tại như Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyễn Huy Tưởng; hay xa lánh như Nguyễn Hồng. Người không biết, đành phải sa hầm sây hố, như Phùng Cung, Nguyễn Hữu Đang.

Bài này chỉ khoanh vùng nghị luận: đảng quyền, hay một bộ phận quyền lực Hà Nội đã quyết định đánh vào văn nghệ, cùng một lúc, hay trước khi đánh xuống miền Nam. Một mặt trận nhỏ để chuẩn bị tư tưởng cho trận tuyến lớn, dài hơi, phát xuất từ một chế độ thuần nhất, toàn trị và đảng trị. Những chuyến xe tăng sẵn sàng chuyển bánh, bắt đầu trên những trang giấy *Giai phẩm* và *Nhân văn*.

Bên trong thời điểm trùng hợp, thì hai mặt trận, một nhỏ một lớn, có quan hệ hữu cơ: không thể đánh vào miền Nam mà vẫn tôn trọng những báo *Giai phẩm* và *Nhân văn* phía sau lưng – với những đòi hỏi tự do, dân chủ, và... quyền biểu tình! Đây không những là việc thực tế hiển nhiên, mà còn là việc chọn lựa cơ chế chính trị, hệ luận của Hiệp định Genève. Có Tổng tuyển cử 1956, thì dù ít dù nhiều, phải thực thi dân chủ, và cũng là cơ hội để uyển chuyển cơ chế chính trị. Không có Tổng tuyển cử thì đành chọn con đường khác. Theo văn kiện chính thức của Đảng, lệnh võ trang giải phóng miền Nam được ban hành từ Hội nghị Trung ương lần thứ 15, vào tháng 1-1959. Nhưng ý định và quyết tâm phải có trước đó.

Có thể là có từ lâu, nhưng thành hình cụ thể có lẽ vào 1957, khi Lê Duẩn từ Nam Bộ ra Hà Nội, dần dà nắm quyền lãnh đạo. Có lẽ vì dự án Tổng tuyển cử không thành, nên bang giao Việt-Pháp trở nên gay gắt: trường Viễn đông Bác cổ, tên tiếng Pháp là trường Pháp quốc Viễn đông (Ecole Française d'Extrême Orient) bị đóng cửa; giám đốc, chuyên gia về văn hoá, văn học Việt Nam là Maurice Durand bị trục xuất vì cái tội mà Tố Hữu gọi là "gián điệp đội lốt học giả nước ngoài".

Tô Hoài được học tập và được "phổ biến": "*vấn đề phức tạp cả trong nhiều tầng lớp xã hội, không phải mấy truyện ngắn, mấy bài thơ là tất cả. Trong những anh em ấy không phải ai cũng biết tác động nhuộm màu chính trị lan truyền trong hoạt động Đảng Xã hội Pháp cũ. SFIO... Lại ông Duy-răng 'con', tay chơi đồ cổ có hạng, nói tiếng Việt như ta... Những người nước ngoài vi phạm an ninh đất nước đã bị trục xuất*"^[15].

(Sao lại xen chuyện SFIO ^[16], Đảng Xã hội Pháp, vào đây? Có quan hệ gì đến hai chính đảng Dân chủ và Xã hội lúc đó?)

Gọi là "Duy-răng con" để phân biệt với Gustave Durand "bố", giáo sư Hán học tại Hà Nội ^[17]. Cũng trong giữa năm 1957 này, Jean Sainteny, Tổng Đại diện Cộng hoà Pháp, thân thiết với Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng, được "mời khéo" không trở lại Hà Nội, theo một nguồn tin riêng của Gerard Tongas; ^[18] sau đó là các nam nữ tu sĩ nước ngoài phải ra đi.

Trong nhật ký ngày 3-14 tháng 3-1958, nhật ký riêng, không phải bản kiểm thảo, Trần Dần viết: "*bọn gián điệp vẫn liên lạc với Sainteny, là Thuỵ An*" ^[19]. Cũng như Tô Hoài, Trần Dần chỉ "*nghe phổ biến*" và nói lại vậy thôi. Cho đến nay chưa ai đưa ra tư liệu gì chứng tỏ Durand và Thuỵ An là gián điệp – mà chuyện ấy cũng khó tin.

Phong trào *Giai phẩm* và *Nhân văn* khởi thủy từ tháng 3-1955, khi hai nhà thơ Trần Dần, Lê Đạt đầu têuphê phán tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, và được nhiều người tán thành. Tập thơ ê a hoài cựu, dòng thơ lục bát không có gì mới, nội dung vãn về kỷ niệm không lấy gì làm sâu sắc. Nhưng rồi tập thơ lại được giải nhất đầu năm 1956.

Khi đánh vào Tố Hữu - *Việt Bắc*, nhóm phản kháng không dè là đụng phải một đối tượng khác, đụng phải Tố Hữu – "Ta đi tới". Ông Tố Hữu trước hồi cổ: *mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng*; ông Tố Hữu sau nhìn về tương lai, phía Nam – *ta đi tới, trên đường ta bước tiếp*, trong một bài thơ có lẽ là tác phẩm được học tập, truyền tụng sâu rộng nhất thời đó.

*Đường ta rộng thênh thang tám thước
Đường Bắc Sơn, Đình Cả, Thái Nguyên
Đường qua Tây Bắc, đường lên Điện Biên
Đường Cách mạng dài theo kháng chiến
(...)*

*Ai đi Nam Bộ
Tiền Giang, Hậu Giang
Ai vô thành phố
Hồ Chí Minh
Rực rỡ tên vàng
(...)*

*Ta đi tới, trên đường ta bước tiếp
Rắn như thép, vững như đồng
Đội ngũ ta trùng trùng điệp điệp
Cao như núi, dài như sông
Chí ta lớn như biển Đông trước mặt
Ta đi tới không thể gì chia cắt
Mục Nam Quan đến bãi Cà Mau...*

Có cái gì báo hiệu chiến dịch mùa xuân 1975, đã bắt đầu ào ạt từ mùa xuân 1972?

Ta đi tới, lấy đi lặp lại, là nhịp bước, điệp khúc quân hành, một leitmotiv?

Phê phán Tố Hữu, chủ yếu về nghệ thuật, Trần Dần cao hứng đã có những lời rất nặng “*cái nhìn Tố Hữu thật nhỏ bé quá. Nhìn vấn đề gì, vấn đề ấy thu hẹp lại. Yêu ai, người ấy nhỏ đi*”^[20]. Bài viết tháng 5-1955, vô hình trung đã đụng chạm đến một chính sách còn đang ở thể tiềm năng, qua cá nhân Tố Hữu?

Bài “Ta đi tới” được sáng tác ngay sau Hiệp định Genève, vào tháng 8-1954. Ngay lúc đó, hội nghị Xứ uỷ Nam Bộ do Lê Duẩn, bí thư Xứ uỷ, triệu tập tháng 10-1954, đã kết luận: “*Có hai khả năng phát triển: có thể Mỹ Diệm buộc phải thi hành Hiệp định Genève và cũng có thể Mỹ Diệm không thi hành. Cách mạng miền Nam cần phải có kế hoạch đối phó với cả hai tình huống trên*”.^[21]

Sau 1956, bước sang 1957, chính quyền miền Bắc đã cạn kiệt mọi kế hoạch thương thảo, chỉ còn một chọn lựa là vũ lực. Nhưng chần chừ và chuẩn bị, phải đợi đến giữa 1959 mới mở đường Trường Sơn 559. Hạ hồi, thì lịch sử sẽ hùng hồn phân giải - bằng xe tăng và đại pháo. Cần nói: Tố Hữu không thể là nhân vật chủ chốt trong kế hoạch võ trang giải phóng miền Nam. Bài “Ta đi tới” không phải là cương lĩnh; nó có thể biểu hiện một ý nguyện bị chèn ép, một ẩn ức theo nghĩa Freud; hoặc là một khát vọng dự phóng; hay một thị lực tiên tri. Trong việc đàn áp *Nhân văn-Giai phẩm* ông đã đọc ba tham luận dữ dội, đại cà sa. Dĩ nhiên đây là việc làm của Tuyên huấn. Nhưng lời lẽ hằn học, nhỏ nhen, chì chiết và chi tiết làm ta băn khoăn: phải chăng bản thân ông bị xúc phạm? Vì những phê phán tập thơ *Việt Bắc*? Vì báo cáo Khrushchev, việc hạ bệ Stalin? Con hoang hốt sợ mất quyền chức? Ân oán giang hồ? Hay là bên ngoài nhiệm vụ tuyên huấn, bên ngoài những lý do nói trên, ông phát ngôn thay cho những “phần tử” cứng rắn trong guồng máy? Và những “phần tử” này sẽ dần dần nắm trọn quyền bính khi quyết định tiến chiếm miền Nam? Vụ án *Nhân văn-Giai phẩm* thì ta đã biết, nhưng đằng sau, hay bên cạnh câu chuyện văn chương, còn có gì khác? Có cuộc tranh giành ảnh hưởng, tranh chấp quyền hành trong nội bộ Đảng Lao động hay không, và vụ án chỉ là một triệu chứng biểu hiện?

Trả lời kiểu nào đi nữa, thì cũng cần ghi nhận: sự kiện *Nhân văn-Giai phẩm* đã xảy ra ở giai đoạn cực kỳ tế nhị trong nội bộ Đảng Lao động Việt Nam, trước nhiệm vụ bức bách là thống nhất đất nước, gặp phải cơn dao động và hoang mang, mà báo cáo Khrushchev 1956 đã bắt ngờ gây ra cho toàn thế giới cộng sản.

Phong trào *Giai phẩm-Nhân văn*, nếu chỉ xem như là câu chuyện văn học, thì có nhiều tình tiết ta không hiểu rõ, về mặt nội dung lẫn nội vụ, và diễn biến trời sục trong ba năm 1956-1957-1958, án lệnh đầu năm 1960. Rồi hậu trình kéo dài hơn nửa thế kỷ, nay vẫn chưa chấm dứt, thăng trầm theo thái độ hư hư thực thực của chính quyền, ở nhiều giai đoạn và cấp bậc khác nhau. Vậy *Nhân văn-Giai phẩm* là cái gì? Nếu là “vụ án” thì nó không phải là văn học, nếu là văn học thì không có gì đáng trở thành “vụ án”.

Giả thuyết chúng tôi đề xuất: *Nhân văn-Giai phẩm* là mặt nổi của một tảng băng mà phần chìm khuất quan trọng hơn nhiều: là sự tranh chấp quyền lực nội bộ của Đảng Lao động với những rắn đe, chuẩn bị, che chắn, áp đặt chiến thuật và chiến lược, trong một thời điểm cực kỳ khó khăn và tế nhị.

Những khó khăn nội trị do Hiệp định Genève và dự án Tổng tuyển cử 1956 không thành, chông chéo lên trên khó khăn đối ngoại do báo cáo 2-1956 của Khrushchev và mối bất hoà

trầm trọng trong khối Nga-Hoa. Chưa kể đến các cuộc nổi dậy tại Ba Lan và Hungary, hậu quả Cải cách ruộng đất, và nhiều yếu tố khác mà chúng ta không biết hết.

Nhưng quan trọng hàng đầu, theo chúng tôi, là dự án võ trang giải phóng miền Nam đang thành hình.

Vì là giả thuyết, bài này không có kết luận.

Orléans, ngày 24-3-2007

(Bài sẽ đăng đồng thời trên *Thế kỷ 21*, số đặc biệt về Nguyễn Hữu Đang, tháng 4.2007)

© 2007 talawas

[1] Brocheux (Pierre), *Hồ Chí Minh*, tr. 230, nxb Biographie Payot, 2003, Paris

[2] Brocheux, sđd, tr. 245, trích dẫn Yang Kuisong trong "Mao Zedong and the War in Indochina", tham luận hội thảo tại Hồng Kông, 11-12 tháng 1/2000

[3] Devillers P, Lacouture J: *Le Vietnam de la Guerre française à la Guerre américaine*, tr.377, nxb Le Seuil, 1969, Paris

[4] Devillers P, Lacouture J , sđd, tr. 231

[5] Gérard Tongas, *J'ai vécu dans l'Enfer Communiste au Nord Vietnam et j'ai choisi la Liberté*, tr.193, nxb Les Nouvelles Editions Debresse, 460 trang, 1960, Paris.

[6] Gérard Tongas, sđd, tr. 431, 423

[7] Gérard Tongas, sđd tr. 230

[8] Đặng Phong, *Lịch sử kinh tế Việt Nam*, tập II, tr. 97, nxb Khoa học Xã hội, 1200 trang, 2005, Hà Nội.

[9] Tố Hữu, *Nhớ lại một thời*, tr. 321-322 ; nxb Chính trị Quốc gia, 2000, Hà Nội, trích theo Đặng Phong, tr. 97.

[10] Lê Đạt, Nguyễn Hữu Đang trả lời phỏng vấn, *Hợp Lưu*, tạp chí, số 81, tháng 2/3-2005, tr.34 và 77, California.

[11] Trường Chinh, báo cáo trước Mặt trận Tổ quốc ngày 13-3-1958

[12] Trường Chinh, như trên; trích theo *Bọn Nhân văn-Giai phẩm trước toà án dư luận*, tr.368, nxb Sự thật, Hà Nội, 1959.

[13] Trả lời Thụy Khuê, *Hợp Lưu*, số 81 đã dẫn, tr. 34-35

[14] Brocheux, sđd, tr. 234

[15] Tô Hoài, *Cát bụi chân ai*, tr. 117, nxb Hội Nhà văn, 1992, Hà Nội

[16] SFIO = Section Française de l'Internationale Ouvrière (1905-1969), Phân bộ Pháp của Quốc tế Lao động.

[17] Maurice Durand (1914-1966), sinh tại Hà Nội, mẹ Việt, là một học giả uyên thâm, đã viết: *Chùa Một Cột* (1949), *Chinh phụ ngâm* (1953), *Kiến thức Việt Nam* (Connaissances du Vietnam, 1954), *Lên đồng*(1959), *Cảm tử* (Impressifs) *trong tiếng Việt* (1961), Phan Trần (1962), *Tranh tượng dân gian Việt Nam*(1969), v v . Gần đây, Hà Nội có xuất bản công trình *Thế giới truyện Nôm* (L'Univers des truyện Nôm) của ông, nxb Văn hoá, 1998. Đinh Gia Khánh đã viết tựa đại ca sa , hết lời ca ngợi . Ông ấy thôi làm gián điệp?

[18] Gerard Tongas, sđd, tr. 206

[19] Trần Dần, *Ghi 1954-1960*, tr 240, nxb tdmemoire, 450 trang, 2001, Paris.

[20] Trần Dần, *Ghi*, sđ d, tr.144

[21] *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập II, tr.80, nxb Chính trị Quốc gia, 1955, Hà Nội

Phong trào Nhân văn-Giai phẩm và Giải thưởng Nhà nước: Nhìn dưới góc người đọc Nhật Tiến

Tôi được biết tới bốn chữ *Nhân văn-Giai phẩm* ngay từ cuối thập niên 50, khi Mặt trận Bảo vệ Tự do Văn hoá cho phát hành cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* (Sài Gòn, 1959) của học giả Hoàng Văn Chí, người cũng là trưởng ban biên tập của Mặt trận này. Kể từ năm 1954, sau hơn bốn năm bị hoàn toàn xa lìa mọi thứ tin tức của miền Bắc, tác phẩm kể trên đã được hầu hết giới văn nghệ ở miền Nam đón nhận nồng nhiệt, hầu như ai cũng đọc, ai cũng có thể ghi gó một đôi điều có thể kể lại về biến cố văn học này. Hơn thế nữa, nhiều đoạn thơ, văn của văn nghệ sĩ miền Bắc tham gia phong trào này cũng đã được giới văn nghệ trẻ chúng tôi thời đó truyền tụng, nhắc nhở, và trong lòng mỗi người không khỏi dấy lên nỗi niềm ngậm ngùi, xót xa, có khi cả căm giận. Xin nhắc lại đây vài đoạn như những kỷ niệm sâu đậm của thế hệ chúng tôi vì mỗi khi tụ họp nhau bàn tán chuyện văn nghệ, đề tài phong trào *Nhân văn-Giai phẩm* thường hay được nhắc tới:

Làm sao cũng chẳng làm sao

Dẫu có thể nào cũng chẳng

làm chi,

Làm chi cũng chẳng làm chi

Dẫu có “việc gì” cũng chẳng

làm sao

(Phan Khôi)

(Vào thời *Nhân văn-Giai phẩm* bị đàn áp, các văn nghệ sĩ mỗi sáng ra, cứ hỏi nhau: “tao có **việc gì** không?”, hiểu theo nghĩa “tao có **bị** gì không?”.)

Những kiếp người sống lâu trăm tuổi

Y như một cái bình vỡ

Càng sống càng tối

Càng sống càng bé lại.

(Lê Đạt)

Tôi ở phố Sinh Từ

Những ngày ấy bao nhiêu

thương xót

Tôi bước đi

không thấy phố

không thấy nhà

Chỉ thấy mưa sa

Trên màu cờ đỏ

(Trần Dần)

Người làm xiếc đi dây rất khó

Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn

Đi trọn đời trên con đường chân thật

Yêu ai cứ bảo là yêu

*Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu
Tôi cũng muốn làm nhà văn chân thật
chân thật trọn đời
Đường mật công danh không
làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giạt đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá
(Phùng Quán)*

Dưới mắt tôi, và có thể là với hầu hết anh chị em văn nghệ sĩ miền Nam ở thời điểm đầu thập niên 60, thì những tên tuổi Phan Khôi, Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt, Hoàng Cầm... đều là những người cầm bút hào hùng, dũng cảm, khi võ khí trong tay họ chỉ có tâm huyết và ngòi bút mà dám đứng lên đương đầu với cả một guồng máy đang ra sức tiến hành một chế độ toàn trị mệnh danh là “chuyên chính vô sản”. Mấy chữ “chuyên chính vô sản” vào thời điểm ấy chưa gây đủ trong đầu óc tôi một ấn tượng sâu sắc nào. Nhưng kể từ sau năm 1975, khi có dịp tham gia sinh hoạt đời sống xã hội ở miền Nam, tôi mới thấy thấm thía những đoạn thơ văn mà mình đã có dịp đọc từ mười lăm năm trước đó. Thí dụ:

*Giết, giết nữa, bàn tay
không phút nghỉ
Cho ruộng đồng lúa tốt,
thuế mau xong
Cho Đảng bền lâu, cùng
rập bước chung lòng
Thờ Mao chủ tịch, thờ Sít-ta-lin
bất diệt..
(Tố Hữu)*

*Anh em ơi ! Quyết chung lòng
Đấu tranh tiêu diệt tàn hung, tử thù
Địa hào, đối lập ra tro
Lưng chùng phản động
đến giờ tan xương
Thấp đuốc cho sáng khắp đường
Thấp đuốc cho sáng đình làng
đêm nay
Lôi cổ bọn nó ra đây
Bắt quỳ gục xuống,
đọa đây chết thối.
(Xuân Diệu)*

Đánh giá nội dung những bài thơ kiểu này, thật không có từ ngữ nào khác hơn là “sắt máu”. Cho nên, khi dũng cảm đứng lên giữa khung cảnh sặc mùi sắt máu như thế, những văn nghệ sĩ tham gia phong trào *Nhân văn-Giai phẩm* không thể không được coi là những anh

hùng. Rồi thời gian trôi qua hàng nhiều thập kỷ. Chế độ toàn trị ở Việt Nam cũng đã có nhiều thay đổi. Trong khung cảnh cả nước rũ bỏ thời kỳ bao cấp u mê, rị mọ để tiến vào nền kinh tế thị trường có định hướng XHCN, thì dư âm của phong trào *Nhân văn-Giai phẩm* cứ ngày một mờ nhạt đi và tội ác do những tên tuổi như Trường Chinh, Tố Hữu, Xuân Diệu v.v... từng gây đau khổ, khốn cùng cho biết bao nhiêu gia đình văn nghệ sĩ mặc nhiên coi như xí xoá. Và những con người vì tự do cầm bút như Phan Khôi, Phùng Cung, Trần Dần, Phùng Quán, gần đây nhất là Nguyễn Hữu Đang thì cứ theo nhau qua đời trong âm thầm, lặng lẽ.

Tình trạng như thế, nếu cứ kéo dài thì vẫn phải kể là Đảng Cộng sản Việt Nam còn mắc với riêng văn nghệ sĩ miền Bắc và những độc giả của họ một món nợ. Đó là món nợ tinh thần, thâm sâu và oan nghiệt vì đã vùi dập và triệt tiêu biết bao nhiêu tài hoa văn chương của đất nước. Món nợ ấy ai đứng ra đòi, bao giờ đòi và đòi cách nào thì theo sự nổi trôi của vận nước, nó chỉ được mặc nhiên coi như xếp chung vào cùng danh sách những món nợ tinh thần khác, còn to lớn hơn, oan nghiệt hơn, liên hệ đến nhiều tầng lớp khác nhau của con người hơn. Bất chợt, ngày 13 tháng Hai năm 2007 vừa qua, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết ra quyết định tặng "*Giải thưởng Nhà nước cho các tác giả có tác phẩm hay, công trình văn học nghệ thuật giá trị cao, góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc*".

Bốn người thuộc nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* nằm trong danh sách được giải là Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt và Hoàng Cầm. Hai ông Trần Dần và Phùng Quán thì đã mất, còn lại hai ông kia thì đều tỏ ra hoan hỉ nhận giải, trị giá một bằng khen và 60 triệu đồng tiền Việt.

Theo nguồn tin ngoài hành lang thì việc quyết định trao giải cho bốn người kể trên là một quyết định đơn phương của Chủ tịch Nguyễn Minh Triết. Ông không thông qua sự bàn thảo của Bộ Chính trị và văn bản quyết định trao giải là một văn bản riêng biệt, tách rời. Điều này đúng hay sai, kể ra cũng khó kiểm chứng mà cũng chẳng cần thiết phải kiểm chứng vì đó là chuyện nội bộ của giới lãnh đạo ở Việt Nam hiện nay. Vấn đề đáng nói là khi đem so sánh thái độ của giới cầm quyền đối với phong trào *Nhân văn-Giai phẩm* trong những giai đoạn khác nhau kể từ trước tới nay, thì ta thấy việc trao giải thưởng bây giờ là một bước tiến hơn hẳn. Tiến hơn hẳn là vì "cấp độ ứng xử" đối với những nhân sự liên hệ tới NVGP đã ngày một được tha thứ hơn, bao dung hơn và nay thì sự bao dung đã lên tới đỉnh điểm. Tiến trình thay đổi này có thể liệt kê đại khái như sau: Trước tiên là đàn áp dữ dội, bắt bớ, tù đầy, cho đi lao động cải tạo; sau đó cho về nhưng không cho cầm bút trở lại; rồi tới mức trả lại hộ tịch Hội viên Hội Nhà văn, cung cấp công ăn việc làm hay cho lãnh lương hưu; và nay thì tới việc trao Giải thưởng Nhà nước cho bốn nhân vật tiêu biểu của phong trào này.

Tuy nhiên nhìn lại những giai đoạn trong tiến trình kể trên, thì kể từ lúc giới lãnh đạo quyết định thả cho các đương sự được trở về từ những nông trường lao động hay các nhà tù, cho đến khi tuyên bố trao giải, biến cố NVGP mặc nhiên bị nhấn chìm, không ai được phép công khai nhắc tới, dẫu rằng nó đã mang theo nhiều cuộc đời tan nát, nhiều dấu ấn bôi nhọ, sỉ nhục mà giấy trắng mực đen vẫn còn đó.

Lịch sử là một tập hợp của nhiều dữ kiện đã xảy ra trong quá khứ. Nó đâu có phải mảnh giấy vô tri sẵn sàng để bị đem ra vo tròn, bóp méo.

Khi nhận tin được giải, nhà thơ Lê Đạt đã tiết lộ với phóng viên VietNamNet rằng ông Đỗ Chu (một thành viên của Hội đồng Giải thưởng chuyên ngành Văn học) có phát biểu rằng: "*Có thể cho đây là lời xin lỗi của anh em đối với các anh.*"

Có thực rằng việc trao giải này đã là một lời xin lỗi?

Điều này hoàn toàn không minh bạch vì nội dung của bản công bố trao giải không hề nhắc tới mấy chữ *Nhân văn-Giai phẩm*. Thậm chí trong tang lễ nhà văn hoá Nguyễn Hữu Đang (10-2-2007), giữa lúc thân nhân, bạn bè đau thương tiễn biệt người quá cố đến nơi an nghỉ cuối cùng, thì đại diện của cơ quan văn hoá nhà nước vẫn còn nói trước linh cữu rằng: “*mặc dù anh đã mắc phải sai lầm...*”

Một hành động của đại diện cơ quan văn hoá nhà nước trong một đám tang như thế không những biểu lộ sự “thù dai” mà còn mang tính chất “vô văn hoá”.

Thế thì ý nghĩa của việc trao giải là “*Chúng tôi xin lỗi các anh*” hay là “*Chúng tôi tha thứ lỗi lầm của các anh?*”

Câu trả lời tùy theo quan điểm của mỗi cá nhân, nhưng những người đã nhắm mắt lìa đời, vốn từng mang khẩu khí như: “*Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi, sét nổ trên đầu không xô tôi ngã. Bút giấy tôi ai cướp giật đi. Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá*” thì việc trao giải này có làm cho họ được ngậm cười nơi chín suối chăng?

Đó là ta chưa mở rộng thêm vấn đề “người cầm bút đối xử với chính người cầm bút”, ngoài sự đối xử của giới lãnh đạo với phong trào NVGP.

Nhờ nỗ lực bền bỉ của nhóm chủ trương mạng lưới toàn cầu *talawas*, mà hầu như toàn bộ hồ sơ về *Nhân văn-Giai phẩm* đã được phơi bày ra ánh sáng. Người đọc vì thế có cơ hội nhìn sâu vào đủ mọi khía cạnh của vấn đề, trong đó một phần không thể bỏ qua là những bài viết của chính giới cầm bút đã ùa lên tố cáo, vu khống, mạ sát đồng nghiệp của mình. Xin tạm trích vài đoạn:

“*Cũng như những loại vi trùng kinh niên quen chống đỡ với các loại thuốc sát hại chúng, bệnh cá nhân vô chính phủ trong con người Lê Đạt ngày càng tinh vi, “khôn ngoan”, luôn tìm cách lẩn tránh hoặc ngụy trang dưới hình thức này hay hình thức nọ để lừa phỉnh mọi người. Dán một cái nhãn hiệu “yêu thương nhân dân, yêu thương giai cấp”, thơ văn của Lê Đạt đã bộc lộ rõ rệt tư tưởng của một kẻ khinh quân chúng, muốn tỏ ra mình tài giỏi, có khả năng lãnh đạo quân chúng mà không được Đảng tin dùng.*” (Xuân Hoàng)

“*Sự giảng dạy của Trần-Đức-Thảo giống như một thứ thuốc phiện, nó làm giảm sút, thậm chí tiêu diệt nhuệ khí, nhiệt tình và lòng tin của nhiều sinh viên, phát triển cái “chất” hoài nghi trong con người cũ của một số sinh viên.*” (Khắc Thành)

“*Trần Dần đã nấp dưới chiêu bài “chống công thức”, “đi tìm cái mới”, chỉ huy cái bào thai Nhân văn-Giai phẩm trong quân đội, kéo bè kéo cánh đã kích lãnh đạo và tự tập nhau để ra cái gọi là “chính sách về văn nghệ trong quân đội”, công khai và trắng trợn đòi “văn nghệ phải độc lập với chính trị”, “trả quyền lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ.*” (Huy Vân)

“*Bọn thù địch của chế độ giật quả mìn phá hoại đầy hơi xú uế: Nhân văn số 1 ra đời, Dần khi đó vẫn còn ở bộ đội, gian ngoan lúc đầu còn làm ra vẻ đứng ngoài. Nhưng chính Dần đã thông qua bài “Con người Trần Dần” của Hoàng Cầm viết. Báo ra bị quân chúng phản đối. Biết khó khăn, trước số 2 Nhân văn, Dần bảo Lê Đạt bằng một câu rất phản động: “Nhảy vào đi! Mày làm như Các Mác với Ba-lê công xã ấy (!) Biết là thất bại, cũng vào mà giẫm bót thất*”

bại đi!”. Nhân văn ra số 3, Dân cùng vợ mang báo đi bán, coi như một “nghĩa cử”. Lúc này, thấy không cần ném đá giấu tay nữa, Dân ra mặt hoạt động, nhảy đến họp Nhân văn, nhảy đến nhà in chữa bài. Quần chúng ngày càng phấn nộ. Biết Nhân văn sắp phải đóng cửa, Dân chủ trương “đánh vọt vài đòn”. Dân ném vào số 4 bài “Không có lý gì không tán thành trăm hoa đua nở” đòi Đảng phải để cho bọn Dân được tự do đưa ra quần chúng những sáng tác chống Đảng, chống chế độ, chống nhân dân. Và Dân ném vào số 6 giấy chết một bản dịch về hội họa Ba Lan nhằm nói “Đảng lãnh đạo nghệ thuật là đưa đến bế tắc nghệ thuật”. (Hữu Mai)

“Phan Khôi ăn lương thân sĩ, cơm rượu ngày hai bữa, làm “thơ luân lưu” chửi Đảng, chửi chế độ. Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt cuộn khúc trong các tổ chức văn học, rèn một loạt “dao hai lưỡi”, nung nấu chí phục thù, khiêu khích, chia rẽ, đánh kéo những phần tử yếu bóng vía. Trong tình hình nghiêm trọng ấy, đáng nhẽ chúng ta phải nêu khẩu hiệu: “Quét sạch tư tưởng thù địch của nhóm Nhân văn-Giai phẩm” thì có người lại kêu gọi: “Sáng tác trước hết, sáng tác trên hết, lấy sáng tác mà đấu sáng tác. Đảng nói: “Cách mạng vô sản phải do Liên Xô đứng đầu, lãnh đạo”. Họ nói: “Sùng bái, đầu óc nô lệ, ta theo con đường của ta”. Nhưng khi giai cấp tư sản phát ngôn: phải chiếu cố tư sản, phải để các xu hướng nghệ thuật tự do phát triển, không nên quá tin ở Liên Xô, thì nhất nhất họ đều khen: - đúng, hay, phải, ý kiến độc đáo! - Thế nghĩa là gì? Đảng là một tập thể sáng suốt nhất bảo họ, họ không nghe, nhưng khi bọn tư sản là giai cấp phản động, thổi nát (trên lý luận họ cũng biết như thế) bảo họ những điều rất nghịch tai thì họ tin ngay lập tức, không hoài nghi một chút nào. Chẳng qua cái tâm của họ vẫn là cái tâm tư sản.” (Nguyễn Khải)

“Một đồng chí văn nghệ sĩ Nam Bộ đã kể lại cho chúng tôi nghe câu chuyện sau đây. Một hôm, bọn Mỹ-Diệm đem báo Nhân văn ra dán ở một đầu phố Sài Gòn nhằm dụng ý để cho đồng bào miền Nam đọc, “biết tình hình Việt cộng ở miền Bắc đen tối như thế nào!”. Một chị đứng đọc hồi lâu rồi không giữ nổi cảm giận, chị giơ tay xé tan tờ Nhân văn trước mặt chị. Một phát súng của một tên lính Mỹ-Diệm lập tức xuyên qua lưng chị, và chị đã gục xuống. Máu từ ngực chị đã thấm đẫm những trang báo Nhân văn. Đồng chí kể xong, nói: “Tội ác ấy, đồng bào miền Nam không bao giờ quên được!”. (Từ Bích Hoàng)

Có thể nói, vào thời điểm ấy đã có cả một trận bão các bài viết mạ lỵ, vu khống, xuyên tạc, tố giác với công an mật vụ... nhắm vào những ngòi bút của NVGP. Giấy trắng mực đen còn đó. Độc giả theo dõi diễn tiến của phong trào này vì thế đã được nhồi nhét đủ thứ luận điệu, nhiều khi quái đản như đã trích ở trên..

Thế mà cả một đội ngũ những kẻ cầm bút xu thời như thế, hỏi có ai ngỏ lấy một lời ăn năn, tạ lỗi về những điều mình đã viết, ngoại trừ nhà văn Bửu Tiển tại Đại hội Nhà văn Việt Nam lần thứ IV (1990) họp tại Hà Nội đã can đảm công khai nói lên việc ông đã đánh làm vào nhóm NVGP, để bây giờ mới ân hận vẫn đeo đẳng theo ông dù có mang xuống tuyền đài cũng chưa chắc gì nguôi.

Như vậy, vấn đề của NVGP chẳng những đòi hỏi giới lãnh đạo Đảng CSVN một lời xin lỗi công khai, minh bạch mà ngay đến cả những ai đã từng mạ lỵ, vu khống NVGP hiện nay vẫn còn đang sống thì cũng nên bày tỏ thái độ của mình. Sự im lặng sau ngàn ấy năm đảng đảng vừa có thể khiến lương tâm các vị không dễ gì thanh thản mà hẳn còn bôi một vết nhơ lên sự nghiệp cầm bút của mỗi người. Xin nhớ cho rằng không ai có thể bôi xoá được lịch sử, nhất là trong lãnh vực văn chương.

Nói tóm lại, theo tôi, trong cương vị một người đọc vốn từng theo dõi những diễn tiến của phong trào NVGP, thì việc trao Giải thưởng Nhà nước cho một nhóm nhỏ của họ không thể là một công việc đơn giản, khi làm xong là ai nấy có thể hùa nhau xí xoá được hết.

Khi có tin mình được trao giải, hai ông Lê Đạt và Hoàng Cầm đã hoan hỉ chấp nhận. Đó là sự tự do chọn lựa của các ông. Ông Lê Đạt cho rằng *"đây là cử chỉ đẹp, cho dù là muộn, nhưng muộn còn hơn không."*

Còn ông Hoàng Cầm thì trả lời với phóng viên báo *An ninh Thủ đô* rằng: *"Tôi buồn thương cho hai bạn Trần Dần và Phùng Quán mất đã lâu không được biết là mình **được xem xét lại**. Các anh mất đi mà vẫn buồn vì có cái oan chưa giải. Tôi thấy mình may mắn vì trời cho sống đến bây giờ và lại được trao cái giải thưởng này."*

Như thế, vốn mang cái tâm trạng "cái oan được giải", ta có thể hiểu được tại sao các ông ấy vui mừng khi có tin mình được trao giải.

Nhưng với riêng tôi, ở cương vị là độc giả của các ông từ hơn nửa thế kỷ đã qua, tôi lại thấy tiếc cho hai ông về một điều:

Cho đến cuối đời, các ông có một dịp ngàn vàng để nói thay cho nhiều người bị bách hại, vốn ngày xưa đã có cùng chí hướng với các ông về cuộc đấu tranh cho tự do cầm bút. Phải chi các ông tuyên bố được rằng: "Sẵn sàng nhận Giải với điều kiện Đảng CSVN minh bạch công nhận đã sai lầm trong công cuộc đàn áp phong trào Nhân văn-Giai phẩm."

Nói được như thế, tên tuổi của các ông lại thêm một lần nữa chói sáng trong lòng độc giả và bộ mặt của *Nhân văn-Giai phẩm* cũng không bị cái Giải ấy làm cho lu mờ đi.

California ngày 4-3-2007

© 2007 talawas

Phụ hoạ một giả thuyết về vụ án Nhân Văn - Giai Phẩm Nam Dao

Đặng Tiến, trong tiểu luận "1956, Việt Nam, Giai phẩm, Nhân văn" trên talawas (5-04-2007) góp một giả thuyết "thao tác" soi rọi vụ án Nhân văn-Giai phẩm. Xin trích:
"Quan điểm chúng tôi: hai tờ báo Giai phẩm và Nhân văn, những truyện, thơ, chính luận, chính kiến xuất hiện trên đó, trong năm 1956 chỉ là cái cớ, cơ hội cho những phe phái cầm quyền tranh chấp và răn đe nhau. Báo cáo của Trường Chinh, 13-3-1958, đưa ra những lời lên án nặng nề và trảm trọng không thể chỉ nhắm vào đám nhà thơ cỡ Trần Dần, Phùng Quán. Còn Thụy An thì nghĩa lý gì? Trường Chinh và phe cánh ông, mà Tố Hữu là cái loa ồn ào nhất, nhắm vào cái gì khác, và ai đó khác. Cái gì khác thì ta có thể suy đoán ra. Còn ai khác là ai với ai? Quyền lực cao cấp nhất là cấp bực nào trong guồng máy?"

Sau khi điếm qua những biến cố quan trọng trong thời kỳ 54-63, ông kết:

"Giả thuyết chúng tôi đề xuất: Nhân văn—Giai phẩm là mặt nổi của một tảng băng mà phần chìm khuất quan trọng hơn nhiều: là sự tranh chấp quyền lực nội bộ của Đảng Lao động với những răn đe, chuẩn bị, che chắn, áp đặt chiến thuật và chiến lược, trong một thời điểm cực kỳ khó khăn và tế nhị.

Những khó khăn nội trị do Hiệp định Genève và dự án Tổng tuyển cử 1956 không thành, chông chéo lên trên khó khăn đối ngoại do báo cáo 2-1956 của Khrushchev và mối bất hoà trầm trọng trong khối Nga-Hoa. Chưa kể đến các cuộc nổi dậy tại Ba Lan và Hungary, hậu quả Cải cách ruộng đất, và nhiều yếu tố khác mà chúng ta không biết hết.

Nhưng quan trọng hàng đầu, theo chúng tôi, là dự án võ trang giải phóng miền Nam đang thành hình.

Vì là giả thuyết, bài này không có kết luận."

Nếu kéo thời gian ra, bắt đầu năm 1950 và kết thúc vào 1967, có lẽ ta có thêm một giả thuyết thao tác khác không kém quan trọng: đó là cuộc Chinh đồn tổ chức (CĐTC) đã phát động đồng thời với Cải cách ruộng đất (CCRĐ) năm 53, rồi sau là vụ án Xét lại chống Đảng (XLCĐ).

1. Chinh đồn tổ chức: Hiệp 1 trong thế song đầu

Xin theo trình tự thời gian:

1950-51: Sau chiến thắng của Mao Trạch Đông, thế cờ mới bắt đầu nghiêng về phía lực lượng Việt Minh. Ông Hồ Chí Minh sang Tàu, rồi Liên Xô, xin yểm trợ vũ khí^a. Nhận được hỗ trợ quân sự và nay có được một hậu phương vững chắc bên kia biên giới, "bộ đội cụ Hồ" hoàn thành Chiến dịch Biên giới, đẩy quân Pháp xuống đồng bằng Bắc bộ, và tiếp tay quân "Giải phóng" tiêu trừ tàn quân Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch. Thế "môi và răng" thành hình.

1951-53: Tình hình chiến sự ngày một nghiêng về phía Việt Minh - tức Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (VNDCCH). Nhưng sự hiện diện của Trung Quốc ngày càng rõ ràng: Lã Quý Ba là cố vấn chính trị, cùng Kiều Hiểu Quang là cố vấn CCRĐ, và Vi Quốc Thanh (sau tới Trần Canh), cố vấn quân sự, tác động lên đường lối chính sách ở cấp cao nhất^b. Sử gia quá cố Huỳnh Kim Khánh^c cho biết một tài liệu trong đó số đảng viên Đảng Lao động (tức Đảng Cộng sản Việt Nam) từ 7, 8 ngàn tăng vọt lên xấp xỉ 10 lần chỉ trong 2 năm đầu thập niên 50. Khác với đảng viên kỳ cựu, đảng viên mới kết nạp đều xuất thân là nông dân ở những cơ sở địa phương, tạo điều kiện cần để tiến hành CCRĐ và CĐTC:

"Chính sách thành phần-lý lịch ra đời, với giai cấp nông dân là đội quân chủ lực xây dựng XHCN. Các đội Cải cách về nông thôn thăm nghèo hỏi khổ, bắt rế, xâu chuỗi, tranh thủ bản nông cốt cán để phóng tay phát động đấu tranh chống giai cấp địa chủ, tàn dư phong kiến và (nhân tiện!) bọn Việt gian Quốc dân Đảng, bọn phản động, bọn làm 'gián điệp' tay sai cho những thế lực ngoại xâm, vân vân..."^d.

Từ 1953-55: "... CĐTC được tiến hành, thực chất là Đảng... thanh trừng nội bộ để sắp xếp lại bộ máy quyền lực từ trên xuống dưới. Bao nhiêu đảng viên oan, bao nhiêu chết, bao nhiêu gia đình tan nát? Ông Võ Nguyên Giáp nói độ 8.000 người. Có kẻ bảo 20.000. Con số đích xác thì Đảng biết, nhưng 60 năm qua rồi vẫn cứ 'bảo mật'"^e.

Nạn nhân của CĐTC là những ai? Giai cấp địa chủ cường hào ác bá và tàn dư phong kiến, dĩ nhiên. Song còn bọn gián điệp, Việt gian, và Đệ Tứ, bọn tay sai đế quốc... Thế là qui chụp, điều tra, bắt bớ. Ban đầu, chỉ giới hạn ở cấp xã, nhưng CĐTC lan lên cấp huyện. Với cán bộ thì chỉnh phong chỉnh huấn, trong quân đội thì rèn quân chỉnh cán. Chính sách thành phần-lý lịch khiến ông Thiếu tướng Vương Thừa Vũ, anh hùng chỉ huy bảo vệ thủ đô năm 46 cũng bị bắt, không can thiệp kịp thì... chắc cũng vất vả. Tiểu tư sản thành tạch tạch sè, âm hưởng như tiếng súng liên thanh. Và phân biệt đối xử làm Nguyễn Hữu Đang định xin ra

khỏi Đảng, may có Hoàng Minh Giám can ngăn kịp. Và còn biết bao nhiêu người khác cho đến nay vẫn còn im lặng. Phần lớn họ là những người thuộc lớp nhân sĩ, trí thức ở thành thị bỏ đi kháng chiến... Điều có thể là đối tượng, họ sống nom nớp, kẻ thu mình ngậm miệng, người dinh tề (như trường hợp Phạm Duy).

CĐTC được khai triển với CCRĐ trong một kế hoạch có tính toán chắc gập một số chống đối, nhưng hẳn có sự đồng tình của những lãnh đạo cấp cao. Ông Trường Chinh, Tổng Bí thư là Chủ nhiệm Ủy ban, Phó Chủ nhiệm phụ trách CCRĐ và CĐTC là Hoàng Quốc Việt (tức Hạ Bá Cang) và Lê Văn Lương, đều là thành viên kỳ cựu trong Xứ uỷ Bắc bộ của Đảng Cộng sản. Kết nạp kéo quân gây lực lượng trong Đảng của họ tất được sự đồng ý của các cố vấn Trung Quốc, với ý đồ chuyển hoá Việt Nam theo mô hình Mao. Lực lượng cần, lấy lý do cuộc chiến với Pháp chưa ngã ngũ, tìm cách trì kéo. Họ là những ai? Chắc chắn không phải Nguyễn Chí Thanh, chính uỷ của Quân đội Nhân dân nước VNDCCH. Càng không phải Tố Hữu, nắm Tuyên huấn (tức Văn hoá-Tư tưởng). Phải chăng họ là những kẻ sau này bị kết tội Xét lại chống Đảng như Vũ Đình Huỳnh^f. Đặng Kim Giang, Lê Giản...? Họ thân Liên Xô? Trước khi bàn đến điểm này, xin ghi một điều oái oăm: những người kêu gào lấy nông dân làm quân chủ lực lại là con em của tàn dư phong kiến, ít là trường hợp Trường Chinh (tức Đặng Xuân Khu), Lê Đức Thọ (tức Phan Đình Khải) đều con cháu nhà "quan", nhà có ruộng có đất! Như rắn, họ đã lột xác, đương nhiên dẫn đầu giai cấp vô sản tiên phong làm cách mạng theo con đường tiến lên XHCN.

Phe Xứ uỷ Bắc bộ - có thể kể thêm những Hoàng Văn Hoan, Trần Quốc Hoàn, Nguyễn Duy Trinh (?) - mất thế thượng phong từ ngày ông Hồ Chí Minh lãnh đạo kháng chiến chống Pháp, nay vin vào sự hỗ trợ quân sự của Trung Quốc tìm cách lấy lại uy thế, loại chẵn những đối kháng mà ngay cả thành phần manh nha đối kháng, qua chính sách lý lịch và dưới chiêu bài chuyên chính của giai cấp vô sản. Trung Quốc hân hoan vỗ tay vào, tiếp tế chẵn những súng đạn mà cả lương thực, và "cố vấn" luôn khâu chiến lược chiến thuật. Cái giá phải trả ai cũng biết, kể cả những thành viên của Xứ uỷ Bắc bộ. Kinh nghiệm lịch sử dạy họ, như cha anh, phải cảnh giác trước ý đồ "bành trướng". Họ tìm đồng minh để tranh nắm quyền lực, và là học trò của cả Lenin lẫn Tào Tháo, họ biết đồng minh nào cũng mang tính giai đoạn. Nhưng nắm chính quyền đã, có nắm rồi mới nói đến chuyện giữ!

2. Hiệp 2: Chiến lược thống nhất đất nước

1954: Chiến thắng Điện Biên. Hội nghị Genève được tổ chức từ 26-04 đến 21-07, với nghị trình đầu là chuyện Triều Tiên, sau đó mới đến Việt Nam vào ngày 8-05, đúng một ngày sau chiến thắng Điện Biên Phủ. Ngày 10-05, phó thủ tướng Phạm Văn Đồng đưa ra quan điểm của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đòi Pháp công nhận quyền độc lập và tự chủ của Việt Nam, nhưng cũng xác nhận sẵn sàng gia nhập Liên hiệp Pháp. Khi ấy, hai khối mang tên Thế giới Tự Do và Xã hội Chủ nghĩa đã cắt đôi nước Triều Tiên. Chiến tranh Triều Tiên cho thấy Mỹ đã đổ quân trực tiếp tham chiến, từ phía Nam đánh bật lên phía Bắc. Chắc không muốn phiêu lưu thêm một bước, hai nước "anh em" Trung Quốc và Liên Xô o ép một giải pháp tương tự với Việt Nam. Nhưng cắt Việt Nam ở đâu? VNDCCH đòi vĩ tuyến 13, rồi lùi dần... Chu Ân Lai gặp Hồ Chí Minh ở Quảng Châu, thuyết phục để vĩ tuyến 17 trở thành vết chém ngang lưng Tổ quốc, đợi hai năm sau là Tổng tuyển cử để thống nhất theo như Hiệp định Genève! Nhưng chuyện này thì nói để mà „chơi" thôi! Hoa Kỳ không ký tuyên cáo chung, chỉ xác nhận là có ghi nhận văn bản này, trừ điểm số 13 liên hệ đến Tổng tuyển cử, tương tự như phái đoàn của chính phủ miền Nam Việt Nam Ngô Đình Diệm. Ý đồ như thế thì trẻ con cũng có thể đoán ra^g.

Sau 1954, VNDCCH tiếp tục ve vãn Pháp qua Sainteny^h, đại diện ở Hà Nội, với hy vọng tạo thế đối trọng Trung Quốc trên bàn cân quyền lực. Những người ủng hộ một chính sách như vậy rõ ràng có ý đồ tìm cân bằng quyền lực với Xứ uỷ Bắc bộ. Họ có thể là những người „học trò" của ông Hồ Chí Minh như Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, xoay quanh là những Trần Huy Liệu (nguyên Việt Nam Quốc dân Đảng), Trương Tửu (bị gán Trốt-kít)... và những

trí thức nhân sĩ như Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh... Ông Hồ Chí Minh bề ngoài giữ cái thế đàn anh „cầm cân nẩy mực“, nhưng không có ông đằng sau, ai dám đề nghị gia nhập Liên hiệp Pháp hết như thời ký Hiệp định Sơ bộ năm 1945. Và đàn anh vĩ đại ngay bên chác cũng chẳng mấy hài lòng với những đề nghị như vậy! Nhưng đã quá muộn: Pháp buông tay để Mỹ nhảy vào Đông Dương, đó là không kể đến chuyện Pháp khá kiệt quệ và bắt đầu phải đối phó với bạo loạn ở Algérie, nơi quan trọng hơn Đông Dương rất nhiều.

1955: Miền Bắc đòi thống nhất qua Tổng tuyển cử, bề mặt vẫn tránh mọi động tác cực đoan. Nhưng CCRĐ đưa đến những công phần ngay trong giai cấp nông dân chủ lực. Nạn nhân đầu tổ nếu là cường hào ác bá địa chủ thì đã đành, nhưng muốn đạt chỉ tiêu 5%, phải đánh lên thành phần để đầu, oan sai gì cũng mặc. Nhưng còn chuyện quả thực chia không công bằng. Ruộng thấp ruộng cao ruộng xấu ruộng tốt phân cho bản cổ cũng không công bằng. Hỏi ai đây? Nhưng cứ nhất Đội thì hỏi Trời cũng vô ích. Cơ cấu nông thôn và đạo lý làng xã bị phá tan hoang: mang quả thực mỗi chài, máu tham lam biến người thành thú, nơi nơi thành đầu trường tổ điều, tổ vấy, thù oán bùng lên khắp ngả... Vụ Quỳnh Lưu nổ ra, sau đó một số địa phương cũng rấp ranh chống đối.

Trần Dần tham gia phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu. Tháng 4, Trần Dần, Đỗ Nhuận, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh, Tử Phác... viết "Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá", yêu cầu trả quyền lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ, và thủ tiêu hệ chính uỷ trong các đoàn văn công. Đây là phản ứng công khai đầu tiên trong đòi hỏi tự do sáng tác. Trần Dần bị giam 3 tháng theo quân kỷ vì xin giải ngũ, trả thẻ Đảng để kết hôn với một thiếu nữ Công giáo có gia đình di cư vào Nam.

1956, một năm bản lề

Tháng 1, Hoàng Cầm cho ra *Giai phẩm mùa Xuân*, trong có bài "Nhất định thắng" của Trần Dần. *Giai phẩm* bị tịch thu. Tháng 2, Hội Văn nghệ tổ chức phê bình bài thơ của Trần Dần, kết án tác giả là mất lập trường giai cấp, đi ngược đường lối của Đảng. Dần bị giam 3 tháng ở Hoả Lò.

Tháng 2, Đại hội 20 Đảng Cộng sản Liên Xô tiến hành, hạ bệ Stalin và tộ sùng bái cá nhân với cái sau này ta gọi là "Báo cáo Khrushchev". Gió lên, cờ phất, và những người làm chính trị đánh bài nước đôi, nước ba.

Cuối tháng 5, Mao phát động phong trào "Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng".

Tháng 6, cuộc nổi dậy ở Ba Lan đe dọa một rạn nứt khó lành trong khối XHCN.

Tháng 7, Việt Nam tuyên bố hoàn thành Cách mạng Ruộng đất.

Tháng 8, Hội Văn nghệ tổ chức lớp học 18 ngày về đường lối cải cách chống tộ sùng bái cá nhân Stalin tại Liên Xô (và khó cho rằng những người như Lê Đạt, Hoàng Cầm không biết gì về chuyện này). Ngay tháng 8, *Giai phẩm mùa Thu* tập 1 đăng bài "Phê bình lãnh đạo văn nghệ" nảy lửa của Phan Khôi. Ngày 15 tháng 9, báo tư nhân mang tên *Nhân văn* ra số 1, do Phan Khôi làm chủ nhiệm, Trần Duy làm thư ký toà soạn, với một ban biên tập gồm Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Lê Đạt, Hoàng Cầm. Thời điểm đó, nói một cách hình tượng, văn nghệ sĩ phản kháng bảo nhau phục xuống nắm lấy lưng quần đánh vào Đảng qua những sai lầm của CCRĐ. Tháng 10, Thường vụ Hội Văn nghệ ra thông cáo nhận sai lầm trong việc phê bình bài thơ "Nhất định thắng". Hoàng Cầm cho tái bản *Giai phẩm mùa Xuân* trước bị thu hồi.

Tháng 9 năm 1956, Trung ương Đảng họp lần thứ 10 để tổng kết thành quả CCRĐ. Đại tướng Giáp, người anh hùng Điện Biên Phủ, thay mặt Đảng ra nhận sai lầm trước nhân dân. Nhưng số nạn nhân là bao nhiêu ở miền Bắc? Không ai trong những kẻ có thẩm quyền nói gì cả. Cứ coi như nông thôn miền Bắc khi ấy độ 10, 12 triệu người, thế thì 5% số người chắc phải xấp xỉ 600.000 nạn nhân, với có thể khoảng 60.000 người bị sát hại? Sau này, có tài

liệu cho rằng số nạn nhân ở vào khoảng 300.000 đến 350.000, nhưng sự thật thế nào thì chẳng ai biết cho đích thực.

Ở cấp chóp bu của quyền lực, chắc có nhiều thương lượng trước những diễn biến mới. Phe Xứ uỷ Bắc bộ lùi một bước, nhưng quyền lực vẫn còn rất nhiều. Tướng Giáp thay mặt Đảng nhận sai lầm, lấy hào quang chiến thắng Điện Biên để an dân và nhất là giữ lòng quân trước nay vẫn coi ông là một lãnh đạo anh hùng. Ông Hồ Chí Minh tạm nhiệm vai trò Tổng bí thư thay Trường Chinh, nay trở thành Chủ tịch Quốc hội, vai vế đứng thứ hai sau ông. Hoàng Quốc Việt trách nhiệm Công đoàn. Lê Văn Lương thôi Trưởng ban Tổ chức Đảng, nắm Thành uỷ thành phố Hà Nội. Hồ Viết Thắng, thường trực Uỷ ban CCRĐ bị đẩy khỏi Trung ương, nhưng về phụ trách Uỷ ban Kế hoạch. Những nhân vật mới xuất hiện. Lê Duẩn đã "ém" lại ở miền Nam được vờ ra Bắc, trở thành Bí thư thứ nhất. Lê Đức Thọ, người xưa cộng tác chặt chẽ với Duẩn trong Trung ương Cục miền Nam, vào nắm Ban Tổ chức thay Lê Văn Lương. Một cân bằng quyền lực mới đang thành hình.

Tháng 11, Hồng quân Liên Xô tiến vào Budapest dẹp cuộc nổi dậy ở Hungary. Như vậy, chung sống hoà bình là với thế giới tư bản, chứ không phải là với chư hầu trong phe XHCN mà còn ảo tưởng có thể vùng vằng "giải phóng". Tức thời, phe Xứ uỷ Bắc bộ tìm thế phản công. Trước mắt là hai cái gai *Nhân văn* và *Giai phẩm*. Khi đó, đã có 5 số *Nhân văn*, và 4 tập *Giai phẩm*, tất cả đều được thị dân "tạch tạch sè" ủng hộ. Nếu *Giai phẩm* tập trung trên địa hạt văn nghệ thì *Nhân văn* đề cập đến những vấn đề xã hội và văn hoá rộng hơn: chống tham ô lãng phí, chống thói cửa quan, đòi hỏi chuyên môn và phân công (chứ không để chính trị "thống soái"), yêu cầu một thể chế pháp trị, nói rộng tự do tư tưởng trong học thuật và văn nghệ, xây dựng xã hội trên cơ sở hiến pháp (cụ thể là Hiến pháp năm 1946, cơ bản là dựa trên tinh thần dân chủ và không hề có màu sắc chuyên chính). Tóm lại, *Nhân văn* đặt vấn đề chính quyền chuyên chính của giai cấp vô sản, một giáo điều của phong trào cộng sản. Tra vấn kiểu này, chắc họ "làm phiền" cả đám ông Hồ và "học trò" lẫn phe Xứ uỷ Bắc bộ vốn đều được trau dồi bằng kinh điển Mác-Lê (nhất là Lenin). Nhưng họ là những ai? Trước tiên, Nguyễn Hữu Đang, xu hướng chính là hoạt động chính trị, từng làm Thứ trưởng, tổ chức Lễ Tuyên ngôn Độc lập ở Ba Đình khai sinh nước VNDCCH. Rồi Trần Đức Thảo, triết gia. Nguyễn Mạnh Tường, luật gia, với bài tham luận ở Mặt trận Tổ quốc có Trường Chinh tham dự và vỗ tay khuyến khích. Có Đào Duy Anh, nguyên Đảng trưởng Tân Việt, học giả. Trương Tửu, trí thức từng xây dựng nhóm Hàn Thuyên. Và Phan Khôi, nhà văn nhà báo lão thành khá tiếng tăm. Xoay xung quanh là một số văn nghệ sĩ trẻ: Lê Đạt, từng là bí thư cho Trường Chinh, sắc sảo đa đoan. Hoàng Cầm, tác giả "Đêm liên hoan" và "Bên kia sông Đuống", lẽ ra chỉ nên "làm văn nghệ"... Tập hợp *Nhân văn-Giai phẩm* này không phải là một tập hợp quyền lực, chưa hề cùng thống nhất được một đề cương tư tưởng nào, mỗi cá nhân viết theo thói thúc nhân văn riêng tư, nhưng đồng qui ở thời điểm xã hội đang chấp chững bước vào một giai đoạn đổi thay sau kháng chiến. Họ ở gần, nhưng vẫn bên lề guồng máy chính, một guồng máy vận hành "nội bộ" kiểu "hội kín" chứ không rêu rao vạch mặt cho người ngoài xem lụng. Tóm lại, cùng lắm họ chỉ là những tiếng nói có lợi trong một giai đoạn nào đó cho một nhóm quyền lực lợi dụng. Khi trâu bò húc nhau, ruồi muỗi không kịp bay tất có cái phận nát nhè khó tránh.

Có lẽ ông Hồ Chí Minh chân thành khi ông cho là không nên dùng dao mổ trâu để làm thịt gà với *Nhân văn-Giai phẩm*¹, nhưng chẳng biết áp lực nào khiến ông ký ngày 9-12 *Sắc lệnh về chế độ báo chí*, sắc lệnh cho phép Uỷ ban Hành chính Hà Nội ra thông báo đóng cửa báo *Nhân văn* đã ra được 5 số. Số cuối cùng, không được in, vì một bài viết của Nguyễn Hữu Đang bị gán ghép là "kêu gọi biểu tình"! Hẳn phe Xứ uỷ Bắc bộ có tác động: họ không khoan nhượng những người chưa tạo được lực nhưng có chút thế, chỉ manh nha đối kháng. Sau khi Hồng quân Liên Xô theo xe tăng đè bẹp Budapest, Liên Xô vĩ đại đã bật đèn xanh cho chư hầu. Mao sẽ giật cần câu sau khi đã thả cái mồi "Trăm hoa đua nở". Việt Nam nhanh tay hơn: phe Xứ uỷ Bắc bộ tìm cách phát cờ càng sớm càng tốt. Chỉ 4 tháng sau:

1957: từ 20 đến 28-2, tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần 2, Trường Chinh kêu gọi 500 đại biểu đập nát luận điệu phản động của *Nhân văn-Giai phẩm*. Chia để trị: cơ cấu Hội Văn nghệ xé thành Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật (Nguyễn Đình Thi chủ trì) và Hội Nhà văn (Tô Hoài làm Tổng thư ký). Báo *Văn* với Nguyễn Công Hoan làm chủ bút, Nguyễn Tuân phó chủ bút và Nguyên Hồng thư ký toà soạn ra đời. *Văn* hục hặc tranh cãi với *Học tập*, cơ quan lý thuyết (tức Tuyên huấn) của Đảng. Những tội đồ Lê Đạt, Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Quán... vẫn công tác trong Hội, những Nguyễn Mạnh Tường, Đào Duy Anh, Trương Tửu, Trần Đức Thảo... quay về giảng dạy đại học, ai nấy tưởng gió đã ngưng và chim báo bão đã bay xa.

Thời gian giữa năm 57, Mao bên Trung Quốc đã phản công đám trí thức ông coi như cục phân, khai trừ nhà văn Đinh Linh có 25 tuổi Đảng. Đồng thời, những cuộc chỉnh huấn văn nghệ được tiến hành ở Liên Xô, Ba Lan, Công hoà Dân chủ Đức... Bộ mặt toàn trị lộ nguyên dạng, nhưng báo *Văn* đã đăng "Lời mẹ dặn" của Phùng Quán, "Bài thơ Việt Bắc" của Trần Dần, chiến thuật là lâu lâu chèn vào báo những sáng tác để gây tranh cãi.

1958-1959: Ngay đầu tháng 1-1958, Bộ Chính trị của Đảng ra Nghị quyết 30NQ/TU về chấn chỉnh công tác văn nghệ. Báo *Văn* số 36, số cuối cùng với bài "Ông Năm chuột" của Phan Khôi, in nhanh phát nhanh. Tháng 3: trong hơn 1 tháng, lớp "đấu tranh tư tưởng" tại Thái Hà Ấp với 304 văn nghệ sĩ, hơi hướng đấu tố như trong CCRĐ được các học uỷ "hướng dẫn" tập trung vào "bọn *Nhân văn-Giai phẩm*". Lê Đạt suýt bị một nhà văn miền Nam tập kết chém vì cái "tội" chống lại thống nhất, may học uỷ can thiệp kịp^k. Nguyễn Hữu Đang và Thụy An bị bắt. Đầu tháng 6, Hội Liên hiệp Nghệ thuật tổng kết thắng lợi cuộc đấu tranh chống *Nhân văn-Giai phẩm*, có nghị quyết của gần 800 văn nghệ sĩ hoan nghênh ủng hộ. Tháng sau, Nguyễn Đình Thi trở thành Tổng thư ký Hội Nhà văn, thu văn học-nghệ thuật về một mối. Tháng 7, Hội thông báo kỷ luật những người tham gia *Nhân văn-Giai phẩm*, khai trừ khỏi Hội, bắt đi lao động cải tạo. Chờ đến 10-12-1959, tức là 19 tháng sau lớp học Thái Hà và 3 năm sau khi đóng cửa báo *Nhân văn*, người ta khai mạc toà án xử Nguyễn Hữu Đang và Thụy An mỗi người 15 năm tù vì tội phá hoại chính trị và làm gián điệp cho ngoại quốc.

Giải phóng miền Nam

Năm 1959 là một năm cực quan trọng. Rõ ràng hy vọng thống nhất qua Tổng tuyển cử theo Hiệp định Genève không còn. Chuyện gia nhập Liên hiệp Pháp qua đó sửa soạn một chiến thuật thống nhất trong hoà bình không xong. Từ 1957, Pháp kiều đã hồi hương, đóng cửa xí nghiệp. Về phần 60.000 người miền Nam tập kết, họ mất dần kiên nhẫn, nóng lòng mong về quê hương bản quán. Đã có những đơn vị bộ đội tập kết đóng ở Thanh-Nghệ tự động vượt tuyến bất chấp kỷ luật. Trong khi đó, chính quyền Diệm-Nhu miền Nam ra Luật 10/59 đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật^l, đàn áp khủng bố thẳng tay. Tướng Trần Văn Trà xin với anh Ba (tức Lê Duẩn) hỗ trợ cho lực lượng "ta" gài lại. Anh Ba dặn phải kín đáo, và cho Trà trên dưới 50 (!) cán bộ đột nhập miền Nam^m, đi chui làm cách mạng! Mặt khác, Cải tạo công thương nghiệp tại các thành phố có tiến hành, nhưng kết quả không có bao nhiêu, lại gây oán thán chẳng khác gì với đám nông dân sau CCRĐ phải vào hợp tác xã khiến giấc mơ có đất của họ thành ảo mộng. Nền kinh tế cả nước sa sút, đói thì chưa, nhưng thiếu thốn bắt đầu. Và khẩu hiệu chẳng thể nào thay cơm gạo. Chắc chắn phe ông Hồ và "học trò" đem luận điểm nóng vội lên bàn vạ phe Xứ uỷ Bắc bộ; lý lẽ đáp lại là sự khác biệt giữa "cái cách" và cách mạng xã hội. Nhưng dù gì, làm sao yên dân khi áo cơm không đủ? Trong bối cảnh đó, không cần trí tưởng tượng để nghĩ ra rằng "giặc ngoài" là yếu tố có thể chấn chỉnh nội trị. Nhất là chuyện thống nhất vốn xưa nay đã ăn sâu vào tâm tưởng toàn dân. Giặc ngoài là ai? Dĩ nhiên, Mỹ, cấu kết với Diệm. Không giải phóng bằng phương cách hoà bình thì chỉ còn chiến tranh.

Sử dụng chiến tranh nhằm giải phóng miền Nam không những phù hợp với phe Xứ uỷ Bắc bộ vốn cực đoan mà còn là cơ hội cho Lê Duẩn và Lê Đức Thọ củng cố thế đứng trong nội

bộ. Anh Ba, bề ngoài hành xử dè dặt nhưng không phải là người không bản lĩnh. Với Thọ hiểu học tính toán ở cương vị Trường ban Tổ chức, anh từng bước tiến lên, thoả mãn cả hai phe, cuối cùng trở thành nhân vật số 1, ông Hồ chỉ hư vị, và Trường Chinh vẫn cố thủ vị trí số 2. Bàn cờ chưa thực ngã ngũ, nhưng Nghị quyết "kín" 15 thành hình, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang có mức độ, đầu tiên là mức độ tự vệ. Con đường 559 bắt đầu từ Nghệ An vượt qua sông Bến Hải. Ít lâu sau, Mặt trận Giải phóng miền Nam phát cờ. Trong bối cảnh "bức xúc" đầy kịch tính, dàn dựng một nhà văn tập kết nhớ vợ thương con vác dao tìm Lê Đạt để chém (mong thế là thống nhất đất nước?) quả là cười ra nước mắt. Còn bà Thụy An, người tự móc mù mắt để phản đối thì sao? Bà trước kia là đầu mối (không chính thức) của Chính phủ VNDCCH với Sainteny trong thời điểm còn xúc tiến hoà hoãn với Pháp sau Hiệp định Genève. Kết bà vào tội gián điệp là thông điệp kết tội luôn một chính sách hoà hoãn dựa vào phương Tây do ông Hồ và "học trò" đeo đuổi. Về phần Nguyễn Hữu Đang, đừng quên ông từng hoạt động từ giữa thập niên 30 trong Xứ uỷ Bắc bộ cùng với những Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, Nguyễn Lương Bằng... nhưng thường là hoạt động dưới dạng nhân sĩ trong nội thành Hà Nội, nơi mà các "đồng chí" ăn bờ ở bụi bên ngoài đánh giá là "dễ sa ngã". Vả lại, trong một thời gian, ông lọt vào mắt xanh của ông Hồ. Thế là nhờ tận rể, dù là cỏ gà, để treo gương điển hình, và tặng khùng bổ tâm lý lên mức khép kín miệng đảm trí thức thành thị Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh, Trương Tửu, Nguyễn Mạnh Tường nay cũng bị ruồng rẫy.

3. Hiệp 3: "bọn" Xét lại chống Đảng

Ở miền Bắc, Đảng và Nhà nước bóp chết nền kinh tế tư nhân nhưng lại mù loà giáo điều trong những bước xây dựng xã hội XHCN, khoá miệng trí thức sau phong trào *Nhân văn-Giai phẩm*, và ngay năm 61 ban hành Nghị quyết 49/NQ/TVQH do Trường Chinh ký ⁿ, hợp pháp hoá việc có thể bắt nhốt bất cứ ai vào những trại tập trung cải tạo mà không cần xét xử. Như thế, Đảng vượt mất xã hội dân sự, đắp mặt liệm bằng vải đỏ, và đóng áo quan rồi đào sâu chôn chặt! Lấp liếm những thất bại bằng ngôn từ kiểu "cơ bản là đã hoàn thành thắng lợi", và khi sai thì là chỉ chấp hành sai chứ về "cơ bản vẫn đúng", đã "cào bằng", chia bình quân ruộng đất cho nông dân canh tác trong giai đoạn đầu, và sẽ "vào hợp tác" trong tương lai một xã hội đúng bài bản xã hội chủ nghĩa. Ban đầu, hợp tác ở mức thấp cho mười mười lăm gia đình, với những tổ đổi công. Sau, ở mức cao hơn, là hợp tác xã, lao động tính theo công điểm, và từ đó qui ra thu nhập của người lao động.

Năm 1958, cuộc cải tạo công thương nghiệp ở những thành phố được tiến hành. Khi ấy, những xí nghiệp công nghiệp của tư sản thật ra đã chuyển hết khỏi miền Bắc, còn lại chỉ có tiểu thương, tiểu công nghệ là chủ yếu. Cải tạo là đưa đến hợp tác, bắt đầu là năm, bảy gia đình, từng bước đi vào qui mô lớn dần lên, đến cấp phường, quận, thành phố rồi quốc doanh. Tóm lại, cả công, thương và nông nghiệp, phải vào "hợp tác", tức là sản xuất trao đổi hàng hoá ở mức tập thể, thủ tiêu kinh tế tư nhân. Chẳng khác gì trong nông nghiệp, cải tạo đưa đến tình trạng cha chung không ai khóc, thiếu động cơ kích thích kinh tế, đưa đến trì trệ trong sản xuất, phẩm lẫn lượng có chiều hướng đi xuống, hàng hoá sản vật khan hiếm dần. Năm 1960, hợp tác trong công-nông nghiệp tuyên bố là được hoàn thành về cơ bản. Chỉ một năm sau khi Đảng tuyên bố "hợp tác" cơ bản đã hoàn thành thì dân bắt đầu ăn đói, nghèo đi trông thấy, và tệ nạn *lạm quyền cầu lợi của đảng viên* sớm hiện hình. Không đỡ mãi cho thời tiết được. Thế là có cuộc nổi dậy mang tên Đồng Khởi ở Bến Tre. Viễn tượng chiến tranh mỗi lúc một gần. Vì chiến tranh là cách đồ tội để biện minh cho sự thất bại của những cải cách thời bình.

"Năm năm sau Điện Biên Phủ, bóng dáng ma quái của chiến tranh lại lần quất, vì hai điểm cơ bản: 1- Mâu thuẫn và tranh đoạt quyền lực nội bộ ở những cấp cao nhất trong Đảng; và 2- Khó khăn, lúng túng, và sai lầm trong việc xây dựng xã hội XHCN. Cộng thêm vào là mặt khác, những người miền Nam tập kết mất kiên nhẫn, nóng lòng muốn quay trở về quê hương

gốc gác... Khẩu hiệu mới gồm 2 khâu: vừa giải phóng miền Nam vừa xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Khâu giải phóng lọt, vì khi đó những mâu thuẫn giữa hai nước 'anh em' đã có, Trung Quốc của Mao không 'xét lại' và chịu chung sống hoà bình với Đế quốc Mỹ theo đường lối Liên Xô dưới thời Khrushchev. Việt Nam ta muốn giải phóng miền Nam với một nền kinh tế non trẻ thiếu cả ăn lẫn mặc thì làm thế nào đây? Vừa xin vũ khí, vừa xin viện trợ lương thực, tất cả là vì nghĩa vụ quốc tế. Nói cho hình tượng là ta bán máu lấy ăn, máu đổ vì mục đích cao cả Giải phóng và Thống nhất đất nước, đối đầu với Đế quốc trong cuộc Cách mạng Thế giới. Mao vui lòng cho ít khí giới qui ước và tiếp tế gạo, đường, mắm muối..."^o.

Một thời gian ngắn sau Đại hội XX Đảng Cộng sản Liên Xô họp hồi tháng 2 năm 1956, phong trào cộng sản quốc tế bắt đầu có dấu hiệu rạn nứt, dần dần dẫn đến cuộc đấu tranh công khai giữa những người giáo điều Maoít trong ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc với những người theo chủ nghĩa xét lại trong ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô. Đề chuẩn bị tham dự Hội nghị 81 Đảng Cộng sản họp tại Moskva tháng 11 năm 1960, Trường Chinh gọi Hoàng Minh Chính vào tháng 9 lên giao nhiệm vụ chuẩn bị lý luận diễn giải và phân tích về những nội dung ý kiến bất đồng trong phong trào cộng sản gấp rút trong nội một ngày. Tóm gọn:

Chủ nghĩa xét lại hiện đại Liên Xô cho rằng:

1. Chiến tranh không phải là định mệnh. Các chế độ xã hội khác nhau có thể cùng tồn tại hoà bình.
2. Các nước xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa không cần đối đầu quân sự mà có thể đua tranh nhau bằng kinh tế.
3. Các nước có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội bằng phát triển trong hoà bình chứ không nhất thiết qua đấu tranh vũ trang.
4. Điều kiện quyết định để chiến thắng chủ nghĩa tư bản là các nước xã hội chủ nghĩa phải tạo ra một năng suất xã hội cao hơn hẳn so với các nước tư bản chủ nghĩa.
5. Chống sùng bái cá nhân, mở rộng dân chủ trong đời sống xã hội và trong các đảng cộng sản và công nhân quốc tế.

Chủ nghĩa giáo điều Mao-it thì cho rằng:

1. *Bản chất chủ nghĩa tư bản đế quốc là xâm lược. Còn đế quốc, còn chiến tranh, chiến tranh là tất yếu.*
2. *Chiến tranh hạt nhân không đáng sợ. Đế quốc Mỹ chỉ là con hổ giấy có răng nguyên tử. Chiến tranh nguyên tử nổ ra thậm chí còn có lợi vì nó sẽ chôn vùi đế quốc sạch sành sanh để sau đó trên trái đất chỉ còn chủ nghĩa xã hội trăm lần tốt đẹp hơn.*
3. *Các dân tộc Á, Phi, Mỹ Latinh đoàn kết lại chống hai siêu cường là Đế quốc Mỹ và Đế quốc xã hội Xô-viết.*
4. *Liên Xô là con ngựa thành Troa, kẻ thù nguy hiểm số một của cách mạng thế giới.*
5. *Chính quyền nở từ họng súng. Giành được chính quyền là được tất cả. Chiến tranh cách mạng là con đường duy nhất giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp.*
6. *Làm cách mạng thường trực, tạo thời cơ giải phóng toàn nhân loại. Chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Mao Trạch Đông là thống soái. Gió Đông thổi bạt gió Tây.*

Nghe Hoàng Minh Chính trình bày xong, Trường Chinh triệu tập Bộ Chính trị lại ngay để báo cáo và đã đạt được sự nhất trí cơ bản. Đoàn đại biểu cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh dẫn đầu. Thành viên có Tổng bí thư Lê Duẩn và uỷ viên Bộ Chính trị Nguyễn Chí Thanh. Kết thúc hội nghị, một bản tuyên bố chung ghi đầy đủ các quan điểm của Đảng Cộng sản Liên Xô đã được thông qua. Có 81 đảng cộng sản trên thế giới nhất trí ký kết Tuyên bố chung, trong đó có Đảng Lao động Việt Nam.

Nhưng đấu trường đã bắt đầu vào hiệp 3. Khi đó, với cuộc chiến giải phóng miền Nam (GPMN), Lê Duẩn và Lê Đức Thọ đã thành một thế lực. Dù Duẩn vẫn được xưng tụng là

"học trò xuất sắc" của ông Hồ, nhưng ai cũng biết Duẩn-Thọ là liên minh của phe Xứ uỷ Bắc bộ. Tuy thế, ông Hồ và "học trò" vẫn còn nắm Nhà nước qua Phạm Văn Đồng, và Quân đội qua Võ Nguyên Giáp mà ảnh hưởng bị Nguyễn Chí Thanh xói mòn. Nhưng trên nguyên tắc, Đảng mới lãnh đạo, Nhà nước chỉ quản lý, còn Quân đội thì phải trung với Đảng, hiếu với dân. Trong thời gian gọi là cuộc *đấu tranh giữa hai đường lối* trong phong trào cộng sản quốc tế, Việt Nam dưới tay Duẩn-Thọ làm xiếc đánh đu giữa hai cọc. Cả Trung Quốc lẫn Liên Xô hỗ trợ trong chiến tranh GPMN, một mặt Duẩn thề thốt theo Liên Xô đang chủ trương chung sống hoà bình, mặt kia để Thọ đối nội bắt bớ "bọn xét lại", tức đi vào con đường giáo điều Mao-ít chủ chiến.

Cuối năm 1963, Bộ Chính trị triệu tập hội nghị Ban Chấp hành Trung ương IX, khoá III. Bản nghị quyết IX của hội nghị này, theo Vũ Thư Hiên, là một văn bản lươn lẹo do chính Trường Chinh chấp bút, không chống chủ nghĩa xét lại, không chống chủ nghĩa giáo điều, nhưng chẳng rõ là theo ai nên cả Trung Quốc và Liên Xô đều không thể "bực mình"^p. Trong nội bộ, thực chất là Đảng quay ngoắt lại lập trường đã thống nhất với tuyên bố chung của 81 đảng cộng sản^q. Tại Hội nghị các cán bộ cao cấp và trung cấp gồm chừng 400 người họp tại hội trường Ba Đình trong tháng 1 năm 1964 để học tập Nghị quyết IX lớp đầu tiên, chủ tịch Trường Chinh tuyên bố: "*Các đồng chí cần đặc biệt lưu ý một điều là Nghị quyết IX, do tình hình phức tạp trong phong trào cộng sản quốc tế, không thể viết hết ra những điều cần nói nhưng phải hiểu rằng: đường lối đối ngoại và đối nội của Đảng và Nhà nước ta là thống nhất cơ bản với đường lối đối ngoại và đối nội của Đảng Cộng sản và Nhà nước Trung Quốc*". Hoàng Minh Chính đã gửi hai bản kiến nghị. Một bản phê phán Bộ Chính trị đã tự ý từ bỏ nguyên tắc đồng thuận đã được cam kết trong bản Tuyên bố chung 81 đảng cộng sản. Một bản phê phán những sai trái của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc trong chiến dịch đả kích đường lối của Đảng Cộng sản Liên Xô theo tinh thần Tuyên bố chung. Trong khi đó, Lê Đức Thọ phát biểu: "*Chống chủ nghĩa hiện đại xét lại về mặt lý luận ta để cho Đảng Cộng sản Trung Quốc làm, còn về mặt tổ chức thì ta tự làm lấy...*"^r. Phe theo giáo điều hẳn được bật đèn xanh, thật phù hợp với lời Lưu Thiếu Kỳ phũ phàng thể hiện cái thế nước lớn một cách không che giấu^s.

Kết quả là năm 1967 Hoàng Minh Chính bị Lê Đức Thọ ra lệnh bắt bớ tù và đích thân tuyên án: cách chức viện trưởng Viện Triết học, khai trừ đảng tịch, tước quyền công dân, biệt giam cho đến khi nào chịu hối cải. Cùng với Hoàng Minh Chính, những người bị bắt, bị hãm hại trong cái gọi là "vụ án Xét lại chống Đảng" lên đến hàng trăm. Vụ "*trấn phản*" này có thể là nhằm yên "*giặc trong*" để tiện bề đánh lút láng ván xi-ké có tên là *Tổng Công Kích và Nổi Dậy vào Tết Mậu Thân dẫm tháng sau trên toàn miền Nam*. Để nắm được tính cách rộng khắp trong vụ thanh trừng nội bộ này, tôi xin liệt kê tên và chức phận họ:

Đặng Kim Giang - Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Nông trường, bí thư khu uỷ Liên khu Ba, phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần mặt trận Điện Biên Phủ, tù nhân Sơn La thời Pháp thuộc; Vũ Đình Huỳnh - Vụ trưởng Lễ tân Bộ Ngoại giao, nguyên là bí thư riêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cựu tù nhân Sơn La; Nguyễn Văn Vịnh - Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, chủ tịch Ủy ban Thống nhất Trung ương; Nguyễn Minh Cần - Ủy viên thường vụ Thành uỷ Hà Nội, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Hà Nội, chủ nhiệm báo *Thủ đô Hà Nội*; Trần Minh Việt - Phó Bí thư thành uỷ Hà Nội, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Hà Nội; Dương Bạch Mai - Phó Chủ tịch Quốc hội, Tổng thư ký Hội Hữu nghị Việt Xô; Bùi Công Trưng - Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Kỹ thuật Nhà nước, Ủy viên Trung ương Đảng; Ung văn Khiêm - nguyên Bộ trưởng Ngoại giao, nguyên Bí thư Xứ uỷ Nam Kỳ, Ủy viên Trung ương Đảng; Lê Liêm - Thứ trưởng Bộ Văn hoá, Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Chính uỷ mặt trận Điện Biên Phủ; Lê Trọng Nghĩa - Cục trưởng Cục 2 (Cục Tình báo quân đội); Lê Minh Nghĩa - đại tá, Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng; Đỗ Đức Kiên - đại tá, cục trưởng Cục Tác chiến; Phan Kỳ Vân - Phó Tổng biên tập tạp chí *Học tập*, cựu tù nhân Sơn La; Hoàng Thế Dũng - Tổng biên tập báo *Quân đội Nhân dân*; Nguyễn Kiên Giang - Phó Giám đốc nhà xuất bản Sự thật, nguyên tỉnh uỷ viên tỉnh uỷ Quảng Bình; Lê Vinh Quốc - đại tá, chính uỷ sư đoàn 308, phó

chính uỷ khu Ba; Văn Doãn – thượng tá, Tổng biên tập báo *Quân đội Nhân dân* cuối thập niên 50; Minh Tranh - giám đốc nhà xuất bản Sự thật; Phạm Quang Đức - cán bộ ngoại giao Vụ Bắc Mỹ. Các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, cán bộ quân đội, nhà văn, nhà báo, nhà điện ảnh: Vũ Huy Cương, Huy Vân, Vũ Thư Hiên, Đinh Chân, Lưu Động, Trần Thư, Nguyễn Hồng Sỹ, Trần Châu, Nguyễn Gia Lộc, Phùng Văn Mỹ, Bùi Ngọc Tấn, Tuấn Nguyễn, Phan Thế Văn, Nguyễn Văn Thắm, Phạm Viêt, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Mạc Lân, Trần Đình, Đặng Cấn, Nguyễn Cận, Đặng Đình Cầu, Mai Luân, Mai Hiến, Quảng Hân, Khắc Tiệp, Đào Phan (tức Đào Duy Dính)...

Theo Vũ Thư Hiên: „Với nghị quyết IX, ĐCSVN phân hoá thành hai cực - một bên những người chủ trương chủ nghĩa xã hội dân chủ pháp trị, đòi kiến tạo một xã hội công dân có nhân quyền, bên kia là Đảng cầm quyền kiên trì một chủ nghĩa xã hội chuyên chế.“¹ Ông cũng cho biết là cha ông, Vũ Đình Huỳnh, cho rằng nếu tướng Võ Nguyên Giáp quyết liệt chống thì cái Nghị quyết IX khó mà thành hình như thế. Sau này, khi lấy cung „bạn Xét lại“, có chuyện công an tìm cáo buộc để vu ông Giáp tội âm mưu đảo chính². Không lẽ lại không có một lời dù là tạm kết?

Đến đây, tôi đã đào sâu giả thuyết „thao tác“ của ông Đặng Tiến: quả có một cuộc tranh chấp quyền lực ở bề sâu, hiệp 1 từ thời Chinh đốn tổ chức, và *Nhân văn-Giai phẩm*, sản phẩm phần nào của tình cờ lịch sử qua sự kiện „Báo cáo Khrushchev“ trong Đại hội Đảng lần 20 của ĐCS Liên Xô, chỉ là mặt nổi một tảng băng đầy thâm kịch. Trù dập nạn nhân *Nhân văn-Giai phẩm* (dẫu không cần thiết) ở hiệp 2 liên quan đến chuyện dùng chiến tranh với Mỹ Diệm để lấp liếm thất bại trong việc cải tạo và xây dựng xã hội, đồng thời nâng mức khủng bố để thực hiện chuyên chế. Trong vụ việc này, tôi nghĩ là: (1) tác nhân là hai thế lực, hai cách nhìn chiến lược thống nhất đất nước, thậm chí hai cách nhìn xây dựng XHCN, mà tôi tạm gọi cho gọn là *phe Xứ uỷ Bắc bộ* „cách mạng“ quá tả đối chọi với *ông Hồ và „học trò“* bị gán là „cải cách“ hữu khuynh. Đệ tam nhân ở sau bức màn sân khấu giật dây điều khiển một số yếu tố, vẫn chẳng khác được, là nước Trung Quốc vĩ đại sát nách Việt Nam. (2) Về phần các nhân vật vào vai nạn nhân, họ đều biết một phần kịch bản, nhưng quá „hồ hởi“ trước cái khả năng tự thích ứng của quyền lực chính trị vào xã hội của một chế độ toàn trị kiểu Stalin. Kể cả những trí thức học giả kiệt kiệt chứ không chỉ anh em văn nghệ sĩ tuổi chưa quá 30, họ không thể ngờ là những người „làm chính trị“ một cách nghề nghiệp chỉ đặt vấn đề trước mắt là „ai thắng ai“ và làm thế nào để thắng, ngay cả khi họ đấu tranh với nhau, bất chấp những hậu quả lâu dài có thể cả dân tộc phải gánh chịu.

Cho phép tôi nói qua về những nhà văn nhà thơ thuở ấy: họ là những người trẻ tuổi đi kháng chiến giành độc lập, thường đã được đào tạo qua văn hoá đậm tính nhân văn của Âu châu thế kỷ thứ 19, rất lãng mạn (ở cái nghĩa tư duy triết và mỹ học đi ngược niềm tin vào duy lý như một thứ tôn giáo mới), và nếu có biết chủ nghĩa cộng sản thì chỉ ở mức sơ đẳng, hoặc có hơn thì chút thực hành của lý thuyết Leninít về mặt tổ chức. Về phần các vị học giả, triết gia, trí thức có tham gia *Nhân văn*, tôi nghĩ họ thâm sâu tinh tuý hơn đám văn nghệ sĩ, nhưng tự bản chất, họ không phải là những người sinh ra đi tìm quyền lực trước mắt. Họ nhìn theo chiều dài, và chính vì thế, họ không thể thấy ngay những bất cập ngắn hạn. Như vậy, tất cả những người tham gia *Nhân văn-Giai phẩm* là một bầy cừu đối với những người có lẽ chẳng hơn gì họ về mặt nhận thức, nhưng kinh nghiệm thực dụng - nhất là chuyện chiếm và giữ quyền lực - thì hơn họ một trời một vực. Nhiều nhà quan sát và phê bình cho rằng những cá nhân như một Tố Hữu cảm hận vì phê bình nặng nề của đám văn nghệ sĩ trẻ với tập thơ *Việt Bắc*, hay một Nguyễn Đình Thi vừa cơ hội, vừa lí lấu kiếm danh... là yếu tố đáng kể trong việc gây ra oan sai *Nhân văn-Giai phẩm*. Điều đó hẳn có, nhưng không phải là những yếu tố quyết định. Ở thời điểm 56-58, họ chắc chắn nem nép trước những vị đàn anh lừng lẫy như Trường Chinh, Nguyễn Chí Thanh... và có dịp hẳn vẫn làm thơ chúc thọ Bác một cách hết sức chân thành.

Sau hiệp 1 và 2, trận đấu hiệp 3 có lẽ không còn gì dính đến *Nhân văn-Giai phẩm*, mặc dầu xuất phát điểm chung vẫn là công cuộc GPMN bằng võ trang. Ở hiệp 3, vấn đề có khác: chiến tranh “giải phóng” đã leo thang đến mức không xuống được nếu không tạo ra một tác động quyết định. Cuộc Tổng Công Kích và Nổi Dậy nhắm mục đích đó, và đối với những người không tin vào thắng lợi qua biện pháp quân sự thì đó là một phiêu lưu nguy hiểm^v. Vấn đề tam nhân là ông anh Trung Quốc sát nách, một yếu tố có tính định đoạt lên nội tình chính trị Việt Nam. Mãi sau này, trong hiệp 4 - Hậu Đồi mới - với các ông Lê Đức Anh - Đỗ Mười bảo thủ một bên, ông Võ Văn Kiệt và những đảng viên tiến bộ bên kia, hình như lịch sử tái diễn ngày nay không khác chút nào những cơn nổi da xáo thịt của Đảng từ 50 năm trước. Nhưng đấu tranh quyền lực thì đâu mà chẳng có trên chính trường. Nạn nhân, nhiều người chẳng hay biết hậu trường quyền lực, lắm khi chỉ là bung xung (proxy fight) mà phải đổ nước mắt ngậm đắng nuốt cay đắng hàng mấy chục năm trời. Mới đây: “... *Câu chuyện đã già nửa thế kỷ, cái gút văn học đã từ từ được tháo gỡ: các tác giả được khôi phục, được xuất bản tác phẩm, được giải thưởng. Trần Đức Thảo được giải thưởng Hồ Chí Minh từ 2000; đầu năm nay, Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt, Hoàng Cầm được Giải thưởng Nhà nước. Phải chăng là „vụ án” văn học đã được xếp lại? Thế sao trong tang lễ Nguyễn Hữu Đang mới đây, 10/2/2007, đại diện chính quyền, trong diếu văn còn nhắc lại „sai lầm Nhân văn-Giai phẩm”? Phải chăng là thành ngữ Nhân văn-Giai phẩm có nhiều nội hàm khác nhau?” Ông Đặng Tiến hỏi như thế là một câu đáng hỏi.*

Tôi mạo muội góp một trong những câu trả lời: nội hàm của từ kép *Nhân văn-Giai phẩm* là nước mắt. Và xin mượn Dương Tường câu: „Tôi đứng về phe nước mắt”. Đó là cách tôi viếng tang lễ ông Nguyễn Hữu Đang: ông sống khôn thác thiêng, lẽ nào đi chấp nhận chuyện trẻ con trong một bài diếu văn rõ là cần thêm ít nhiều văn hoá.

Phục sinh, 06-04-2007

Phụ chú:

a Chuyện truyền kỳ: Stalin chỉ hai cái ghế, bảo một là chỗ cho công-nông, còn lại cho giai cấp khác, rồi hỏi Hồ Chí Minh: ông chọn ghế nào?

b «Tài liệu do chính Đảng sau này khéo léo phổ biến khiến người dân có thể nghĩ rằng ông Hồ Chí Minh không cưỡng nổi áp lực của Stalin và Mao trong phương sách tiến hành những cải tạo xã hội kiểu XHCN giáo điều. Ngay 1953, Việt Nam ta đã phát động một chính sách điền địa bất chước kiểu Mao bên Cộng hoà Nhân dân Trung Quốc. Bắt đầu là 4 đợt Giảm tô giảm tức, rồi sau là 5 đợt Cải cách ruộng đất, chấm dứt vào 1956, tức 2 năm sau Genève. Song song với CCRĐ là phong trào Chính đồn tổ chức, tiến hành với sự chỉ đạo của các cố vấn Trung Quốc có kinh nghiệm là Lã Quý Ba về chính trị, Vi Quốc Thanh về quân sự và Kiều Hiểu Quang về CCRĐ. Rập khuôn Trung Quốc, ta cũng phải tìm cho bằng được 5% địa chủ cường hào, tịch thu của cải - gọi là *quả thực* - để phân phát cho bần nông. Nhất Đội nhì Trời. Và qui thành phần, đem đấu tố, rồi mang trước Toà án Nhân dân mà kết tội, nhẹ thì tù đầy cải tạo, nặng thì tử hình. Ai không chịu tham gia, tức có liên quan thành phần, và thế là cũng có tội, bị cách ly với quần chúng cách mạng, bị ruồng bỏ.” Trích Nam Dao, tập bút ký *Những con người, những bóng ma*, NXB Văn Mới, 2005, California in lại «Việt Nam, con người từ những bóng ma”, *Văn học*, 6-2005 và Talawas 4-2005.

c Tác giả *Vietnamese Communism*, Cornell University Press, 1982.

d Nam Dao, sđd.

e Nam Dao, sđd.

f Mặc dù là Đại đoàn trưởng một đoàn Cải cách, Vũ Đình Huỳnh đã cứu kịp Vương Thừa Vĩ! Đặng Kim Giang, Thiếu tướng, trách nhiệm hậu cần trong chiến dịch Điện Biên Phủ, cũng

thất sủng khi hoà bình lập lại. Lê Giản bị cách chức Thứ trưởng Bộ Nội vụ dưới áp lực của cố vấn Lã Quý Ba với lý do Lê Giản từng là thành viên của Việt Nam Quốc dân Đảng.

g Chuyện truyền kỳ: trong ăn bữa liên hoan chia tay sau hội nghị "đạt thắng lợi", ngồi giữa hai vị trưởng đoàn của hai Chính phủ miền Nam và miền Bắc Việt Nam, Chu Ân Lai hỏi ông miền Nam có đệ đơn xin vào Liên hiệp quốc không, và nếu có, Trung Quốc sẵn sàng ủng hộ. Ông miền Bắc, tức Phạm Văn Đồng, nghe mà chết sững...

h Philippe Devillier, *Saigon-Paris-Hanoi* (1944-1947), Galimard-Julliard, Paris, 1988.

i Tham khảo những số *Nhân văn* sưu tầm trên talawas.

j Đặng Tiến, bđd.

k Xem Lê Đạt, «Nói về Nhân văn-Giai phẩm», phỏng vấn do Thụy Khuê thực hiện, Hợp Lưu, 81, 2005, và Trần Dần, *Ghi 1954-1960*, td memoire, Paris 2001.

l Theo Nguyễn Ước (Ý kiến ngắn, Talawas, 8-04-2007), luật 10/59 có sau Nghị Quyết 15 của miền Bắc (xem phần dưới). Dẫu thế nào thì luật này cũng là một bước leo thang đáng kể, bạo liệt hơn NQ 15 khi đó vẫn còn ở thế giằng co giữa 2 cách nhìn ở miền Bắc.

m Trần Văn Trà, *Hoà bình hay chiến tranh*, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2003.

n Nguyễn Minh Cần, «Xin đừng quên, nửa thế kỷ trước: Vấy máu Cải cách ruộng đất», *Thông luận*, 01-2003.

o Nam Dao, sđd

p Vũ Thư Hiên, *Đêm giữa ban ngày*, chương 15, NXB Văn Nghệ, 1997

Câu chuyện Nhân Văn Hoàng Khởi Phong

Câu chuyện *Nhân văn* bắt đầu từ năm 1956, khi miền Bắc vì áp lực của Trung Cộng, mở phòng cuộc cách mạng xã hội ở Trung Quốc, ông Hồ Chí Minh tuyên bố cho mọi người, mọi nhà được lên tiếng qua khẩu hiệu: "Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh - Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng", thì một số người cầm bút ở miền Bắc gồm: Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh, Hữu Loan, Trần Dần, Phùng Quán, Văn Cao, Lê Đạt, Phùng Cung, Hoàng Cầm, Trần Lê Văn, Hoàng Tích Linh, Sĩ Ngọc... đã nhân cơ hội này tập hợp lại, dựng nên tờ báo *Nhân văn*, đồng một lúc nhà thơ Nguyễn Bính tập kết từ Nam ra Bắc một mình một chợ với tờ *Trăm hoa*.

Vào thời điểm đó việc chia đôi đất nước qua Hiệp định Genève vừa được chấn tròn hai năm, việc di cư của đồng bào miền Bắc vào Nam, cũng như đồng bào miền Nam ra tập kết ngoài Bắc vừa hoàn tất vốn vẹn một năm. Đoàn quân chiến thắng từ chiến khu Việt Bắc trở về tiếp thu Hà Nội, còn đang ngây ngất vì hào quang kháng chiến. Những người nhìn xa lo kiếm cho mình một chỗ ngồi, một chỗ dựa, một căn nhà... thì các văn nghệ sĩ vốn nhiều mơ ước, lại bị kiềm chế quá lâu trong guồng máy của chiến khu trong thời chiến, bây giờ qua lời tuyên bố "Trăm hoa đua nở" của ông Hồ, ai nấy đều thở ra một cái nhẹ nhõm. Những người làm văn nghệ có thể mơ hồ về tài năng của mình, nhưng họ cũng đủ tinh tế và nhạy cảm để nhìn thấy những điều diễn ra trước mắt, khi một sắc lệnh liên quan đến giới văn nghệ, được phổ biến vào ngày 15.12.1956. Thật ra những người cầm trịch cho guồng máy văn nghệ của nhà nước cũng chỉ phổ biến sắc lệnh này bằng miệng, trong một cuộc họp báo ở Phòng Thông tin tại phố Tràng Tiền. Sắc lệnh được ban hành bằng miệng này chỉ là nhắc lại một sắc lệnh đã được phổ biến bằng văn bản, vào tháng 10.1954, khi Hà Nội mới được tiếp thu sau 100 ngày ngổ cửa cho dân chúng di cư. Nội dung của sắc lệnh này bao gồm năm điểm:

- Không được chống chính phủ
- Không được xúi giục nhân dân và bộ đội làm loạn
- Không được nói xấu các nước bạn

- *Không được tiết lộ bí mật quân sự*
- *Không được đăng tải các bài vở phương hại đến thuần phong mỹ tục.*

Có một cái gì đó bất ổn trong nội dung năm điểm cấm này, đó là chưa kể tới điều cấm thứ ba không được nói xấu nước bạn" đầy khôi hài, mà lại có nhiều chất nô lệ cũng như phụ thuộc vào những nước nào được gọi là bạn.

Thành thử trước lời tuyên bố "Trăm hoa đua nở" của ông Hồ, những người làm văn nghệ đã từng nằm gai nếm mật trong chiến khu Việt Bắc hiểu được một điều, mà chính cụ Phan Khôi đã thú nhận: văn nghệ cam chịu phục vụ cho chính trị. Điều mà nhóm *Nhân văn* cũng như *Trăm hoa* của Nguyễn Bính nhắm tới là mong mỗi chính trị đừng có xen vào chuyên môn của văn nghệ. Câu chuyện *Nhân văn* ban đầu khởi đi chỉ giản dị như thế.

Như vậy *Nhân văn*, "Người và Việc" đã khởi đi từ năm 1956, cho tới nay hơn nửa thế kỷ đã qua đi. Việc thì mỗi ngày mỗi đẻ thêm ra, đến độ không một ai có thể kiểm kê được có bao nhiêu sự kiện đã xảy ra liên quan tới hai chữ *Nhân văn*? Có bao nhiêu cuốn sách, có bao nhiêu bài viết, có bao nhiêu văn thư, có bao nhiêu chỉ thị bằng chữ và bằng miệng, chĩa mũi dùi vào các thành viên của *Nhân văn*. Còn Người nói chung có hai loại: một là người của chế độ, và loại Người còn lại là những Người hình thành nên nhóm *Nhân văn*. Người của chế độ thì cứ lớp này văn tuồng, lớp khác tiến ra. Người người lớp lớp tiến lên như tên một tác phẩm của Trần Dần, trong khi đó đạo quân *Nhân văn* vồn vện không đầy một trung đội. Qua nửa thế kỷ hiện nay chỉ còn lại vài ba người, mà trong đó Nguyễn Hữu Đang chỉ mới nằm xuống chưa đầy hai tuần lễ, thì Lê Đạt và Hoàng Cầm trong một cuộc phỏng vấn dành cho báo điện tử của nhà nước là *VietNamNet*, nhân dịp hai nhà thơ và nhà văn này được trao tặng giải thưởng nhà nước đã cho biết: "... Đây là một cử chỉ đẹp, cho dù đã muộn. Nhưng muộn còn hơn không..."

Trước đó, ông Đỗ Chu, một thành viên của hội đồng giải thưởng chuyên ngành văn học, đã phát biểu: "... Có thể đây là lời xin lỗi của nhà nước đối với các anh..."

Ông Đỗ Chu quả là kiệm lời, không nói *lỗi* đó là cái gì, và vì sao mà năm 1988, nghĩa là sau hơn ba chục năm bị trừ dập đến độ sống không sống được, chết chẳng chết cho, những người liên quan tới *Nhân văn* đã được phục hồi hội tịch Hội Nhà văn, mặc dù sự phục hồi này theo những người am tường cho biết thì cũng chỉ phục hồi một nửa. Nghĩa là không có văn bản nào xác nhận đã được xoá bỏ các biện pháp kỷ luật, chỉ ngầm cho một số người được vào lại biên chế của nhà nước, với số lượng khiêm tốn. Năm 1988 nhiều người trong vụ *Nhân văn* còn sống, những tên tuổi làm nên *Nhân văn* ngoại trừ Phan Khôi đã mất trước đó nhiều năm, nhưng Văn Cao, Phùng Quán, Trần Dần, Phùng Cung, Nguyễn Hữu Đang... mặc dù sống như những con ma trôi ngay giữa ban ngày, nhưng vẫn còn hiện diện giữa phố phường Hà Nội. Thế rồi mãi 19 năm sau nữa, năm 2007 mới có giải thưởng của nhà nước dành cho những đóng góp văn học của Hoàng Cầm và Lê Đạt.

Phải chăng nhà nước muốn làm hơn thế nữa, muốn tặng cho nhiều người xứng đáng hơn trong vai trò chủ chốt của nhóm *Nhân văn*, nhưng đã vấp phải những cái lưng thật thẳng, những tảng đá hết sức kiên trì như Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan, Phùng Quán... nên vì đó mà mọi việc còn phải chờ cho tới khi những tảng đá kiên trì này đã lăn hết dốc đời. Phải chăng những cái lưng thật thẳng đó đòi hỏi mọi việc phải được minh bạch, như những câu thơ của Phùng Quán, trong bài thơ "Lời mệ dặn":

*"... Yêu ai cứ bảo rằng yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét...
Tôi muốn làm nhà văn chân thật
Chân thật trọn đời*

*Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giạt đi
Tôi sẽ dùng dao khắc văn trên đá".*

Là một học sinh khá xuất sắc của ban Toán, cái duyên văn tự đến với tôi vào mùa hè năm 1959. Năm đó tôi học đệ tam không phải thi cử, mà lại con nhà nghèo không có phương tiện để đi chơi đây đó. Thú vui duy nhất của tôi trong mùa hè này là coi cạp đá banh, và lên nhà anh cả tôi đọc sách. Lần đầu tiên đến với chữ nghĩa, tôi không hiểu may hay rủi có hai cuốn sách đeo theo tôi suốt đời là cuốn *Giờ thứ 25* của nhà văn Rumania Constant Virgin Gheorghiu, và cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* của học giả Hoàng Văn Chí. Dù bất cứ thời gian nào, bất cứ ở đâu nếu tôi có một cái kệ để sách, thì trên cái kệ có hai cuốn sách này, và tôi thường lấy ra đọc lại trong những lúc bị đời bầm dập. Khi đọc hai cuốn sách này lần đầu, tôi là một học sinh mới 16 tuổi, chưa đủ trí khôn để cảm nhận đầy đủ giá trị văn học của cả hai tác phẩm, song trong lòng tôi là những cơn chấn động mạnh. Có lẽ cái duyên văn tự đến với tôi không phải là những tác phẩm thuần túy văn học, nên vì đó mà đời văn của tôi cũng trải qua, và trả giá khá nhiều cho những suy nghĩ mà tôi bắt được từ trong thơ của Phùng Quán, từ thái độ sống của Trần Dần. Trọn thời trai tráng của tôi, những bài thơ đầu đời được làm rải rác đó đây trên chặng đường quân ngũ, tôi noi dấu theo vết bánh xe mà Trần Dần, Phùng Quán đã từng đi qua.

Với tôi Trần Dần, Phùng Quán là hai cây bút tiêu biểu mà tôi nghĩ: trong một chế độ như miền Bắc, nếu không sản xuất được những nhà văn như nhóm *Nhân văn*, thì số phận của dân chúng ở ngoài đó còn nhiều phần cay đắng hơn. Thỉnh thoảng trong những lúc nhàn rỗi việc quân, nghĩ về văn chương và chữ nghĩa, tôi nghiệm ra một điều: mặc dù là một sĩ quan của miền Nam, đang tập tễnh cầm bút, tôi gần gũi với các tác giả trong *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* hơn là phần đông các tác giả của miền Nam. Thật ra tôi cũng chẳng có nhiều tác phẩm của họ để đọc, chỉ thấy rằng những người của *Nhân văn* dường như đã đứng ở thế bồi thủy, tựa lưng vào bờ sông để hành sử tư cách nhà văn của mình, mà trước mặt là cả một đạo quân của guồng máy cai trị đang âm ỉ xóc tới. Cũng trong lúc đó thì ở miền Nam, có thật nhiều người cầm bút rất nổi tiếng, khi cầm bút chỉ mong làm vui lòng các độc giả, viết những cuốn sách bán chạy vì đáp ứng đúng thị hiếu của người đọc, hơn là nghĩ đến một tác phẩm có thể sống lâu được với thời gian. Thế rồi đời sống cứ trôi đi, chiến tranh cứ lớn mạnh. Cho tới một đêm cuối tháng Tư năm 75, tôi leo lên con tàu HQ8 của Hải quân Quân lực Việt Nam Cộng hòa, hành lý vồn vẹn có một bộ quần áo trên người, một bộ trong túi xách tay cùng một cuốn sách duy nhất là cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, và trong túi vồn vẹn có 20 đô la, do mẹ tôi đã vét hết tiền nhà đổi được cho tôi dần túi mang đi. Cho dù phải sống xa quê hương, tôi vẫn tin rằng một chế độ có bạo tàn tới đâu chẳng nữa, nhưng nếu còn sản xuất được những người cầm bút như Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Phùng Quán... thì tôi vẫn có quyền hy vọng một ngày nào đó tôi sẽ quay về. Thành thử ngoài hành trang gọn nhẹ tôi đã viết ở trên, món hành trang nặng nhất mà tôi mang đi, chính là lòng cảm phục những người đã dựng nên tờ *Nhân văn*.

Năm 1995 Phùng Quán mất, trong tay tôi vồn vẹn chỉ có một cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, một cuốn *Trăng hoàng cung* của Phùng Quán, nhưng được in ở hải ngoại (mà tôi nghĩ đây là một tác phẩm không lấy gì làm hay lắm), một bài viết của Phùng Quán về Đoàn Phú Tứ trong số *Xuân Văn Học* 1995, và một vài bài báo liên quan tới Phùng Quán. Chỉ với một ít tư liệu nhỏ nhoi đó, tôi đã mất mười giờ liền để hoàn tất bài viết "Một vì sao *Nhân văn* vừa tắt". Sau khi bài viết được đăng tải trên tờ *Hợp Lưu*, tôi nhận được thư của bà Vũ Bội Trâm,

cám ơn về những tình cảm đặc biệt mà tôi đã dành cho chồng bà.

Sau khi Phùng Quán mất, chẳng bao lâu sau là Văn Cao, kế đó là Trần Dần, và chỉ một thời gian ngắn sau khi Trần Dần nằm xuống, nhà xuất bản *Văn nghệ* ở Cali cho phát hành cuốn nhật ký *Ghi* của ông. Nói cho đúng cuốn sách có thể chỉ gồm ghi chú ngắn, về "Người và Việc" đã xảy ra giữa những người cầm trịch chính trị và văn nghệ ở ngoài Bắc, với những Người trong nhóm *Nhân văn*. Những trang nhật ký của Trần Dần đã được gia đình chuyển ra ngoại quốc, và được nhà văn Phạm Thị Hoài biên tập.

Vốn trong lòng lúc nào cũng tâm phục với những người của *Nhân văn*, cuốn *Ghi* đến với tôi như là một liều thuốc quá mạnh, với đầy đủ những vị cay, đắng, chua, chát, mặn. Vị nào cũng quá đỗi, đến độ tôi vốn là người đọc sách nhanh, mà không thể nào đọc nổi cỡ hai chục trang một lần. Cứ đọc độ mười trang, tôi lại phải ngừng lại, ngẫm nghĩ, mường tượng ra những sự việc và những cảnh đời, những con người mà Trần Dần đã ghi lại. Cảm giác của tôi khi đọc được nửa cuốn *Ghi*, hết như một thanh niên mới lớn bị tinh phụ. Ngoại trừ Hữu Loan đã bỏ về quê đi thò xe, Nguyễn Hữu Đang bị bỏ tù, những người còn lại chỉ bị kỷ luật. Có nghĩa là chỉ bị kiểm thảo, đuổi ra khỏi hội nhà văn, rút biên chế, cưỡng bách lao động, học tập, chỉ định nơi cư trú... Chẳng lẽ những tính danh mà có một thời tôi đã coi như là chỉ dấu cho đời văn của mình, những Trần Dần, Phùng Quán, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Cung... lại có lúc cư xử với nhau tệ hại như thế sao?

Để nuốt cho được chén thuốc quá đắng này, tôi viết một bài ngắn đăng tải trên tờ *Việt Tide*, và cho rằng đó chỉ là những ghi chú nhỏ, như những nguyên liệu thô, mà chỉ có chính người ghi lại là Trần Dần mới có thể biết rõ cách sử dụng các nguyên liệu thô này như thế nào, để từ một đồng ghi chú bầy nhầy đó trở thành một tập tài liệu, hay một tác phẩm. Trước khi Phùng Quán mất chừng hai năm, một thân hữu của tôi về thăm quê hương, khi trở ra anh mời một số bằng hữu đến ăn một bữa cơm thân mật tại nhà, chỉ cốt khoe anh có giao tình với Văn Cao, là em kết nghĩa của Hoàng Cầm. Anh lục lọi mang ra một cuốn băng video, trong đó có cảnh Hoàng Cầm "hét thơ", anh mang ra những bản photo copy các bài thơ của Hoàng Cầm và của Văn Cao, với những lời đề tặng cực kỳ thân ái. Những thước phim cho tôi thấy có một cái gì đó đầy kịch tính, bởi vì những lời đề tặng cực kỳ thân ái đó được dùng cho bất kỳ ai đến thăm, như một sản phẩm được trao đổi giữa người viết và người đọc, mà chế độ cai trị không cho phép những người viết này được in ấn, xuất bản nên không có sách được bày bán trong các tiệm sách.

Sau khi Phùng Quán mất độ vài năm, tôi qua Âu châu lần đầu. Thăm Thế Giang ở Đức, chia với Thế Giang một số câu chuyện liên quan tới Trần Dần, ghé Pháp thăm vợ chồng Trần Vũ, để được nghe người ta bàn ra, tán vào về cách ứng xử của nhà thơ Lê Đạt, một nhân vật trong nhóm *Nhân văn*, được nhà nước cho sang Pháp chơi, cư ngụ tại nhà chị Thụy Khuê, một thân hữu của tạp chí *Văn học*. Thành thử trước khi chính thức uống chén thuốc *Ghi* quá đắng của Trần Dần, tôi đã được ném khai vị một số câu chuyện của vị của một nhân vật *Nhân văn* mà tôi đã hằng tâm phục thời trai trẻ.

Chỉ biết rằng theo những câu chuyện mà tôi nghe được, trong thời gian Lê Đạt ở Paris, lúc nào ông cũng ăn mặc như một tu sĩ tại gia, suốt ngày nằm ở trong phòng riêng. Mỗi khi có khách tới viếng, gia chủ phải vào thỉnh ra phòng khách. Đó là chưa kể gia chủ mỗi buổi sáng trước khi đi làm, đã tề nhị để lại một số tiền trên bàn ăn, để đề phòng khách có đi đâu chơi thì có sẵn tiền xe. Suốt một tháng trời ở Paris, hình như Lê Đạt ít khi ra ngoài, và mỗi khi ra ngoài thì đã có người đưa kẻ đón, thế nhưng tiền xe thì mỗi ngày vẫn cứ nhận. Chắc có lẽ nhà thơ cho rằng với những năm tháng bị đầy đọa vì vụ *Nhân văn*, người hải ngoại có bổn phận chiều đãi, đền bù và ông có quyền thụ nhận những gì người ta dâng cúng. Ở nước Mỹ

cũng có nhiều người vẫn đinh ninh rằng những năm tháng bị cầm tù trong các trại tù cải tạo, là một thứ quyền bất khả tư nghị, và những người đi trước phải có nghĩa vụ nào đó, trách nhiệm nào đó để đền đáp cho những năm tháng bị đoạ đầy này.

Khi viết những dòng chữ này, một lần nữa tôi đọc lại cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, đọc thêm cuốn *Ba phút sự thật* của Phùng Quán mà tôi mới mua trong chuyến về thăm nhà mới đây, tất nhiên tôi cũng đọc lại cuốn *Ghi* của Trần Dần, nhưng cuốn này tôi chỉ đọc nhảy cóc mà thôi. Tôi vẫn giữ đầy đủ lòng kính trọng những người đã làm nên *Nhân văn*, nhưng chen vào đó là lòng thương cảm vô bờ bến. Lần đầu đọc cuốn *Ghi* tôi bị "sốc", nhưng nhiều năm đã qua đi, cái chết của các ông Nguyễn Hữu Đang, của Đoàn Phú Tứ, của Văn Cao, Phùng Quán, Trần Dần, Phùng Cung... và đời sống của những nhân vật này trong những năm bị sao chổi quét trên đầu, đã khiến cho tôi thấy chén thuốc *Ghi* coi vạy mà rồi tôi cũng nuốt được.

Bản tin được phổ biến trên nhiều báo trong nước cũng như hải ngoại cho tôi biết: bốn tác giả Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán và Trần Dần được nhận Giải thưởng Nhà nước. Trong số bốn người được nhận giải này có hai người đã nằm xuống là Phùng Quán và Trần Dần, thành thử hai người này không có cơ hội để trả lời cho tờ báo điện tử *VietNamNet*. Nhưng nếu Trần Dần và Phùng Quán còn hiện diện trên đời, tôi tin cả hai sẽ làm nhà nước không mấy hài lòng. Hai người còn sống là Hoàng Cầm và Lê Đạt thì mau mắn trả lời sẽ nhận giải thưởng trị giá 60 triệu đồng Việt Nam này.

Trong bản tin của tờ *Việt Tide*, tôi nhìn thấy ảnh Lê Đạt và Hoàng Cầm tươi cười hả hê. Nếu không được coi cuốn video Hoàng Cầm "hét thơ" mà một thân hữu của tôi, một bác sĩ và là em kết nghĩa của Hoàng Cầm đem qua Mỹ cho coi vào đầu thập niên 90, nếu không được nghe những chuyện kể về một nhà thơ *Nhân văn* qua thăm bên Pháp, chắc là trong hai lần ghé Hà Nội vào năm 2005 và 2006 để đi một vòng Bắc Việt, tôi đã có dịp gặp gỡ Hoàng Cầm và Lê Đạt. Ít nhất trong hai lần về Hà Nội này, trong hai lần ghé thăm để thấp hương trên bàn thờ Phùng Quán, tôi đã được gợi ý gặp gỡ Hoàng Cầm và Lê Đạt, nhưng không hiểu sao tôi ngần ngại rồi quả quyết quay về.

Có lẽ dư âm của cuốn *Ghi*, của những thước phim Hoàng Cầm "hét thơ", và cách hành xử của Lê Đạt ở Paris là những ấn tượng quá mạnh, khiến tôi nghĩ mình nên đứng lại ở một khoảng cách đủ xa, để chiêm ngưỡng các nhân vật này, như tôi đã từng chiêm ngưỡng họ trong thời gian tôi còn ở quân đội. Thái độ mau mắn trả lời "nhận" giải thưởng nhà nước của Hoàng Cầm và Lê Đạt, khiến cho tôi nghĩ nên ghi lại những những gì tôi đã đọc về cái "sống" và cái "chết" của những nhân vật đã tạo nên biến cố *Nhân văn*, trước khi có một vài suy nghĩ liên quan tới việc "nhận" hay "không nhận" một giải thưởng được nhà nước trao quá muộn màng sau hơn nửa thế kỷ.

Vì không phải là một bài khảo cứu, tôi chỉ ghi tóm tắt về cuộc đời và cái chết của một vài nhân vật tiêu biểu cho nhóm *Nhân văn* gồm: Phan Khôi, Phùng Quán, Văn Cao, Trần Dần, Nguyễn Hữu Đang và một nhân vật còn sống là nhà thơ Hữu Loan. Ngoài ra trong bài viết này, tôi chỉ nêu lên một vài chi tiết nhỏ liên quan tới các tác phẩm của những nhân vật này, bởi vì toàn bộ các sáng tác của nhóm *Nhân văn* đã được đăng tải và lưu trữ ở rất nhiều nơi.

*

Người nằm xuống sớm nhất của nhóm *Nhân văn* là cụ Phan Khôi. Ông cũng là đại diện duy nhất của phe cựu học, nguyên là một cậu Tú nho học, sinh năm 1887, và là một nhân vật nổi bật trong buổi giao thời giữa hai nền văn chương Hán Nôm và văn chương Quốc ngữ. Năm 1907 cụ Phan ra Hà Nội, tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục với cụ Lương Văn Can.

Trong *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* của học giả Hoàng Văn Chí xuất bản năm 1959 ở miền Nam, và mới đây trong tác phẩm *Nhớ cha tôi* của bà Phan Thị Mỹ Khanh xuất bản ở Đà Nẵng năm 2001, người đọc biết được một điều cụ Phan là một nhà nho yêu nước, nhưng cụ chẳng những không thích mà còn ghét cộng sản, mặc dù con trai cụ là Phan Thao, là một cán bộ cao cấp của cộng sản trong Ủy ban Trung bộ. Theo Hoàng Văn Chí, cụ lớn tiếng đã kích đường lối sắt máu của cộng sản thi hành ở Quảng Nam quê cụ, khi Việt Minh cướp chính quyền ở đây vào năm 1945. Để dàn xếp cho cụ, đích thân Hồ Chí Minh đã viết thư mời cụ ra Hà Nội hợp tác, nhưng kỳ thực là giao cụ cho Phan Bội là em thúc bá của cụ, và là Trung ương Ủy viên Thứ trưởng Bộ Nội vụ phụ trách quản thúc.

Trong một bài viết được đăng tải trong cuốn *Nhớ cha tôi*, Thiếu Sơn, một nhân vật sau cụ Phan chừng mười tuổi cho biết: "*Ông (Phan Khôi) có một người con là Phan Thao. Con là một cán bộ ở cấp bậc cao. Cha thì ghét cộng sản. Chồng cộng nhưng cũng khăng khai, không thần phục thực dân, không chịu mang tiếng theo giặc. Hai cha con cãi nhau kịch liệt, rồi con không thuyết phục được cha. Nó nói: "Chồng cộng là quyền của cha, nhưng đây là toàn dân kháng chiến. Không lý cha có thể đặt mình dưới sự kiểm soát của giặc".*

Theo học giả Hoàng Văn Chí, cụ Phan Khôi có mặt trong vùng kháng chiến vì hoàn cảnh ép buộc, do đó người ta không lấy làm lạ ngay trong thời kháng chiến cụ đã có những bài thơ ngắn bày tỏ ý kiến của mình, dùng tài văn của mình để viết một câu chuyện trong đó cụ gọi một loại cây mà người Bắc gọi là "cây cứt lợn" còn trong Nam gọi là "cây chó đẻ" là "cỏ cộng sản". Để rồi từ "cỏ cộng sản" cụ viết là cụ đã gặp một ông già người Thổ, gọi cái cây này là "cỏ cụ Hồ". Ông già người Thổ đó cho biết: Từ ngày cụ Hồ về lãnh đạo cách mạng, thấy cỏ này mọc rất nhiều, nên người dân địa phương gọi là "cỏ cụ Hồ", vì thứ cỏ này xuất hiện cùng một lúc với cụ Hồ thì gọi là "cỏ cụ Hồ".

Cụ Phan là một cây bút lý luận trụ cột của *Nhân văn-Giai phẩm*, mà trong đó bài viết đáng kể nhất là "Phê bình lãnh đạo văn nghệ", truyện ngắn "Ông Năm Chuột", "Ông bình vôi", cùng một số thơ. Năm 70 tuổi cụ làm một bài thơ tự trào, trong đó có hai câu:

*...Lên bảy mươi rồi mẹ nó ơi
Thọ ta, ta chúc lọ phiến ai...*

Bài thơ này tuy không xuất bản, nhưng đã được Nguyễn Công Hoan làm một bài thơ họa lại như sau:

*Nhấn bảo Phan Khôi khốn kiếp ơi
Thọ mi, mi chúc chó hòng ai
Văn chương! Dù mẹ thằng cha bạc
Tiết tháo! Tiên sư cái mẽ ngoài
Lô-dịch, trước cam làm kiếp chó
Nhân văn, nay lại hít gì voi
Sống dai thêm tuổi, cho thêm nhục
Thêm nhục cơm trời, chẳng thấy gai.*

Chỉ cần đọc bài thơ này, đủ hiểu đời sống của cụ Phan Khôi như thế nào, sau khi chế độ ra tay đàn áp nhóm *Nhân văn*. Cụ vẫn còn may mắn hơn nhiều người trong nhóm, vì chế độ nể mặt Phan Bội và Phan Thao là hai cán bộ cao cấp, bản án dành cho cụ Phan Khôi tương đối nhẹ. Cụ không phải chịu đựng những trừng phạt thể xác như Trần Dần, Phùng Quán, Phùng Cung... mà chỉ bị quản thúc tại gia. Cụ mất năm 1959, nghĩa là chỉ ba năm sau khi vụ *Nhân văn-Giai phẩm* ra đời. Những người của Hà Nội thời đó cho biết: trong đám tang của cụ chỉ có lèo tèo vài người thân trong nhà, đẩy một chiếc xe như xe bò chở quan tài cụ ra nghĩa địa. Không có một vòng hoa, không có một lời ai điếu. Đó là chưa nói tới có một hai người

con, vì e ngại cho tiền đồ của mình mà không dám đưa tang bố.

*

Năm 1995 Phùng Quán mất vì căn bệnh ung thư. Trong *Nhân văn* ông là người lính xung kích trẻ tuổi nhất, nhưng lại là người nhanh chân nhất biến khỏi cuộc đời vào năm 62 tuổi. Vào thời điểm này nước Việt đã mở cửa về kinh tế, và cởi trói cho văn nghệ được vài năm, rồi lại trói lại. Khi mở cửa và cởi trói thì có những lời tuyên bố được rêu rao trên toàn bộ các hệ thống báo chí, truyền thanh và truyền hình. Nhưng khi trói lại thì chỉ là những văn thư nội bộ, các biện pháp kỷ luật hành chánh, hay âm thầm tịch thu sách, báo. Tuy nhiên lời tuyên bố cởi trói cho văn nghệ của ông Nguyễn Văn Linh đã ảnh hưởng phần nào tới quyết định phục hồi hội tịch Hội Nhà văn cho các nhân vật trong nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* vào năm 1988. Tuy được phục hồi hội tịch, chỉ có nghĩa là từ nay Phùng Quán được viết bằng bút hiệu của mình, không phải viết văn chui như trước. Ngay sau khi được thả lỏng, Phùng Quán như một con chim muốn bay vút lên không trung, ông thường xuyên đi đó đây. Khi thì về Thái Bình thăm Nguyễn Hữu Đang, lúc thì về thăm Hữu Loan ở Thanh Hoá, rồi về quê nội ở Huế, rồi vào Đà Lạt chơi với nhóm Bùi Minh Quốc, Hà Sĩ Phu và những chuyến đi này có khi kéo dài cả hai ba tháng trời. Thời gian này ông hít lấy cái không khí tự do cho no buồng phổi, tạm quên việc xuất bản sách cho chính mình, ngoại trừ một số nhà xuất bản tự tìm tới với Phùng Quán để in những tác phẩm của ông, còn chính ông thì để tâm thiết tha vào việc khác. Nên vì vậy mà mọi chi tiêu trong đời sống hằng ngày của gia đình Phùng Quán, vẫn hoàn toàn nằm trong số lương giáo viên cấp 3 ít ỏi của bà vợ.

Khi Phùng Quán mất, mặc dù giới văn nghệ đã bị trói lại, song ảnh hưởng của việc cởi trói còn mạnh, nên đám tang ông được hàng ngàn người yêu thơ ông, cũng như các bạn văn, bạn chiến đấu, bạn câu cá trộm đã đưa ông đến nơi an nghỉ cuối cùng, không đến nỗi hắt hiu như đám ma cụ Phan Khôi hơn hai chục năm trước, khi việc đàn áp *Nhân văn* còn đang bùng bùng sát khí. Như vậy trong suốt 32 năm từ 1956 tới 1988, bị ra khỏi biên chế nhà nước, thoạt đầu là lao động cải tạo tại những công, nông trường rải rác trên lãnh thổ miền Bắc, Phùng Quán còn được lãnh một số tiền phụ cấp hằng tháng không bao giờ đủ dùng cho bản thân mình. Vài năm sau, Phùng Quán là người hoàn toàn không có một công ăn việc làm nào. Cuộc đời Phùng Quán từ sau cải tạo lao động cho đến khi được phục hồi hội tịch hội nhà văn, đã được ông tự tả bằng sáu chữ: "*Rượu chịu - cá trộm - văn chui*", có nghĩa là ông thường xuyên uống rượu mua chịu của những người quen, ông là tay câu cá trộm chuyên nghiệp ở các hồ nuôi cá quốc doanh như ở Hồ Tây, Hồ Bảy Mẫu, Hồ Hạ-le. Về lao động trí óc, ông viết văn chui dưới rất nhiều bút hiệu ma. Thậm chí có những người chưa bao giờ cầm bút viết một câu văn, nhưng nhờ cho mượn tên mà giờ đây tự nhiên có tác phẩm. Rồi đời sống trôi đi, vài người trong số này đã quên bằng việc cho Phùng Quán mượn tên, và tưởng chừng rằng chính mình đã viết nên một cuốn sách, rồi ra vào khệnh khạng in hết một nhà văn thực thụ.

Ông thú nhận đã câu trộm tới bốn tấn cá, để nuôi mình, bán để phụ tiền mua gạo, cải thiện bữa ăn cho vợ con, và phụ thêm thức ăn với một bà mẹ nuôi. Tưởng cũng nên nhắc lại ông lập gia đình với bà Vũ Bội Trâm, một giáo viên cấp ba của trường trung học Chu Văn An Hà Nội, nhưng vì hoàn cảnh mà bà vợ vẫn ở với gia đình, trong khi đó ông ăn ở tại nhà bà mẹ nuôi. Dù đã có với nhau hai mặt con, ông vẫn cứ phải ăn, ở với bà mẹ nuôi hàng chục năm trời, và chỉ được sống chung dưới một mái nhà với vợ con một thời gian không quá mười năm trước khi qua đời.

Phùng Quán cũng thú nhận về "văn chui", ông đã viết lời cho mấy chục cuốn truyện bằng tranh cho nhà xuất bản Kim Đồng, dưới những bút hiệu ma do nhà xuất bản tự ý đề tên. Có lần ông đã mượn đại cả tên Thanh Tịnh để dưới các quyển truyện bằng tranh này, khi truyện

in xong, ông mang đến biểu Thanh Tịnh, và được nghe Thanh Tịnh nói một câu chí tình: "Anh đã chẳng có gì để giúp cho em, thì cho em mượn một cái tên".

Sau Phùng Quán một thời gian không lâu, đến lượt Văn Cao trở về với lòng đất. Nếu như Phùng Quán đến với *Nhân văn* như một tay xung kích trẻ, cả trong văn giới cũng như đời thường, thì Văn Cao là một tên tuổi chói lọi trong vòm trời văn nghệ. Ông là tác giả bài "Tiến quân ca" tức là quốc ca của miền Bắc. Đó là chưa kể những bản nhạc lừng danh khác như "Trường ca sông Lô", "Tình ca trung du", "Không quân Việt Nam", "Hải quân Việt Nam" và một số ca khúc hàng đầu trong thời kỳ phôi thai của âm nhạc Việt Nam như "Thiên thai", "Suối mơ", "Buồn tàn thu", "Khối tình Trương Chi", mà những bản nhạc sau của ông không được trình diễn ở miền Bắc, vì bị quy là sản phẩm của tiểu tư sản, lãng mạn, uỷ mị không phù hợp với không khí của thời chiến và của đường lối sáng tác xã hội chủ nghĩa.

Văn Cao đã từng ở trong Ban Âm sát Thành, đã từng cầm súng giết người, nghĩa là không phải là một người làm văn nghệ bình thường mà là người cách mạng đầy sắt máu nếu cần. Trước khi tham gia *Nhân văn-Giai phẩm*, Văn Cao đã từng được cho đi tham quan Mạc Tư Khoa, và từ đó người ta nghe được những ý tưởng thất vọng của ông về thiên đường xã hội chủ nghĩa. Không một ai phủ nhận được vị trí chói lọi của Văn Cao trong âm nhạc, nên khi ông hoà mình vào nhóm *Nhân văn*, ảnh hưởng của ông với quần chúng thường ngoạn rộng lớn hơn nhiều. Trong mấy số báo ngắn ngủi của *Nhân văn*, ông đã đóng góp chỉ hai bài thơ "Anh có nghe không" và "Những ngày báo hiệu mùa xuân". Khác hẳn với lời ca trong các bản nhạc khi thì hào hùng, đầy tình tự dân tộc, tràn trề sức sống vươn cao trong các bản nhạc được cho phép hát. Hay là những hình ảnh lãng mạn, trữ tình của những bản nhạc không ai cấm, nhưng không một ai muốn trình diễn. Giọng thơ của Văn Cao giờ đây u uất gói gắm những bão táp ẩn trong lòng ông, và trong lòng người.

Vì ảnh hưởng của Văn Cao quá lớn trong quần chúng, nên việc trừng phạt ông tương đối nhẹ hơn. Ông bị đình chỉ công tác trong ngành nhạc, bị đưa đi thực tế lao động một thời gian như là một lời cảnh cáo, rồi sau đó được tha về Hà Nội. Từ đó cho tới năm 1975 ông không hề viết một bản nhạc nào, ông nhận trình bày bì bìa cho tờ *Văn nghệ*, như là một công việc để kiếm cơm. Năm 1976, sau đúng hai chục năm im lặng, ông viết một bản nhạc đầu tiên, được đăng trên một tờ báo ở trong nước, nhưng ngay lập tức tờ báo bị tịch thu, và không một ai được nghe bản nhạc này cho tới năm 1995, tức là gần hai chục năm sau, không khí chính trị đã bớt ngộp, mới được trình diễn trước công chúng. Đó là bản nhạc "Mùa xuân đầu tiên".

Sau hơn hai chục năm không soạn nhạc, bài hát này có thể không hay bằng những sáng tác trước kia của Văn Cao, nhưng đó là một bài ca thức tỉnh lòng người. Khi mà cả nước vào trong thời điểm đầu sau 75, toàn bộ những người sáng tác văn, thơ, nhạc, kịch của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngoác miệng ra kêu gào chiến thắng, ca tụng chiến thắng. Không thiếu gì những truyện ngắn, truyện dài, thơ được viết bởi trí tưởng tượng nghèo nàn, lại thiếu học vấn với những chiến công thật và giả, như là những truyện khoa học giả tưởng, mà nếu dùng phân tâm học để phân tích các truyện ngắn này, người ta còn thấy đó là sản phẩm của những đầu óc bệnh hoạn. Chỉ riêng mình Văn Cao viết về hoà bình bằng những lời ca man mác u hoài và đầy nước mắt: "... Từ đây người biết thương người, từ đây người biết yêu người... Giọt nước mắt trên vai anh, giọt nước mắt trên vai em - Mùa xuân êm ấm ấy chưa có về đâu, gà gáy trưa bên ven sông... Từ đây người biết quê hương...".

Lời ca của Văn Cao trong bài hát này vào những năm 77 ấy quả là lạc điệu, và người ta cảm phổ biến. Lời ca như những cái gai nhọn đâm vào mắt những người ngồi trên chót vót của quyền uy, lời ca như cảnh tỉnh những người đang trong cơn lên đồng vì say men chiến thắng, nhưng nó chính là tiếng lòng của toàn dân. Từ năm 77 cho đến khi ông mất, Văn Cao

không hề viết thêm một nốt nhạc nào, một dòng thơ nào. Ông uống rượu nhiều, nên hình ảnh ông mà tôi thấy trên một cuốn video dành riêng cho nhạc của ông, bên cạnh những ca sĩ măng tươi mơn mớn và là những giọng ca hàng đầu của thời điểm đó như Ánh Tuyết, Hồng Nhung, Văn Cao là một ông già rúm ró đến thảm hại. Mặc dù suốt đời tôi chưa bao giờ được nhìn thấy Văn Cao bằng xương bằng thịt, nhưng tự đáy thâm tâm tôi cảm thấy gần gũi với ông hơn nhạc sĩ Phạm Duy, người chỉ trú ngụ cách tôi một hai bloc đường, và một năm đôi lần tôi gặp mặt trong những dịp sinh hoạt của tờ báo *Người Việt*. Tôi phải ghi chú ở đây một điều: Nếu so sánh những gì Phạm Duy và Văn Cao để lại cho đời, thì gia tài của Phạm Duy đồ sộ hơn, nhưng thái độ khệnh khạng kẻ cả của Phạm Duy đã đẩy tôi lùi xa ông ra. Về tài hoa thì chưa chắc ai hơn ai, nhưng Phạm Duy thì may mắn đủ điều so với Văn Cao.

Đám tang của Văn Cao được thu hình để cho vào cuốn video thứ hai của ông, mà ở đó tôi thấy những bài điệu văn bày tỏ lòng xót thương của loài cá sấu. Nào có hề chi, khi ông còn sống, chính những giọt nước mắt ấy đã từng đầy đọa ông, khiến cho ông sống không ra hình thái một con người, thế nhưng khi ông mẫn xuống cũng lại chính những tên giả hình đó đến khóc mướn thương vay. Nhưng quan trọng hơn cả là bên cạnh và đằng sau xe tang, là một đoàn người dài lê thê, để chừng có tới hàng vạn người, chứng tỏ rằng khi nằm xuống ông đã để lại cho đời lòng thương tiếc khôn nguôi. Nào có sá gì trăm vòng hoa giả trá, cùng ngàn lời ai điệu đái bôi.

*

Sau Văn Cao đến lượt Trần Dần nằm xuống. Tôi nhớ lại lần đầu khi đọc *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, thái độ sống không khuất phục của Trần Dần khiến cho ông là người tôi cảm phục nhất. Ông sinh năm 1924, được kết nạp vào Đảng từ năm 1951, nhưng cũng sớm đánh mất niềm tin tưởng của ông vào Đảng cũng như của Đảng đối với ông, khi ông được điều về làm công tác viết báo cho Cục Quân huấn thuộc Trung ương. Không chịu nổi bầu không khí lúc nào cũng ngột ngạt, ông xin đổi ra mặt trận, tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Chứng kiến cảnh quân kháng chiến ào ạt tấn công vào thành lũy kiên cố của quân Pháp, cũng như cái chết thê thảm của họa sĩ Tô Ngọc Vân, ông viết tác phẩm *Người người lớp lớp*, và cũng nhờ tác phẩm này ông được Đảng tín nhiệm trở lại, cho đi tham quan Trung Quốc. Nhưng khi từ Trung Quốc trở về, ông đã cùng một số nhà văn khác gửi lên Trung ương một kiến nghị, yêu cầu hạn chế sự can dự của cán bộ chính trị vào văn nghệ.

Cũng đúng vào thời gian này Trần Dần tự tiện lấy vợ, bất chấp sự can thiệp của Đảng. Mặc dù là đảng viên nhưng bản chất nghệ sĩ đã khiến cho ông không chịu nổi luyên ải quan Mác-xít, nên thẳng tay từ chối nhiều lần Đảng xây dựng cho ông với các nữ đồng chí khác. Sau cùng ông đã xin ra khỏi Đảng để lấy cho kỳ được người thiếu nữ mà ông yêu quý. Việc đại dột nhất của ông là viết bài phê bình và đã kích tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, nhân vật cầm trịch và đứng ở hàng chót vót của giới văn nghệ miền Bắc. Thế là ông đã đụng đến cái vẫy ngược của thú dữ, nên bị bắt giam ở một nhà giam trên Việt Bắc, trong khi bà vợ trẻ đang bụng mang dạ chửa, mà toàn bộ gia đình bên vợ đã di cư vào Nam. Có thể nói Trần Dần mới chính là linh hồn của nhóm *Nhân văn*, ông đóng góp bài cho tất cả các số báo *Nhân văn*, với khá nhiều bút hiệu mà trong đó hai bài thơ quan trọng nhất là "Nhất định thắng" và "Hãy đi mãi", ký bằng tên thật của ông, khiến cho người đọc cảm nhận như đây không hẳn là thơ, mà là lời tuyên chiến của ông đối với bọn giả hình đang chễm chệ trên đầu quần chúng.

Vốn là kiện tướng của cả nhóm, trong cuốn *Ghi* của ông, người đọc thấy đủ những đắng cay nghiệt ngã ập đến với ông trong thời gian bị kỷ luật. Từ hành xác, cho tới uy hiếp về tinh thần, ly gián ông với các bạn trong nhóm, khiến người nọ ngờ vực người kia. Đã có lần ông phần chí tự tử, nhưng sau khi được cứu sống ông đã cho biết ông phải sống để làm thơ ca tụng con người. Và quả là trong cuốn *Ghi*, người đọc đã nhận biết được ông đã sống như

thể nào. Trần Dần không phải là loại người thúc thủ chịu đòn, ông nghiêng rặng chịu đựng những trận đòn thù, nhưng thỉnh thoảng cũng có những đòn phản công ngoạn mục. Ông không hề mất tinh thần vì bị vây đánh từ tứ phương tám hướng. Khi người ta muốn ông phải cúi gằm xuống để sống, ông ngược mặt lên chịu đựng, nhìn đời và sống như thể một con người.

Ông khác với Phùng Quán một điều: với Phùng Quán thì Đảng có thể tốt, chỉ có những người đảng viên xấu, làm hoen ố xã hội chủ nghĩa, trong khi đó Trần Dần nhìn Đảng Cộng sản nghiêm khắc hơn nhiều. Nếu nổi đau thể xác của cả hai tương đương, thì về mặt tinh thần Phùng Quán bị đau hơn một tầng, bởi ông còn một lòng tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội và con người cộng sản. Nổi đau của Phùng Quán là sự oan ức mà ông phải gánh chịu, chỉ vì muốn làm tốt cho Đảng, trong khi đó thì với Trần Dần, đã yên hẳn một bề. Chính vì vậy mà đám tang Trần Dần tuy có đông người tham dự, nhưng có thể nói rất nhiều người đi sau xe tang của ông là người của chế độ. Vừa để làm cảnh đẹp cho màn chót của một vở kịch đời, vừa để phản ứng khi hữu sự. Vài năm sau khi ông nằm xuống, những ghi chú của ông được nhà văn Phạm Thị Hoài biên tập lại và cuốn *Ghi* ra đời. Đây chính là một đòn phản công cuối cùng của ông, mà ở đó người đọc có thể thấy được toàn bộ một vở kịch, mà trước đó người ta chỉ nhìn thấy những góc độ rất nhỏ, qua chủ quan của mỗi cá nhân. Tất nhiên *Ghi* cũng có cái nhìn chủ quan riêng của Trần Dần, song ông ghi lại toàn bộ mọi sự kiện, trong khi các nhân vật khác trong vụ hoặc là né tránh, hoặc là sợ hãi quá mà không dám ngoáy đầu nhìn lại. Từ những sự kiện lớn tương đương với nhiều mạng người, cho đến những điều nhỏ li ti như cái kim, sợi chỉ đều được ông ghi lại với ngày tháng đầy đủ, bằng một giọng văn ngắn, gọn, sắc và lạnh. Ông cung ứng cho những thế hệ sau một cái nhìn toàn diện về bối cảnh, diễn tiến, hậu quả và ảnh hưởng của phong trào *Nhân văn*. Ông vẽ cho thế hệ sau bức tranh toàn cảnh của xã hội chủ nghĩa, với đầy đủ cái tính ác của xã hội này. Ông phơi bày cho mọi người thấy cái tâm địa, cái bản chất của những con người trong chế độ, kể cả chính mình.

*

Mới đây nhất là cái chết của ông Nguyễn Hữu Đang vào tháng 2.2007. Nào có gì đáng ghi lại cho cái chết của một ông lão chỉ thiếu 6 năm nữa là chẵn tròn trăm tuổi, nhất là khi còn sống ông không ở trong một chức vụ cao quý nào. Chẳng những thế ông còn tự ý bước ra khỏi hàng ngũ lãnh đạo, nhập thân vào một nhóm nhỏ chưa quá một trung đội, để mơ đội đá vá trời. Đối với Nguyễn Hữu Đang, tôi chỉ muốn ghi lại ông đã sống như thế nào kể từ khi trận bão *Nhân văn* bắt đầu nổi lên trên các mặt hồ ở Hà Nội.

Đối với một guồng máy tổ chức mà chức vụ "thủ kho" đôi khi to hơn "thủ trưởng", thì cái quá khứ Thứ trưởng Bộ Tuyên truyền, Bộ Thanh niên, hay Thị trưởng đầu tiên của thành phố Hà Nội vào những năm 1945 thì ăn thua gì, hưởng hồ những chức vụ có tiếng mà không có miếng như Chủ tịch Hội Truyền bá Quốc ngữ, Trưởng ban Tổ chức Ngày Độc lập thì lại càng không đáng kể. Đã thế lại còn bị bắt bỏ tù 17 năm trời, bị quản chế ba năm, và sau đó là hai chục năm trời đối xử bao thuốc lá lấy cóc nhái, làm thức ăn, chui rúc lọ mọ nơi cái trái của một chuồng lợn ở vùng quê Thái Bình, thì ngay cả khi còn sống cũng không ăn thua gì hưởng hồ lại chết.

Vì vậy khi ông Nguyễn Hữu Đang mất, vài tờ báo in trong nước đưa tin chiếu lệ, nhưng không một tờ báo điện tử nào như *VietNamNet* có được vài dòng. Nhiều người cho rằng các báo điện tử của nhà nước không đưa tin, cốt để giấu người Việt hải ngoại được ngày nào hay ngày ấy về cái chết của ông Nguyễn Hữu Đang. Tôi không nghĩ như vậy. Người cộng sản làm gì cũng có nguyên tắc, có chỉ thị. Chẳng thế mà triết gia Trần Đức Thảo, một nhân vật khác của *Nhân văn* khi sống cũng chẳng hơn ông Nguyễn Hữu Đang bao lắm, nhưng vì là triết gia nổi tiếng ở Pháp trước khi về Việt Nam vào đầu thập niên 50, nên vào lúc cuối đời

ông Trần Đức Thảo được nước Pháp mời qua làm một bản nghiên cứu triết học gì đó. Ông chết ở bên Tây, tro cốt mang về Việt Nam cả hai tháng trời, để chờ quyết định là được để ở nghĩa trang Mai Dịch hay Văn Điển. Sống đã như ma xó, thì chết chôn ở đâu mà chẳng được.

Cũng cần ghi chú là trong thời gian chờ đợi gần hai tháng đó, hũ tro cốt của ông theo Phùng Quán cho biết, đã phải trả tiền thuê chỗ là năm ngàn đồng mỗi ngày. Trờ lại với ông Nguyễn Hữu Đang, trong cuốn *Ba phút sự thật* của Phùng Quán, tôi đọc được một bài ký ghi lại chuyến đi thăm Nguyễn Hữu Đang của Phùng Quán, vào thời gian đầu thập niên 90, khi đó Nguyễn Hữu Đang đang ở Thái Bình, đã dời khỏi cái trái của chuồng lợn hợp tác xã, dọn về ở trong cái trái của nhà bếp tập thể của một ngôi trường tại đây. Phùng Quán được Nguyễn Hữu Đang đãi cơm với hai món đặc sản chả cóc băm viên, món thứ hai là chả nhái băm viên có mì chính. Nguyễn Hữu Đang cho biết mười mấy năm nay nhờ bồi dưỡng với hai món đặc sản này, mà lúc nào ông cũng khoẻ. Có khi còn khoẻ hơn Phùng Quán là người trẻ hơn ông hai chục tuổi chẵn.

Trong bài ký, Phùng Quán hỏi: "*Thế nhưng cóc nhái đâu ra mà anh bồi dưỡng thường xuyên như thế*", rồi Nguyễn Hữu Đang trả lời: "*Phải biết huy động lực lượng quần chúng, tức là các cháu thiếu nhi. Biết các cháu ở đây thích chơi vở bao thuốc lá, mỗi lần lên thị xã Nam Định chơi, tôi nhất nhạnh về, đổi chác cho các cháu lấy cóc nhái. Cũng có tiêu chuẩn hẳn hoi. Một vở bao ba số, đổi 3 con cóc hoặc 5 con nhái... Mọi tháng tôi chỉ cần ba, bốn chục cái vở bao thuốc lá là thừa chất đạm, mà lại là loại đạm cao cấp...".* Thật là đau lòng cho "hạch toán kinh tế" của một khối óc lớn.

Để biết rõ về con người Nguyễn Hữu Đang, tôi ghi lại thật vắn tắt đôi dòng tiểu sử của ông. Ông sinh năm 1913, theo học sư phạm từ năm 1932-1936. Năm 1937 tham gia Mặt trận Dân chủ Đông Dương, 1938-1945 tham gia rồi làm Chủ tịch Hội Truyền bá Quốc ngữ, 1943 gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong đại hội Tân Trào 1945, khi thành lập chính phủ lâm thời ông được đề cử Thứ trưởng Bộ Tuyên truyền, rồi Bộ Thanh niên. 1946-1954 Trưởng ban Tuyên truyền Tổng bộ Việt Minh. 1954-1958 Biên tập viên báo *Văn nghệ*. Cuối năm 1956 biên tập báo *Nhân văn*, cộng tác với các giai phẩm. Bị bắt giam năm 1958. Năm 1960 bị kết án 17 năm tù. Được trả tự do năm 1973. 1989 được phục hồi một phần hội tịch Hội Nhà văn. 1990 được hưởng lương hưu trí. Từ năm 1993 về sống tại Hà Nội.

Chẳng biết ông ăn lương hưu trí bậc mấy, chỉ biết rằng ông có một cuốn sổ tiết kiệm gửi tiền ở nhà băng, phòng xa những khi hữu dụng. Khi Phùng Cung muốn in một tập thơ, nhưng không có khả năng chi phí ấn loát, Nguyễn Hữu Đang đã đưa toàn bộ số tiền ông dành dụm trong nhiều năm trời cho Phùng Cung đi in thơ.

Đọc xong tiểu sử của Nguyễn Hữu Đang, biết ông chưa bao giờ có vợ, rất nhiều lần tôi tự hỏi: Ông thương tiếc cõi đời chó má này làm chi mà sống dai thế. Sống một cuộc đời không ra dạng con người, mà lại chỉ có một mình một bóng, không có bổn phận trách nhiệm với ai, thì sao không tìm một lối đi thanh thản cho mình, như một giấc ngủ say. Ông có gì để tha thiết, tiếc nuối cuộc sống này? Mà nào có phải cuộc sống, nào có phải trần gian? Nơi ông trú ngụ chính là địa ngục, với ngạ quỷ trá hình người.

Mà không phải chỉ có một mình Nguyễn Hữu Đang sống dai, đa số những người dính líu tới *Nhân văn* đều khá thọ so với tuổi thọ trung bình của nước Việt. Ngoại trừ Phùng Quán mất sớm ở tuổi ngoài 60, theo thứ tự thời gian từ Phan Khôi, Trần Đức Thảo, Phùng Quán, Văn Cao, Trần Dần, Phùng Cung... ai nấy đều mất khi bước qua ngưỡng cửa bảy chục. Nguyễn Hữu Đang khi mất 94. Giờ đây còn lại ba người còn sống là Hoàng Cầm, Lê Đạt đều bước

vào tuổi 80, và sau cùng Hữu Loan đã bước qua ngưỡng cửa chín chục. Tôi cứ băn khoăn mãi về sự sống dai của những người đã quá quen với đầy ải, khổ đau này. Phải có một lý do nào đó để họ tồn tại bằng mọi giá?

Hiện nay những tên tuổi lớn của *Nhân văn* còn lại ba người là Hữu Loan, Hoàng Cầm và Lê Đạt. Tôi tự hỏi tại sao Giải thưởng Nhà nước lại phát cho bốn người mà trong đó hai người đã chết là Phùng Quán và Trần Dần? Tại sao không để cho người chết được yên nghỉ, bằng cách bớt đi hai giải cho người đã khuất, nhưng thêm một giải thưởng cho người còn sống là Hữu Loan. Qua thắc mắc này tôi nghĩ chắc Hữu Loan cũng được đề nghị nhưng từ chối.

Đúng vậy, Hữu Loan, tác giả bài thơ tình "Màu tím hoa sim", một bài thơ mà bất cứ một người lính Việt Nam nào, cả Nam lẫn Bắc đều thuộc vài câu đó là một người có cái lưng thật thẳng. So với Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan nào có thua kém gì.

Theo "Hữu Loan tự phỏng vấn" được đăng tải trên talawas, ông sinh năm 1916, kém Nguyễn Hữu Đang ba tuổi, theo học Quốc ngữ rất sớm và đồng thời hoạt động cách mạng ngay từ thời còn là học sinh trung học từ năm 1936 cho tới 1942. Từ 1943-1945 ông về quê đi cày, đánh cá làm Việt Minh và khởi nghĩa ở ngay huyện nhà. Cũng trong năm ấy, trong Ủy ban Lâm thời Tỉnh, ông giữ chức Trưởng ty cho bốn ty gồm: giáo dục, thông tin, công chính và thương chính, để rồi chán lại về quê đi cày, đánh cá nuôi bố mẹ già. Năm 1954 khi Việt Minh về tiếp quản thủ đô Hà Nội, ông nhận được điện gọi ra làm biên tập viên báo *Văn nghệ*, được vào biên chế Hội Nhà văn, rồi tham gia *Nhân văn* rồi lại chán những điều trước mắt, về quê đi cày và đi thò từ năm 1958. Hiện nay vẫn cư ngụ ở quê nhà thuộc tỉnh Thanh Hoá. Ít nhất trong vài dòng tiểu sử do chính Hữu Loan cung cấp, người đọc bắt được hai lần ông chán, và mỗi lần chán là bỏ về quê đi cày, đánh cá, đi thò, mà lần sau kéo dài từ năm 1958 tới nay là gần một nửa thế kỷ.

Cũng vẫn trong bài tự phỏng vấn này, Hữu Loan tiết lộ một điều là ông tham gia Việt Minh, lần đầu bỏ về thì bố mẹ giận, lần thứ hai thì con cháu oán. Thậm chí con trai ông tên Cương, thi đại học thừa điểm đi nước ngoài, nhưng đến trường trong nước cũng không được học, mà người ta lại cho một tên Cường nào đó gần giống tên con ông được thay vào chỗ xuất ngoại của con ông. Con cháu oán trách, giận hờn vì những người hoạt động Việt Minh trong vùng quê ông đều là đàn em ông cả, đều đã từng được ông sắp đặt chức vụ, giờ đây ai nấy đều ăn sung mặc sướng, nhà lầu xe hơi. Chỉ riêng mình ông là cơ cực bần hàn, may mà chỉ bị kỷ luật sơ sơ chưa đến nỗi vào tù ra khám như Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần.

Có một đứa cháu diên tiết đã rửa ông: *"Ông là ngu nhất, ông bảo ông mẩu mực. Cái mẩu mực ấy đem mà vất cho chó nó ăn. Chả đứa nào nó thương ông. Ông tự làm khổ ông, rồi khổ lây sang con cháu"*. Lúc đó Hữu Loan lại phải đấu dịu con cháu: *"Thôi tao van xin chúng mày, nếu mẩu mực mà lại được ngay ô tô với nhà lầu, thì chúng tranh nhau chết để làm mẩu mực, chứ chả đến phần tao..."*.

Lần thứ hai Hữu Loan bỏ về nhà chính là sau khi học tập vì vụ *Nhân văn*, khi Nguyễn Hữu Đang bị tố là đầu sỏ phản động, các học viên xúm nhau lại làm kiến nghị lên Trung ương yêu cầu xử tội, thì Hữu Loan là người duy nhất đã ký vào bản kiến nghị với lời ghi chú như sau: *"Khi Nguyễn Hữu Đang hoạt động với tôi, tôi thấy Nguyễn Hữu Đang là người có tài có đức, tội trạng mới đây của Nguyễn Hữu Đang tôi chỉ tai nghe, mắt không thấy, nên không có kết luận - Ký tên Hữu Loan"*.

Trong bài tự phỏng vấn này, bà vợ ông còn cho biết: Lần cuối còn có hai anh cán bộ đến nhà vận động ông ở lại. Họ nói từ sáng đến trưa, ông nhà tôi cầm cái bút lên bẻ làm đôi, bảo:

"*Làm cán bộ, làm nhà văn khó lắm. Viết vừa lòng nhà nước thì dân chửi cho, viết vừa lòng dân thì có thể đi tù như chơi. Thôi tôi về đi cây*". Cứ như thế, suốt mấy chục năm trời nhà thơ Hữu Loan đi thò đá, cùng với ba người con trai lớn, có khi phải thức dậy từ 3 giờ sáng, kéo ba chuyến xe cải tiến đá từ trên núi xuống, bán cho các thuyền buôn rồi các con mới ăn bát cơm độn để chạy bộ 7 cây số đi học. Cứ như thế hai vợ chồng nhà thơ nuôi đủ 10 người con từ năm 1958 cho tới nay, nghĩa là chỉ thiếu một năm là chẵn tròn nửa thế kỷ. Sau cùng còn lại hai người là Hoàng Cầm và Lê Đạt, hai nhân vật đã mau mắn trả lời "nhận" giải thưởng của nhà nước, mà qua lời ông Đỗ Chu nào đó thì phần thưởng này dành cho những đóng góp văn học của *Nhân văn*.

Về Hoàng Cầm thì không một ai phủ nhận được tài năng và những đóng góp của ông với thi ca qua những bài thơ lừng danh như "Bên kia sông Đuống", "Đêm liên hoan.." trong thời kháng chiến, "Em bé lên sáu tuổi" (trong *Nhân văn-Giai phẩm*) và đặc biệt là những vở kịch thơ, do đó những đóng góp của ông xứng đáng để nhận một giải thưởng về văn học. Tôi không phải là người quá khích đòi hỏi mọi nhà văn, nhà thơ phải sống kiên cường, không khuất phục như Trần Dần. Do đó tôi cảm thông với những hành động của Hoàng Cầm, đã được Trần Dần ghi lại trong cuốn *Ghi*. Nhà văn, nhà thơ vốn là những con người yếu đuối nên sợ khổ, sợ tù, sợ chết, là chuyện bình thường. Hoàng Cầm không phải là Trần Dần, Phùng Quán, Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan... do đó không thể đòi hỏi ông hành xử như những tính danh vừa nêu trên. Đòi hỏi như thế thì cũng chẳng khác gì những người đã đầy đoạ *Nhân văn* trong nửa thế kỷ qua.

Với Lê Đạt thì khác. Nếu như giải thưởng nhà nước dành cho những đóng góp văn học, chúng ta thử kiểm điểm thành tích văn học của Lê Đạt. Trước tiên nếu những giá trị văn học ấy liên quan đến *Nhân văn-Giai phẩm*, thì đóng góp của Lê Đạt không có gì là đáng kể, ngoài bốn câu thơ mà cụ Phan Khôi đã dùng để dẫn vào cái truyện "Ông bình vôi". Suy luận của học giả Hoàng Văn Chí khi thực hiện cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* cho rằng bốn câu thơ này ám chỉ ông Hồ, càng già càng nhỏ lại, càng kém đi. Tôi cho cách suy luận này khá mơ hồ. Tôi không được đọc đủ nguyên bản các cuốn *Giai phẩm*, nhưng trong *Trăm hoa đua nở* của cụ Hoàng Văn Chí, thì hình như Lê Đạt chỉ đóng góp vồn vện bốn câu thơ này, do đó trong phần mục lục của cuốn sách, không thấy một phần nào dành riêng cho các sáng tác của Lê Đạt. Ông đã trả giá cho bốn câu thơ này bằng nhiều năm đầy ải, nhưng bù lại ông cũng hưởng lộc khá nhiều do bốn câu thơ này. Nếu kể cả những sáng tác sau này của Lê Đạt, gồm một tập văn *Hèn đại nhân*, mà tôi đã viết bài giới thiệu vào khoảng giữa thập niên 90, khi còn giữ phụ trang văn học của tờ *Người Việt*. Tôi còn nhớ như in nội dung bài giới thiệu này, và cho là ông đã khéo sử dụng thủ pháp "ý tại ngôn ngoại" viết những mẩu chuyện về những nhân vật ngoại quốc, nhưng thật ra là để nói chuyện Việt Nam. Đó là một cuốn sách hay, nhưng đóng góp về văn học của nó thì không có gì là cao. Gần đây dự luận ồn ào lên với tập thơ *Bóng chữ* của Lê Đạt. Nhiều người cho là ông đang cách tân thơ, tôi không nghĩ như vậy. Về điểm này thì cả Trần Dần sau khi chống trả mãnh liệt với đời, về già cũng hay cổ võ việc làm cách tân thơ, nhưng có lẽ cả Trần Dần, Lê Đạt, cũng như Phùng Cung trong tập *Xem đêm* chưa có một thành tựu nào đáng kể trong ngôn ngữ thi ca mới, mà cả ba đã nhiều lần thử nghiệm. Sau cùng tôi quay trở lại với ông Đỗ Chu, thành viên của hội đồng giải thưởng chuyên ngành văn với lời phát biểu: "*Có thể đây là lời xin lỗi của nhà nước đối với các anh...*". Vậy thì *lỗi* đó là *lỗi* gì, cần phải nói thẳng ra.

Thật ra thì chẳng nói người ta cũng biết: *lỗi* đó là cách hành xử của nhà nước với *Nhân văn*, những người đại diện tưởng nhà nước chủ trương "Trăm hoa đua nở - Trăm nhà đua tiếng" thật, tưởng nhà nước chống tham ô lãng phí thật, chống tệ sùng bái cá nhân thật, nên đã hăm hở xông vào những nơi xú uế, những mong giúp nhà nước dọn sạch những nơi cần dọn. Nào ngờ không phải vậy. Khi mà cả nước nói dối, như ông Hà Sĩ Phu đã nói "*Nói dối là*

quốc sách", thì càng hăng hái nói thật bao nhiêu, càng hăng hái dọn dẹp bao nhiêu thì càng nhiều tội bấy nhiêu. Đó là chưa kể những cái bẫy đã được những người sợ lung lay chỗ ngồi của mình, đào sẵn chờ các nhà văn sập hố. Dễ thường có cả trăm, ngàn cái bẫy trong cuốn *Ghi* của Trần Dần. Thế rồi để che đậy những lỗi làm nhỏ, người ta mắc phải những lỗi làm lớn hơn. Để làm mất đi những cái hố đã đào, người ta khoét to những cái hố đào sẵn.

Cứ lỗi to chùng lên lỗi nhỏ, cứ hố lớn phủ lên hố con, mãi rồi cũng có lúc thời thế đổi thay, và người ta phải một lần nhìn lại những biến cố đã đi vào lịch sử. Cách tuyên bố của ông Đỗ Chu giống như đánh bùn sang ao, sập xí sập ngẫu cho qua chuyện. Miễn là có vài nhân vật thành danh của *Nhân văn* đứng ra nhận lãnh giải thưởng của nhà nước, là đã có thể xoa tay đóng lại một hồ sơ tồn đọng quá lâu.

Tôi ngờ rằng sau khi tuyên bố cởi trói cho văn nghệ, cho phục hồi hội tịch nhà văn của những người can dự vào *Nhân văn-Giai phẩm*, các nhân vật như Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Phùng Quán, Hữu Loan... đều được tiếp xúc về giải thưởng này, thế nhưng đã không đạt được một sự biểu đồng tình nào. Từ năm 1988 cho tới 2007 là 19 năm trường, trong 19 năm đó thời gian đã cướp đi khá nhiều khuôn mặt tiêu biểu của *Nhân văn*, một nhóm người không lấy gì làm nhiều nhân số. Theo thứ tự thời gian từ năm 1993, thần chết đã đến viếng Trần Đức Thảo, Phùng Quán, Văn Cao, Trần Dần, Phùng Cung và mới nhất vào đầu năm 2007 là Nguyễn Hữu Đang. Chỉ sau khi an táng Nguyễn Hữu Đang vài tuần ngắn ngủi, Hoàng Cầm và Lê Đạt có tên trong danh sách những người được giải thưởng nhà nước, khiến tôi ngờ rằng nhà nước đã không thể chờ đợi lâu hơn nữa. Chờ nữa thì có khi phải lên thiên đàng, hay xuống địa ngục để phát giải thưởng này, do đó phải đành phải hài lòng với hai người tuyên bố nhận giải thưởng này. Nếu nói như ông Đỗ Chu, coi như là lời xin lỗi của nhà nước đối với anh em *Nhân văn*, thì tại sao lại không phát giải này cho cả Hữu Loan, người mà tôi tin rằng sự đóng góp cho văn học ít nhất cũng bằng nếu không muốn nói là nhiều hơn Lê Đạt.

Nhiều người ở hải ngoại cho là dứt khoát phải từ chối, bớt quá khích hơn thì cho là chỉ nhận giải với một đồng danh dự, nhưng phải có một văn bản xin lỗi chính thức của nhà nước. Có người còn dè bủ chê bai ít, có bốn chục triệu chưa đầy ba ngàn đô chẳng bõ bèn gì. Phải ba ngàn đô la ở nước Mỹ hiện nay chẳng làm được cái gì, không đủ tiền đặt cọc mua một cái xe mới, thế nhưng ở trong nước số tiền này là một gia tài không nhỏ, tương đương với bốn cây vàng. Và vì vậy tôi lại khâm phục Nguyễn Hữu Đang thêm một tầng nữa, khi toàn bộ gia tài của ông trong sổ tiết kiệm, công lao chắt chiu dành dụm bốn năm trời vốn vẹn được 4 triệu đồng (độ 250 đô la), ông đưa cả cho Phùng Cung để in thơ.

Tôi cho là Hoàng Cầm, Lê Đạt có thể nhận giải, dẫu cho giải chỉ là một, hai, năm, bảy triệu đồng, chứ đừng nói là tới 40 triệu đồng. Vẫn có thể nhận giải ngay cả khi nhà nước không chịu đưa ra một văn bản chính thức xin lỗi, với điều kiện là trong buổi lễ trao giải, dưới sự chứng kiến của nhiều người trong và ngoài văn giới, và nếu được phát biểu sau khi nhận giải, phải nghiêm trang xác định với mọi người hiện diện, về lời xin lỗi không đúng cách và quá muộn màng của nhà nước. Nếu chỉ im lặng nhận giải, tươi cười chụp hình đăng báo, trả lời phỏng vấn một cách chung chung cho qua chuyện, thì có lẽ tôi cần ghi lại đây bài thơ đã làm cho cuộc đời Lê Đạt có quá nhiều chông gai và lấm đoạn trường. Bởi vì bài thơ đó không chỉ đúng với ông Hồ, mà đúng với mọi người kể cả tác giả của nó là Lê Đạt:

"Những kiếp người sống lâu trăm tuổi

Y như một cái bình vỡ

Càng sống càng tòi

Càng sống càng bé lại"

Viết tới đây thì tôi có thể hiểu tại sao những người như Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan, Trần Dần và cả Hoàng Cầm, Lê Đạt có nhiều sức sống mãnh liệt đến như vậy. Với một đất nước như Việt Nam trong giai đoạn lịch sử vừa qua, họ sống không phải chỉ là sống, mà để làm nhân chứng kể cả vật chứng cho những điều ác đang khổng chế cái thiện. Họ càng sống dai, thì cái lỗi càng lộ lộ. Họ càng tiêu tụy đau thương, thì rồi mới có ngày mọi người phải nhìn thấy cái ác và điều quái. Nếu quả đúng như thế thì tôi cầu chúc cho Hữu Loan sống lâu trăm tuổi. Năm nay ông đã 91. Cách ông tự phỏng vấn, rồi tự trả lời cho biết ông còn rất minh mẫn, và nhìn trong hình ông còn khoẻ lắm. Trong tình hình này chín năm nữa mọi sự phải rõ ràng, không thể mập mờ đánh lộn con đen, như cách ông Đỗ Chu xin lỗi những người dính líu tới *Nhân văn*.

Phụ đính III :

Phong trào *Nhân Văn-Giai Phẩm* Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Phong trào Nhân Văn - Giai Phẩm là phong trào có xu hướng chính trị, đòi tự do dân chủ của một số văn nghệ sĩ và trí thức Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Khởi xướng đầu năm 1955 và bị chính thức dập tắt vào tháng 6 năm 1958.

Cơ quan ngôn luận của phong trào này là *Nhân Văn*, Một tờ báo văn hóa, xã hội, có trụ sở tại 27 Hàng Khay, Hà Nội, Lâm Phan Khôi làm chủ nhiệm và Trần Duy làm thư kí toà soạn, cùng với tạp chí *Giai Phẩm*, Hình thành nên nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm.

Trọng tạp chí *Giai phẩm Mùa xuân* được ấn hành tháng Giêng năm 1956, làm nhà thơ Hoàng Cầm và Lê Đạt chủ trương, về sau bị tịch thu, có bài *Nhất định thắng* của Trần Dân, Miêu tả hoàn cảnh đời sống miền Bắc xã hội chủ nghĩa trong những ngày đầu đất nước chia cắt, tác giả bài thơ bị qui kết chống phá, "bôi đen" chế độ,^[1] với những câu thơ nổi tiếng:

*Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
trên màu cờ đỏ*

Tháng 8 năm 1956, Phan Khôi có bài *Phê bình lãnh đạo văn nghệ*, Đăng trong *Giai phẩm Mùa thu*.

Trong số ra mắt ngày 20 tháng 9 năm 1956, Bán nguyệt san *Nhân Văn* đã đăng ngay trên trang nhất bài "Chúng tôi phỏng vấn về vấn đề mở rộng tự do và dân chủ". Người được phỏng vấn đầu tiên là luật sư Nguyễn Mạnh Tường. Ông nêu hai nguyên nhân khiếm khuyết về dân chủ thời bấy giờ:

1. *Đảng viên Lao động và cán bộ thi hành chính sách thiếu tinh thần dân chủ. Do đó xa lìa quần chúng, Và tạo ra tình trạng đối lập quần chúng với mình. Để sửa đổi, cần xây dựng quan điểm quần chúng cho [đảng viên](#) và cán bộ, Và yêu cầu Trung ương Đảng và Chính phủ đảm bảo sự thi hành triệt để các [tự do](#) dân chủ.*

2. *Quần chúng chưa thấm nhuần tinh thần chủ nhân ông trên đất nước, do đó chưa tranh đấu đối thực hiện dân chủ. Để sửa chữa, ta cần xây dựng ý thức dân chủ cho quần chúng.*

Loạt bài được dự định tiếp tục với bác sĩ Đặng Văn Ngữ, Nhà sử học Đào Duy Anh, Nhà văn Nguyễn Đình Thi ... nhưng cho đến số cuối cùng được ra mắt là số 5, ngày 20 tháng 11 cùng năm, *Nhân Văn* chỉ có thể công bố bài phỏng vấn Đặng Văn Ngữ và Đào Duy Anh.

Nhân văn số 3 ra ngày 15 tháng 10 đăng bài của Trần Đức Thảo về mở rộng dân chủ, phát triển phê bình trong nhân dân. Trần Duy cũng góp tiếng nói đấu tranh cho tự do dân chủ trong *Nhân văn* số 4 ra ngày 5 tháng 11 năm 1956. Trong số cuối cùng, số 5 báo *Nhân văn*, Nguyễn Hữu Đang nhận xét về những điều bảo đảm tự do dân chủ trong Hiến pháp Việt Nam 1946 và so sánh với tình hình thực tế lúc bấy giờ.

Ngày 15 tháng 12 năm 1956, Ủy ban hành chính Hà Nội ra thông báo đóng cửa báo *Nhân Văn*. Số 6 không được in và phát hành. Tổng cộng *Nhân Văn* ra được 5 số báo và *Giai Phẩm* ra được 4 số báo (Tháng Ba, Tháng Tư, Tháng Mười và Tháng Chạp 1956) trước khi phải đình bản.

Sau đó, hầu hết các văn nghệ sĩ tham gia phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm bị đưa đi học tập cải tạo về tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Một số bị treo bút một thời gian dài: Lê Đạt, Trần Dân, số khác không tiếp tục con đường văn chương sự nghiệp, thậm chí có người bị giam giữ trong một thời gian dài và tiếp tục bị giám sát trong nhiều năm sau khi mãn tù như trường hợp Nguyễn Hữu Đang. Dư luận chung thường gọi đây là "Vụ án Nhân Văn-Giai Phẩm".

Một số văn nghệ sĩ trong phong trào

- | | | | |
|-------------------|---------------------|------------------|----------------|
| • Chu Ngọc | • Lê Đạt | • Sĩ Ngọc | • Tử Phác |
| • Đào Duy Anh | • Nguyễn Hữu Đàng | • Thanh Bình | • Vĩnh Mai |
| • Đặng Đình Hưng | • Nguyễn Khắc Dực | • Thụy An | • Văn Cao |
| • Hoàng Cầm | • Nguyễn Mạnh Tường | • Trần Công | • Yên Lan |
| • Hoàng Huế | • Nguyễn Thành Long | • Trần Dân | • Cao Xuân Huy |
| • Hoàng Tích Linh | • Nguyễn Văn Tý | • Trần Đức Thảo | • Đỗ Đức Dục |
| • Hoàng Tố Nguyên | • Như Mai | • Trần Duy | • Phùng Cung |
| • Hoàng Yến | • Phan Khôi | • Trần Lê Văn | • Hữu Loan |
| • Hữu Thung | • Phan Vũ | • Trần Thiều Bảo | |
| • Huy Phương | • Phùng Quán | • Trần Thịnh | |
| • Lê Đại Thanh | • Quang Dũng | • Trương Tửu | |

Bị xử phạt nặng nhất là Thụy An và Nguyễn Hữu Đàng. Bà Thụy An bị kết tội làm gián điệp với kết án: "mù phù thủy hiện nguyên hình rắn độc", bị kết án 15 năm tù cùng với Nguyễn Hữu Đàng trong phiên tòa ngày 21/1/1960 tại Hà Nội. Mãi đến năm 1973 hai người mới được ra tù nhưng bị quản thúc thêm một thời gian nữa.

Việc dập tắt phong trào

Tố Hữu, Khi ấy là Ủy viên Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam, phụ trách về công tác văn hóa văn nghệ, tuyên truyền được coi là người dập tắt phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm. Trong cuốn *Qua cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại "Nhân Văn - Giai Phẩm" trên mặt trận*

văn nghệ, Nhà xuất bản Văn Hoá, 1958, mà ông là tác giả, Tố Hữu đã nhận định về phong trào này và những người bị coi là dính líu như sau:

Lật bộ áo "Nhân Văn - Giai Phẩm" thối tha, người ta thấy ra cả một ổ phản động toàn những gián điệp, mật thám, lưu manh, trọt-kit, Địa chủ tư sản phản động, quần tụ trong những tổ quỷ với những gái điếm, bàn đèn, sách báo chống cộng, phim ảnh khiêu dâm; (Trg 9 Sđd)..

Trong cái công ty phản động "Nhân Văn - Giai Phẩm" ấy thật sự đủ mặt các loại "tính biệt": từ bọn Phan Khôi, Trần Duy mật thám cũ của thực dân Pháp đến bọn gián điệp Thụy An, từ bọn trọt-kit Trương Tửu, Trần Đức Thảo đến bọn phản Đảng Nguyễn Hữu Đang, Trần Dân, Lê Đạt. Một đặc điểm chung là hầu hết bọn chúng đều là những phần tử thuộc giai cấp địa chủ và tư sản phản động, và đều ngoan cố giữ lập trường quyền lợi giai cấp cũ của mình, cố tình chống lại cách mạng và chế độ;. (Trg 17 Sđd)..

Báo cáo tổng kết vụ "Nhân Văn - Giai Phẩm" cũng do Tố Hữu viết có kết luận về tư tưởng chính trị và quan điểm văn nghệ của phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm như sau:

Những tư tưởng chính trị thù địch

1. *Kích thích chủ nghĩa cá nhân tư sản, bôi Nhọ chủ nghĩa cộng sản.*
2. *Xuyên tạc Mâu thuẫn xã hội, khiêu khích nhân dân chống lại chế độ và Đảng lãnh đạo.*
3. *Chống lại chuyên chính dân chủ nhân dân, chống lại cách mạng xã hội chủ nghĩa.*
4. *Gieo rắc chủ nghĩa dân tộc tư sản, gai vào đầu óc sô-Vành chống lại chủ nghĩa quốc tế vô sản.*

Những quan điểm văn nghệ phản động

1. *Nhóm "Nhân Văn - Giai Phẩm" phản đối văn nghệ phục vụ chính trị, thực tế là phản đối văn nghệ phục vụ đường lối chính trị cách mạng của giai cấp công nhân. Chúng đòi "tự do, độc lập" của văn nghệ, rêu rao "sứ mạng chống đối" của văn nghệ, thực ra chúng muốn lái văn nghệ sang đường lối chính trị phản động.*
2. *Nhóm "Nhân Văn - Giai Phẩm" phản đối văn nghệ phục vụ công nông binh, nêu lên "con người" trừu tượng, thực ra chúng đòi văn nghệ trở về chủ nghĩa cá nhân tư sản đòi truy.*
3. *Nhóm "Nhân Văn - Giai Phẩm" Hán học đã kích nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa, nhất là văn nghệ Liên Xô, đã kích nền văn nghệ kháng chiến của ta. Thực ra, chúng phản đối chế độ xã hội chủ nghĩa, chúng đòi đi theo chế độ tư bản chủ nghĩa.*
4. *Nhóm "Nhân Văn - Giai Phẩm" phản đối sự lãnh đạo của Đảng đối với văn nghệ, chúng đòi "trả văn nghệ cho văn nghệ sĩ", thực ra chúng đòi đưa quyền lãnh đạo văn nghệ vào tay bọn phản cách mạng.*

Một góc nhìn khác

Trong cuốn *Đêm giữa ban ngày*, Tác giả Vũ Thư Hiên đã ghi chép những bình luận được cho là của Văn Cao về "tác giả" của việc dập tắt phong trào Nhân văn - Giai phẩm.

Tố Hữu ấy à? Không, không phải đâu. Cần phải công bằng. Tố Hữu có không ưa mình, có làm khổ mình thật, do lòng đố kỵ mà ra. Mình cũng ghét cái thẳng bang ngang lắm ấy. Nhưng có thể nào nói thế ấy. Tố Hữu chỉ là kẻ thừa hành thôi. Nói gì

thì nói, trong lòng Tố Hữu vẫn còn một chút gì của nhà thơ chứ. Bề ngoài thì thế đấy - Tố Hữu lãnh đạo cuộc đánh từ đầu chí cuối. Người ta tưởng vụ Nhân văn - Giai phẩm nổ ra là bởi báo Nhân văn đăng mấy bài phê bình thơ Tố Hữu, Tố Hữu tức, Tố Hữu đánh. Nhảm hết. Longue Marche mới là kẻ sáng tác ra Nhân văn - Giai phẩm. Để chạy tội Cải cách ruộng đất. Để tạo ra cái hố rác mà trút mọi tội lỗi của Lũy^[2] vào đấy. Chính longue Marche chứ không ai khác. Đùng tuoc bản quyền của Lũy, tội nghiệp! Longue Marche còn cho mời mình và Nguyễn Tuân đến gặp. Lũy nói cá tiếng đồng hồ về đảng tính, về trách nhiệm đảng viên. Chiêu hồi mà. Nguyễn Tuân nghe, mặt hất lên, ngáp không cần che miệng. Nguyễn Tuân vẫn thế - bất cần đời. Đôi lúc cũng có hẹn một tí, hẹn có mức độ thôi, trong đại đa số trường hợp là kẻ bất chấp. Mình nói với longue Marche: "Nếu trong vườn hồng có sâu thì ta phải chịu khó mà bắt bằng tay, từng một con Đổ lên cả đồng. Thuốc trừ sâu vào đấy thì chết cả vườn hồng Rồi anh. Sẽ thấy: qua đợt đánh phần này không biết bao giờ nền văn nghệ Việt Nam mới ngọc đầu dậy được! " Lũy nghe, mặt càng càng. Cái cách của Trường Chinh là thế. Lũy gọi mình đến còn có ý này nữa: Lũy muốn mình phải hiểu - tôi đã chịu khó nghe các anh rồi đấy nhá, tôi dân chủ lắm rồi đấy nhá! Chứ còn cái nền văn nghệ của các anh, nó đáng giá mấy xu?.

Dư âm của Phong trào

Ngoài những nhân vật liên quan trực tiếp đến Phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm, dư âm của phong trào này kéo dài sang những năm kế tiếp. Tháng Hai năm 1957 Đảng Lao động cho thành lập một tổ chức mới là Hội Văn nghệ để tập hợp văn nghệ sĩ. Văn Cao được bầu làm hội trưởng. Hội đoàn này cho ra tạp chí Văn, Số đầu tiên phát hành Tháng Năm 1957 nhưng được 37 số đến đầu năm 1958 thì lại bị đình bản vì tội tiếp tục "chống đối đảng". Bộ Chính trị ra quyết nghị đưa gần 500 văn nghệ sĩ đi chỉnh huấn và phải "tự kiểm điểm". Hơn 300 người còn phải ký tên quy thuận đường lối của đảng. ^[3].

Giải thưởng Nhà nước

Vào thời kỳ đổi mới, Nhiều nghệ sĩ từng tham gia Nhân Văn-Giai Phẩm đã được phục hồi danh dự và được phong tặng các giải thưởng quan trọng, nhưng một số đã qua đời:

- Giải thưởng Hồ Chí Minh: Giáo sư Cao Xuân Huy (về khoa học xã hội, 1996); Nhạc sĩ Văn Cao (về âm nhạc, năm 1996); Nhà triết học Trần Đức Thảo (về khoa học xã hội, năm 2000); Giáo sư Đào Duy Anh (về khoa học xã hội, năm 2000); Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý (về âm nhạc, năm 2000)
- [Giải thưởng Nhà nước](#): Tháng 2 năm 2007, 4 nhà văn thuộc Phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm gồm Lê Đạt, Trần Dân, Phùng Quán và Hoàng Cầm được Chủ tịch nước Việt Nam ký quyết định tặng thưởng giải thưởng Nhà nước ^[4].

Trả lời phỏng vấn đài BBC ngày 22 tháng 02 năm 2007, nhà thơ Hoàng Cầm tỏ ý buồn rằng các bạn cũ như Trần Dân, Phùng Quán, Phùng Cung vv đã không còn sống để thấy giải thưởng hôm nay. Theo ông, thực tế là từ năm 1958 đến nay, tức là gần 50 năm, vụ Nhân Văn-Giai Phẩm mới "được giải tỏa", vì trước đó từ thời Đổi Mới, Mọi thứ được bắt đầu phục hồi nhưng không công khai ^[5]. Cùng ngày, khi trả lời phỏng vấn báo điện tử VietnamNet, Nhà thơ Lê Đạt nói: "Tôi nghĩ chuyện giải thưởng này như một câu của ông Đỗ Chu (thành viên của Hội đồng Giải thưởng chuyên ngành Văn học) đã phát biểu: " Có thể cho đây là lời xin lỗi của anh em đối với các anh ". Giải thưởng này là cử chỉ đẹp, cho dù là muộn, nhưng không muộn hơn còn."

Nhân Văn Giai Phẩm Phần I: Tìm hiểu phong trào

Bài đăng ngày 05 tháng mười hai 2009 Cập nhật lần cuối ngày 05/12/2009 13:42 TU



Bìa hai số tạp chí Giai Phẩm có đăng bài viết của các trụ cột trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm

Càng đi sâu vào vấn đề, càng thấy rõ, những gì chúng ta góp nhặt được về những con người như Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, Trần Dân, Văn Cao, Phan Khôi, Thụy An, Trương Tửu ... qua những văn bản do chính họ viết ra, hoặc vài ba dòng hồi ký của người này người kia, cũng chỉ là phần rất nhỏ của sự thật. Không kể những loại nhật ký, hồi ký đã bị cắt xen hoặc được sửa lại cho đúng đường lối, hoặc những di cáo trá hình, tự viết để Biển Hồ, để đổi lấy bản thông hành đi vào vĩnh cửu.

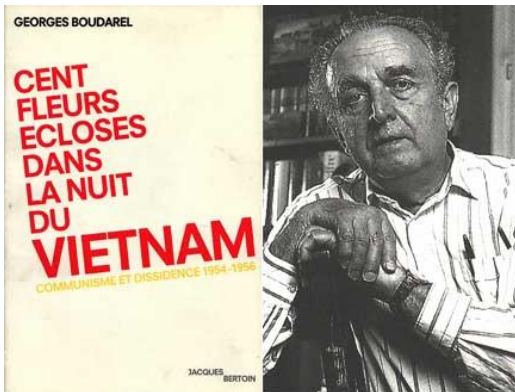
Trong bài

Gửi bài

Bài bình luận

Nhân Văn Giai Phẩm là phong trào tranh đấu cho tự do dân chủ của văn nghệ sĩ và trí thức miền Bắc có tầm vóc lớn lao, khởi xướng đầu năm 1955 và chính thức bị dập tắt tháng 6 năm 1958.

Hai nguồn tư liệu sớm nhất về Nhân Văn Giai Phẩm (NVGP) là *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* (THĐNTĐB) của Hoàng Văn Chí làm Mặt Trận Tự Do Văn Hoá tại ở Sài Gòn năm 1959, và *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dự luận* (BNVGPTTADL) do nhà xuất bản Sự Thật Hà Nội trong năm 1959. Ngoài hai tập tư liệu này còn có những tập tư liệu khác, ra đời hơn 30 năm sau.



[Nhà nghiên cứu Pháp Georges Boudarel và "Trăm Hoa Đua Không Trong Đêm Việt Nam"](#)

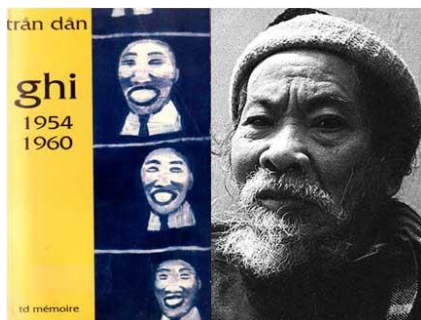
Trước hết là cuốn *"Cent fleurs écloses dans la nuit du Việt Nam"* (Trăm hoa đua nở trong đêm Việt Nam) của Georges Boudarel. Georges Boudarel, nay đã qua đời, là nhà giáo, đảng viên cộng sản Pháp, 1947 sang Việt Nam với mục đích tranh đấu chống chính quyền thuộc địa. Sau hai năm dạy học tại Sài Gòn, Boudarel theo Việt Minh, đặc trách nhiệm vụ "cải tạo"

tù nhân Pháp ở trại 113. Năm 1966, vì không còn đồng ý với chính quyền Hà Nội, ông trở về Pháp. Trong thời gian ở Việt Nam, ông đã gặp gỡ nhiều nhà văn nhà thơ, trong đó có những thành viên NVGP và Boudarel đã được mang về Pháp như Nhân Văn, Giai Phẩm, và một số báo xuất bản ở Hà Nội trong thời kỳ này. Cuối năm 1987 đầu năm 1988, trong bối cảnh "cởi tròng văn nghệ" của Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, Georges Boudarel đã viết loạt bài tựa đề *Dissidences intellectuelles au Viêt-Nam L'affaire Nhân Văn-Giai Phẩm* (Trí thức phản kháng tại Việt Nam, vụ Nhân Văn Giai Phẩm), ở trên hai tập san *Sudestasie* (số 50 tháng 1 / 1988) và *Aujourd'hui en politique Châu Âu* (phụ bản tháng Giêng năm 1989), sau tập hợp và đào sâu thành cuốn "*Cent fleurs écloses dans la nuit du Viêt Nam*" (Trăm hoa đua nở trong đêm Việt Nam) làm Jacques Bertoin trong năm 1991 tại Paris.

Ngoại trừ việc Boudarel (cũng như Hoàng Văn Chí) đều cho rằng phong trào NVGP bắt nguồn từ *Trăm hoa đua nở* bên Trung Quốc, là sai, và Lê Đạt, Hoàng Cầm đã dính chính trong những buổi trả lời phỏng vấn trên RFI, cuốn sách của Georges Boudarel là tập tư liệu có giá trị bằng tiếng Pháp viết về NVGP, nhờ đó mà bị kịch NVGP đến được với người đọc tiếng Pháp. Từ những năm 90 trở đi, một loạt những tài liệu mới về NVGP xuất hiện rải rác trong và ngoài nước, dưới dạng tự thuật, bút ký, sáng tác ... của những thành viên đã tham gia phong trào như Phùng Quán, Phùng Cung, Hữu Loan, Hoàng Cầm ...

Trong số đó có hai tài liệu quan trọng là tập hồi ký viết bằng tiếng Pháp *Un Excommunié* (Kẻ bị khai trừ, NXB Quê Mẹ, Paris, 1992) của Nguyễn Mạnh Tường với tiểu tựa: *Hà Nội 1954-1991: Procès d'un intellectuel* (Hà Nội 1954-1991: Kết án một nhà trí thức).

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường kể lại những thăng trầm trong cuộc đời ông gắn bó với lịch sử từ 10 giờ sáng ngày 10 Tháng 10 năm 1954 khi quân cách mạng tiến vào Hà Nội đến tháng 5 / 1991, thời điểm ông viết xong tập hồi ký. Sau 9 năm theo kháng chiến, Nguyễn Mạnh Tường từ chiến khu trở về trong số những trí thức được ưu đãi của chính quyền. Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm ra đời, ông đã tham gia và chịu sự trừng phạt nặng nề. Nhờ hồi ký Nguyễn Mạnh Tường mà chúng ta có thể hình dung được các giáo sư đại học cùng chí hướng với ông như Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo, Trương Tửu, đã phải trải qua những kỷ luật như thế nào, và hiểu được cuộc sống cách ly, đói khát, luôn luôn bị theo dõi của họ trong hơn ba mươi năm sa mạc.

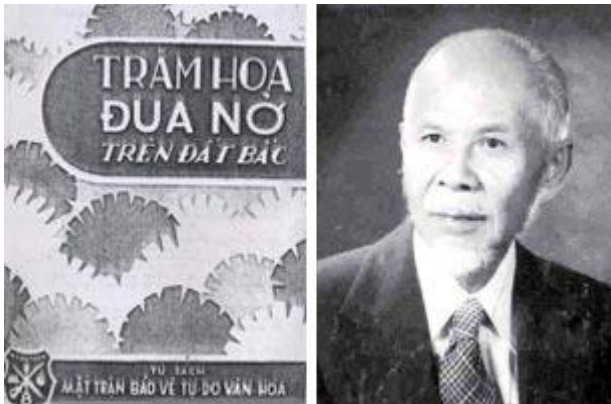


Nhà thơ Trần Dân và trang bìa tập nhật ký ông xuất bản năm 2001

Cuốn nhật ký *Trần Dân ghi* (Văn Nghệ, California, 2001), trích những ghi chép hàng ngày của Trần dân, đặc biệt trong hai thời kỳ: Cải cách ruộng đất và sau Nhân Văn Giai Phẩm. Nếu hồi ký Nguyễn Mạnh Tường là bản chúc thư (viết năm 1991, ở tuổi 82) gửi Gấm cho thế hệ mai sau về *sự đối đầu của một trí thức trước áp lực cách mạng*, Thì nhật ký Trần Dân, ghi lại những suy nghĩ và sinh hoạt hàng ngày của một nhà thơ *đã chịu nhận mọi tội để mong được tha thứ*, Muốn được trở lại sống bình thường như mọi người, nhưng vô hiệu.

Hoàng Văn Chí và Trăm hoa đua nở trên đất Bắc

Hoàng Văn Chí, tức Mạc Định, soạn giả *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* (THĐNTĐB), làm Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hoá xuất bản tại Sài Gòn, năm 1959, cho biết: "Ở Hà Nội ra đi đầu năm 1955, tôi đã hẹn với các bạn ở lại là ông có dịp sẽ nói lên tiếng nói của họ", "Tôi làm việc một mình", "Tôi liên lạc được với một ủy viên trong Ủy ban kiểm soát đình chiến Họ đi Hà Nội như đi chợ Mỗi tuần. họ cấp về Sài Gòn cho tôi tất cả báo chí xuất bản ở Hà Nội ", "Tôi làm việc trong hai năm 56-58 ". "Bộ Thông tin và nói chung, chính quyền Sài Gòn không hề giúp Lý Trung. Dũng đến chào Bộ Thông tin, yêu cầu mua cho một số, nhưng chẳng mua một cuốn nào". "Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hoá ở Việt Nam là một chi nhánh của một tổ chức quốc tế, tên là Đại hội Văn hóa Tự do, trụ sở trung ương ở 104 đại lộ Haussmann, Paris Bác sĩ. Lý Trung Dung làm chủ tịch. Tôi nghiệp, chỉ vì làm chủ tịch Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hoá mà phải đi cải tạo đến nay (1986) chưa được thả ". "Trước khi đưa in, Lý Trung Dung nghe nói có người gần ông Diệm ngờ rằng tôi soạn cuốn Trăm hoa đua nở là có ý xui dục trí thức miền Nam bắt chước trí thức miền Bắc nổi lên chống lại chế độ. Vì vậy nên Lý Trung Dung bàn với tôi nên để bút hiệu Mạc Định là soạn giả Chỉ ký. tên Hoàng Văn Chí vào bài Tựa " (Trích *Phỏng vấn cụ Hoàng Văn Chí*, Từ Nguyễn thực hiện, bán nguyệt san Tự Do số 50, ngày 16/11/1986, phát hành tại Bỉ).



Hình bìa tập biên khảo "Trăm hoa đua nở trên đất Bắc" và chân dung tác giả Hoàng Văn Chí (Nguồn: Wikipedia)

Hoàng Văn Chí đã nói rõ lý do và điều kiện ra đời của tập *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*. Nhưng tại sao ông lại đặc biệt lưu ý đến phong trào NVGP? Ai là những người "ở lại" mà ông đã hứa sẽ nói lên tiếng nói của họ? Nếu tìm sâu hơn về liên hệ gia đình giữa Hoàng Văn Chí và Phan Khôi, có thể chúng ta thấy câu trả lời:

Sở Cường Lê Dư có ba người con gái - vì bà Lê Dư là em ruột Phan Khôi, cho nên ba cô này là cháu Phan Khôi - cô đầu gả cho Vũ Ngọc Phan, *cô thứ nhì lấy Hoàng Văn Chí* và cô út là vợ Trương Nguyễn Sơn. Riêng nữ sĩ Hằng Phương, vợ nhà phê bình Vũ Ngọc Phan, sau này viết bài đả kích thậm tệ Nhân Văn Giai Phẩm. Rất có thể vì thế, mà người em ruột Hằng Phương, tức bà Hoàng Văn Chí, đã là một trong những động cơ thúc đẩy Hoàng Văn Chí thu thập tài liệu và viết về Nhân Văn Giai Phẩm.

Tác phẩm của Hoàng Văn Chí, cho đến nay vẫn là tác phẩm hoàn chỉnh nhất về phong trào NVGP. Trừ ba người: Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu và Lê Đạt bị loại ra (có thể Hoàng Văn Chí không thích hay vì họ không tin Nguyễn Hữu Đang đã từng là người tin cẩn của Hồ Chí Minh, Lê Đạt là bí thư của Trường Chính và Trương Tửu là nhà phê bình lý luận Mác-Xít). Phần lớn những thành viên khác đều có mặt, với *một tiểu sử khá đầy đủ, với những chi tiết đáng quý và những bài viết tiêu biểu của họ trong thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm*, Đặc biệt

tiểu sử Phan Khôi và Văn Cao, với những chi tiết hiện nay mà không tìm thấy ở đâu. Một phần vì Hoàng Văn Chí có liên hệ gia đình với Phan Khôi, nên một số dữ kiện chỉ ông biết, mà không tìm thấy ở những tư liệu khác. Những chi tiết ấy có thể một số người biết ở trong nước ra nhưng không dám viết. Sau này, không thiếu những cuốn sách viết về Văn Cao, Phan Khôi, nhưng thường lại tô hồng, tiểu thuyết hoá, hoặc cắt xen vo tròn, khó tìm thấy sự thật. Nhưng tác phẩm của Hoàng Văn Chí cũng có một số Nhược điểm:

- Soạn giả không phải là người trong cuộc, và đã rời miền Bắc từ đầu năm 1955, cho nên khi thuật lại một số sự việc đôi khi có những chi tiết ông nhớ sai, những sai sót này, ngày nay, chúng ta có thể điều chỉnh lại được.

- Hoàng Văn Chí là người chống Cộng và ông để lộ lập trường khá rõ trong tác phẩm có tính cách biên khảo này. Vì vậy, ông chỉ nhắc sơ qua, hoặc không nhắc đến những bài quan trọng của Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu và Lê Đạt (vì những lý do đã nêu trên).

- Ngoài ra, ông cũng *cắt xen những đoạn* mà các tác giả trong NVGP lên án "tội ác Mỹ Diệm", hoặc ca tụng Đảng. Đặc biệt với bài *Nhất định thắng* của Trần Dân, ông đã lược bỏ những câu, những đoạn sát máu, có tính cách khẩu hiệu, tuyên truyền, khiến cho tác phẩm hay hơn, nhân bản hơn, được độc giả miền Nam chấp nhận, nhưng đã làm lệch ý của Trần Dân trong thời điểm 1955-1956. Bản in lại trong tập *Trần Dân thơ* (NXB Đà Nẵng, 2008) cũng là bản Hoàng Văn Chí.

Ngày nay, chúng ta có thể phân tích rõ ràng tư tưởng của mỗi thành viên, qua các văn bản mà họ để lại trên các báo và Nhân Văn Giai Phẩm. Một mặt khác, qua nhân chứng của các thành viên, chúng ta có thể tái tạo lại diễn biến của phong trào: ai làm gì, ai giữ trọng trách gì. Đối chiếu những nhân chứng này với lời buộc tội của những ngòi bút chính thống được chỉ định đánh họ, ở lại trong cuốn *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dư luận* (1959) và trong một số bài trên các báo chính thức trong thời kỳ này, mà Lại Nguyên Ân đã sưu tầm và công bố, chúng ta có thể nhìn ra nhiều khía cạnh của sự thật hơn.

Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dư luận

Tập tài liệu tựa đề *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dư luận* do Nxb Sự Thật (nay là Nxb Chính Trị Quốc Gia), trong tháng 6, năm 1959, tại Hà Nội, là tài liệu đầu tiên, tập hợp những bài viết trích dẫn hoặc diễn văn tố cáo, lên án, buộc tội NVGP. Trong phần cuối cuốn sách, có một chương nhỏ, trích "những lời thú tội" của các thành viên NVGP, còn hầu như toàn thể dành cho phía công tố "phát hiện tội", với những lời lẽ vô cùng khiếm nhã, khó thể Mường tượng được, từ miệng, hoặc từ ngòi bút của giới được gọi là "trí thức văn nghệ sĩ" đối với các đồng nghiệp và bạn hữu của mình đã tham gia NVGP.

Tập tư liệu dày 370 trang này, chứng tích một thời mà chủ nghĩa đã đạt tới đỉnh cao của sự bồi bút-còn hữu ích về mặt lịch sử và văn học sử, nó mở ra nhiều khía cạnh của vấn đề NVGP: về tầm vóc của phong trào, về không khí đàn áp thời đó, về mức độ khốc liệt của lớp đấu tranh Thái Hà mà nhà thơ Lê Đạt đã mô tả tường tận trong các bài phỏng vấn trên RFI. Đồng thời nó cũng gián tiếp trả lời những lập luận gần đây, cố tình hạ thấp hoặc thu gọn tầm vóc của phong trào NVGP thành một cuộc "đánh đấm nội bộ", tranh Gianh thế lực cá nhân, không liên hệ gì đến vấn đề tự do tư tưởng.

Những bài luận tội có tính cách hạ nhục NVGP của 83 văn nghệ sĩ và các đoàn thể, báo chí, nhân dân cũng như các vị trong ban chấp hành trung ương Đảng, với những tên tuổi như: Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Phạm Huy Thông, Trần Hữu tuoc, Đặng Thai Mai, Nguyễn Huy Tưởng, Hồng Cương, Nguyễn Văn Bổng, Hoài Thanh, Hoàng Trung Thông, Hồ Đắc Di, Vũ Đức Phúc, Quang Đạm, Bằng Sĩ Nguyên, Ngụy Như Kon Tum, Thanh Hằng Phương, Lương Xuân Nhị vv .. phản ảnh rất rõ nhân cách của người tố. Cho nên, có thể nói, qua những "văn bản tố", các tác giả đã để lại nhân cách trí thức của mình trong ký ức dân tộc. Sau cùng nhờ cách sắp xếp thứ tự "những tên đầu sỏ" mà chúng ta biết được thứ tự "tội" nặng, "tội" nhẹ, cùng hoạt động của mỗi người.

Những buổi phỏng vấn trên RFI

Ngày 13/4/1999, trong dịp nhà thơ Lê Đạt sang Pháp lần thứ nhì, chúng tôi đề nghị ghi âm ông, mong ông soi tỏ những chỗ chưa được các tài liệu trước đề cập đến, hoặc viết sai. Buổi nói chuyện - thu thanh với chủ đích *giữ lại làm tài liệu văn học sử* - Tuy mang tính cách cá nhân nhưng có hệ thống về phong trào Nhân Văn Giai Phẩm. Chúng tôi đề nghị nhà thơ nói thẳng, nói thật hết và cam kết là sẽ chỉ công bố tài liệu sau khi ông qua đời, bởi lúc đó được biết, ông không định viết hồi ký.



Ngày 13/4/1999 tại Paris, nhà thơ Lê Đạt đã nói chuyện với RFI về Nhân Văn Giai Phẩm Đầu năm 2004, sau khi thực hiện *chương trình phát thanh kỷ niệm 50 năm trận Điện Biên Phủ (1954-2004)* với nhà văn Hữu Mai trên đài RFI, chúng tôi dự định làm thêm một *chương trình kỷ niệm 50 năm phong trào Nhân Văn Giai Phẩm* (nếu coi 1954 như thời điểm mạnh mẽ của sự gặp gỡ giữa các văn nghệ sĩ chủ trương phong trào) nên đã cố gắng liên lạc với nhà thơ Lê Đạt qua điện thoại viễn liên Paris-Hà Nội, muốn làm một cuộc phỏng vấn ngắn gọn có tính cách thời sự, phù hợp với đề tài này, nhưng không thể thực hiện được, vì *chỉ nói được vài câu là đường dây bị nhiễu*.

Sau nhiều tháng phân vân, cuối cùng, với sự đồng ý của nhà thơ Lê Đạt, chúng tôi quyết định cho phát sóng trên RFI, toàn bộ buổi nói chuyện với ông đã thu thanh ngày 13/4/1999 tại Paris. Do đó mà *tài liệu văn học sử* này đã đến với thính giả RFI sớm hơn dự tính. Đây là lần đầu tiên, một *tư liệu trực tiếp* qua lời thuật của một thành viên trụ cột trong Nhân Văn Giai Phẩm được công bố.

Bên cạnh Lê Đạt, còn có tiếng nói của hai nhân vật chủ chốt khác trong phong trào, đó là cuộc phỏng vấn ngắn nhà chính trị và văn hoá Nguyễn Hữu Đang: Nhân dịp kỷ niệm ngày 09 tháng 2 năm 1945, chúng tôi nhờ Lê Đạt liên lạc với Nguyễn Hữu Đang, để hỏi ông về việc tổ chức ngày lễ Độc Lập. Buổi nói chuyện này thu thanh qua điện thoại nhà Lê Đạt ngày 30/8/1995 và được phát thanh trên đài RFI ngày 9 tháng 10 năm 1995. Đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, chúng tôi có thể ghi âm được Nguyễn Hữu Đang. Tất cả những cố gắng về sau đều vô hiệu: *chỉ nói được vài câu là đường dây bị nhiễu*.

Những thính giả của RFI đã từng nghe những chương trình này, đều lưu ý thấy sự trả lời của Nguyễn Hữu Đang, Hoàng Cầm qua điện thoại viễn liên Paris-Hà Nội, không đạt mức độ tự do như các cuộc trò chuyện trực tiếp với Lê Đạt ở Paris. Nhưng cả ba nhân chứng, cũng là *ba người đầu tiên đã xây dựng nên phong trào Nhân Văn Giai Phẩm* cùng đồng quy ở điểm nói thẳng, nói thật. Có những câu hỏi cùng đặt cho Hoàng Cầm và Lê Đạt ở những thời điểm và hoàn cảnh khác nhau, nhưng sự trả lời gần như tương tự.

Sau cùng là nhân chứng của Trần Duy. Hoạ sĩ Trần Duy đã liên lạc với chúng tôi từ nhiều năm qua, ông đã cho biết nghe những chương trình phát thanh trên đài RFI về phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, có những điều ông muốn nói, dưới nhãn quan của ông riêng, nhưng cơ hội chưa thuận tiện. Tháng 6 / 2008, hoạ sĩ Trần Duy quyết định lên tiếng. Chúng tôi đã

ghi âm ông qua điện thoại viễn liên Paris-Hà Nội, không bị trở ngại gì. Và như thế, chúng ta thêm có nhân chứng của Trần Duy, cựu thư ký toà soạn báo Nhân Văn.

Nếu trong những bài viết trên báo hoặc các chương trình phát thanh, từ 1988 đến ngày nay, có còn những thiếu sót, đôi khi sai lầm, thì, những nhân chứng quan trọng của Lê Đạt, Hoàng Cầm, Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, đã đính chính và bổ sung. Các ông thay mặt những người đã khuất viết lại lịch sử của phong trào và lần này, không ai có thể ngăn ngừa sự thật.

Tất nhiên, *mỗi người có một sự thực của riêng mình*, Về mỗi dữ kiện, mỗi vấn đề. Thời gian trôi qua, ký ức cũng có đôi chỗ sai biệt, nhưng những sai biệt ấy, nếu có, thường là *những chi tiết không mấy quan trọng*. Độc giả sẽ rút ra từ những *thực sự có thể khác nhau* ấy, phần tổng kết của riêng mình, về phong trào Nhân Văn Giai Phẩm.

Những buổi phỏng vấn các thành viên chính của phong trào NVGP, phát thanh trên RFI trên, từ năm 1995 đến 2008: Nguyễn Hữu Đang (10/9/1995), Hoàng Cầm (21/2/1998 đến 01 Tháng Mười năm 2004, 4 kỳ), Lê Đạt (từ 24/3/2004 5/6/2004 đến, 7 kỳ) và Trần Duy (26/6/2008 26/7/2008 đến, 4 kỳ), đã cung cấp cho chúng ta những tư liệu trực tiếp về NVGP, làm những người trong cuộc nói ra.

Phần phát biểu của nhà thơ Lê Đạt (ghi âm tại Paris ngày 13/4/1999, khi ông sang Pháp lần thứ nhì, và phát thanh từ tháng 3 đến tháng 6 / 2004 trên đài RFI), cho đến nay chúng, là tư liệu quan trọng nhất và đầy đủ nhất về lịch sử phong trào NVGP. Lê Đạt mất ngày 21/4/2008 tại Hà Nội.

Những năm gần đây trang báo điện tử Talawas làm Phạm Thị Hoài chủ biên, đã cho in lại và lưu trữ trên mạng Internet toàn bộ báo Nhân Văn Giai Phẩm.

Lại Nguyễn Ân đang sưu tầm những bài viết trên các báo chính thức thập niên 60, liên quan đến phong trào NVGP và đưa dần lên Internet.

Những tư liệu này góp phần làm sáng tỏ thêm về NVGP, giúp các nhà nghiên cứu sau này có thể xây dựng lại toàn diện bối cảnh phong trào tranh đấu cho tự do dân chủ của văn nghệ sĩ trí thức, lớn lao nhất trong lịch sử văn học Việt Nam.

Từ tháng 4 / 1988, khi chúng tôi viết những dòng đầu về Nhân Văn Giai Phẩm đến nay đã hơn hai mươi năm.

Chuyên luận này tưởng như một hoàn tất chương trình tìm kiếm lâu dài, nhưng thực ra nó lại là khởi điểm cho một cuộc tìm kiếm mới về những gì đã thực sự ra xây.

Bởi càng đi sâu vào vấn đề, càng thấy rõ những khoảng trống chưa thể lấp được, những câu hỏi chưa được trả lời về biết bao nhiêu sự kiện lịch sử khác nhau, về những con người như Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, Trần Dần, Văn Cao, Phan Khôi, Thụy An, Trương Tửu ... và còn bao nhiêu người khác nữa. Những gì chúng ta góp nhặt được về họ, ngoài những văn bản do chính họ đã viết ra, đôi khi lượm lặt được vài ba dòng nhật ký của người này, hồi ký của người kia, cũng chỉ là một phần rất nhỏ của sự thật. *Không kể những loại hồi ký đã bị cắt xen hoặc được sửa lại cho đúng đường lối, hoặc những di cáo trá hình, viết để tự Biền Hồ, để đổi lấy bản thông hành đi vào vĩnh cửu.*

Cho nên người nghiên cứu phải vô cùng thận trọng khi tìm và lựa thông tin, những gì thật là, là giá trong những tư liệu mà mình có được. Tìm tư liệu không khó trong thời buổi Internet này, nhưng sử dụng tư liệu để dựng lại sự thật là một việc khác hẳn.

Làm sao biết được về hoạt động chính trị của Lê Đạt trước khi theo Việt Minh? Lê Đạt đã từng theo Việt Nam Quốc Dân Đảng?

Theo Văn Cao thì Phạm Duy là người đầu tiên đã dẫn ông liên lạc với Việt Minh, Phạm Duy cũng là người chứng kiến sự ra đời của bài Tiến Quân ca, là người "cướp" micro trước cửa Nhà hát lớn ngày 17 / 8 / 1945 để hát bài Tiến Quân Ca lần đầu tiên trước công chúng. Khi ở

lại đoạn hồi ký của Văn Cao về bài Tiến quân ca, người ta đã *cắt bỏ tất cả những chi tiết nói về Phạm Duy*, Có chỗ thay bằng Nguyễn Đình Thi. Một mặt khác, ngay chính bản thân Lê Đạt và Phạm Duy, vì an ninh của bản thân và của gia đình, các ông đã không thể nói tất cả sự thật, càng không thể viết ra trên văn bản.

Chúng ta biết gì về hoạt động của Thụy An? Về "mối tình đầu" của Thụy An với Võ Nguyên Giáp? Về những bí mật giữa Thụy An và Đỗ Đình Đạo, một yếu nhân Quốc Dân Đảng? Tại sao Thụy An quay trở lại Bắc, trong khi gia đình bà di cư vào Nam?

Những bí mật ấy, tuy chỉ là những chi tiết, nhưng ngày nay, những người muốn biết sự thật, *phải có quyền được biết*, Đặc biệt là những nhà nghiên cứu về thời kỳ lịch sử này.

Nếu biết được những chi tiết ấy, chúng ta thấy sẽ tất cả những hoạt động đảng phái thời kháng chiến chống Pháp không đơn giản như hai vói hai là bốn: theo bên này là yêu nước, theo bên kia là bán nước. Mà bất cứ cá nhân nào dù là văn nghệ sĩ, trí thức hay hoạt động chính trị cũng có thể theo hai ba con đường khác nhau, trong suốt hành trình sống của mình. Vấn đề của người nghiên cứu là phải tìm hiểu những đầu mối đan cài vô cùng phức tạp giữa các khuynh hướng chính trị, văn hoá khác nhau giữa những đảng phái như Việt Minh, Quốc Dân Đảng, Đệ Tứ, *trong mỗi tương giao không xé ra được*.

Những người đã từng tham gia các tổ chức khác nhau ấy, đã *phải* chơi bỏ lẫn nhau hoặc *không dám* nói đến toàn bộ hành trình của họ, khi theo bên này, lúc ở bên kia, trên đường tranh đấu cho độc lập, tự do, dân chủ.

Bi kịch của họ phản ánh bi kịch chung của toàn thể dân tộc.

Nhân Văn Giai Phẩm phần II: Nguyên nhân xuất phát

Bài đăng ngày 06 tháng 1 2009Cập nhật lần cuối ngày 05/12/2009 13:56 TU



Trang bìa báo Nhân Văn số 1 và Giai Phẩm Mùa Xuân

Mặc dù bắt nguồn từ quân đội, nhưng không tìm thấy văn bản nào của lãnh ba tướng Lê Quang Đạo, Trần Độ và Lê Liêm trong tổng cục chính trị lên án phong trào. Trọng vụ Thanh Trung Nhân Văn Giai Phẩm, quân đội đứng ngoài. Quân đội sạch tay sự hơn dân Nhân Văn Giai Phẩm mở đầu cho tinh thần đấu tranh cho tự do tư tưởng, cho công cuộc đổi mới văn học., Tinh thần này không khi chấm DUT phong trào dập tắt bị, chỉ ngủ yên trong ba mươi năm rồi lại bùng lên những năm 1987-1988, với vai trò chủ đạo của Trần Độ.

Với những tư liệu và nhân chứng hiện hành, chúng ta có thể tóm tắt lịch trình hoạt động của phong trào NVGP, theo thứ tự ngày tháng, như sau:

Tháng 3 / 1955: Trong quân đội, Trần Dân, Tử Phác, với sự cộng tác của Hoàng Cầm, Lê Đạt, chủ trương việc phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu.

Tháng 4 / 1955: Nhóm Trần dân, Tử Phác ký "*Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá*", chủ yếu đòi quyền tự do sáng tác. *Bác bỏ chế độ chính trị viên trong văn nghệ quân đội*.

Từ 13/6/55 đến 14/9/55: Trần dân, Tử Phác bị bắt, bị phạt trong trại cấm trại 3 tháng vì lý do kỷ quân phạm, sau đó được đưa đi cải tạo ở Yên Viên (tham gia Cải cách ruộng đất đợt 5). Tháng 1/1956: *Giai phẩm mùa xuân* ra đời do Lê Đạt, Hoàng Cầm chủ trương (có bàn với Trần Dân) với những bài chính: *Nhất định thắng* của Trần Dân, *Anh có nghe thấy không* của Văn Cao, *Làm thơ và Mối* của Lê Đạt, ...

Tháng 2 / 56 (Tết Nguyên Đán): Lê Đạt bị gọi lên Tuyên huấn để kiểm thảo. Trần dân, Tử Phác bị bắt lần thứ nhì. *Giai phẩm mùa thu* bị tịch thu. Trần dân dựng dao cạo Cửa có. Chiến dịch đánh Trần Dân bắt đầu với bài của Hoài Thanh "vạch trần tính chất phản động trong bài thơ *Nhất định thắng* của Trần dân" trên báo Văn Nghệ số 110, ra ngày 7/3/56.

Ngày 24/2/1956: Khroutchev tường trình tội ác của Staline tại đại hội XX của đảng Cộng sản Liên xô. Ngày 26/5/1956: Mao Trạch Đông phát động phong trào "Trăm hoa đua nở trăm nhà đua tiếng". Ngày 28/6/1956: Ba Lan nổi dậy.

Theo chính sách của Liên Xô và Trung Quốc, đảng Lao Động Nội rộng tự do:

Tháng 8 / 56: Hội Văn Nghệ được chỉ định tổ chức lớp học tập dân chủ 18 ngày.

Ngày 26/8/1956: Nguyễn Hữu Đang đọc tham luận tổng kết lớp học 18 ngày của Hội Văn Nghệ, chỉ trích gắt gao đường lối lãnh đạo văn nghệ của Trung ương đảng. Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi và bộ phận lãnh đạo văn nghệ phải "*thừa nhận những sai lầm nghiêm trọng và hứa hẹn sẽ sửa chữa*". Hoài Thanh viết bài nhận lỗi đánh Trần Dân.

Ngày 29/8/56: *Giai phẩm mùa thu*, Tập ra đời tôi, với những bài chủ chốt: *Phê bình lãnh đạo văn nghệ* của Phan Khôi, *Chiếm bao tình giác* của Nguyễn Bính, *Tiếng sáo tiền kiếp* của Trần Duy, ...

Ngày 20 / 9 / 1956: *Nhân văn* 1 số, với bài *Phỏng vấn Nguyễn Mạnh Tường về vấn đề mở rộng tự do và dân chủ*, Bài thơ *Nhân câu chuyện mấy người tự tử* của Lê Đạt, bài *Con người Trần Dân* của Hoàng Cầm và tranh Nguyễn Sáng về Trần Dân với vết sẹo ở cổ, bài *Chống bè phái trong văn nghệ* của Lê Đạt (ký tên Trần Công),...



[Tờ Nhân Văn số 1 và bài phỏng vấn luật sư Nguyễn Mạnh Tường về dân chủ](#)

Ngày 30/9/1956: *Nhân văn* 2 số, với bài *Phỏng vấn Đào Duy Anh về mở rộng tự do và dân chủ*, Bài *Trả lời Nguyễn Chương và báo Nhân dân* của Nguyễn Hữu Đang (ký tên Hoàng Cầm, Hữu Loan, Trần Duy), bài *Phấn đấu cho trăm hoa đua nở* của Trần Duy ...

Ngày 30/9/56: *Giai phẩm mùa thu*, Tập II, với bài *Bệnh sùng bái cá nhân* của Trương Tửu, *Ông bình vôi* của Phan Khôi, *Những người khổng lồ* của Trần Duy, *Chống tham ô lãng phí* của Phùng Quán, ...

Ngày 10 tháng 8 năm 1956: *Giai phẩm mùa xuân* tái bản.

Ngày 15/10/56: *Nhân văn* 3 số, Kỷ niệm ngày Vũ Trọng Phụng tạ thế 13/10/1939, và các bài *Không lực phát triển tự do dân chủ* của Trần Đức Thảo, *Phỏng vấn bác sĩ Đặng Văn Ngữ về mở rộng tự do và dân chủ*, ...

Ngày 30/10/56: Giáo sư Nguyễn Mạnh Tường đọc bài diễn văn "*Qua những sai lầm trong cái cách ruộng đất xây dựng quan điểm lãnh đạo*" tại Mặt Trận Tổ Quốc, Hà nội.

Ngày 30/10/1956: *Giai phẩm mùa thu*, Tập III, với bài *Văn nghệ và chính trị* của Trương Tửu, *Muốn phát triển học thuật* của Đào Duy Anh, ...

Ngày 5/11/56: *Nhân văn 4 số*, với bài *Cần phải chính quy hơn nữa* của Nguyễn Hữu Đang, *Sự thật về vụ xúc phạm thi sĩ Nguyễn Bính và báo Trăm Hoa* của Người Quan Sát, *Thành thật đấu tranh cho dân chủ* của Trần Duy, *Con ngựa già của chúa Trịnh* của Phùng Cung, *Những ngày báo hiệu mùa xuân* của Văn Cao, ...

Ngày 10/11/56: *Đất mới*, Báo sinh viên, với bài *Phê bình lãnh đạo sinh viên* của H. và T. Ngọc Hồng, *Lịch sử một câu chuyện tình* của Bùi Quang đoái, ...

Ngày 20/11/56: *Nhân văn 5 số*, với bài *Hiến pháp Việt Nam năm 1946 hiến pháp Trung hoa và bảo đảm tự do dân chủ thế nào?* của Nguyễn Hữu Đang, *Bài học Ba lan và Hung-ga-ri* của Lê Đạt (ký tên Người Quan Sát),...

Tháng 12/56: *Giai phẩm mùa đông*, Tập I, với bài *Tự do tư tưởng của văn nghệ sĩ và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Bôn-sê-Vich* của Trương Tửu, *Nội dung xã hội và hình thức tự do* của Trần Đức Thảo, ...

Ngày ngày 12 tháng 9 năm 1956: Hồ Chí Minh ký sắc lệnh bãi bỏ quyền tự do báo chí.

Ngày 15/12/56: *Nhân văn số 6* đang ở, bị đình chỉ.

Cuối tháng 12/56: *Tự Do diễn đàn*, Tập một, tạp chí chuyên về Lý luận, Phê bình, Sáng tác, làm Minh Đức phát hành cuối tháng 12, bị cấm.

Tự do diễn đàn gồm có các bài: *Qua sai lầm của Cải cách ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo* của Nguyễn Mạnh Tường; truyện ngắn *Chú bé làm văn* của Trần dân; *Tại sao quần chúng nhân dân tha thiết đến cuộc đấu tranh văn nghệ?* của Nguyễn Hữu Đang; *Nhiệm vụ của văn học không phải là giải thích chính sách* của Phan Ngọc; *Động Long Mạch* của Lê Đạt; *Vài ý nghĩ sau khi đọc bài thơ Động Long Mạch* của Hoàng Cầm; *Sinh hoạt văn hoá của Trương Tửu - Trần Đức Thảo* [theo tư liệu của Boudarel, trong bài *Lé tort de Parler trop tot (Sai lầm vì nói quá sớm)* viết về Nguyễn Mạnh Tường, Revue Sud Est Asie, số 52].

Từ 20 đến 28/2/57: Đại hội văn nghệ II họp tại Hà Nội. Trường Chinh kêu gọi đấu tranh "đập nát bọn NVGP".

Cuối năm 57: Mao Trạch Đông hạ lệnh đánh phái hữu. Huy Cận và Hà Xuân Trường được cử đi học tập chính sách của Trung Quốc.

Tháng 2 và 3 / 58: Khi họ trở về, đảng thi hành chính sách "triệt hạ nọc độc Nhân Văn", tổ chức hai lớp đấu tranh ở ấp Thái Hà.

Ngày 4/6/58: "Trận chiến đấu chống bọn phá hoại NVGP" kết thúc bằng Đại hội văn nghệ III, tại Hà nội với bài báo cáo tổng kết của Tố Hữu, Nghị quyết của 800 văn nghệ sĩ lên án "bọn NVGP", và các hội văn nghệ thi hành các Biện pháp kỷ luật.

Chôm nờ từ đòi hỏi quyền tự do sáng tác

Nhìn lại lịch trình trên đây, chúng ta thấy ngay sự xác định trước đây của Hoàng Văn Chí trong *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* và của Boudarel trong *Trăm hoa đua nở trong đêm Việt nam* (THDNTĐVN) về nguyên nhân phát xuất *Nhân văn giai phẩm* từ *Trăm hoa đua nở ở Trung Quốc* là sai, vì phong trào ở Việt nam, *chôm nờ* từ việc đòi hỏi *tự do sáng tác* (tháng 4 / 55) trong quân đội, và *chính thức* bắt đầu với *Giai phẩm mùa xuân* (tháng 1 / 56), trong khi đến tháng 5 / 56 Mao Trạch Đông mới phát động phong trào Trăm hoa đua nở.

Nhưng nhờ Đảng Lao Động học tập chính sách của Mao Trạch Đông và Liên Xô, Mới có việc Nội tự rộng làm văn nghệ ở Việt nam, mới tổ chức lớp học tập dân chủ 18 ngày, và Nguyễn Hữu Đang mới có cơ hội trở lại văn trường và chính trường, giữ vai trò lãnh đạo phong trào NVGP.

Tác phẩm của Boudarel đặt trọng tâm vào Trần Dân và bi kịch Trần Dân, theo ông Trần Dân chịu ảnh hưởng tư tưởng phản kháng của Hồ Phong trong chuyến đi Trung Hòa, tháng 7 năm 1954 (để viết ban Dân giải cho phim Điện Biên Phủ). Thậm chí Boudarel còn cho rằng hai chữ *Nhân Văn* lấy từ một câu của Hồ Phong: "*Hiện thực xã hội theo quan niệm của tôi*

phải quay về với người con ... về sự giải phóng con người ... về tinh thần nhân văn"

(THĐTĐVN, Boudarel, trang 59). Trọng nhận xét này, ông đã làm trên một số điểm:

- Tờ Nhân Văn do Nguyễn Hữu Đang chủ trương, khi ấy Trần Dân đã mệt mỏi, lui vào mặt sau vì chuyện tù tội, vợ con, gia đình.

- Tên Nhân Văn là do Nguyễn Hữu Đang hay Hoàng Cầm đặt ra. Lê Đạt nói: *"Anh Cầm thì nói rằng tên Nhân Văn là do anh ấy nghĩ ra Còn anh Đang cũng nói Nhân Văn do anh ấy nghĩ ra, thực tình tôi cũng không hiểu như thế nào"*. Và Hoàng Cầm, trong lần phỏng vấn năm 2007, nhận rằng ông đã nghĩ ra tên Nhân Văn, nhưng trong lời "thú nhận", năm 1958, Hoàng Cầm viết: *"Một lần nữa, có Nguyễn Bính, Đang, tuoc [bác sĩ Trần Hữu], Bàn về tên tờ báo và mời Nguyễn Bính làm thư ký toà soạn, thì tôi nghĩ là" tên báo gì gì cũng được "miễn là có báo ra được"*. (Những lời thú nhận của Hoàng Cầm, Văn Nghệ số 12, tháng 5 / 58)

- Dù Trần Dân "thú nhận" rằng sự chống đối của mình *"có màu sắc tư tưởng Hồ Phong"*, cũng chỉ là một lối nói, bởi những thành viên chính của phong trào NVGP hầu hết đều chịu ảnh hưởng văn hoá Pháp, không mấy người biết Hán văn để đọc Hồ Phong.

Tóm lại về nguyên nhân phát xuất phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, với những hiện hành tư liệu, chúng ta có thể xác định: mọi sự bắt nguồn từ quân đội, những người đầu xướng là Trần Dân, Tử Phác, với sự cộng tác của Hoàng Cầm, Lê Đạt trong hai vụ việc: *Phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu* và Bản *"Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá"*.

Vụ phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu

Gần một năm sau hiệp định Genève, ở miền Bắc, trong quân đội, nổi lên phong Trao đổi đổi mới văn học và tranh đấu cho tự do sáng tác làm Trần Dân, Tử Phác chủ trương với sự cộng tác của Hoàng Cầm, Lê Đạt và một số văn nghệ sĩ. Sự phản kháng chia làm hai đợt:

- Tháng 3 / 1955, Trần Dân, Tử Phác cộng tác với Hoàng Cầm, Lê Đạt, tổ chức việc phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, với những bài của Hoàng Yến, Hoàng Cầm, Lê Đạt.

- Tháng 4 / 1955 Trần Dân, Tử Phác, Hoàng Cầm, Đỗ Nhuận, Hoàng Tích Linh và Trúc Lâm ký bản *"Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá"*.

Hai sự kiện này đi đôi và gắn bó với nhau. Trước kháng chiến, Dân đã cùng Trần Đình Hùng, Vũ Hoàng Dịch (em Vũ Hoàng Chương) tạp chí ra *Dạ đài* (16/11/1946), với bản tuyên ngôn tượng trưng. Trong kháng chiến, năm 1950 Trần Dân gặp Lê Đạt, cùng chí hướng đổi mới thi ca. Bước đầu của sự đổi mới là phải "chôn đàn anh" (như lời Nguyễn Sa, và hành động của nhóm *Sáng Tạo*, Trong Nam, công kích Nhất Linh và Tự Lực văn đoàn). Trong đám "đàn anh" này, ở ngoài Bắc, Tố Hữu là khuôn mặt tiêu biểu.

Nhân dịp tập thơ *Việt Bắc* vừa phát hành tháng 12/54, đã có bài ca tụng của Xuân Trường trên báo Nhân Dân (24/1/55) và một bài Tráng giang đại hải tung hô hết mình của Xuân Diệu trên hai số Văn Nghệ 64 và 65 (tháng 2 / 55). [Ở lại trong *"Tư liệu thảo luận 1955 về tập thơ Việt Bắc"*, làm Lại Nguyên Ân sưu tầm biên soạn và, NXB Văn Hoá thông tin, 2005]

Ngày 4/3/55, Trần Dân và Tử Phác ben đứng ra tổ chức một buổi phê bình (kiểu Tọa đàm) thơ Tố Hữu trong khôn khổ văn nghệ quân đội, với sự hiện diện của tướng Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng hợp cục chính trị. Lê Đạt, kể lại không khí hôm ấy như sau:

"Lúc đến, tôi đã thấy ông Nguyễn Chí Thanh ngồi đấy rồi Hoàng Yến lên. Nói về thơ Tố Hữu và bảo rằng thơ Tố Hữu bây giờ" nhỏ "hơn thơ Tố Hữu thời trước, thì đó cũng là một cách nói thôi. Sau đó, khi anh Thanh lên diễn đàn thì tôi thấy không khí im lặng cả, không ai nói gì nữa Trần Dân đá chân tôi bảo: "Thôi, thế cậu lên đi." Tôi lên nói một bài về thơ Tố Hữu và tôi có nhắc đến sự sùng bái chủ tịch Hồ Chí Minh của Tố Hữu. Cuộc trao đổi ấy rất vui về rồi ông Thanh cũng không nói gì nữa Căn cứ trên. cuộc thảo luận em anh ấy thì thấy là có thể có đủ bài để viết trên tạp chí Văn Nghệ mà lúc đó tôi là thường trực Sau đó. tôi có lên trình bày với anh Tố Hữu về tờ báo Văn Nghệ".(phỏng vấn Lê Đạt, RFI).

Buổi Tọa đàm, mới chỉ là nói miệng. Nhưng Lê Đạt muốn đưa lên tạp chí Văn Nghệ (Nguyễn Hữu Đang và Lê Đạt ở trong ban biên tập). Khi Lê Đạt lên gặp Tố Hữu (bàn về nội dung tờ

báo), thì tình cờ Tố Hữu lại "gợi ý" Lê Đạt nên viết bài phê bình tập thơ *Việt Bắc* (chắc ông chờ đợi một sự phê bình tâm huyết của đàn em).

Lê Đạt, nhân đã có sẵn bài của Hoàng Yến trong túi, Ben tập hợp thêm một số bài khác, làm số báo đặc biệt về tập *Việt Bắc*. Chắc Tố Hữu không ngờ vụ việc lại xảy ra trái hẳn ý mình, và như lời Lê Đạt: "*ở nước Việt Nam người ta chưa quen chê anh Tố Hữu bao giờ*".

Việc phê bình rộng ra và chuyển sang các báo khác, kéo dài nhiều tháng (xem tư liệu của Lại Nguyên Ân). Nhưng Tố Hữu cũng không vừa: hội văn nghệ tổ chức thêm hai buổi Tọa đàm khác, có các vị chức sắc tham dự. Trong số những bài ca tụng *Việt Bắc* chủ chốt có bài của Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi và Hoàng Trung Thông.

Phía chê có ba người: Hoàng Yến, Hoàng Cầm và Lê Đạt. Trần Độ Trung Dung: vừa khen, vừa chê. Hoàng Yến muốn chê thơ Tố Hữu bìa lịch sự nhưng nói rằng Tố Hữu chưa nắm vững thực hiện: "*Ta thấy thơ Tố Hữu ngày nay còn bé hơn thơ Tố Hữu trước kia Bé vì. Tố Hữu chưa thổi được vào thơ ngọn lửa hung hức chiến đấu của thời đại để đốt cháy lòng người đọc vì Bé. Chất sống chưa thật sâu sắc nên ý thơ nhiều đoạn còn giả tạo công thức*" (Tư liệu Lại Nguyên Ân, trang 69).

Hoàng Cầm chê thơ Tố Hữu "*thiếu chất sống thực tế, "nhạt nhẽo", "Hội nóng", chỉ "lớn vốn ở bên ngoài chứ không đột phá vào một khía cạnh nào của tâm hồn", "những câu văn đẹp đêm" "ru ri một lát rồi thôi", "chỉ thấy những hình ảnh chung chung, gập bất cứ ở chỗ nào", Khi ca tụng lãnh đạo thì "đao to búa lớn", "bài" Hoan hô chiến sĩ Điện Biên giống như một vài nước đến, tràn đầy, pha loãng một màu sữa. Loãng quá",...*

Lê Đạt, trong bài lý luận, cho rằng Tố Hữu "*cố gắng đi tới công nông*" nhưng trong thơ còn rơi rớt tính chất "*Ngậm ngùi, buồn buồn ... nó là cơ sở điều tâm hồn của Tố Hữu*"... Lê Đạt tổng kết ý kiến của mình và các bạn trong câu: "*Tính chất tiểu tư sản và xa thực tế là hai khuyết điểm căn bản nó cản trở khả năng hiện thực của Tố Hữu Nó là. Nguyên nhân của cái buồn, cái công thức, cái hội nóng rải rác trong tập thơ*" (Theo tư liệu Lại Nguyên Ân).

Trần Dân không có bài trên báo, nhưng viết trong nhật ký "*Tố Hữu nhìn sự vật nó chính trị quá quá công thức, lười tìm tòi quá. Chỗ nào hay thì lại là lặp lại Nguyễn Du, Tản Đà, ca dao ... Tố Hữu chưa đem tới một cách nhìn mới mẻ gì*" (Trần Dân ghi trang 143). Và trong buổi Tọa đàm ngày 4/3/55, theo Vũ Tú Nam mạch lại, Trần Dân gọi thơ Tố Hữu là "tí ti la Haine, tí ti l'amour" (tí ti cảm thù, tí ti tình yêu) (*Sự thực về con người Trần Dân*, Vũ Tú Nam, QĐND tháng 4 / 58).

Tất nhiên Tố Hữu không thể nào "bỏ qua" vụ này.

Sang tháng sau, Trần Dân, Tử Phác lại tung ra một vụ mới, đó là bản dự thảo đề nghị một chính sách văn hoá trong quân đội.

Bản dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá

Tháng 4 / 1955, Trần dân, Tử Phác, Hoàng Cầm, Đỗ Nhuận, Hoàng Tích Linh và Trúc Lâm ký bản "*Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá*", nội dung yêu cầu cải cách chính sách văn nghệ trong quân đội, đòi tự quyền làm sáng tác.

Theo Hoàng Cầm: "*Bản dự thảo sắp được thông qua Một vài. Cán bộ cao cấp trong quân đội tỏ ý tán thành những điểm chính trong bản đề nghị đó, và nhất là hoan nghênh tinh thần xây dựng của bản đề nghị*".

Nhưng: "*Đột nhiên trong không khí hào hứng của gần ba mươi anh em văn nghệ sĩ đang sẵn sàng cởi mở hết để xây dựng một lớn trong những chính sách của Đảng, bỗng có một câu quật lại: "Tinh thần bản đề nghị này chính là một thứ tư tưởng tự do của tư sản. Nó chứng tỏ tư tưởng tư sản đã bắt đầu tấn công vào các đồng chí!*

Giá câu nói ấy ở mồm một người thường thì cũng sẽ thường thôi. Nhưng lại ở một cán bộ có đủ thẩm quyền xét lại hay bác bỏ những đề nghị của văn nghệ sĩ, thì bắt đầu có một sự động

cửa lớn. Những người trước kia tán thành bản dự án thì bắt đầu trở nên hoang mang". (Trích bài Con người Trần Dân của Hoàng Cầm, Nhân Văn số 1).

Hoàng Cầm không nói rõ những người ủng hộ kia là ai, và người "*thảm quyền bác bỏ*" kia là ai. Nhưng qua bài đánh Trần Dân của Vũ Tú Nam trên Văn Nghệ Quân Đội, chúng ta có thể tóm tắt tình hình như sau: Cuối năm 54, đầu 55, Phòng văn nghệ quân đội tổ chức một cuộc thảo luận về việc thay đổi chính sách văn nghệ với sự có mặt của tướng Nguyễn Chí Thanh. Trong buổi đó, Trần Dân đã nêu lên ba đòi hỏi chính, Vũ Tú Nam viết:

"1 - Trả lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ.

2 - Thành lập trong quân đội một chi hội văn nghệ trực thuộc hội văn nghệ, không qua cục tuyên huấn và tổng cục chính trị.

3 - Bỏ mọi "chế độ quân sự hiện hành" trong văn nghệ quân đội ...

Nghe xong đồng chí Nguyễn Chí Thanh dặn dò anh em phải coi chừng, đó là quan điểm tư sản, phi Đảng, phi giai cấp, phi chính trị. Hồi đó, anh em chưa vỡ lẽ, còn ầm ỨC, cho là cấp trên không thông cảm. Trần Dân và vài người khác thì lồng lộn, chửi bới, reo rắc hoài nghi, chán nản, muốn giải ngũ". (Vũ Tú Nam, Sự thực về con người Trần Dân, Văn Nghệ Quân đội, số 4, tháng 4 / 58).

Tuy vậy, Trần Dân vẫn được giao cho việc tổ chức hội nghị toàn ngành văn quân tháng 4 / 55. Lần này, Trần Dân trình bày bản dự thảo do chính tay mình viết tháng 2 / 55, dài 12 trang đánh máy. Theo vài câu trích dẫn của Vũ Tú Nam (để buộc tội quan điểm "xét lại" của Trần Dân) Trần Dân viết:

"Biểu hiện cao nhất trách nhiệm của người viết là thái độ tôn trọng, trung thành với sự thực. Đó là tiêu chuẩn cao nhất đánh giá tác giả và tác phẩm ... tôn trọng, trung thành với sự thực vừa là trách nhiệm, vừa là lập trường, vừa là phương pháp làm việc của người viết"

"... Sự thực lớn gấp triệu triệu lần bất cứ chỉ thị, lý luận nào ... Nếu như sự thực ngược lại chính sách chỉ thị, thì phải viết thực sự chứ không phải là bóp gò thực sự vào chính sách"

Tổng hợp thông tin của Hoàng Cầm và Vũ Tú Nam, chúng ta thấy: tướng Nguyễn Chí Thanh vừa bật đèn xanh cho Trần Dân và các bạn đòi hỏi tự do sáng tác thật (viết sự) vừa dập tắt bản dự thảo đòi tự do sáng tác. Nhưng ngoài Nguyễn Chí Thanh, bản dự thảo còn được những ai ủng hộ, khiến nó sắp được thông qua, như lời Hoàng Cầm?

Theo phân tích của Boudarel, thì bản dự thảo này được sự ủng hộ của ba tướng tá cao cấp trong Tổng cục chính trị: Lê Quang Đạo, Trần Độ, và nhất là Lê Liêm. Ông viết:

"Ở những buổi thảo luận nội bộ năm 1955 trong quân đội, có những cán bộ cao cấp ủng hộ nhóm văn nghệ sĩ đòi hỏi quyền tự do sáng tác, nhưng không ai chỉ rõ tên họ ra, rất có thể bởi vì muốn tránh cho họ rơi vào hoàn cảnh khó xử trước những đồng nghiệp quyết liệt Duy có hai người., hai tướng chính uỷ Trần Độ và Lê Liêm là dễ nhận ra, nhưng cũng không chỉ có hai người đó.

Một văn bản chứng minh rằng vào mùa thu năm 1956, tướng Lê Quang Đạo cũng có thể thiệp khi vụ việc ra xảy. Nhưng trong chiều hướng nào? Lúc đó ông là trưởng phòng tuyên huấn" (trích THĐNTĐVN, trang 101).

Boudarel phác họa chân dung Lê Quang Đạo, Lê Liêm và Trần Độ, ba tướng lãnh trong tổng cục chính trị ủng hộ những nhà văn trẻ, ông phân tích những con khúc mắc trên đường của họ, khi ủng hộ tự do và sáng tác mở rộng dân chủ, lúc phải lùi bước trở lại vị trí chính thống. Điều đặc biệt đáng chú ý là trong suốt thời kỳ NVGP, ông không tìm thấy văn bản nào của các tướng lãnh trong tổng cục chính trị phong trào lên án.



*Trang bìa tập sách phê phán
phong trào Nhân Văn Giai Phẩm*

Cuốn *Bộ n Nhân văn Giai phẩm trước toà án dư luận* tập hợp những bài viết của hơn 80 văn nghệ sĩ và trí thức "dân sự" tuyệt nhiên không có bài viết nào của quân đội, kể cả Nguyễn Chí Thanh, mặc dầu phong trào xuất phát từ quân đội.

Với mức tư liệu hiện có, chúng ta có thể hiểu rằng: Trong vụ Thanh Trung Nhân Văn Giai Phẩm, quân đội đứng ngoài. Quân đội tay sạch hơn dân sự.

Tướng Lê Liêm, một trong những người có công lớn trong trận Điện Biên Phủ, hết sức ủng hộ văn nghệ sĩ, Lê Liêm không viết một dòng nào chống lại những người đòi tự do sáng tạo, một sự im lặng đầy ý nghĩa này. Năm 1958, ông trở thành Thứ trưởng Văn hoá, tuy được thăng chức, nhưng không có quyền, bước đầu của sự thất sủng. Phản đối việc thân Tàu, chống Nga, năm 1965, ông nhận chức Thứ trưởng giáo dục, và trong một bài diễn văn về việc cải tạo giáo dục, năm 1968, ông trở lại quan điểm chính thống. Năm 1974, người ta đồn ông bị khai trừ khỏi đảng với cùng Ưng Văn Khiêm, tướng Nguyễn Văn Vĩnh và Bùi Công Trung, vì tội thân Nga. Lê Liêm là một khuôn mặt cởi mở, chấp nhận đối thoại mà ít người biết đến.

Tướng Lê Quang Đạo, với trách nhiệm trưởng phòng tuyên huấn, chắc chắn đã tác dụng vào những cuộc tranh luận văn học nội bộ trong thời kỳ này. Sau vụ Nhân Văn, ông vẫn tiếp tục con đường cởi mở đến thập niên 80. Năm 1982, ở đại hội V, khuyến khích bảo thủ thắng thế. Đến năm 1987, làm chủ tịch quốc hội, ông tiếp tục cổ động cho công cuộc đổi mới.

Trần Độ kiên trì trong quan điểm dân chủ hoá đất nước. Sau Nhân Văn, ông trở lại chiến trường. Dường như ông chỉ tạm thời lùi bước năm 1956 để tiến mạnh hơn, ba mươi năm sau. Năm 1982, trực diện với sự bảo thủ của Hà Xuân Trường trong đại hội V, Trần Độ thua cuộc, nhưng đến năm 1986, khi làm Trưởng ban văn hoá tư tưởng trung ương, dưới sự cởi mở của Nguyễn Văn Linh, Trần Độ trở lại vai trò chủ đạo cho công cuộc đổi mới văn học. Nói như Boudarel: *"tất cả những vấn đề cơ bản đều quy về những năm 1955 - 1956"*.

Như vậy NVGP, mở đầu cho tinh thần đấu tranh tư tưởng tự do, cho công cuộc đổi mới văn học, tinh thần này không khi chấm DUT phong trào dập tắt bị, chỉ ngủ yên trong ba mươi năm rồi lại bùng lên những năm 1987-1988.

Vai trò của tướng Nguyễn Chí Thanh khá phức tạp. Cầm đầu chính trị quân đội, ông cũng là người đã "dẹp" vụ dư thảo còn ngay trong trứng nước. Nhưng khi Trần Dân bị bắt lần thứ nhì, dùng dao cạo Cửa có, được đưa vào bệnh viện, Trần Dân viết thư cho Nguyễn Chí Thanh, ông đã can thiệp để "cứu" Trần Dân. Nhưng cũng chính tướng Nguyễn Chí Thanh đã

trao cho người bà con Vũ Tú Nam toàn bộ tư liệu về Trần Dân, kể cả 2 lá thư Trần Dân viết để xin ra khỏi đảng năm 55, để họ Vũ có đủ tư liệu viết bài đánh Trần Dân (THĐNTĐVN, Boudarel, trang 100 và 126).

Nhưng cũng không thể liệt Nguyễn Chí Thanh vào loại người xoay chiều, như Đỗ Nhuận, bạn thân của Trần Dân, cùng đi Điện Biên Phủ, cùng đi Trung Quốc, cùng ký bản dự thảo, nhưng sau này quay lại viết bài đánh Trần dân.

Nhân vật Trần Dân



*Chân dung nhà thơ Trần Dân với vết sẹo trên cổ
họa sĩ Nguyễn Sáng vẽ năm 1956 và đăng trên
Nhân Văn số 1. - Nguồn: Tư liệu G. Boudarel*

Vì hai sự kiện: *phê bình thơ Tố Hữu* và *đề nghị cải cách chính sách văn nghệ quân đội*, Mà Trần Dân và Tử Phác bị kỷ luật, bị giam tù 13/6/55 đến 14/9/55.

Nhưng về mặt chính thức, Trần Dân bị kỷ luật vì lẽ khác: về chuyện tình cảm, yêu một người con gái có đạo (Cô Khuê, vợ Trần Dân sau này) cha mẹ đã đi Nam, không được đảng cho phép cưới, tự ý bỏ trại, về với người yêu ở phố Sinh Từ và không chịu lên trình diện (Tử Phác cũng không chịu lên trình diện). Hoàng Văn Chí thu thập được khá nhiều và tin tức tổng hợp với bài *Con người Trần Dân* của Hoàng Cầm, đã viết khá chi tiết về việc này từ năm 1959. Nhưng sự phân tích của Boudarel có những điểm thỏa đáng hơn:

"Đối với Trần dân, trận bút chiến trong ba tháng đầu năm 1955 đi đôi với sự tranh đấu không cân bằng trong ủy cục chính quân đội về vấn đề lý thuyết chính trị và nhân sự, cả hai đơn cài khó gỡ Việc bán. dự thảo bị hủy bỏ đối với Trần Dân là một thất bại, nhưng cũng không đau đớn bằng việc bị các bạn đồng hành bỏ rơi chạy sang bên kia phe Vì lý do sức khỏe., Trần Dân xin nghỉ một thời gian để thoát khỏi trại nhà binh. Mãi không thấy cấp trên trả lời, anh tự ý bỏ trại về nhà người bạn gái ở phố Sinh Từ Hải lần. cấp trên gọi về chờ lệnh, anh đều từ chối Bị kiểm thảo vắng mặt., và có lẽ bị phạt trung nữa, bởi vì trong lần gọi thứ ba, anh đổi hủy bỏ những quyết định anh lại chống Những phê. phán Trần Dân phạm quân kỷ đi đôi với việc trát tự trở lại trong văn nghệ quân đội Mãi không thấy gì. mới, đến giữa tháng 5 / 1955, Trần Dân viết hai lá đơn xin ra khỏi đảng và ra khỏi quân đội (một cho đảng và một cho quân đội) trong đó anh trình bày những lý lẽ của mình với một sự thẳng thắn, nếu không muốn nói ngay thơ lạ lùng " (THĐNTĐVN, Boudarel, trang 125-126).

Đây là lần thứ nhất Trần dân, Tử Phác bị giam, thật ra là bị cấm trại, không phải bị tù. Trong thời gian này, Trần Dân viết bài thơ dài *Nhất định thắng* trao bản thảo cho Lê Đạt giữ (Hoàng Cầm, *Con người Trần Dân*). Hết ba tháng cấm trại, Trần Dân và Tử Phác được về nhà, và

hơn tháng sau, cả hai được gửi đi tham gia Cải cách ruộng đất tại Yên Viên, Bắc Ninh, từ 11 tháng 2 năm 1955 đến tháng 2 / 1956. Trong khi ấy Hoàng Cầm và Lê Đạt chuẩn bị ra tờ *Giai phẩm mùa xuân*.

Tháng Giêng năm 1956, *Giai phẩm mùa xuân* ra đời, đăng bài thơ *Nhất định thắng* của Trần Dân. Bài thơ đã gây tai họa cho Trần Dân và tờ *Giai phẩm*. Báo vừa phát hành, Lê Đạt bị gọi lên Tuyên huấn để kiểm thảo. *Giai phẩm mùa xuân* bị tịch thu. Trần Dân và Tử Phác bị bắt. Bị giam, Trần dân dụng dao cạo Cửa Cỏ, được đưa vào bệnh viện. Trần dẫn thủ viết cho tướng Nguyễn Chí Thanh ngày 21/2/56 và được tha ngày 5/5/56 (THĐNTĐVN, Boudarel).

Hoàng Cầm viết: "*Giai phẩm mùa Xuân bị kết tội, bài thơ "Nhất định thắng" bị kết tội. Người ta cho rằng cái bè pháí độc quyền trong giới văn nghệ bị công kích (bắt đầu từ cuộc phê bình thơ Việt Bắc) đã tìm cách trả thù:*

Trần dân, Tử Phác đều bị tống giam".

"Từ những ngày Tết mưa là chã, cái bè pháí độc quyền trong văn nghệ bắt đầu họp đứng họp ngồi để tìm cách đối phó với cái Giai phẩm Một không khí ngất thờ ò nặng lên những anh có em. Bài trong đó tập sách Rồi đến. một đêm, bài thơ "Nhất định thắng" bị đem ra luận tội. " (Con người Trần Dân, Hoàng Cầm, Nhân Văn số 1)

Hoàng Cầm trong lời "thú nhận", kể rằng ông muốn làm "cho cả cụ Hồ, cả Trung ương cũng phải thương xót cảnh ngộ Trần dân, mà trung trị người nào đã gây ra cảnh ngộ đó". Nhưng sau khi bài báo xuất hiện, Nguyễn Chí Thanh giao cho Lê Quang Đạo Hoàng Cầm mời đến để giải thích, vẫn theo lời "thú nhận" của Hoàng Cầm:

"Khi đồng chí Lê Quang Đạo có mời tôi vào giải thích rõ trường hợp Trần dân, tôi đã nhút đi, có ý muốn cải chính bài báo, tôi viết bài về cải chính, có nói rõ sự giáo dục của quân đội với Trần dân, sự săn sóc của đồng chí Nguyễn Chí Thanh và của Phòng văn nghệ quân đội đối với Trần dân, nhưng trong ý nghĩ vẫn không chịu nhận rằng mình đã xuyên tạc bóp méo sự thật, không chịu nhận rằng mình bôi đen chế độ, nên vẫn viết thêm một đoạn cuối nói rằng: Đồng chí Tố Hữu là người phụ trách toàn bộ công tác lãnh đạo văn nghệ, phải chịu trách nhiệm về việc này Thế là. cải chính một nửa, để lại bôi xấu một nửa. - Bài đó (không đăng) chỉ là một hành vi không thành thật " (Những lời thú nhận của Hoàng Cầm, Văn Nghệ số 12.

Về phía đối diện, đây là lời buộc tội của Tố Hữu:

"Cuộc tấn công vào chế độ ta và Đảng ta đã bắt đầu trên mặt trận văn nghệ từ đầu năm 1955, ngay khi hòa bình vừa lập lại.

Trong khi bọn gián điệp còn giấu mặt chờ đợi thời cơ, và bọn tờ-rót-kit Trương Tửu, Trần Đức Thảo tích cực chuẩn bị lực lượng ở trường Đại học, thì bọn Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, hai tên phản Đảng ẩn Nấp trong báo Văn Nghệ của Hội Văn Nghệ cùng bọn Trần dân, Tử Phác cũng là tên những phản Đảng trong phòng Văn nghệ quân đội, đã kết thành một bè pháí chống Đảng trong Văn nghệ.

Như lời thú nhận của Trần Dân, Lê Đạt, Hoàng Cầm, cuộc phê bình tập thơ Việt Bắc là do cái bè pháí ấy sắp đặt, để đánh vào sự lãnh đạo và đường lối văn nghệ của Đảng, đường lối phục vụ chính trị cách mạng, phục vụ công nông binh, và để đề xướng cái "điệu tâm hồn" ruộng nát của chủ nghĩa cá nhân tư sản, mở cửa cho lối sống tự do lúc đóa.

Đương nhiên cái "điệu tâm hồn" ấy của Lê Đạt xướng lên không thể nào hoà được với cái điệu lớn của cách mạng, và cũng rất tự nhiên nó chỉ hoà được với "tiếng sáo tiền kiếp" lóc gán của tên mặt thám Trần Duy.

Cũng lúc ấy, bọn Trần dân, Tử Phác-những đứa con hư hỏng của Hà nội cũ-nay lại trở về với "cảnh cũ người xưa" bỗng cảm thấy đời sống trong quân đội "nghey thờ", chỉ vì thiếu cái tự làm trở lại đời sống truy lạc cũ. Đối với chúng, đời sống trong quân đội cách mạng chỉ còn là "những sợi dây xích trời buộc phải phá mà ra". Được tiêm thêm ít nhiều chất phản động của Hồ Phong, Trần Dân Gióng lên "tiếng trống tương lai" chửi cán bộ chính trị là "người bệnh",

"người roi", "người U". Cùng Tử Phác, khiêu khích những anh em khác, hẳn tổ chức một cuộc đấu tranh "buộc lãnh đạo thực hiện mọi yêu cầu" của họ.

Họ đòi thực hiện những gì? "Trả quyền lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ Thủ tiêu chế độ chính trị viên trong các đoàn văn công quân đội.. Thủ tiêu mọi chế độ quân sự hiện hành trong văn nghệ quân đội Thành lập. Trong quân đội một chi Hội văn nghệ trực thuộc Hội văn nghệ, không qua Cục Tuyên huấn và Tổng cục Chính trị ". Tóm lại là thủ tiêu sự lãnh đạo của Đảng và kỷ luật của quân đội đối với họ "

(Tố Hữu, Nhìn lại 3 năm phá hoại của nhóm "Nhân Văn-Giai Phẩm", BNVGPTTADL, Nxb Sự Thật, Hà nội 1959, trang 22-24).

Việc Trần Dân dùng dao cạo cửa có

Về việc Trần Dân Cửa có, cho đến nay, chỉ có Hoàng Cầm kể lại: Trong bài cải chính (không ở) mà Hoàng Cầm nhắc đến ở trên và trong buổi nói chuyện trên RFI, ông thuật lại ít nhiều chi tiết. Đặc biệt trong hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh, đoạn ghi lời kể của Hoàng Cầm về việc này có nhiều chi tiết rõ ràng hơn:

Tố Hữu ra lệnh bắt Trần dân:

Hỏi Hoàng Cầm cho in tập Giai phẩm mùa xuân, có đăng bài của Trần dân, Tử Phác. Tố Hữu triệu tập mấy người đến họp: Hoàng Cầm, Văn Phác (phụ trách tổ chức Bộ Văn Hoá), Chế Lan Viên ... Tố Hữu cầm cuốn Giai phẩm mùa xuân, hỏi mọi người: "Các anh thấy tập sách này thế nào?"

Không ai dám trả lời, vì không đoán được ý Tố Hữu. Chế Lan Viên nhanh trí, đoán trúng ý thủ trưởng. Anh nói: "Cuốn sách đại phản động!"

Tố Hữu hỏi Văn Phác: "Hiện nay chúng nó đang ở đâu?" Văn Phác: "Thưa, các anh ấy đang đi thực tế ở Yên viên"

Tố Hữu lệnh - Hoàng Cầm nhớ đúng sáu tiếng: "Gọi nó về, bắt lấy nó!"

Thế là Văn Phác làm giấy tờ để bắt Trần dân, Tử Phác.

Và đây là lời kể của Trần Dân, Hoàng Cầm thuật lại: Chiều hôm ấy, có một cái xe ô tô nhà binh đến Yên viên. Họ gọi Trần dân, Tử Phác ra và lập tức bịt mắt. Trần Dân kịp thấy trên xe có lính mang súng, lưỡi lê tuốt trần.

Hoàng Cầm nói, Trần Dân là tay thần kinh rất vững. Anh ta bình tĩnh lắng nghe để đoán xem xe đi đâu. Qua một cái cầu dài. Thế là vào Hà nội. Nhưng xe lại chạy tiếp khá lâu. Thế là đi quá Hà nội. Đến một chỗ nào đấy, xe đỗ lại. Người ta dắt Trần dân, Tử Phác, đi xuống một địa điểm ở sâu dưới đất - vì cứ thấy xuống nhiều bậc, mãi xuống. Đến một độ sâu nào đấy, họ dừng lại và đẩy Trần Dân vào một căn hầm, đóng cửa lại. Trần Dân nghĩ bụng, chắc bị thủ tiêu. Thủ tiêu ở đây thì ai biết được? Coi như mất tích. Anh nghĩ phải tìm cách lên được mặt đất.

Sáng ra, thấy đây là một cái hầm đào sâu dưới đất. Ánh sáng rất nhiều xuống từ nóc hầm qua một ô cửa có chấn song, ở trên có thoáng thấy bóng một anh lính gác.

Trần Dân thấy trong hầm có một cái phản gỗ và một bình nước. Anh kéo cái phản ra chỗ ánh sáng từ trên nóc hầm rọi xuống, cởi áo ngoài, để phơi áo sơ mi trắng bên trong ra, lấy một cái mince lame trong túi, phản nằm ngửa lên, dùng lưỡi dao vào cổ của cho máu phun ra ngực áo, rồi giãy đạp tôi, cốt cho anh lính gác nghe thấy. Anh lính gác nhìn xuống thấy thế hoảng quá: Nó tự tử, phải đưa cấp cứu ngay! Một lát sau, mở cửa hầm, người ta đưa Trần Dân đi cấp cứu ở một bệnh viện gần đó. Té ra là bệnh viện Hà đông. Ở đây, Trần Dân có thể vớ được một người quen ben viết mẫu giấy nhờ đưa đến Tổng cục chính trị nơi anh công tác. Nguyễn Chí Thanh lập tức đến bệnh viện và lệnh tha ngay cả Trần Dân và Tử Phác.

Hoàng Cầm rất phục Trần Dân. Thằng cha thần kinh rất vững. Hoàng Cầm cũng từng bị bắt giam. (Ông nghe Hoàng Hưng, định đưa tập thơ Về Kinh Bắc sang Pháp tại). Ông nói: "Tôi nhát lắm, mọi tội tôi xin nhận hết" (Hết hạn tù, người ta cho ra, còn xin ở lại viết kiểm thảo Tô

Hoài cho tôi biết thế.). *Sợ nhất là trong tù cứ thấy tiếng phát ra đều đều biết không từ đâu: Khai thật đi! Khai thật đi! Khai thật rồi về với vợ con!*

Chuyện nghe khá sợ. Một hình thức khủng bố tâm lý về. Chẳng biết Hoàng Cầm có thêm thắt gì vào sự thật không. Nhưng quả là đáng sợ. Hoàng Cầm cũng thêm hay tưởng tượng thêm dẹt ra nữa " (trích *Hồi Ký Nguyễn Đăng Mạnh*, Chưa in).

Giai phẩm mùa xuân bị tịch thu, Trần Dân, Tử Phác bị bắt, Lê Đạt bị kiểm thảo. Sự khủng bố trở nên công khai nhưng cũng mở màn cho một phong trào đấu tranh cho dân chủ rộng lớn hơn, nửa năm sau. Vậy nội dung *Giai phẩm mùa xuân* có những gì? Điều này cần đến một sự phân tích văn bản cặn kẽ.

Nhân Văn Giai Phẩm phần III: Giai phẩm mùa xuân

Trong *Giai phẩm* mùa xuân bài thơ quyết liệt nhất, hỏi tội bọn nin thần, là của Văn Cao. Nhưng không ai dám đánh Văn Cao, tác giả quốc ca.
www.rfi.fr/actuvi/bai/114/article_4022.asp -- Cached

Nhân Văn Giai Phẩm phần IV: Nguyên nhân đưa đến cuộc cách ...

Trường Chinh là người soạn thảo bản Đề cương Văn hoá Việt Nam. Đây là văn bản chính thức xác định đường lối văn hoá văn nghệ Mác-xít.
www.rfi.fr/actuvi/bai/115/article_4277.asp -- Cached

Nhân Văn Giai Phẩm phần VII: Biện pháp Thanh Trừng

"Sớm mai toà xử gián điệp Thụy An và Nguyễn Hữu Đang phá hoại, cả hai: hiện hành Tôi không có giấy gọi cho dự Người có một. Cái gì vắng vắng..
www.rfi.fr/actuvi/bai/118/article_5184.asp -- Cached

Nhân Văn Giai Phẩm phần XII: Hoàng Cầm

Về Kinh Bắc là bản hùng ca bi tráng, vào đêm. Đêm của người thất trận, nhưng gót thoát không. Về Kinh Bắc là về đất mẹ Luy Lâu (Kinh Bắc), kinh đô văn hoá ...
www.rfi.fr/actuvi/bai/123/article_7100.asp -- Cached

Nhân Văn Giai Phẩm phần X: Lê Đạt

Đời chữ của Lê Đạt chia hai thời kỳ, dưới hai ngòi bút: Nhà thơ cách tân, theo Mallarmé truyền thống, mở một kỷ nguyên mới cho chữ đường. Nhà thơ thời thế,
www.rfi.fr/actuvi/bai/120/article_6144.asp -- 23 giờ trước -- Cached

Nhân Văn Giai Phẩm phần XI: Trần Dân

Về *Nhân Văn Giai Phẩm*, Có những sự việc đã bị chôn sống. Có những sự thực đã bị bóp méo đến độ dị dạng. Người ta đã quen sống với những quái dị Thái đang ...
www.rfi.fr/actuvi/bai/121/article_6594.asp -- Cached

Nhân Văn Giai Phẩm phần IX: Nguyễn Hữu Đang

Là người cộng sản, nhưng Nguyễn Hữu Đang luôn luôn tự do trong hành động và tư tưởng của mình. Ông đã đứng lên lãnh đạo phong trào *Nhân Văn Giai Phẩm*, ...
www.rfi.fr/actuvi/bai/119/article_5814.asp -- Cached

Nhân Văn Giai Phẩm phần VIII: Thụy An

"Mặc bao cuộc hưng tàn phé đổi *Vấn* đậm đậm một đọi, một chờ Mẹ con hoá đá
trơ trơ Mẹ là tin tưởng, tương lai con là. Đó là tâm trạng Tô Thị hoá đá, ...
www.rfi.fr/actuvi/bai/119/article_5538.asp -- Cached

